**PHỤ LỤC**

[I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG 5](#_Toc188562423)

[1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội 5](#_Toc188562424)

[*1.1. Vị trí địa lý, dân số; địa hình* 5](#_Toc188562425)

[*1.2. Lịch sử - Văn hóa* 6](#_Toc188562426)

[*1.3. Phát triển Kinh tế - Xã hội* 6](#_Toc188562427)

[2. Thuận lợi, khó khăn trong xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao 10](#_Toc188562428)

[*2.1. Thuận lợi* 10](#_Toc188562429)

[*2.2. Khó khăn* 11](#_Toc188562430)

[II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO 12](#_Toc188562432)

[*1. Văn bản của Trung ương 12*](#_Toc188562433)

[*2. Văn bản của tỉnh Hà Nam 13*](#_Toc188562434)

[*3. Văn bản của huyện Bình Lục 13*](#_Toc188562435)

[III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO 14](#_Toc188562436)

[1. Công tác chỉ đạo, điều hành 14](#_Toc188562437)

[*1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện* 14](#_Toc188562438)

[*1.2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện* 15](#_Toc188562439)

[2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn 15](#_Toc188562440)

[*2.1. Công tác truyền thông* 15](#_Toc188562441)[\_Toc188562442](#_Toc188562442)

[*2.2. Công tác đào tạo, tập huấn* 16](#_Toc188562443)

[3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện NTM nâng cao 16](#_Toc188562444)

[*3.1. Về huy động nguồn vốn* 16](#_Toc188562445)

[*3.2. Quản lý, sử dụng nguồn vốn* 17](#_Toc188562446)

[4. Sự tham gia của MTTQ và các tổ chức Chính trị - Xã hội 18](#_Toc188562447)

[2. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định 24](#_Toc188562448)

[*2.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định* 24](#_Toc188562449)

[*2.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định* 24](#_Toc188562450)

[3. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới tại 17 xã 24](#_Toc188562451)

[*3.1. Quy hoạch* 24](#_Toc188562453)

[*3.2. Về giao thông* 25](#_Toc188562454)

[*3.6. Về cơ sở vật chất văn hóa* 29](#_Toc188562455)

[*3.8. Về thông tin và truyền thông* 32](#_Toc188562456)

[*3.9. Về nhà ở dân cư* 34](#_Toc188562457)

[*3.10. Về Thu nhập* 34](#_Toc188562458)

[*3.11. Về nghèo đa chiều* 35](#_Toc188562459)

[*3.12. Về lao động* 35](#_Toc188562460)

[*3.13. Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn* 36](#_Toc188562461)

[*3.14. Về Giáo dục và đào tạo* 40](#_Toc188562462)

[*3.16. Tiêu chí số 16 - Văn hóa* 43](#_Toc188562463)

[*3.17. Về môi trường và an toàn thực phẩm* 44](#_Toc188562464)

[*3.18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật* 52](#_Toc188562468)

[*3.19. Về quốc phòng và An ninh* 55](#_Toc188562469)

[4. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã 37](#_Toc188562470)

[*4.1. Về quy hoạch và thực hiện quy hoạch* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562471)

[*4.2. Về giao thông* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562472)

[*4.3. Về Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562473)

[*4.4. Về Điện* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562474)

[*4.5. Về giáo dục* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562475)

[*4.6. Về Cơ sở vật chất văn hoá* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562476)

[*4.7. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562477)

[*4.8. Về Thông tin và Truyền thông* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562478)

[*4.9. Về Nhà ở dân cư* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562479)

[*4.10. Về Thu nhập* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562480)

[*4.11. Về nghèo đa chiều* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562481)

[*4.12. Về lao động* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562482)

[*4.13. Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562483)

[*4.14. Về Y tế* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562484)

[*4.15. Về hành chính công* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562485)

[*4.16. Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562486)

[*4.17. Về môi trường* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562487)

[*4.18. Về chất lượng môi trường sống* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562488)

[*4.19. Về quốc phòng và An ninh* **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188562489)

[5. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu 90](#_Toc188562490)

[*5.1. Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025* 90](#_Toc188562491)

[*5.2. Thu nhập bình quân đầu người* 90](#_Toc188562492)

[*5.3. Mô hình thôn thông minh* 91](#_Toc188562493)

[*5.4. Lĩnh vực nổi trội* 92](#_Toc188562494)

[6. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới 93](#_Toc188562495)

[*6.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch* 93](#_Toc188562496)

[*6.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông* 94](#_Toc188562497)

[*6.3. Tiêu chí số 3 -Thủy lợi và phòng, chống thiên tai* 97](#_Toc188562498)

[*6.4. Tiêu chí số 4 - Điện* 99](#_Toc188562499)

[*6.5. Tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục* 99](#_Toc188562500)

[*6.6. Tiêu chí 6 - Kinh tế* 105](#_Toc188562501)

[*6.7. Tiêu chí số 7 - Môi trường* 108](#_Toc188562502)

[*6.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống* 108](#_Toc188562503)

[*6.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công* 119](#_Toc188562504)

[7. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM nâng cao 125](#_Toc188562505)

[*7.1. Tiêu chí số 01 - Quy hoạch* 125](#_Toc188562506)

[*7.2. Tiêu chí 02 - Giao thông* 126](#_Toc188562507)

[*7.3. Tiêu chí 03 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai* 126](#_Toc188562508)

[*7.4. Tiêu chí số 04 - Điện* 132](#_Toc188562509)

[*7.5. Tiêu chí số 05 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục* 133](#_Toc188562510)

[*7.6. Tiêu chí số 06 - Kinh tế* 139](#_Toc188562511)

[*7.7. Tiêu chí 07 - Môi trường* 142](#_Toc188562528)

[*7.8. Tiêu chí 08 - Chất lượng môi trường sống* 152](#_Toc188562529)

[*7.9. Tiêu chí 09 - An ninh trật tự - hành chính công* 162](#_Toc188562530)

[V. ĐÁNH GIÁ CHUNG 164](#_Toc188562531)

[*1. Kết quả đạt được 164*](#_Toc188562532)

[*2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân 169*](#_Toc188562534)

[*3. Bài học kinh nghiệm 170*](#_Toc188562535)

[*4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu 172*](#_Toc188562537)

[VII. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO 175](#_Toc188562539)

[1. Quan điểm 175](#_Toc188562540)

[2. Mục tiêu 176](#_Toc188562541)

[*2.1. Mục tiêu chung* 176](#_Toc188562542)

[*2.2. Mục tiêu cụ thể* 176](#_Toc188562543)

[3. Nhiệm vụ, giải pháp 177](#_Toc188562544)

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

[**Bảng 1.** So sánh một số chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội (2019 và 2024) 10](#_Toc188564007)

[**Bảng 2.** Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện NTM nâng cao 17](#_Toc188564008)

[**Bảng 3.** Chợ nông thôn tại các xã trên địa bàn huyện Bình Lục 31](#_Toc188564009)

[**Bảng 4.** Tỷ lệ lao động qua đào tạo của 16 xã 35](#_Toc188564010)

[**Bảng 5.** Các mô hình liên kết của 16 xã 37](#_Toc188564011)

[**Bảng 6.** Tổng hợp số liệu đạt chuẩn phổ cập, xóa mũ chữ 40](#_Toc188564012)

[**Bảng 7.** Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188564013)

[**Bảng 8.** Các điểm wifi miễn phí trên địa bàn 10 xã **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188564014)

[**Bảng 9.** Sản phẩm OCOP của 10 xã **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188564015)

[**Bảng 10.** Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị của 10 xã **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188564016)

[**Bảng 11.** Các sản phẩm được bán trên các trang TMĐT **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188564017)

[**Bảng 12.** Sản phẩm chủ lực các xã được cấp mã vùng trồng **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc188564018)

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN BÌNH LỤC**  Số: /BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bình Lục, ngày tháng năm 2025* |

**BÁO CÁO  
Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2024  
của huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam**

# **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

## 1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

### *1.1. Vị trí địa lý, dân số; địa hình*

*- Vị trí địa lý:*

Bình Lục là huyện đồng bằng nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Hà Nam; phía Nam giáp huyện Ý Yên, Vụ Bản tỉnh Nam Định; phía Tây giáp thành phố Phủ Lý và huyện Thanh Liêm; phía Đông giáp huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định. Diện tích đất tự nhiên 14.421,4 ha trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 9.095 ha, chiếm (63,07%);

Bình Lục có vị trí tương đối thuận lợi về giao thương phát triển kinh tế, xã hội. Trung tâm huyện nằm trên trục đường quốc lộ 21A, có tuyến đường sắt Bắc Nam; 3 tuyến đường quốc lộ 21A, 21B và quốc lộ 37B chạy qua tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, hợp tác kinh tế và thương mại.

*- Diện tích và dân số:*

Huyện Bình Lục có diện tích tự nhiên 14.421,4 ha, dân số 135.650 người. Hiện nay, các đơn vị hành chính sau sáp nhập (sau ngày 01/01/2025)[[1]](#footnote-1) huyện Bình Lục có 15 đơn vị hành chính gồm 14 xã và 01 thị trấn[[2]](#footnote-2); trong đó, thị trấn Bình Mỹ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện.

*- Đặc điểm địa hình*:

Huyện là vùng đồng bằng trũng thấp, được chia thành 3 vùng chính, cụ thể: Vùng đất bãi ven sông Châu Giang có cốt đất từ +3m đến +3,2 m; vùng trồng lúa có cốt đất từ +1m đến +1,9 m; vùng trũng có cốt đất từ +0,7m đến +0,8m; ngoài ra, tại xã An Lão có núi Nguyệt Hằng là khu vực cao duy nhất trong huyện.

Địa hình Bình Lục rất thuận lợi cho sự phát triển của ngành nông nghiệp. Phía bắc là vùng đồng bãi chạy dọc theo sông Châu Giang dài 15 km thuận lợi cho việc phát triển rau màu, cây ăn quả và nghề trồng hoa. Phía Nam là vùng trũng, thuận lợi cho việc trồng lúa nước. chạy dọc từ Bắc xuống nam và Đông sang tây là hệ thống 4 con sông chính chảy qua, đó là sông Châu Giang, sông Sắt, sông Biên Hòa và sông Mỹ Đô cùng với hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện đa dạng đã tạo cho Bình Lục có nguồn nước phong phú để phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

*- Khí hậu, thủy văn:*

Huyện Bình Lục mang những đặc điểm đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, mùa Hè nắng nóng mưa nhiều từ tháng 4 đến tháng 9, mùa Đông lạnh và hanh khô từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau.

Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 23-240C, số tháng có nhiệt độ trung bình lớn hơn 200C từ 8-9 tháng. Mùa đông, nhiệt độ trung bình là 18,90C, tháng lạnh nhất là tháng 1 và tháng 2. Mùa hạ, nhiệt độ trung bình là 29,40C, tháng nóng nhất là tháng 7 và tháng 8; nhiệt độ cao nhất trên 400C.

Độ ẩm: Độ ẩm không khí tương đối cao, trung bình hàng năm từ 80-85%, độ ẩm gần như không có sự chênh lệch lớn giữa các tháng, tháng có độ ẩm cao nhất là 90% (tháng 3), thấp nhất là 81% (tháng 11).

Lượng mưa trung bình trong năm từ 1.450-1.550 mm diễn ra từ tháng 5 đến tháng 10. Lượng mưa chiếm gần 80% cả năm tập trung vào các tháng 6,7,8,9,10. Do lượng mưa nhiều, nên hay gây ngập úng làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp nhất là khi mưa lớn và ảnh hưởng của việc xả lũ của các hồ thủy điện làm nước sông lên cao. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Các tháng có lượng mưa thấp là tháng 11,12,1,2.

Nắng: Trung bình có tới 250 ngày nắng/năm. Tổng số giờ nắng từ 1.650-1.700 giờ. Vụ hè thu từ tháng 4 đến tháng 6 có số giờ nắng cao khoảng 1.100-1.200 giờ chiếm 70% số giờ nắng trong năm.

Gió: Hướng gió chủ yếu thay đổi theo mùa, tốc độ trung bình cả năm là 2-2,3 m/s. Mùa đông hướng gió thịnh hành là gió Đông Bắc với tần suất 60-70%, tốc độ gió trung bình 2,4-2,6 m/s. Mùa hè hướng gió chủ yếu là gió Đông Nam với tần suất 50-70%, tốc độ gió trung bình 1,9-2,2 m/s. Tốc độ gió cực đại (khi có bão) là 40 m/s). Đầu mùa hè thường xuất hiện các đợt gió tây khô nóng gây tác động xấu đến cây trồng.

Bão: Do nằm trong vùng Vịnh Bắc Bộ nên hàng năm thường chịu ảnh hưởng của bão hoặc áp thấp nhiệt đới, bình quân từ 03 - 05 trận/năm.

### *1.2. Lịch sử - Văn hóa*

### *\* Về lịch sử*

Bình Lục là tên huyện xuất hiện từ thời Trần. Khi đất nước bị nhà Minh thống trị, huyện bị lệ thuộc vào phủ Lỵ Nhân thuộc Giao Châu. Dưới thời nhà Lê, huyện lần lượt nằm trong Nam Đạo (1428), Thừa tuyên Sơn Nam (1466), sau đổi thành xứ Sơn Nam (1490). Lúc trấn Sơn Nam chia thành hai lộ Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ thì Bình Lục nằm trong phủ Lỵ Nhân thuộc lộ Sơn Nam Thượng. Thời Tây Sơn (1788-1802) chuyển lộ thành trấn, huyện Bình Lục mang tên là Ninh Lục thuộc phủ Lỵ Nhân trấn Sơn Nam Thượng.

Dưới thời Nguyễn, trấn Sơn Nam Hạ đổi gọi là Nam Định; trấn Sơn Nam Thượng được gọi là Sơn Nam thuộc Bắc Thành tổng trấn. Năm 1831, bãi bỏ Bắc Thành tổng trấn, Ninh Lục trở lại tên cũ là Bình Lục; phủ Lỵ Nhân đổi thành phủ Lý Nhân. Năm 1832, Bình Lục cùng Nam Xang lập thành phần phủ Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội. Trong hai năm (1832 – 1833) huyện Bình Lục không do phủ Lý Nhân kiêm lý, mà được đặt lại chức Tri huyện, kiêm nhiếp luôn cả huyện Thanh Liêm. Năm 1834, xứ Bắc Kỳ ra đời, phân phủ Lý Nhân bị bãi bỏ, Bình Lục lại thuộc phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nội, gồm 4 tổng (Ngô Khê, Bồ Xá, An Đổ, Mai Động) với 37 xã.

Năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) thành phố Hà Nội ra đời, chỉ chiếm một phần của tỉnh Hà Nội, do đó phần còn lại đặt thành tỉnh Hà Đông. Kể từ thời điểm này trở đi, địa giới của huyện Bình Lục có nhiều thay đổi.

Vào ngày 21-3-1890, nhà cầm quyền Pháp ra Nghị định đưa tổng Ngọc Lũ (Mỹ Lộc – Nam Định), tổng Cổ Viễn (Thượng Nguyên – Nam định), tổng Vụ Bản (Vụ Bản – Nam Định) và tổng mới Văn Mỹ (được thành lập từ một số xã tách ra từ tổng Ngô Khê của huyện Nam Xang và một số xã thuộc tổng Đọi Sơn – Duy Tiên) về huyện Bình Lục nâng số tổng của huyện lên con số 8 rồi cùng với các huyện Thanh Liêm, Nam Xang lập thành phủ Liêm Bình nhập về tỉnh Nam Định. Chỉ 7 tháng sau, ngày 20-10-1890 khi tỉnh Hà Nam ra đời thì Bình Lục và các huyện trong phủ Liêm Bình được tách khỏi tỉnh Nam Định, nhập trở về phủ Lý Nhân của tỉnh Hà Nam.

Từ tháng 3-1910 đến tháng 3-1923, Bình Lục thuộc Đại lý Hà Nam lệ thuộc vào tỉnh Nam Định. Sau đó, tỉnh Hà Nam tái lập, huyện Bình Lục trở lại như cũ gồm có 8 tổng (Ngô Xá, Bồ Xá, Văn Mỹ, Ngọc Lũ, An Đổ, Vụ Bản, Mai Động, Cổ Viễn) với số xã dao động từ 67-70 đơn vị. Hòa bình lập lại, việc thay đổi địa danh, địa giới hành chính trong huyện Bình Lục vẫn tiếp diễn kể cả khi địa phương nằm trong Nam Hà, Hà Nam Ninh và cả khi Hà Nam tái lập.

Ngày 15-9-1969 Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 177/CP hợp nhất hai huyện Bình Lục và Thanh Liêm thành huyện Thanh Bình. Trong quá trình chuẩn bị, do nhiều lý do khác nhau cho nên đến ngày 19-1-1974, Hội đồng Chính phủ lại ra Quyết định số 17/CP dừng hợp nhất hai huyện Bình Lục và Thanh Liêm.

Ngày 27-4-1977, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 125-CP sáp nhập 9 xã thuộc thành phố Nam Định là Mỹ Thịnh, Mỹ Thuận, Mỹ Tiến, Mỹ Thành, Mỹ Hà, Mỹ Thắng, Mỹ Phúc, Mỹ Hưng, Mỹ Trung vào huyện Bình Lục (tuy nhiên vào ngày 12-1-1984 Hội đồng Bộ trưởng lại ra Quyết định số 5-HĐBT bàn giao hai xã Mỹ Phúc, Mỹ Trung về thành phố Nam Định).

Ngày 13-2-1987, thị trấn Bình Mỹ được thành lập tại Quyết định số 26-HĐBT để làm huyện lỵ của huyện Bình Lục với diện tích 256,83 ha đất và dân số 1.571 người.

Ngày 6-11-1996, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 10 đã phê chuẩn việc tái lập tỉnh Hà Nam. Theo đó, huyện Bình Lục bàn giao lại 7 xã để tỉnh Nam Định tái lập huyện Mỹ Lộc vào tháng 2-1997.

Năm 2013, các xã Đinh Xá, Trịnh Xá sáp nhập vào thành phố Phủ Lý. Huyện Bình Lục còn lại thị trấn huyện lỵ Bình Mỹ và 18 xã với diện tích là 154,9 km2.

Năm 2017, các xã An Mỹ, Mỹ Thọ sáp nhập vào thị trấn Bình Mỹ. Huyện Bình Lục còn 16 xã và 01 thị trấn.

Ngày 01/01/2025, các xã Hưng Công, Bối Cầu, An Nội sáp nhập thành lập đơn vị hành chính mới là xã Bình An. Huyện Bình Lục còn 14 xã và 01 thị trấn.

*\* Văn hoá xã hội*

Bình Lục nổi tiếng với truyền thống khoa bảng và hiếu học, là địa phương dẫn đầu tỉnh về số người đỗ đạt thời phong kiến (31 người). Nhiều làng cổ như Thành Thị, An Bài, Cát Lại, Vũ Bản, Hưng Công, Tử Thanh, Đồng Xuân, Thượng Thọ, Tập Mỹ đã xây văn từ, văn chỉ để thờ phụng ông tổ của đạo Nho và ghi danh các bậc tiên hiền. Thời Lý, Đồn Xá đã có Lý Công Bình thi đậu Thái học sinh (ông chính là người khai khoa đất Hà Nam); thời Lê Sơ có Bùi Tử Kiến – Bùi Tử Lãm ở Mỹ Thọ đỗ tiến sỹ; Trần Văn Bảo đỗ Đệ nhất giáp danh (Trạng nguyên) là người Phù Tải, làm đến Binh bộ Thượng thư, được thờ ở miếu Đông Lân; Mạnh Chư có *Trạng Dừa (Trạng Lợn)*; Nguyễn Khắc Hiếu (1429), Phạm Phổ (Trịnh Xá, 1463), Trần Thế Vinh (Bỉnh Trung, 1499); Thời  Lê Trung Hưng và Nguyễn có Nguyễn Tông Mại (An Đổ, 1736), Nguyễn Kỳ (An Lão, 1748), Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến (An Đổ, 1871), Nguyễn Hoan (An Đổ, 1889).

Truyền thống thượng võ tốt đẹp của quê hương Bình Lục đã tạo nên tinh thần dũng cảm quật cường của nhân dân Bình Lục trước họa ngoại xâm. Nguyễn Thị Quỳnh Trân, quê xã Tái Kênh mới 16 tuổi vì căm giận Tô Định sát hại thân phụ đã tụ tập hàng trăm trai tráng dựng cờ khởi nghĩa, được nhân dân suy tôn là Đức Lý vua bà rồi hợp binh với Hai Bà Trưng ở Hát Môn đuổi giặc Hán ra khỏi cõi bờ. Khi Mã Viện đem quân sang xâm lấn, Quỳnh Trân anh dũng cự địch ở vùng Phật Tích (Tiên Du – Bắc Ninh), giữ tròn khí tiết đến hơi thở cuối cùng; về sau dân làng Tái Kênh lập miếu phụng thờ, dâng lên thần hiệu Đô Đức Lý Vua bà Quỳnh Trân Công chúa. Phạm Hán, Phạm Phổ quê làng Mai Động lớn lên giữa thời 12 sứ quân tranh giành quyền lực, đã mộ quân đánh cho Ngô Nam, Phạm Phòng át nhiều trận tơi bời, sau theo về Đinh Bộ Lĩnh lập nhiều công lớn, giúp nhiều cho việc thống nhất đất nước thời Đinh. Dưới thời Trần, Hồ Tố quê làng An Lão, chiến đấu dũng cảm cứu được vua Trần Nhân Tông thoát khỏi vòng vây, hiến kế cho Trần Hưng Đạo cắm chông và lưới sắt trên sông Bạch Đằng chặn giặc. Liễu Toàn, quê làng Văn Mỹ, sát cánh chiến đấu bên cạnh Trần Hưng Đạo, luôn cầm quân đi tiên phong, lập nhiều công lớn. Khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa trên đất Lam Sơn (Thanh Hóa), Bình Lục có Lê Nguyên, Lê Thuận và Lê Toản người xã Văn Mỹ đã 10 năm sát cánh cùng người anh hùng áo vải chiến đấu chống quân Minh xâm lược. Ngoài ra, còn tấm gương chiến đấu của Nguyễn Thị Huệ – từ quê mẹ là làng Cổ Thọ đến đầu quân và cùng bà Lương dùng kế dụ địch chui vào túi ngủ, hạ gục nhiều giặc Minh đóng ở thành Cổ Lộng (Ý Yên – Nam Định)….

Bình Lục còn là quê hương của các nhà cách mạnh tiền bối: Trần Tử Bình, [Trần Quốc Hương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Qu%E1%BB%91c_H%C6%B0%C6%A1ng), quê hương anh hùng Trần Văn Chuông…

Thời kỳ cách mạng và khai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế Quốc Mỹ xâm lược. Đảng bộ, chính quyền và  nhân dân Bình Lục đã luôn đoàn kết một lòng, hăng hái tham gia các phong trào cách mạng. Đặc biệt sự kiện đấu tranh biểu tình, tuần hành  của nông dân Bồ Đề - Bình Lục vào ngày 20/10/1930, hưởng ứng phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh – mở đầu cho cuộc nổi dậy của của nông dân trong tỉnh, gây tiếng vang trong cả nước, khẳng định sự lớn mạnh của phong trào cách mạng tại Hà Nam, dưới lá cờ Đảng vinh quang, góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, lật đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến, thiết lập bộ máy chính quyền nhân dân.

Bình Lục cũng là cái nôi của nghệ thuật truyền thống đã và đang được kế thừa và phát huy, với các chiếu chèo sân đình nổi tiếng một thời: chiếu chèo làng Thanh Nghĩa, làng Dâu, chiếu chèo Đồng Du, An Bài, Trịnh Xá…chầu văn, trống quân và dân ca giao duyên vùng ngã ba Sông Móng đằm thắm, trữ tình. Nơi sinh thành nghệ sỹ nhân dân Dịu Hương (Bình Lục) và Bạch Trà (Phủ Lý). Đây là hai nữ kỳ tài bậc nhất của sân khấu Việt Nam trong thế kỷ thứ XX.

Từ mảnh đất chiêm trũng Bình Lục, biết bao thế hệ đã vượt lên để chiến thắng thiên nhiên, đánh đuổi ngoại xâm, tạo dựng nên cuộc sống ngày càng tươi đẹp. Đó chính là những di sản quý báu nhất mà các thế hệ tiếp nối được thừa hưởng để cùng nhau viết tiếp những trang sử mới trong thời đại mới.

*1.3. Phát triển Kinh tế - Xã hội*

- Năm 2019, huyện Bình Lục được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM[[3]](#footnote-3), với cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 29,0%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm 36,8% và Dịch vụ chiếm 34,2%. Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành 13.953 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 108,5 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 46,3 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo là 3,56%, tỷ lệ hộ nghèo không thuộc chính sách bảo trợ xã hội là 0,92%. Tỷ lệ tham gia BHYT đạt 86,72%. Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp trên 1 héc ta đất sản xuất nông nghiệp là 99,8 triệu đồng và nuôi trồng thuỷ sản đạt 245,7 triệu đồng.

- Năm 2024, cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 23,1%; Công nghiệp và xây dựng chiếm 41,0% và Dịch vụ chiếm 35,9%. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 397,280 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 72,41 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 (trừ số hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động) là 0,79%. Tỷ lệ tham gia BHYT đạt 95,0%; Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% (trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 95,96%). Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp trên 1 héc ta đất sản xuất nông nghiệp là 135,52 triệu đồng và đất nuôi trồng thuỷ sản đạt 270,65 triệu đồng.

**Bảng 1. So sánh một số chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội (2019 và 2024)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Năm** | | **So sánh** | | |
| ***2019*** | ***2024*** | ***Mức*** | ***%*** |
| 1 | Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành | Tỷ đồng | 13.953 | 23.033,6 | 9.081 | +165,1 |
| 2 | Tổng thu ngân sách | Tỷ đồng | 108,5 | 397,28 | 288,78 | +336,2 |
| 3 | Thu nhập BQ đầu người/năm | Triệu đồng | 46,3 | 72,41 | 26,11 | +156,4 |
| 4 | Tỷ lệ hộ nghèo | % | 3,56 | 2,44 |  | -1,12 |
| 5 | Tỷ lệ tham gia BHYT | % | 86,72 | 95,0 |  | + 8,28 |
| 6 | Giá trị thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt | Triệu đồng | 99,51 | 135,52 | 36,01 | +136,2 |

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hiện nay huyện có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp áp dụng khoa học công nghệ cao, tạo chuỗi giá trị liên kết từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm đạt nhiều kết quả tích cực. Các khâu trong sản xuất đã được cơ giới hóa nhanh tạo điều kiện hình thành và mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo mô hình “Cánh đồng lớn”, mô hình liên kết tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, có chất lượng cao, mẫu mã đẹp. Toàn huyện có 13 sản phẩm OCOP xếp hạng từ 3 sao; sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cũng có bước phát triển mạnh mẽ; các cụm công nghiệp thu hút trên 10.000 việc làm mới cho lao động nông thôn....

## 2. Thuận lợi, khó khăn trong xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

### *2.1. Thuận lợi*

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Hà Nam; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là sự đồng thuận của người dân. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND[[4]](#footnote-4) đã ban hành kịp thời văn bản chỉ đạo tiếp tục xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

Giai đoạn 2019-2024*,* kinh tế - xã hội của huyện đạt được những kết quả tương đối toàn diện, tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực, nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được nâng cao. Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của huyện trong những năm qua ổn định và phát triển.

Với quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị, Đảng bộ huyện luôn xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Trong quá trình tổ chức thực hiện đã nhận được sự hưởng ứng, đồng thuận, đoàn kết, chung sức, chung lòng, tích cực tham gia của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là vai trò của chi bộ đảng, thôn, xóm cùng với trách nhiệm cao của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Là huyện trọng điểm về nông nghiệp của tỉnh, Bình Lục đã sớm hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, tổ chức các mô hình liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản. Một số doanh nghiệp nông nghiệp đang tích cực đầu tư, mở rộng quy mô, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất hứa hẹn sẽ đem lại một nền nông nghiệp sạch, an toàn trên địa bàn huyện.

Công nghiệp và dịch vụ phát triển khá mạnh đã thu hút nhiều lao động nông thôn tham gia, góp phần chuyển dịch đáng kể cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của huyện, đồng thời tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân.

Nhân dân trong huyện có truyền thống lịch sử văn hóa, văn hiến và cách mạng; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, kinh doanh. Huyện có nhiều di tích lịch sử văn hóa, làng nghề, kinh tế tư nhân, hộ cá thể phát triển là nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Quốc phòng - An ninh trên địa bàn huyện luôn được đảm bảo. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền nắm chắc tình hình, giải quyết tốt những vấn đề về an ninh chính trị, an ninh nội bộ; chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ.

### *2.2. Khó khăn*

Giai đoạn 2021-2022, dịch bệnh COVID-19 tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của Nhân dân, ảnh hưởng đến việc huy động nguồn lực, làm chậm tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn huyện nói riêng và tỉnh Hà Nam nói chung. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, bất thường, khó lường, giá các loại sản phẩm nông nghiệp không ổn định tác động đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân, ảnh hưởng đến việc huy động các nguồn lực trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

Chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 cao hơn nhiều so với giai đoạn 2010-2020. Có nhiều nội dung mới, yêu cầu mức độ đạt cao nên các địa phương gặp khó khăn trong quá trình thực hiện. Đặc biệt, một số nội dung tiêu chí về cơ sở vật chất trường học *(đòi hỏi kinh phí rất lớn và đủ thời gian để đảm bảo hồ sơ và xây dựng công trình)*; một số nội dung tiêu chí khó thực hiện hoặc biến động, thiếu tính bền vững như tiêu chí về môi trường, an ninh trật tự và thu nhập...

Là huyện nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, gió mùa của khu vực đồng bằng Bắc Bộ, thường xuyên chịu tác động của biến đổi khí hậu hàng năm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ bão, lũ, đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế trong nước có nhiều khó khăn, biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện; một số cơ chế, chính sách pháp luật chưa đồng bộ, chậm được hướng dẫn, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn như: chính sách về đất đai, tích tụ ruộng đất; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn,…

Nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao rất lớn, trong khi nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách còn hạn chế; việc huy động nguồn đóng góp của nhân dân gặp nhiều khó khăn.

# **II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

## 1. Văn bản của Trung ương

- Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thônmới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg;

- Các văn bản khác của các cơ quan, bộ, ngành Trung ương có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

## 2. Văn bản của tỉnh Hà Nam

- Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 Ban hành Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 11/11/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Hà Nam sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí về xã NTM, bộ tiêu chí về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí về Huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 862/KH-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Hà Nam thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 5/5/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt đề án xây dựng huyện Bình Lục đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Các văn bản của các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

## 3. Văn bản của huyện Bình Lục

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bình Lục khóa XXVIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Chương trình số 03-CTr/HU ngày 16/10/2020 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội của BCH Đảng bộ huyện, BTV Huyện ủy nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 07- NQ/HU ngày 26/8/2022 của BCH Đảng bộ Bình Lục về xây dựng huyện Bình Lục đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2025;

- Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện về thực hiện Nghị Quyết số 07-NQ/HU ngày 26/8/2022 của BCH Đảng bộ Bình Lục về xây dựng huyện Bình Lục đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2025;

- Các Nghị quyết, Chỉ thị, Đề án, Kế hoạch về phát triển kinh tế, xã hội của huyện Bình Lục đến năm 2025 được cấp ủy, chính quyền thông qua và tổ chức thực hiện.

# **III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

## 1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Huyện Bình Lục được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình; tập trung quyết liệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về Chương trình cho toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; tổ chức phát động phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” tới các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; tổng kết, đánh giá các mô hình điểm, nhân rộng các điển hình, những kinh nghiệm hay và cách làm sáng tạo; thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động tạo sự đồng thuận, thống nhất trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cộng đồng dân cư để huy động mọi nguồn lực xây dựng nông thôn mới. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội đều xây dựng kế hoạch và triển khai tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

### *1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện*

*a) Cấp huyện:*

Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện được thành lập và thường xuyên kiện toàn đảm bảo chỉ đạo thực hiện Chương trình có hiệu quả, đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; Ban Chỉ đạo huyện có quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo, ban hành chương trình công tác hàng năm; thành lập Văn phòng Điều phối Nông thôn mới, do 01 Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách Nông nghiệp làm Chánh Văn phòng và đại diện một số phòng chuyên môn là uỷ viên, Văn phòng Điều phối NTM huyện hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện là cơ quan thường trực, trưởng phòng là Phó Chánh Văn phòng chuyên trách làm công tác xây dựng NTM. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Ban Chỉ đạo thành lập Tổ công tác để trực tiếp triển khai hướng dẫn, thẩm tra các tiêu chí NTM tại cấp xã, cấp thôn.

*b) Cấp xã:*

- Các xã đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM, do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban, Ban quản lý Chương trình do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. Phân công cán bộ chuyên trách, theo dõi, tổng hợp, tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo về xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh và Huyện*.* Ban phát triển thôn, xóm do cộng đồng thôn trực tiếp bầu, hoạt động của BCĐ, BQL, Ban phát triển thôn, xóm, Ban giám sát cộng đồng của các xã, thị trấn đạt hiệu quả, phát huy được dân chủ, nhân dân tin tưởng, phấn khởi vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền.

### *1.2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện*

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; Ban chấp hành Đảng bộ huyện ban hành các nghị quyết, kế hoạch về công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện([[5]](#footnote-5)). Cụ thể hóa các văn bản của Huyện ủy, UBND huyện; Ban chỉ đạo xây dựng NTM của huyện xây dựng và ban hành các quyết định, kế hoạch, văn bản đôn đốc nhằm triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ xây dựng NTM trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025([[6]](#footnote-6)).

## 2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

### *2.1. Công tác truyền thông*

Công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai sâu rộng tới mọi tầng lớp Nhân dân bằng nhiều hình thức phong phú nhằm cung cấp thông tin để Nhân dân hiểu được mục đích, nội dung và ý nghĩa của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Uỷ ban nhân dân huyện phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên tuyên truyền thực hiện Chương trình hằng năm nhằm vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện xây dựng nông thôn mới và lồng ghép vào các cuộc vận động thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phát động các phong trào “Giảm nghèo bền vững”, “Hộ nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi”; xây dựng các mô hình: “Nhà sạch vườn đẹp”, “Thùng rác xanh, môi trường sạch”, xây dựng các tuyến đường hoa, tuyến đường “xanh, sạch, đẹp, an toàn”; tuyên truyền phổ biến giáo dục, pháp luật và thực hiện dân chủ ở cơ sở; tự quản an toàn giao thông; Tổ phụ nữ 5 không 3 sạch; camera an ninh phòng chống tội phạm... Triển khai thực hiện vận động nhân dân đóng góp tiền, ngày công, nguyên vật liệu và hiến đất, tài sản xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, Đài truyền thanh các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh, của huyện về xây dựng nông thôn mới để cán bộ và Nhân dân biết, thực hiện. Kết quả giai đoạn từ năm 2020 đến nay đã xây dựng 390 lượt chuyên mục, 7.580 tin, bài tuyên truyền trên đài truyền thanh các cấp; tuyên truyền trực quan bằng 82 cổng chào, 458 khẩu hiệu tường, 9.850 pano, áp phích, băngzon, cờ các loại 21.500 chiếc; tổ chức 95 buổi tuyên truyền chuyên đề, lồng ghép trong các hội nghị, các buổi sinh hoạt định kỳ hàng tháng của các tổ chức Đảng, các hội, đoàn thể; các chương trình tập huấn ....

Thông qua công tác tuyên truyền, vận động đã tạo chuyển biến rõ nét, tích cực; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong cán bộ, đảng viên và các cộng đồng dân cư; Người dân nông thôn hiểu rõ và ý thức được vai trò chủ thể, nghĩa vụ của mình trong xây dựng NTM, từ đó tự giác, tích cực tham gia đóng góp tiền của, công sức xây dựng NTM; các chủ trương, chính sách, biện pháp chỉ đạo trong nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM sớm được triển khai áp dụng trong thực tiễn, các cách làm hay, sáng tạo và các mô hình tiêu biểu trong xây dựng NTM nhanh chóng và được nhân rộng.

### *2.2. Công tác đào tạo, tập huấn*

- Huyện đã tổ chức 05 lớp đào tạo, tập huấn và trên 50 hội nghị cho cán bộ các ngành, các tổ chức đoàn thể của huyện; lãnh đạo chủ chốt, cán bộ làm công tác xây dựng NTM của các xã, thị trấn; Bí thư chi bộ, trưởng xóm (TDP) về các nội dung như: Phương pháp tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; công tác lập, quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án xây dựng NTM; công tác huy động nguồn lực; công tác lập hồ sơ chứng minh các tiêu chí NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu,… gắn tập huấn với tham quan thực tế tại các điểm sáng về xây dựng nông thôn mới; mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả; tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về các cách làm hay, sáng tạo trong quá trình thực hiện Chương trình tại các địa phương trong và ngoài huyện.

- Các cơ quan chuyên môn của huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành thường xuyên lồng ghép tại các hội nghị để triển khai tập huấn cho cán bộ các xã, thị trấn, các HTXNN về chuyên môn nghiệp vụ, như: chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến; về cấp mã vùng trồng trong sản xuất nông nghiệp; về y tế (quản lý sức khỏe, sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, sổ khám chữa bệnh điện tử), về phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, quản lý HTX theo Luật HTX năm 2012 và Luật HTX năm 2023... thông qua công tác tập huấn, từng bước nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Tổ chức đoàn đi thăm quan học tập các mô hình xây dựng nông thôn mới, mô hình sản xuất trong và ngoài tỉnh như ở huyện Giao Thủy, Nam Trực tỉnh Nam Định, các tỉnh Ninh Bình, Quảng Ninh,...

## 3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện NTM nâng cao

### *3.1. Về huy động nguồn vốn*

Tổng vốn huy động từ các nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới từ năm 2011 đến năm 2024 đạt **3.317.185** triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2020-2024 là 635.353 triệu đồng (chiếm 30,7%), ngân sách huyện là 727.249 triệu đồng (chiếm 35,2%), ngân sách xã là 437.771 triệu đồng (chiếm 21,2%), đặc biệt là nguồn huy động đóng góp của nhân dân là 176.203 triệu đồng (chiếm 8,5%).

**Bảng 2. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện NTM nâng cao**

*ĐVT: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chỉ tiêu** | **Tổng giai đoạn 2011-2025** | **Trong đó** | | | |
| **Giai đoạn 2011 - 2019** | **CC (%)** | **Giai đoạn 2020 -2024** | **CC (%)** |
|  | **TỔNG SỐ** | **3.317.185** | **1.249.213** | **100** | **2.067.972** | 100 |
| I | NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 2.362.208 | 561.835 | 45 | 1.800.373 | 87,1 |
| *1* | *Ngân sách Trung ương* | 794.601 | 159.248 | 13 | 635.353 | 30,7 |
| *2* | *Ngân sách Tỉnh* |
| *3* | *Ngân sách huyện* | 875.579 | 148.330 | 12 | 727.249 | 35,2 |
| *4* | *Ngân sách xã* | 692.028 | 254.257 | 20 | 437.771 | 21,2 |
| II | VỐN LỒNG GHÉP | 205.596 | 173.026 | 14 | 32.570 | 1,6 |
| III | VỐN TÍN DỤNG | 67.163 | 60.513 | 5 | 6.650 | 0,3 |
| IV | VỐN DOANH NGHIỆP | 84.442 | 60.676 | 5 | 23.766 | 1,1 |
| V | NGƯỜI DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG | 545.234 | 369.031 | 30 | 176.203 | 8,5 |
| VI | VỐN HUY ĐỘNG KHÁC (con em xa quê, các tổ chức, đơn vị hỗ trợ, tài trợ,…) | 52.542 | 24.132 | 2 | 28.410 | 1,4 |

### *3.2. Quản lý, sử dụng nguồn vốn*

Nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp đầu tư cho Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được UBND tỉnh, UBND huyện phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng mục đích, đúng đối tượng là nguồn lực chủ yếu trong đầu tư, hỗ trợ các xã, thị trấn thực hiện Chương trình. Ngân sách cấp huyện tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí về trường học, giao thông, thủy lợi, sân vận động, nhà văn hóa xã, xóm, trạm y tế và đầu tư phát triển sản xuất, công tác bảo vệ môi trường.

Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình tập trung triển khai ưu tiên công trình phục vụ phát triển sản xuất, dân sinh thiết yếu như: nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, trường học, giao thông, trạm y tế, giảm nghèo...

Nguồn vốn của Nhân dân đóng góp: Việc huy động đóng góp của Nhân dân được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, dân chủ, do người dân tự bàn bạc, quyết định, không áp đặt. Nhân dân trực tiếp quản lý, quyết định đầu tư theo các hạng mục đề án xây dựng NTM đã được phê duyệt, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thông qua các Ban công tác mặt trận cơ sở, Ban giám sát cộng đồng, đảm bảo được sự đồng thuận trong Nhân dân...

## 4. Sự tham gia của MTTQ và các tổ chức Chính trị - Xã hội

**4.1. Mặt trận Tổ quốc**

Thực hiện phong trào xây dựng NTM, NTM nâng cao, MTTQ đã chủ động xây dựng Kế hoạch phối hợp với các tổ chức thành viên tuyên truyền các Chỉ thị, Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và ban hành Kế hoạch MTTQ các cấp trong huyện tham gia xây dựng NTM nâng cao giai đoạn 2022 -2025. Vận động nhân dân hăng hái tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do MTTQ các ngành, đoàn thể phát động phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị và phục vụ lợi ích thiết thực của nhân dân. Trọng tâm là tuyên truyềnthực hiện các phong trào, các chương trình, Đề án phát triển kinh tế - xã hội; tự nguyện đóng góp hàng chục tỷ đồng, trên 15 nghìn m2 đất và nhiều ngày công lao động để làm đường giao thông, kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi nội đồng, các thiết chế văn hóa và các công trình phúc lợi phục vụ đời sống dân sinh; tích cực trồng hoa, cây xanh, giữ gìn vệ sinh, tạo cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch – đẹp.

Bên cạnh đó, Uỷ ban MTTQ huyện đã làm tốt công tác tham mưu, hướng dẫn tổ chức lấy phiếu đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đối với 02 xã, nông thôn mới nâng cao đối với 10 xã và đô thị văn minh *(kết quả tỷ lệ người dân hài lòng đạt* *trên 95%).*Việc đánh giá kết quả lấy ý kiến hài lòng của người dân về xây dựng NTM được Uỷ ban MTTQ các cấp tiến hành đảm bảo khách quan, đúng thời gian, quy trình, trung thực. Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến, MTTQ Việt Nam các cấp đã kiến nghị đến chính quyền, các ngành chức năng những nội dung, tiêu chí người dân chưa hài lòng cao, giúp các ngành chức năng có phương án, giải pháp duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí chưa đảm bảo hoặc chưa nhận được sự hài lòng của người dân.

Các hoạt động nhân đạo từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, công tác an sinh xã hội được chú trọng thực hiện: MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã phối hợp, tổ chức thăm hỏi, tặng 29.587 suất quà với tổng trị giá trên 14 tỉ đồng cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Lễ, Tết. Vận động, kêu gọi ủng hộ xóa 123 nhà không an toàn cho gia đình chính sách, hộ nghèo khó khăn về nhà ở với tổng trị giá trên 5,7 tỷ đồng. Đồng thời, tích cực tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, nhân dân đóng góp Quỹ *“Vì người nghèo”*,Quỹ phòng chống dịch bệnh Covid-19 với tổng số tiền trên 4 tỷ đồng; quỹ *“ủng hộ đồng bào khắc phục hậu quả sau bão số 3 gây ra”* với số tiến trên 1,1 tỷ đồng.

Cùng với đó, MTTQ, các tổ chức thành viên đã tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền. Tập trung phát huy vai trò nòng cốt trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền: phối hợp tham mưu tổ chức thành công 133 cuộc đối thoại định kỳ giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với nhân dân theo Hướng dẫn số 09-HD/TU của Tỉnh uỷ. Tổ chức cho cán bộ đoàn viên, hội viên nhân dân đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, dự thảo Luật đất đai *(sửa đổi)*, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật. Phối hợp với Thường trực HĐND, UBND các cấp xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp, tổ chức **thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;** phối hợp tổ chức 1.259 buổi tiếp xúc cử tri với Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp với 60.189 lượt cử tri tham dự, tiếp nhận 4.125 ý kiến, kiến nghị của cử tri **gửi tới các kỳ họp và các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét giải quyết, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cử tri, Nhân dân;** tham gia giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; Chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW, của Bộ Chính trị và Quy định số 124-QĐ/TW của Ban Bí thư: Kết quả toàn huyện đã tổ chức 206 cuộc giám sát, 39 cuộc phản biện xã hội.

***4.2. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh***

Phong trào *Tuổi trẻ Bình Lục chung tay xây dựng nông thôn mới* được các cấp bộ Đoàn quan tâm với các việc làm thiết thực, ý nghĩa như: tiếp tục thực hiện, đảm nhận các công trình, phần việc thanh niên tham gia hoàn thành các Tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu cấp huyện, cấp xã tiêu biểu như các hoạt động xây dựng cảnh quan môi trường, hỗ trợ thẻ BHYT cho các hoàn cảnh khó khăn, tham gia các tiêu chí về văn hoá-y tế-giáo dục, lao động, thu nhập với các mô hình *“Thắp sáng đường quê”*, *“Đường hoa Thanh niên”*, *“Đường cây thanh niên”*; *Thư viện xanh”,“Điểm vui chơi thanh thiếu nhi”...*Trong những năm qua, toàn huyện đã thực hiện được 10 công trình thanh niên cấp huyện, 167 công trình, phần việc thanh niên cấp cơ sở với tổng trị giá trên 500 triệu đồng. Tổ chức hơn 100 đợt ra quân “*Ngày thứ 7 tình nguyện*”, “ *Ngày chủ nhật xanh*” dọn dẹp vệ sinh môi trường.

Huyện đoàn đã phối hợp vận động hỗ trợ sửa chữa, xây mới 04 Nhà nhân ái giá trị 210 triệu đồng, khám bệnh phát 850 suất thuốc miễn phí cho người dân; toàn huyện đã tặng 550 suất quà, trị giá trên 250 triệu đồng; 68 góc học tập trị giá 70 triệu đồng; 280 xe đạp trị giá trên 280 triệu đồng cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vượt khó vươn lên trong học tập. Xây dựng và duy trì 34 điểm vui chơi cho thanh thiếu nhi trị giá trên 300 triệu đồng.

Đoàn các cấp đã thể hiện được vai trò của tổ chức Đoàn và thanh niên trong tham gia phòng chống dịch covid 19: Tích cực tổ chức tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh covid 19 bằng nhiều hình thức hiệu quả, thành lập các đội hình hỗ trợ các điểm tiêm vắc xin, các hoạt động điều tra, truy vết, tham gia trực các chốt, huy động các nguồn lực ủng hộ các khu cách ly tập trung, các gia đình khó khăn ảnh hưởng bởi dịch….tổng đã tiếp nhận và huy động ủng hộ các nhu yếu phẩm và các trang, thiết bị y tế với trị giá trên 70 triệu đồng.

Huyện đoàn đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao thu nhập của người dân như: hỗ trợ 14 thanh niên được vay vốn từ Đề án hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 của Tỉnh đoàn với tổng số tiền 1,4 tỷ đồng; hỗ trợ thanh niên trong quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm như: hoa, cây cảnh của đồng chí Khổng Quang Toản, mô hình làm lồng nuôi chim cảnh; cải tạo ao thả cá giống ở An Ninh, mô hình làm lũa thuỷ sinh ở Đồng Du, mô hình ở Vũ Bản, Bình Nghĩa, La Sơn....

***4.3. Hội Cựu chiến binh***

Hưởng ứng phong trào thi đua “CCB Bình lục chung sức xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao”, những năm qua các cấp Hội Cựu chiến binh trong huyện không ngừng phát huy bản chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong xây dựng kinh tế, giúp đồng đội cùng vượt khó vươn lên thoát nghèo góp phần thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện. Hội Cựu chiến binh đã nghiêm túc quán triệt các văn bản chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp tới cán bộ hội viên. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cựu chiến binh phát huy phẩm chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới – nông thôn mới nâng cao. Thực hiện phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” gắn với phong trào thi đua “Cựu chiến binh Bình Lục chung sức xây dựng nông thôn mới- nông thôn mới nâng cao”, các cấp hội đã triển khai xây dựng đa dạng các mô hình, như mô hình “Hộ gia đình Cựu chiến binh nhà sạch, vườn đẹp môi trường trong lành” mô hình”Đoạn đường do Cựu chiến binh tự quản”, mô hình” Tuyến phố văn minh của tổ dân phố Bình Thắng, Bình Nam; mô hình câu lạc bộ CCB tham gia bảo vệ môi trường, CCB tự quản phối hợp với công an bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông, mô hình CCB trồng cây ăn quả sạch của các xã ven sông Châu giang. Mô hình xoá nhà không an toàn cho hội viên CCB khó khăn về nhà ở.

Trong năm năm qua, Hội cựu chiến binh đã tuyên truyền vận động Hội viên đóng góp quỹ ngày vì người nghèo 325.000.000đ, quỹ vì nạn nhân chất độc da cam 87.500.000đ, ngày vì trẻ thơ 74.000.000đ, quỹ khuyến học, khuyến tài 77.500.000đ. Tham gia làm đường giao thông nông thôn vớ tổng số: 8.590 ngày công, 402 hội viên hiến 7.783m2 đất để làm đường và các công trình phúc lợi xã hội, 91 hộ tháo dỡ 1.591 m tường, 22 cầu, chặt 306 cây lưu niên để mở rộng đường. Ủng hộ 459 triệu đồng trồng hoa ở các trục đường liên thôn liên xã tổng 13.000m, vận động hội viên và nhân dân lắp 114 cammera an ninh trị giá 228 triệu đồng. Đóng góp xoá nhà không an toàn cho hội viên CCB có khó khăn về nhà ở với tổng số 20 nhà trị giá 1 tỷ đồng.

Về phát triển kinh tế toàn hội có 25 mô hình kinh tế trang trại, 1 hợp tác xã sản xuất hàng hoá do hội viên CCB làm chủ. Quản lý vốn vay ngân hàng chính sách xã hội có số dư hơn 126 tỷ đồng sử dụng có hiệu quả đúng mục đích, cho vay 1.796 hộ vay phát triển kinh tế hiệu quả.

***4.4. Hội Nông dân***

Duy trì thực hiện có hiệu quả mô hình thu gom xử lý rác thải rác thải nguy hại trên đồng ruộng với 766 bể; vệ sinh đồng ruộng, nghĩa trang nhân dân; triển khai phân loại xử lý rác thải hữu cơ bằng men vi sinh với 600 hộ tham gia; phong trào ngày cuối tuần xanh tại các thôn tổ dân phố và xây dựng mô hình “Vườn tạp kiểu mẫu”. Các cấp hội thường xuyên vận động cán bộ, hội viên tham gia mua 1851 thẻ BHYT tự nguyện, 90 sổ BHXH (trong đó HND huyện trực tiếp hỗ trợ 250 thẻ BHYT tại xã An Đổ, xã An Lão.

Các cấp Hội đã trực tiếp và phối hợp thăm và tặng 382 xuất quà trị giá 110,3 triệu đồng. Bên cạnh đó, mô hình “Tiếp sức con nông dân vượt khó” đã có những kết quả nhất định, các cấp Hội đã trao tặng 85 chiếc xe đạp cho con hội viên nông dân nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện. Hội nông dân huyện đã trực tiếp trồng 01 tuyến đường kiểu mẫu dài 1,5 km tại xã Đồng Du và phối hợp các Hội đoàn thể huyện trồng 06 tuyến đường cây xanh kiểu mẫu trị giá gần 300 triệu đồng tại các xã, thị trấn.

***4.5. Liên đoàn lao động huyện***

Từ năm 2020 đến năm 2024, đã xây mới và sửa chữa được 06 nhà ở “Mái ấm Công đoàn” với tổng số tiền trên 280 triệu đồng từ nguồn xã hội hóa; tổ chức tốt “Tết Sum vầy” hàng năm và “Bữa cơm Công đoàn” cho trên 6 nghìn lượt đoàn viên, công nhân lao động; tặng quà cho đoàn viên, công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh nghề nghiệp, bệnh hiểm nghèo vào các dịp Tết, Tháng công nhân, các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước và Ngày kỷ niệm thành lập Công đoàn Việt Nam cho cho trên 3.500 lượt người với tổng trị giá gần 2 tỷ đồng.

***4.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện***

Nhằm triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” “Xây dựng gia đình “5 có 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động gắn với xây dựng nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao, Đô thị văn minh trên địa bàn huyện trong thời gian qua các cấp Hội phụ nữ huyện Bình Lục đã luôn chú trọng và đẩy mạnh việc thực hiện 8 tiêu chí của cuộc vận động đến 100% cán bộ, hội viên phụ nữ trên địa bàn toàn huyện. Đặc biệt từ năm 2022 Hội LHPN huyện đã chỉ đạo làm điểm gắn biển mô hình “10 hộ liền kề thực hiện gia đình 5 không 3 sạch góp phần xây dựng NTM nâng cao” tại xã Bình Nghĩa, An Ninh sau đó nhân rộng tại địa bàn các xã trên địa bàn toàn huyện . Kết quả trong 3 năm từ 2022 - 2024 đã ra mắt được 08 mô hình ngôi nhà xanh thu gom rác thải tặng quà cho phụ nữ khó khăn, 14 mô hình 10 hộ liền kề với hơn 1.000 cán bộ hội viên tham gia tiêu biểu tại xã Bình Nghĩa, Tràng An, An lão, Vũ Bản, Trung Lương, Ngọc Lũ .. đặc biệt tại xã An Ninh từ 10 hộ liền kề tại thôn An Phong đã nhân rộng được gần 200 hộ liền kề..

Năm 2024 tiếp tục ra mắt 01 mô hình điểm thực hiện gia đình *‘5 có 3 sạch’* 5 có: Có ngôi nhà an toàn, có sinh kế bền vững, có sức khỏe, có kiến thức và có nếp sống văn hóa làm điểm của tỉnh tại xã Trung Lương; sau mô hình điểm chỉ đạo 100% các chi Hội toàn huyện đã và đang thực hiện hiệu quả mô hình chi hội “3 sạch” gồm các tiêu chí: Sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp đã khẳng định bằng kết quả trong xây dựng NTM của các xã, thị trấn phấn đấu huyện Bình Lục về đích NTM nâng cao tại các xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2025

Trong gian đoạn từ 2020 - 2024 hội đã phối hợp, tổ chức 135 lớp tập huấn, truyền thông VSMT lồng ghép trong các buổi sinh hoạt về nội dung của Cuộc vận động thu hút 13.687 hội viên phụ nữ tham dự, tặng hơn 500 thùng ủ phân compost, hơn 650 thùng chứa rác thải cho các hộ dân tại hộ gia đình thuộc xã Ngọc Lũ, xã An Đổ, xã Bình Nghĩa, xã Đồn Xá, xã Trung Lương... làm hơn 450 kg men ủ phân hữu cơ bằng men nước, thùng bokasi cho cán bộ cho các hộ thực hiện mô hình “10 hộ liền kề”, hơn 50 lượt công trình phần việc thực hiện NTM tặng BHYT tuyến đường cây, đường hoa, cây xanh bóng mát xây dựng NTM. Tổ chức Hội nghị truyền thông và cấp 400 bình lọc nước, 500 bếp tiết kiệm năng lượng, cấp 14.000 bóng đèn LED cho cán bộ hội viên phụ nữ khó khăn tại cơ sở.

Duy trì hoạt động của 211 mô hình tổ thu gom rác thải tự quản đã đi vào hoạt động đều đặn thu gom, phân loại rác thải và xử lý tại chỗ được hơn 150 tấn rác thải bằng hình thức đốt và chôn lấp, duy trì có hiệu quả và 38 con đường xanh - sạch - đẹp  “ Phụ nữ tự quản”.

Vận động 15.682 người tham gia BHYT, 670 người tham gia BHXH Tự nguyện. Các cấp Hội tặng hơn 206 thẻ BHYT trị giá 129.780.000đ cho hội viên, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, tiêu biểu là xã Bồ Đề, Bình Nghĩa, An Lão, Tràng An, Trung Lương, An Ninh, Vũ Bản…

Các cấp Hội đã tham gia trồng 38 công trình cây xanh, 68.580 cây xanh các loại. Trong đó cấp huyện: Hội LHPN huyện phối hợp với Huyện đoàn hỗ trợ trồng 01 tuyến đường cây bàng đài loan tại xã Ngọc Lũ với chiều dài 1,5 km Cấp cơ sở: Đơn vị làm tốt: Hội LHPN xã An Lão, Trung Lương, Bối Cầu, Đồn Xá, An Nội, Tràng An, Ngọc Lũ, Hưng Công, Bình Nghĩa….

Để các cấp Hội phụ nữ huyện Bình Lục tiếp tục có các công trình/phần việc thiết thực tham gia xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu trong năm 2025 và giai đoạn tiếp theo, Hội LHPN huyện xác định vai trò, nhiệm vụ của phụ nữ trong thực hiện tiêu chí về vệ sinh môi trường và lấy nội dung tiêu chí “3 sạch” thuộc tiêu chí 17.8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 và nội dung tiêu chí 18.7 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 là nhiệm vụ lớn cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, hội viên và nhân dân thực hiện hiệu quả công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường luôn sáng - xanh - sạch - đẹp. Nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác vệ sinh môi trường, đẩy mạnh các hoạt động “Ngày thứ 7 với dân”, “Ngày chủ nhật xanh” tuần đầu hàng tháng tại các khu dân cư, nhân diện các mô hình “3 sạch”; “Phân loại và xử lý rác thải tại nguồn”; *“Phụ nữ nói không với rác thải nhựa - biến rác thải thành tiền*”; *“Ngôi nhà xanh”;* *trồng và chăm sóc tuyến đường hoa*... đã và đang nhận được sự hưởng ứng tham gia tích cực của đông đảo cán bộ, hội viên phụ nữ tại các địa bàn thôn/xóm góp phần làm cho môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp.

Đối với 2 tiêu chí “Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ” Hội LHPN các cấp Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và từng nội dung của cuộc vận động; về khả năng và những việc mà phụ nữ cần làm để giúp gia đình đạt được các tiêu chí thông qua các kỳ sinh hoạt Chi, Tổ phụ nữ, sinh hoạt Câu lạc bộ. Bên cạnh đó, Hội cũng đã chú trọng những điểm mới của cuộc vận động để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các gia đình hội viên phụ nữ đạt 8 tiêu chí của CVĐ bằng các hoạt động: Hướng dẫn phân loại và xử lý rác thải tại hộ gia đình, huy động các nguồn vốn hỗ trợ cho vay sản xuất, chăn nuôi, phát triển kinh tế, xây dựng các công trình nước sạch, vệ sinh; thành lập các mô hình và vận động các hộ chưa đạt các tiêu chí tham gia làm thành viên như: Ra mắt mô hình điển thu gom phế liệu gây quỹ tặng thùng ủ phân hữu cơ, Mô hình chi hội phụ nữ thực hiện cuộc vân động xây dựng gia đình 5 không,3 sạch thực hiên ủ phân hữu cơ bằng thùng comfost ... để có hướng quan tâm giúp đỡ bằng nhiều hình thức khác nhau. Phối hợp với Ngân hàng chính sách, hoạt động từ nguồn Quỹ quay vòng, Hội đã tạo điều kiện cho các hộ dân được vay nguồn vốn nước sạch vệ sinh môi trường, để xây dựng hệ thống công trình nước sạch, công trình nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa sinh hoạt, đảm bảo hợp vệ sinh. Tính đến nay, Hội quản lý **180.788** triệu đồng cho 2.576 hộ vay trong đó có hơn 680 hộ vay từ nguồn nước sạch VSMT để xây dựng và sửa chữa các công trình nước sạch, công trình vệ sinh gia đình, kết quả 100% hội viên phụ nữ đều có công trình vệ sinh nhà tiêu, nhà tắm và nguồn nước đảm bảo hợp vệ sinh. Hàng năm, 100% cơ sở Hội có kế hoạch giúp đỡ, vận động, hỗ trợ thêm từ 3 đến 5 hộ gia đình đạt tiêu chí “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 5 có 3 sạch. Đến nay đã giúp 206 hộ thoát nghèo, 206 hộ cận nghèo theo tiêu chí đa chiều. Hỗ trợ nâng cao kiến thức năng lực cho 15 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, hỗ trợ nâng cao năng lực cho 10 THT/HTX có phụ nữ tham gia quản lý, điều hành; 27 hộ kinh doanh, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được hỗ trợ, kết nối; vận động, hỗ trợ thành lập mới 05 HTX tại xã An Ninh, Tiêu Động, Bồ Đề, Đồng Du ...

Năm 2024 toàn huyện có 100% các xã thị trấn đăng ký thực mô hình gia đình “5 không, 3 sạch” Hội cơ sở đã giúp đỡ 523/17.701 hộ gia đình đạt tiêu chí gia đình 5 không, 3 sạch, bình quân mỗi năm giúp đỡ từ 10 hộ gia đình (vượt chỉ tiêu tỉnh, TW đề ra), riêng đối với tiêu chí “3 sạch" có 19.583/20.755 hội viên tích cực tham gia đạt 94,3%, trong đó 100% các xã, thị trấn có từ 90% trở lên hộ đạt tiêu chí 3 sạch thuộc tiêu chí 17.8 theo Bộ tiêu chí nông thôn mới.

**IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NTM NÂNG CAO**

**1.** Huyện Bình Lục đã được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2019 theo Quyết định số 584/QĐ-TTg ngày 28/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.

## 2. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

### *2.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định*

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 16 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM: 16/16 xã, đạt tỷ lệ 100%.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao: 10/16 xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 62,5%.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: 02/16 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, đạt tỷ lệ 12,5%;

*(Phụ lục chi tiết kèm theo báo cáo)*

### *2.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định*

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01 thị trấn

- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh[[7]](#footnote-7): 01 thị trấn.

- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

## 3. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới tại 16 xã

Toàn huyện có 16 xã, bao gồm: xã An Nội, Hưng Công, Bối Cầu, Bình Nghĩa, Tràng An, Đồng Du, Đồn Xá, Ngọc Lũ, Bồ Đề, An Ninh, Vũ Bản, Trung Lương, An Đổ, Tiêu Động, La Sơn, An Lão.

## (Theo Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, Quyết định số 211/QĐ-TTg và các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND).

### *3.1. Quy hoạch*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.*

*- Chỉ tiêu 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025.*

16/16 xã đã được UBND huyện phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng cấp xã giai đoạn 2021-2030[[8]](#footnote-8).

Trong đồ án Quy hoạch chung xây dựng các xã, UBND huyện đã chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu, rà soát bổ sung một số vị trí quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn nhằm thu hút đầu tư, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương; tổ chức công khai đồ án quy hoạch đảm bảo đúng theo thời gian quy định.

*\* Chỉ tiêu 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.*

100% các đồ án quy hoạch có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Ngay sau khi có quy hoạch nông thôn được phê duyệt, xã đã tổ chức công bố công khai theo quy định.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 1 - Quy hoạch, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.2. Về giao thông*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (100%).*

*- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (100%).*

*- Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm (100%).*

*- Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được bê tông hoặc cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (*100*%).*

*b. Kết quả thực hiện:*

Xác định phát triển hạ tầng giao thông là yếu tố quan trọng để thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, ngay từ khi triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, huyện Bình Lục đã chủ trương huy động mọi nguồn lực, với phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn. Vì vậy, đến năm 2019, các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã đã cơ bản đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải: Mặt đường được nhựa hóa, bê tông hóa; chiều rộng nền đường, mặt đường đạt chuẩn; hệ thống cầu, cống đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế phù hợp với cấp kỹ thuật của đường. Giai đoạn từ năm 2020 đến nay, các xã tập trung nguồn lực nâng cấp các tuyến đường xuống cấp, mở rộng mặt đường phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Nhân dân. Ngoài ra, các xã đã lắp đặt bổ sung các hạng mục cần thiết như biển báo, biển chỉ dẫn, đèn chiếu sáng, gờ giảm tốc.

\* *Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm*

Đường liên xã, trục xã: Tổng chiều dài 198,02 km, 100% nền đường đạt chuẩn đường giao thông nông thôn cấp Bnền ≥ 5,5m, mặt đường được nhựa hóa, bê tông hóa Bmặt ≥ 3,5-5m là 198,02 km, đạt 100% đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.

\* *Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.*

Đường trục thôn, xóm: Đã cứng hóa (nhựa hoá, bê tông hoá) được 268,53 /286,53 km = 100%.

\* *Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm*

Đường ngõ, xóm trên địa bàn các xã được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 363,7/363,7 km= 100% (Bnền>2,0m Bmặt ≥ 1,5 m).

\* *Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm*

Đường trục chính nội đồng trên địa bàn các xã có chiều dài là 273,63 km, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Trong đó, đường trục chính nội đồng đã được cứng hóa đạt chuẩn theo quy định là 273,63/273,6 km, đạt tỷ lệ 100%.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 2- Giao thông, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

***3.3. Về thủy lợi và phòng, chống thiên tai***

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 90%.*

*- Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt).*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%.*

Hệ thống thủy lợi do xã quản lý luôn được chú trọng đầu tư, cải tạo, nâng cấp. Hằng năm, UBND huyện tổ chức hội nghị phát động chiến dịch làm thủy lợi đông xuân, giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị, địa phương. Kết quả thực hiện đều hoàn thành vượt mức kế hoạch nạo vét, xây đúc kênh mương, sửa chữa các công trình. Hệ thống kênh mương thường xuyên được tu bổ, cải tạo, nâng cấp, dòng chảy thông thoáng, không xả rác thải, rơm rạ xuống lòng kênh, đảm bảo tốt cho công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai trên địa bàn. Hàng năm Công ty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam đã phối hợp với các địa phương tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, duy tu, nâng cấp các công trình thủy lợi, nạo vét kết hợp với đắp bờ vùng, đường giao thông nông thôn và giải tỏa khơi thông dòng chảy đạt và vượt kế hoạch.

Tổng số kênh mương trên địa bàn huyện là 756,9 km, trong đó kiên cố hóa được 191,39 km, đạt 25,29%; 161 trạm bơm cố định với tổng công suất là 349.630 m3/h và 2.386 cống, đập, xi phông; hàng năm hệ thống thủy lợi thường xuyên được tu bổ, cải tạo, nâng cấp và nạo vét đảm bảo chủ động tưới, tiêu cho diện tích sản xuất nông nghiệp và phục vụ dân sinh.

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của 16 xã trên địa bàn huyện hiện nay được tưới và tiêu chủ động (trong điều kiện bình thường) là 8.385,6/ 8.385,6 ha đạt 100%([[9]](#footnote-9)); 16/16 xã đã thành lập tổ thủy nông cơ sở tổ chức khai thác, quản lý, vận hành các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ nước tưới tiêu thuận lợi trong các vụ sản xuất.

*\*Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt)*

16/16 xã (đạt 100%) đã ban hành Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều, ban hành phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ huy; Quyết định kiện toàn Đội xung kích phòng, chống thiên tai; Kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm; các phương án (phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai, phương án bảo vệ trọng điểm, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, phương án huy động vật tư, phương tiện, nhân lực phục vụ công tác phòng chống thiên tai,…) cụ thể, chi tiết phù hợp với quy định, điều kiện, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

Ngoài ra, 16/16 xã thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão mạnh, siêu bão. Xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Công tác tuyên truyền được thường xuyên phát sóng trên hệ thống truyền thanh các xã và được phát tăng thời lượng, truyền tải kịp thời các bản tin, công điện chỉ đạo của các cấp về phòng chống, ứng phó thiên tai trong thời điểm diễn ra các đợt bão, lũ, để người dân trong toàn xã biết để chủ động thực hiện.

Về cơ sở hạ tầng phục vụ công tác phòng chống thiên tai: UBND huyện bố trí vốn ngân sách định kỳ để tu bổ, nâng cấp, cải tạo các công trình hiện có, tiến hành đầu tư xây mới các công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước mùa mưa bão. Cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, bão lụt. 100% hộ dân trên địa bàn 16 xã đều có thiết bị nghe nhìn để tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, bão lũ theo dự báo và khuyến cáo của các cơ quan chức năng. Các xã đã làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ vi phạm về đê điều, công trình thuỷ lợi. Đến nay, 16/16 xã đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

*c. Tự đánh giá:* 16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

***3.4. Về điện***

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.*

*- Chỉ tiêu 4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn*

Trên địa bàn huyện có 418 trạm biến áp với tổng công suất 144.905 kVA, đường dây trung áp 281.43 km; đường dây hạ áp 793.165 km. Hệ thống điện chiếu sáng tại đường trục thôn, xóm được đầu tư thông qua việc huy động các nguồn lực xã hội hóa trong phong trào thắp sáng đường quê (tỷ lệ đường có hệ thống chiếu sáng đạt trên 95%); hệ thống điện lưới quốc gia được đầu tư đến tất cả các xóm, khu phố đảm bảo về kỹ thuật, thường xuyên được bảo dưỡng, bảo trì.

*\* Chỉ tiêu 4.2: Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn*

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định trên địa bàn toàn huyện là: 42.609/42.609 hộ, đạt 100%, trong đó khu vực nông thôn 16 xã là 37.809 hộ, đạt 100%.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 4 - Điện, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

***3.5. Về trường học***

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 trở lên: 100%*

*b. Kết quả thực hiện:*

Trên địa bàn 16 xã có 53 trường học (18 trường mầm non, 17 trường tiểu học, 18 trường trung học cơ sở), 53/53 trường được UBND tỉnh cấp bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, đạt tỉ lệ 100%. Cụ thể: cấp học Mầm non có 18/18 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 16 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; cấp học Tiểu học có 17/17 trường đạt chuẩn quốc gia trong đó có 15 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; cấp học THCS có 18/18 trường đạt chuẩn quốc gia trong đó có 13 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học) trên địa bàn các xã đều đạt chuẩn về cơ sở vật chất mức độ 1 trở lên, có đủ trang thiết bị dạy học, phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ học tập, phòng phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể chất, thư viện, nhà vệ sinh, khu vui chơi, giải trí, bãi tập thể dục thể thao, khu vực để xe cho giáo viên, học sinh và cán bộ, công nhân viên; được xây dựng kiên cố, bảo đảm an toàn, đủ ánh sáng, thoáng mát, có đủ bàn ghế, tủ sách, thiết bị dạy học, thiết bị phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể chất, thiết bị phục vụ bán trú, thiết bị thư viện theo quy định; khuôn viên được xây dựng, bảo đảm sạch sẽ, an toàn, vệ sinh môi trường.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 5 - Trường học, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.6. Về cơ sở vật chất văn hóa*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 6.1: Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã: Đạt*

*- Chỉ tiêu 6.2: Xã có điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật theo quy định: ít nhất 01 điểm.*

*- Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: 100%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 6.1: Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã*

Đến nay, 16/16 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện có Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng, sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa của toàn xã; trong đó: 13 xã có nhà văn hóa, khu thể thao xã riêng biệt, 01 xã sử dụng hội trường đa năng (xã An Ninh) với diện tích đảm bảo theo quy định, hội trường có từ 250 chỗ ngồi trở lên được trang bị các thiết bị như bàn ghế, tủ, loa đài âm thanh, ánh sáng, wifi đảm bảo điều kiện phục vụ hội họp cũng như sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, tổ chức các hoạt động giao lưu, hội diễn… Giai đoạn từ năm 2020 đến nay, đã có 08 xã (gồm Bình Nghĩa, Đồn Xá, An Nội, Ngọc Lũ, Bồ Đề, Trung Lương, La Sơn, An Lão) đầu tư xây dựng mới 08 nhà văn hóa xã khang trang, hiện đại, tăng thêm 08 nhà văn hóa xã so với năm 2019.

16/16 xã có trung tâm thể thao xã đạt chuẩn theo quy định; 100% số xã có Quy hoạch và quyết định quy hoạch đất sử dụng cho Nhà văn hoá, khu thể thao; 100% số xã có điểm bưu điện văn hóa; ngoài ra, trên địa bàn 14 xã còn có 60 sân bóng chuyền, 05 sân bóng đá mini, 60 sân cầu lông, 18 bàn bóng bàn, 09 bể bơi, 14 sân vận động.

*\* Chỉ tiêu 6.2:* Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải bảo đảm điều kiện và nội dung hoạt động phòng chống đuối nước cho trẻ em).

Hiện nay trên địa bàn huyện 16/16 xã có quy hoạch khu vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi theo quy định. Hiện nay, trên địa bàn toàn huyện có 25 điểm vui chơi dành riêng cho trẻ em; các xã trên địa bàn huyện đều sử dụng kết hợp khu vực trung tâm văn hóa, khu thể thao xã hoặc nhà văn hóa thôn là nơi vui chơi, giải trí và tổ chức tập luyện, sinh hoạt văn hóa, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi của các địa phương. Tại khu vực trên, các xã đều bố trí các trang thiết bị tập luyện thể dục thể thao cho trẻ em và người cao tuổi, như: sân bóng chuyền hơi, xà đơn, xà kép, các dụng cụ tập luyện thể dục thể thao ngoài trời. Một số địa phương quan tâm đầu tư kinh phí từ ngân sách và làm tốt công tác xã hội hóa để bổ sung, mua sắm trang thiết bị cần thiết để phục vụ nhu cầu và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Xây dựng điểm vui chơi cho trẻ em, người cao tuổi với nội dung sinh hoạt thiết thực hiệu quả (tết thiếu nhi, sinh hoạt hè gắn với các hoạt động kỹ năng sinh tồn, phòng chống đuối nước,...) tạo cho trẻ em những sân chơi bổ ích và cơ hội thụ hưởng, thực hiện quyền trẻ em.

100% số xã xây dựng kế hoạch và tổ chức các nội dung hoạt động phòng, chống đuối nước, tổ chức tập bơi cho trẻ em hàng năm được tổ chức vào dịp hè.

*\* Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng:*

Trên địa bàn 16 xã có 98/98 thôn, xóm có nhà văn hóa và khu thể thao hoạt động thường xuyên (đạt tỷ lệ 100%). Trong đó, xây dựng mới từ năm 2020 đến 2024 là 06 nhà văn hoá[[10]](#footnote-10), với tổng kinh phí sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới nhà văn hoá thôn, xóm giai đoạn 2020-2024 là 8.586 triệu đồng (nguồn xã hội hóa là 6.911 triệu đồng (chiếm 80,5%), nguồn ngân sách nhà nước là 1.675 triệu đồng (chiếm 19,5%)*.* Các nhà văn hóa có diện tích rộng rãi, đảm bảo theo quy định, gồm có: khu nhà văn hóa, sân khuôn viên có một số công trình, thiết bị thể thao đơn giản (*sân cầu lông, sân bóng chuyền, bóng đá, bóng hơi...*), trò chơi cho trẻ em (*xích đu, cầu trượt,..*.); các thiết bị thiết yếu phục vụ cho hoạt động, như: Bộ thiết bị âm thanh; trang trí, khánh tiết, bàn ghế; tủ sách, tranh, ảnh tuyên truyền; bảng tin,... phục vụ cho hoạt động tuyên truyền; có hệ thống nước sạch phục vụ cho hoạt động của nhà văn hóa, công trình vệ sinh, hệ thống cây xanh, cây bóng mát, hệ thống tường rào bao quanh; 100% nhà văn hóa thôn, xóm có đường bê tông vào tận nơi. Các nhà văn hóa thôn, xóm đã chủ động huy động xã hội hóa đầu tư một số thiết bị tập luyện thể dục, thể thao ngoài trời, xây dựng nhà bếp,...

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

***3.7. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn***

*a. Yêu cầu: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.*

*b. Kết quả thực hiện:*

Trên địa bàn các xã, hiện nay có tổng số 11 chợ hạng III, các chợ phân bố đều tại 10/16 xã trên địa bàn huyện. Riêng đối với 05 xã: Bình Nghĩa, Đồn Xá, La Sơn, An Ninh, Bồ Đề hiện tại không có chợ.

**Bảng 3. Chợ nông thôn tại các xã trên địa bàn huyện Bình Lục**

| **TT** | **Loại hình kết cấu** | **Địa điểm** | **Diện tích** (m2) | **Phân hạng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chợ Rằm | Xã Tiêu Động | 2840 | Chợ hạng III |
| 2 | Chợ Họ | Xã Trung Lương | 2700 | Chợ hạng III |
| 3 | Chợ Chủ | Xã Ngọc Lũ | 2100 | Chợ hạng III |
| 4 | Chợ Vọc | Xã Vũ Bản | 1776 | Chợ hạng III |
| 5 | Chợ An Đổ | Xã An Đổ | 1200 | Chợ hạng III |
| 6 | Chợ Vận Động | Xã Đồng Du | 500 | Chợ hạng III |
| 7 | Chợ Nội | Xã Đồng Du | 800 | Chợ hạng III |
| 8 | Chợ Quắn | Xã Hưng Công | 2500 | Chợ hạng III |
| 9 | Chợ Sông | Xã Tràng An | 2400 | Chợ hạng III |
| 10 | Chợ An Lão | Xã An Lão | 2760 | Chợ hạng III |
| 11 | Chợ An Nội | Xã An Nội | 1140 | Chợ hạng III |

Ngoài hệ thống chợ, trên địa bàn huyện có các cửa hàng kinh doanh thương mại thuộc các hệ thống như Điện máy xanh, các cửa hàng tiện lợi phân bổ những nơi đông dân cư có nhu cầu mua sắm lớn. Ngoài kinh doanh truyền thống còn có nhiều hình thức kinh doanh, mua bán hàng hóa mới như bán hàng Online, Ship hàng thông qua sàn thương mại điện tử như shopee, Lazada…. Các hàng hóa kinh doanh tại hệ thống các cửa hàng phong phú, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng quy định về nhãn hàng hóa và tiêu chuẩn hàng hóa theo quy định.

Với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia, đóng góp tích cực của tổ chức, doanh nghiệp và người dân, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của huyện không ngừng được đầu tư phát triển theo hướng văn minh, hiện đại. Trong đó, hệ thống chợ được đặc biệt quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới, đổi mới hình thức quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, huyện đã tích cực kêu gọi, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, mở rộng hệ thống hạ tầng cơ sở thương mại phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ, giao thương hàng hóa trên địa bàn trong và ngoài huyện.

Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn phát triển không chỉ tạo môi trường thuận lợi cho việc mua bán, trao đổi hàng hóa, nhất là sản phẩm nông nghiệp do người dân làm ra, sản phẩm đặc trưng của các địa phương, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân; xóa bỏ được các điểm chợ cóc, chợ lấn chiếm lòng đường, lề đường, đảm bảo vệ sinh môi trường mà còn góp phần quan trọng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho lao động tại huyện, tạo động lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện phát triển.

*c. Tự đánh giá:* 16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.8. Về thông tin và truyền thông*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ Bưu chính.*

*- Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.*

*- Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.*

*- Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản  
lý, điều hành.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Tiểu mục 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính*

Hiện nay trên địa bàn huyện Bình Lục có 16/16 xã có điểm phục vụ bưu chính; có nhân viên điểm phục vụ và có 1 bưu tá đưa trả hàng, ngoài ra còn có chi nhánh của các công ty chuyển phát như Viettel Express, JT Express, Giao hàng nhanh, giao hàng tiết kiệm… Các điểm Bưu chính và chi nhánh các công ty chuyển phát có các biển hiệu, niêm yết giờ làm việc mùa đông, mùa hè giúp cho Nhân dân và khách hàng thuận tiện trong việc giao dịch. Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ: Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg, dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

*\* Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet*

Hệ thống mạng cáp quang internet đã được phủ khắp trên địa bàn toàn huyện đáp ứng được tốt nhu cầu của người dân, hệ thống dây dẫn đường truyền thường xuyên được cải tạo nâng cấp đảm bảo phù hợp mỹ quan và chất lượng đường truyền; Hiện nay, trên địa bàn huyện Bình Lục có 100 trạm thu phát sóng di động (trạm BTS), trong đó: Viettel 48 trạm, Vinaphone 54 trạm. Toàn huyện có trên 130 điểm công cộng có mạng wifi miễn phí tại trung tâm các xã, các cơ quan, trường học, bưu điện văn hóa xã, nhà văn hóa các thôn/xóm trên địa bàn để phục vụ nhu cầu của nhân dân, (tăng 100% so với thời điểm khi huyện đạt chuẩn NTM năm 2019).

*3. Chỉ tiêu 8.3. Xã có hệ thống loa đến các thôn:*

Trên địa bàn 16/16 xã có hệ truyền thanh, trên 443 cụm loa với 896 loa tới các thôn, xóm (đạt 100%), đảm bảo cho công tác thông tin tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh đến người dân trên địa bàn.

Đến hết năm 2024, có 09/16 xã trên địa bàn huyện đã triển khai sử dụng hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông (đài truyền thanh thông minh) như: xã An Lão, Tiêu Động, La Sơn, Trung Lương, An Đổ, Đồn Xá, Tràng An, An Ninh, Ngọc Lũ; tổng số 443 cụm loa với 194 loa thông minh, tăng 100% so với thời điểm khi huyện đạt chuẩn NTM năm 2019.

*\* Tiểu mục 8.4. Xã có ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý điều hành:*

16/16 xã đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành *(đạt 100%)*; 100% số xã trên địa bàn huyện có máy tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức với tỷ lệ 100% cán bộ công chức có máy vi tính; 100% máy tính của cán bộ, đảng viên, công chức, người lao động đang công tác tại Đảng ủy, HĐND, UBND và MTTQ, các đoàn thể của xã được kết nối mạng internet băng rộng.

100% số xã đã ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (*https://qlvb.hanam.gov.vn/qlvbdh\_hnm/main*). 16/16 xã có ứng dụng và sử dụng thành thạo các phần mềm vào điều hành công việc như: Một cửa điện tử, hệ thống thư điện tử công vụ, phần mềm quản lý văn bản và điều hành. Đến nay 100% các văn bản thông thường của UBND các xã (trừ văn bản mật) đều được thực hiện ký số và trao đổi trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hệ thống thư điện tử công vụ chính thức của cơ quan nhà nước; 100% số xã đã triển khai cung cấp Thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần, toàn trình.

16/16 đã xã xây dựng và phát huy hiệu quả Trang thông tin điện tử của xã; thành lập Ban Quản trị, ban hành quy chế hoạt động Trang thông tin điện; thường xuyên đăng tải các tin, bài, văn bản chỉ đạo, kế hoạch hoạt động... của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.... qua đó góp phần tuyên truyền các thông tin của địa phương đến người dân.

16/16 xã đã lắp đặt hệ thống camera an ninh, giám sát tại Phòng tiếp công dân và bộ phận Một cửa cấp xã góp phần nâng cao hoạt động quản lý, điều hành. Đến nay trên địa bàn 16 xã có 486 mắt camera an ninh (tăng 100% so với thời điểm đạt NTM năm 2019).

Năm 2024, Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính cấp xã đều đạt 100%.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.9. Về nhà ở dân cư*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 9.1. Nhà tạm, dột nát (không)*

*- Chỉ tiêu 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 97%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 9.1: Nhà tạm, dột nát*

Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát được quan tâm chỉ đạo, huy động, kêu gọi các nguồn lực cả trong và ngoài huyện nên đến thời điểm hiện nay toàn huyện không còn nhà tạm, dột nát; trên địa bàn 16/16 xã các hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng.

*\* Chỉ tiêu 9.2: Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.*

Trong những năm qua, kinh tế nông nghiệp, nông thôn có sự phát triển vượt bậc, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên. Huyện đã thực hiện tốt chính sách nhà ở cho người nghèo, người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở đảm bảo 3 cứng (nền cứng, tường cứng, mái cứng). Đồng thời đã kêu gọi từ các tổ chức, cá nhân những nhà hảo tâm để xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách và hộ nghèo, hỗ trợ hộ nghèo vay vốn cải thiện nhà ở từ Ngân hàng Chính sách xã hội, quỹ vì người nghèo... Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động chỉnh trang, xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà ở, công trình ao, vườn, chuồng trại chăn nuôi theo tiêu chí “3 sạch”. Từ đó, nhà ở nông thôn đã có sự thay đổi vượt bậc, rất nhiều biệt thự, nhà vườn được xây dựng; 100% nhà ở trên địa bàn bàn huyện được xây dựng kiên cố, vật liệu chủ yếu là bê tông cốt thép, tường gạch xi măng. Đến năm 2024, tỷ lệ hộ có nhà kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn 16 xã là: 38.299/37.809 nhà đạt tỷ lệ 98,72%.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.10. Về Thu nhập*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người): Năm 2024 ≥ 59 triệu đồng.*

*b. Kết quả thực hiện:*

Trong những năm qua, kinh tế của huyện có sự phát triển mạnh mẽ, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao, thu nhập của Nhân dân cũng ngày càng được cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người của toàn huyện là 72,41 triệu đồng/người/năm. Trong đó, tại khu vực nông thôn (16/16 xã) là 71,9 triệu đồng/người/năm, tăng 26,25 triệu đồng/người/năm so với thời điểm năm 2019[[11]](#footnote-11).

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 10 - Thu nhập, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.11. Về nghèo đa chiều*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025: ≤1,5%*

*b. Kết quả thực hiện:*

16/16 xã của huyện có 1.154 hộ nghèo và 921 hộ cận nghèo (trong đó: 1.110 hộ nghèo và 654 hộ cận nghèo được xác định “không có khả năng lao động”). Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều theo bộ tiêu chí xã NTM là 311 hộ (44 hộ nghèo và 267 hộ cận nghèo). Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3,56% vào năm 2019 xuống còn 2,44% vào năm 2024 (giảm 1,22%). Tỷ lệ hộ nghèo không thuộc chính sách bảo trợ năm 2019 là 0,92%, đến năm 2024 tỷ lệ nghèo đa chiều còn thành viên có khả năng lao động là 0,28% (giảm 0,64%). Tỷ lệ nghèo đa chiều (tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động) trên địa bàn huyện theo bộ tiêu chí xã NTM là: 0,79%([[12]](#footnote-12)).

*c. Tự đánh giá:* 16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.12. Về lao động*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (*≥*80%).*

*- Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*≥*30%.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*

Lực lượng lao động của 16 xã là 71.686 người. Trong đó, số lao động đã qua đào tạo là 61.770 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo của 16 xã: 61.770/71.686 người, đạt tỷ lệ 86,3%.

**Bảng 4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của 16 xã**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã** | **Tổng số lao động** *(người)* | **Lao động qua đào tạo** *(người)* | **Tỷ lệ lao động qua đào tạo** *(%)* |
| 1 | An Ninh | 3.748 | 3.203 | 85,5 |
| 2 | Tiêu Động | 3.800 | 3.249 | 85,5 |
| 3 | Bình Nghĩa | 6.057 | 5.170 | 85,4 |
| 4 | Tràng An | 5.056 | 4.490 | 88,8 |
| 5 | Đồn Xá | 3.848 | 3.302 | 85,8 |
| 6 | Đồng Du | 4.851 | 4.192 | 86,4 |
| 7 | La Sơn | 3.892 | 3.387 | 87,0 |
| 8 | Bồ Đề | 3.063 | 2.618 | 85,5 |
| 9 | Trung Lương | 5.046 | 4.291 | 85,0 |
| 10 | Ngọc Lũ | 4.321 | 3.695 | 85,5 |
| 11 | An Lão | 5.850 | 4.975 | 85,0 |
| 12 | An Đổ | 3.929 | 3.350 | 85,3 |
| 13 | Vũ Bản | 6.861 | 5.907 | 86,1 |
| 14 | Bối Cầu | 2.503 | 2.265 | 90,5 |
| 15 | Hưng Công | 3.883 | 3.342 | 86,1 |
| 16 | An Nội | 4.978 | 4334 | 87,1 |
| **Tổng** | | **71.686** | **61.770** | **86,3** |

*\* Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ):*

Lực lượng lao động của 16 xã có 71.686 người, trong đó, số lao động đã qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ là 31.683 người; đạt tỷ lệ 44,2%([[13]](#footnote-13)).

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 12 - Lao động, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.13. Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 13.1: Xã có ít nhất 01 HTX hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã .*

*- Chỉ tiêu 13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững (Đạt)*

*- Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.*

*- Chỉ tiêu 13.4: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường:*

*- Chỉ tiêu 13.5: Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả:*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 13.1: Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.*

Trên địa bàn huyện huyện Bình Lục có 48 hợp tác xã nông nghiệp, gồm: 33 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và 15 hợp tác xã chuyên ngành. Các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp chủ yếu hoạt động các dịch vụ thiết yếu (thủy nông, bảo vệ thực vật, tiến bộ kỹ thuật, làm đất, cung ứng vật tư...) phục vụ thành viên. Trong những năm qua, các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh: Có 3 hợp tác xã (chiếm 9%) tổ chức 7 dịch vụ, 8 hợp tác xã (chiếm 25%) tổ chức 6 dịch vụ, 15 hợp tác xã (chiếm 45%) tổ chức 5 dịch vụ, 7 hợp tác xã (chiếm 21%) tổ chức 4 dịch vụ. Các hợp tác xã thường xuyên duy trì và mở rộng được diện tích liên kết sản xuất - bao tiêu sản phẩm lúa gạo, phát triển các dịch vụ mới phục vụ thành viên (gieo mạ khay - cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái, tiêu thụ sản phẩm); điển hình như: Hợp tác xã DVNN nông nghiệp Cát Lại, Đồ Xá, Hưng Đông, La Sơn, An Mỹ, Thanh Nội,...

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm 2024 lãi trên 1,71 tỷ đồng, tăng 4,9% so với năm 2023.

Hằng năm, 100% hợp tác xã được đánh giá, xếp loại đạt loại khá trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

*\* Chỉ tiêu 13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững*

Trên địa bàn 16/16 xã có mô hình liên kết gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Hà Nam; các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện.

**Bảng 5. Các mô hình liên kết của 16 xã**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên xã** | **Diện tích gieo cấy** *(ha)* | **Tên mô hình** | **Quy mô** *(ha)* |
| 1 | Bình Nghĩa | 227,1 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa LT2 KBL | 60 |
| 2 | Tràng An | 451,1 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 | 147,5 |
| 3 | Đồng Du | 392,3 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Thiên Ưu 8 | 30 |
| 4 | Đồn Xá | 458,3 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Gieo cấy lúa Khang Dân 18 và Nếp cái hoa vàng, lúa PM2 | 46,4 |
| 5 | La Sơn | 504,8 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lLúa ST 25 thương phẩm | 15 |
| 6 | Tiêu Động | 494,2 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 và Gieo cấy giống lúa LT2 KBL | 25 |
| 7 | An Lão | 737,6 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Khang dân 18 và Nếp cái hoa vàng | 195 |
| 8 | An Đổ | 482,5 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 | 30 |
| 9 | Trung Lương | 460,7 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 | 155 |
| 10 | Vũ Bản | 573,4 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 | 30 |
| 11 | Bồ Đề | 436,3 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định Bắc thơm số 7 | 145 |
| 12 | Ngọc Lũ |  | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định Lúa ĐT 37 | 70 |
| 175,6 |
| 13 | An Ninh |  | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định Bắc thơm số 7 và Bí đỏ | 65 |
| 257,7 |
| 14 | Bối Cầu | 454 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định Bắc thơm số 7, LT 2 | 30 |
| 15 | Hưng Công | 311,8 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định Bắc thơm số 7, LT 2 | 95 |
| 16 | An Nội | 605,4 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 | 45 |
| **Tổng** | | **7.022,80** |  | **1.183,9** |

*\* Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.*

- 16/16 xã có sản phẩm nông sản chủ lực như: Gạo Bắc thơm số 7, gạo nếp cái hoa vàng, gạo Đài Thơm 8, bưởi diễn, nho, rau các loại đã được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm; các sản phẩm nông sản chủ lực này đạt tiêu chuẩn chất lượng được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận và còn hiệu lực. Cụ thể:

- Các sản phẩm: Gạo Nếp cái hoa vàng xã Đồn Xá, An Lão, La Sơn; gạo Bắc thơm số 7 xã An Nội, Tiêu Động, An Đổ, An Ninh, Trung Lương, Tràng An, Bồ Đề; gạo Đài thơm 8 xã Vũ Bản; Nho Hạ đen, nho mẫu đơn, Thanh long, rau các loại xã Đồng Du, Bưởi diễn xã Ngọc Lũ, Rau các loại xã Bình Nghĩa … là những sản phẩm có mã QR truy xuất nguồn gốc; sản phẩm sản xuất đạt tiêu chuẩn Vietgap còn hiệu lực, trong đó một số sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP như: Bưởi diễn xã Ngọc Lũ, Nho Hạ Đen, nho Mẫu Đơn, Thanh Long xã Đồng Du, Hành dọc xã Hình Nghĩa được công nhận sản phẩm Ocop 3 sao.

*\* Chỉ tiêu 13.4: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường*

Trên địa bàn huyện Bình Lục có 04 làng nghề truyền thống và 05 làng nghề công nhận theo Quyết định 1367/QĐ-UBND ngày 18/01/2017. Làng nghề truyền thống gồm: Làng nghề sừngMỹ Nghệ Đô Hai xã An Lão; Tre đan Gòi Thượng **-**xã An Nội; Làng nghề Rũa cưa thôn Đại Phu xã An Đổ và Làng nghề Rượu Vọc **-** Xã Vũ Bản; Làng nghề gồm: Làng nghề bún bánh xóm 9, Xóm 6 Cát Lại, Xóm 8 Ngô Khê - Xã Bình Nghĩa; Làng nghề chế biến gỗ Thôn Bói Kênh - Xã An Lão; Làng nghề chế biến gỗ Xóm Cầu Gỗ - Xã Đồng Du.

09 làng nghề đều đang được duy trì và phát triển, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của xã, đời sống người dân được cải thiện, hộ có kinh tế khá và giàu tăng lên, người dân có việc làm, có thu nhập ổn định, bộ mặt nông thôn được đổi mới và tạo ra sự phân bố lại cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn của các địa phương. Tại các hộ sản xuất, kinh doanh trong làng nghề luôn thực hiện tốt quy trình xử lý khí thải, nước thải và thu gom rác thải, chất thải rắn; gắn các quy định về môi trường vào hương ước, quy ước của thôn, xóm (TDP) để các cơ sở sản xuất, hộ làm nghề thực hiện; các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất đang từng bước được cải tiến, áp dụng các thiết bị công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

*\* Chỉ tiêu 13.5: Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả*

100% số xã có tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo đúng quy định. Tổ khuyến nông cộng đồng xây dựng nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động của tổ và hoạt động theo quy định của pháp luật; có chức năng nhiệm vụ: Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp do cấp có thẩm quyền giao; hoạt động tư vấn, dịch vụ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá, cộng đồng dân cư nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái. Trong thời gian qua, các tổ khuyến nông cộng đồng đã thể hiện rõ vai trò trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, như tuyên truyền, tập huấn một số mô hình sản xuất tiên tiến cho người dân; phối hợp các hợp tác xã nông nghiệp dự tính, dự báo sâu bệnh trên lúa để hướng dẫn phòng trừ cho người dân; phối hợp thực hiện phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi;…

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.14. Về Giáo dục và đào tạo*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.*

*- Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp): ≥ 90%.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.*

- Tổng số trường học của 16 xã trên địa bàn huyện là 47 trường. Trong đó:

+ Mầm non 16 trường gồm 28 điểm trường, 213 lớp với 5.769 trẻ;

+ Tiểu học 15 trường gồm 24 điểm trường, 281 lớp với 9.620 học sinh;

+ THCS 16 trường gồm 16 điểm trường, 181 lớp với 7.779 học sinh.

**Bảng 6. Tổng hợp số liệu đạt chuẩn phổ cập, xóa mũ chữ**

| **TT** | **Tên xã** | **Đạt chuẩn PCGD Mầm non cho trẻ em 5 tuổi** | **Đạt chuẩn PCGD**  **Tiểu học**  (Mức độ) | **Đạt chuẩn PCGD THCS**  (Mức độ) | **Đạt chuẩn xóa mù chữ**  (Mức độ) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bình Nghĩa | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 2 | Tràng An | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 3 | Đồng Du | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 4 | Đồn Xá | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 5 | La Sơn | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 6 | Tiêu Động | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 7 | An Lão | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 8 | An Đổ | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 9 | Trung Lương | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 10 | Vũ Bản | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 11 | Bối Cầu | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 12 | Hưng Công | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 13 | An Nội | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 14 | Bồ Đề | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 15 | Ngọc Lũ | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |
| 16 | An Ninh | Đạt chuẩn | 3 | 3 | 2 |

16/16 xã đều đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, THCS mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (theo Quyết định số 4584/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Bình Lục về việc công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2024).

- Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi được huy động vào học đạt 100%; chất lượng giáo dục mầm non được nâng cao, trẻ em được chăm sóc, giáo dục toàn diện về thể chất, tinh thần, trí tuệ.

- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,33%; chất lượng giáo dục tiểu học được nâng cao, học sinh có kiến thức, kỹ năng cơ bản đáp ứng yêu cầu tiếp tục học lên trung học cơ sở.

- Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Tỷ lệ học sinh THCS trong độ tuổi tốt nghiệp THCS đạt 98,31.%; chất lượng giáo dục trung học cơ sở được nâng cao, học sinh có kiến thức, kỹ năng cơ bản đáp ứng yêu cầu tiếp tục học lên trung học phổ thông hoặc học nghề.

- Công tác xóa mù chữ: Với sự quan tâm, đầu tư của các cấp, các ngành, sự nỗ lực của toàn ngành giáo dục, huyện Bình Lục sẽ tiếp tục đạt được những kết quả cao trong công tác phổ cập giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*\*Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)*

Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) trên địa bàn 16 xã là 6336/6627 đạt 95,61%.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

***3.15. Về Y tế***

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) (≥90%).*

*- Chỉ tiêu 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.*

*- Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) (≤16,5%).*

*- Chỉ tiêu 15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử (đạt)*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*

Tỷ lệ bao phủ BHYT toàn huyện là 128.910/135.650 người, đạt 95,0% (*tăng 8,28% so với năm 2019*). Trong đó: 16/16 xã trên địa bàn huyện đạt 114.730/120.235 người, đạt 95,4%([[14]](#footnote-14)) (*tăng 8,20% so với khi huyện được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2019*).

*\* Chỉ tiêu 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế*

Trong năm 2024 có 16/16 xã xây dựng đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế theo quyết định 1300/QĐ-BYT ngày ngày 09/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến 2030.

Các xã Đồn Xá, Đồng Du, Tràng An, Bình Nghĩa, La Sơn, Bồ Đề đã được công nhận xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến 2030 tại Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam.

Các xã An Lão, Tiêu Động, An Đổ, Trung Lương, Vũ Bản, An Ninh, Ngọc Lũ, Bối Cầu, Hưng Công đã được công nhận xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến 2030tại Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam.

*\* Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi(chiều cao theo tuổi)*

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi. Trên cơ cở báo cáo thống kê chiều cao và cân nặng trẻ em dưới 5 tuổi của các xã năm 2024 có tỷ trẻ em suy đinh dưỡng thấp còi là 1228/10.024 trẻ đạt tỷ lệ 12,3%.

*\*Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử*

Đến nay, 100% trạm y tế các xã, thị trấn đã cài đặt phần mềm y tế cơ sở, hồ sơ sức khỏe điện tử, quản lý tiêm chủng mở rộng, tiêm phòng Covid19, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế... Có 100% số xã, thị trấn có tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đều đạt theo quy định.

*c. Tự đánh giá:* 16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 15 - Y tế, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.16. Tiêu chí số 16 - Văn hóa*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới (≥70%).*

*b. Kết quả thực hiện:*

Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng NTM*” cùng với các phong trào xây dựng “*xóm văn hóa*”, “*gia đình văn hóa*”; “*đơn vị, cơ quan đạt chuẩn văn hóa*” được phát động, triển khai sâu rộng và được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, chung sức xây dựng NTM. Việc thực hiện bình xét danh hiệu xóm văn hóa thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy định chi tiết tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Năm 2024, trên địa bàn 16 xã có 93/98 thôn, xóm đạt danh hiệu “Thôn văn hoá”, đạt tỷ lệ 94,9%; 100% khu dân cư giữ vững truyền thống nền nếp “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư” được tổ chức vào ngày 18/11 hàng năm; 39.201/42.609 hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, đạt 92%;

16/16 xã xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* gắn với xây dựng nông thôn mới. Phong trào văn hóa, văn nghệ ở cơ sở phát triển sâu rộng trên địa bàn toàn huyện. Các hoạt động thể dục, thể thao tiếp tục phát triển, nhất là phong trào thể thao quần chúng, số người thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao ngày càng nhiều. Đời sống văn hoá tinh thần ngày một nâng cao. Toàn huyện có 423 CLB văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cấp xã: 23 câu bộ hát chèo, hát văn; 03 câu lạc bộ kèn đồng; 5 câu lạc bộ thơ; có 392 tổ, đội, CLB văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng. 100% thôn xóm trên địa bàn huyện đều xây dựng kế hoạch cụ thể nhiệm vụ, lộ trình thực hiện và hưởng ứng, tích cực tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã, huyện, tỉnh.

- Xã xây dựng và duy trì hoạt động mô hình phòng, chống bạo lực gia đình; không có vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm.

Trên địa bàn 16 xã đã thành lập trên 48 địa chỉ tin cậy cộng đồng tại gia đình đồng chí chi Hội trưởng hội phụ nữ và các thành viên trong xóm. 16/16 xã xây dựng và duy trì hoạt động mô hình phòng, chống bạo lực gia đình; không có vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm.

Trong các năm 2023, 2024 trên địa bàn 16 xã không có vụ việc bạo lực gia đình. Huyện Bình Lục xác định việc xây dựng gia đình văn hóa là hạt nhân quan trọng để xây dựng các phong trào văn hóa cũng như xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao. Với quan điểm hạnh phúc không chỉ được đo bằng “cơm ngon áo đẹp” mà trước hết phải yên lành. Quan điểm không chỉ “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, mà còn nhấn mạnh yếu tố “nhân dân thụ hưởng”. Lấy hạnh phúc và sự ấm no của nhân dân làm nhân tố cốt lõi đánh giá việc xây dựng nông thôn mới. Cùng với đó, huyện chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khoẻ và nâng cao tuổi thọ của người dân nhằm nâng cao sự hài lòng của người dân về cuộc sống.

*c. Tự đánh giá:* 16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 16 - Văn hóa, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.17. Về môi trường và an toàn thực phẩm*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥85% (≥65% từ hệ thống cấp nước tập trung).*

*- Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%*

*- Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:*

*- Chỉ tiêu 17.4: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: ≥2 m2/người.*

*- Chỉ tiêu 17.5: Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch*

*- Chỉ tiêu 17.6: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: ≥90%.*

*- Chỉ tiêu 17.7: Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:100%*

*- Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: ≥90%*

*- Chỉ tiêu 17.9: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: ≥80%*

*- Chỉ tiêu 17.10: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%*

*- Chỉ tiêu 17.11: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: ≥30%*

*- Chỉ tiêu 17.12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: ≥65%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥85% (≥65% từ hệ thống cấp nước tập trung).*

Hiện tại, trên địa bàn huyện có 08 nhà máy nước sạch cung cấp nước sạch cho Nhân dân trong huyện và một số địa bàn lân cận.

Các công trình cấp nước nông thôn hàng năm triển khai thực hiện cập nhật, theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn đảm bảo chất lượng nước đối với các công trình cấp nước tập trung. Kết quả kiểm tra các thông số chất lượng nước sau khi xử lý của các công trình cấp nước tập trung đáp ứng các yêu cầu ngưỡng giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT. Đối với các công trình cấp nước quy mô hộ gia đình, thực hiện lấy mẫu nước xét nghiệm chất lượng nước sạch sử dụng cho sinh hoạt đảm bảo các chỉ tiêu, giới hạn theo quy định.

- Tổng số hộ dân của 16 xã được sử dụng nước sạch tập trung trong huyện là 36.160/37.809 hộ đạt 95,60% (tăng 15% so với thời điểm huyện được công nhận NTM năm 2019)([[15]](#footnote-15)).

*\* Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%*

*Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản:*

Hàng năm UBND huyện xây dựng kế hoạch rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, tổ chức tuyên truyền và thông báo cơ sở lập hồ sơ môi trường theo đúng quy định. Trên địa bàn 16 xã có 505/505 cơ sở sản xuất-kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt 100%. Trong đó: 65 cơ sở phải lập hồ sơ môi trường; 440 cơ sở (332 sản xuất kinh doanh và 108 cơ sở nuôi trồng thủy sản) thuộc đối tượng không phải lập hồ sơ môi trường:

+ Đối với 65 cơ sở phải lập hồ sơ môi trường đều đã hoàn thành việc lập các hồ sơ theo quy định bảo vệ môi trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, xác nhận và thực hiện đúng các nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận, chấp thuận. 65/65 (đạt 100%) cơ sở phù hợp với quy hoạch và có báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo quy định; 100% cơ sở có công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; 100% cơ sở có công trình thu gom, thoát nước, xử lý nước thải, khí thải phát sinh theo quy định và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với 440/440 (đạt 100%) cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường đều phù hợp quy hoạch và đã thực hiện ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định. Ngoài ra, theo quy chế quản lý nuôi trồng thủy sản cấp huyện, 100% cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Bình Lục thực hiện cam kết không sử dụng hóa chất đã hết hạn, thuốc và hóa chất ngoài doanh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản; không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường.

- Hộ chăn nuôi: Toàn huyện có 1970/1970 (đạt 100%) cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm đều có biện pháp thu gom xử lý chất thải bằng hầm biogas hoặc hầm lắng lọc đạt theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Làng nghề: Trên địa bàn huyện Bình Lục có 09 làng nghề, trong đó có 04 làng nghề truyền thống và 05 làng nghề. 100% làng nghề đã lập phương án bảo vệ môi trường làng nghề. Tuy nhiên, hiện nay, số hộ sản xuất kinh doanh trong các làng nghề còn ít, các hộ sản xuất kinh doanh đều thực hiện đăng ký bảo vệ môi trường với UBND cấp xã. Chất thải phát sinh tại các làng nghề chủ yếu là rác thải sinh hoạt; chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất hầu như không phát sinh hoặc nếu phát sinh sẽ được các hộ sản xuất lưu giữ tại cơ sở đến khi đủ khối lượng ký hợp đồng thu gom vận chuyển xử lý với đơn vị có chức năng.

Mặt khác, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp huyện quản lý, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường hàng năm xây dựng các kế hoạch kiểm tra, giám sát các cơ sở về công tác bảo vệ môi trường kiên quyết xử lý các cơ sở vi phạm về luật bảo vệ môi trường.

*\* Chỉ tiêu 17.3: Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:*

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện tổ chức các hoạt động hưởng ứng các sự kiện quan trọng về môi trường như: Ngày Đất ngập nước thế giới 02/02; Ngày Nước thế giới 22/3; Ngày Khí tượng thế giới 23/3; Chiến dịch Giờ Trái đất; Tuần lễ quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường; Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn,... bằng nhiều hình thức, hoạt động, như treo băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền về bảo vệ môi trường, phát động tổng vệ sinh môi trường, thu gom rác thải trên toàn huyện, khơi thông dòng chảy và làm sạch dòng sông. Các khu dân cư xây dựng quy ước trong đó có nội dung về bảo vệ môi trường; duy trì đều đặn “ngày thứ 7 với dân” tổng vệ sinh môi trường hàng tuần, tổ chức trồng, chăm sóc cây bóng mát, cây hoa; huy động xã hội hóa và các nguồn lực để lắp đặt đèn điện chiếu sáng trên các tuyến đường.

Hệ thống kênh, mương tại địa bàn các xã, thị trấn được thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang và thực hiện vớt rác thải tại các kênh mương đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại các khu dân cư tập trung được đầu tư xây dựng hệ thống cống thoát nước và bể xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình đều được xử lý qua hệ thống bể tự hoại trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung. Các khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn, thương tích được đặt biển cảnh báo và có biện pháp để đảm bảo không để tai nạn thương tích xảy ra.

Các tuyến đường trên địa bàn xã được bê tông hóa, không có hiện tượng lầy lội khi mưa. Các xã đã xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy ước của thôn, xóm.

Hệ thống các trục đường huyện, xã, khu dân cư tập trung đã có điện chiếu sáng. Tổng số km tuyến đường có điện chiếu sáng trên địa bàn huyện khoảng 861km, trong đó tại các xã khoảng 830 km; 100% tuyến đường qua khu dân cư có đèn điện chiếu sáng. Thực hiện lắp đặt biển báo an toàn giao thông tại các tuyến đường, cảnh báo các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người đi lại; hệ thống đèn, điện chiếu sáng được lắp đặt ở các trục đường giao thông chính xã, thôn, ngõ xóm; cây xanh, hoa được trồng dọc các tuyến đường huyện, xã, thôn. Hệ thống giao thông nông thôn được vệ sinh, trục đường xã đã được bảo dưỡng thường xuyên, các tuyến đường thôn, xóm được duy trì hàng tuần vệ sinh cắt cỏ tỉa cây, các thôn, xóm đã hình thành các tổ thu gom vệ sinh môi trường. Diện mạo nông thôn có sự đổi thay mạnh mẽ, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Đến nay, 42.609/42.609 (đạt 100%) hộ gia đình thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp và hàng rào cổng ngõ trên địa bàn huyện; 90% tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện đã được trồng hoa, cây bóng mát như: cây sấu, bằng lăng, chiều tím, hoa ban, cây thông, hoa osaka, bàng Đài Loan,... (những đoạn còn lại không trồng được cây chủ yếu do không có lề đường, đoạn đường giáp với ruộng lúa, …)

*\* Chỉ tiêu 17.4: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: ≥ 2m2/người*

- Thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ và ngay từ đầu năm UBND huyện đã xây dựng kế hoạch Tết trồng cây giao chỉ tiêu trồng các loại cây xanh cho 15 xã, thị trấn, hàng năm các xã đã tập trung triển khai thực hiện trồng cây xanh, cây phân tán trên các tuyến đường và tại các điểm công cộng, khuôn viên cơ quan, trường học, nhà văn hóa, sân thể thao, các điểm di tích... theo quy hoạch, đảm bảo cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp. Năm 2024, các xã trồng được 210.100 cây xanh, cây phân tán các loại như cây hoa ban, bàng Đài Loan, muồng hoàng yến, keo, vú sữa, xoài.... Sau khi trồng, UBND các xã giao cho các tổ chức đoàn thể chăm sóc, bảo vệ, nên tỷ lệ sống rất cao và nhanh tốt. Hiện nay, các trục đường giao thông, các trụ sở công cộng đều được trồng cây xanh, cây bóng mát. Tổng số nhân khẩu của 16 xã: 120.235 người. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn thực tế trong các công trình của các xã là 549.474 m2. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người là 4,57 m2/người, tăng 2,23 m2/người (*tăng 99,5% so với thời điểm huyện đạt chuẩn NTM năm 2019*) ([[16]](#footnote-16)).

*\* Chỉ tiêu 17.5: Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch*

Các nghĩa trang nhân dân trên địa bàn huyện đảm bảo các quy định của pháp luật về môi trường và đúng theo quy hoạch sử dụng đất. 100% các nghĩa trang xây mới được thực hiện theo quy hoạch đảm bảo các yêu cầu tiêu chí về bảo vệ môi trường. Trên địa bàn huyện không có cơ sở hỏa táng. Việc mai táng, hỏa táng đối với người theo tôn giáo tại khuôn viên nhà thờ và các cơ sở tôn giáo khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; địa điểm mai táng trong khuôn viên cơ sở tôn giáo không ảnh hưởng đến nguồn nước cấp cho sinh hoạt; chất thải rắn phát sinh khi tổ chức mai táng được thu gom, xử lý bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường. Việc mai táng được thực hiện theo Quy chế quản lý, sử dụng nghĩa trang đảm bảo vệ sinh môi trường và phù hợp với phong tục tập quán ở địa phương. Các địa phương đã tích cực tuyên truyền thông qua các cuộc họp thôn, xóm để vận động Nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng, giải thích cho người dân những lợi ích của việc hỏa táng thay vì địa táng. Quá trình tuyên truyền, triển khai thực hiện đã giúp người dân ngày càng nhận thức đúng hơn về hình thức hỏa táng, nhất là từng bước thay đổi thói quen, tập quán lạc hậu ở các vùng nông thôn.

*\* Chỉ tiêu 17.6: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: ≥90%.*

Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại 16 xã ước tính khoảng 43,60 tấn/ngày (15.914 tấn/năm). Trong đó, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý khoảng 42,81 tấn/ngày (15.627 tấn/năm), đạt tỷ lệ 98,2%. Khối lượng chất thải sinh hoạt được phân loại, tái chế và tự xử lý tại hộ gia đình khoảng 10,7 tấn/ngày (3.905 tấn/năm), khối lượng rác được thu gom, đưa đi xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung khoảng 32,11 tấn/ngày (11.732 tấn/năm). Khối lượng rác thải sinh hoạt chưa được thu gom và xử lý triệt để 0,79 tấn/ngày do một bộ phận ít người dân có ý thức chưa cao trong công tác bảo vệ môi trường. Trong thời gian tới, UBND huyện Bình Lục tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cùng các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với trường hợp đổ rác không đúng nơi quy định.

Năm 2024, chất thải rắn không nguy hại (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải từ hoạt động chăn nuôi, chất thải xây dựng, phụ phẩm nông nghiệp) phát sinh trên địa bàn 16 xã khoảng 29.366 tấn/năm; trong đó khối lượng chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý khoảng 29.072 tấn/năm, đạt tỷ lệ 99%. UBND các xã phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hộ dân thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp theo đúng quy định như: sử dung lại để làm phân bón, chất đốt, thức ăn gia súc, …

*\*Chỉ tiêu 17.7: Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:100%*

Tổng lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng của 16 xã trên địa bàn huyện phát sinh ước tính khoảng 3.115 kg/năm. Thực hiện Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại khoản đ Điều 3 về thu gom vận chuyển và xử lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Các xã đã đặt 3.060 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng, đồng thời xây dựng quy chế thu gom, xử lý vỏ thuốc BVTV và tổ chức tuyên truyền, kiểm tra việc chấp hành của các hộ sau khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Nhận thức được sự ô nhiễm của các vỏ bao bì thuốc BVTV nên 100% các hộ nông dân chấp hành nghiêm theo quy định, sau khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đều có ý thức cho vỏ, bao bì vào các thùng chứa theo đúng quy định. Hằng năm, UBND các xã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng như Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC Nam Định về vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định. Vì vậy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom và xử lý đúng theo quy định trên địa bàn 16 xã, đạt 100%.

Toàn bộ 100% các cơ sở y tế của 16 xã trên địa bàn huyện đều ký hợp đồng bàn giao chất thải rắn y tế với Trung tâm y tế huyện lưu giữ, sau đó Trung tâm Y tế huyện thực hiện ký hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC để vận chuyển, đưa xử lý theo quy định về chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại.

Tổng khối lượng chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn 16 xã phát sinh năm 2024 là 2.450 kg/năm. Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại tại Trung tâm y tế huyện, Trạm y tế, cơ sở y tế được thu gom, xử lý là 2.796/2.796 kg, đạt tỷ lệ 100%.

*\* Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:*

- Trên địa bàn 16 xã có 42.609/42.609 (đạt 100%) số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh, các hộ dân trong huyện thực hiện tốt cuộc vận động “5 không, ba sạch“ (Gia đình không đói nghèo; không có người vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; không bất bình đẳng giới; không vi phạm chính sách dân số; không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học; sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp), các hộ đã có nhà tiêu xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh đã được xử lý qua hệ thống bể tự hoại trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung; nhà tắm đã được các hộ xây kín đáo có tường bao, có mái che, nước thải tắm giặt cũng đã được xử lý tại hệ thống bể ngầm 03 ngăn trước khi thải ra môi trường, các hộ đã sử dụng thiết bị chứa nước như thùng nhựa, bể bê tông, lu, sành, chum, vại, bể inox có nắp đậy kín phòng ngừa bụi, bẩn và muỗi vào đẻ trứng và các hộ đã thường xuyên vệ sinh, thau rửa hệ thống thiết bị chứa nước định kỳ 03 tháng/lần, đạt tỷ lệ 100%.

*\* Chỉ tiêu 17.9: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: ≥80%*

Công tác chăn nuôi của huyện trong các năm qua phát triển ổn định theo hướng giảm chăn nuôi quy mô nông hộ, tăng chăn nuôi theo quy mô trang trại. Tổng số cơ sở chăn nuôi của các xã trên địa bàn huyện là 1.825 cơ sở. Hàng năm các cơ sở được tuyên truyền nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường trong chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật về chăn nuôi. Các hộ chăn nuôi đã nhận thức và thực hiện đúng theo các quy định của Luật Thú y; tại 16 xã có cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 1.767/1.825 tổng số cơ sở chăn nuôi bằng 96,8%, (tăng 6,14% so với khi huyện đạt chuẩn NTM năm 2019)([[17]](#footnote-17)).

*\* Chỉ tiêu 17.10: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%*

Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm toàn huyện 2.787 cơ sở. Phân theo lĩnh vực: Ngành Y tế quản lý 185 cơ sở; ngành Nông nghiệp quản lý 2122 cơ sở; ngành Công thương quản lý 480 cơ sở. Số cơ sở đã thực hiện ký cam kết 2.774/2.774 cơ sở, số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm 30/30 cơ sở đạt 100%.

Trong 16 xã thực hiện xây dựng NTM, có 2.602 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trong đó: Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý 2.122 cơ sở. Số cơ sở đã thực hiện ký cam kết 2.589 cơ sở, số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm 23/23 cơ sở đạt 100% (xã Bình Nghĩa 56 cơ sở, Tràng An 210 cơ sở, Đồng Du 197 cơ sở, Đồn Xá 152 cơ sở, La Sơn 116 cơ sở, Tiêu Động 163, An Lão 175 cơ sở, An Đổ 65 cơ sở, Trung Lương 165 cơ sở, Bình An 445 cơ sở, Vũ Bản 150 cơ sở. Ngọc Lũ 207 cơ sở, Bồ Đề 224 cơ sở, An Ninh 267 cơ sở).

Hàng năm, 100% cơ sở được trang bị, bổ sung kiến thức về an toàn thực phẩm thông qua hình thức tập huấn trực tiếp hoặc gửi tài liệu tập huấn đối với cơ sở không tham dự được.

*\* Chỉ tiêu 17.11: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.*

Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn 16/16 xã là 26.890/37.809 hộ, đạt 71,1%.

Hoạt động phân loại chất thải rắn tại nguồn giúp các hộ gia đình tận dụng chất thải có thể tái chế để bán phế liệu và tự xử lý chất thải thực phẩm qua đó giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý tập trung. Lượng rác thải phát sinh sau khi xử lý làm phân bón, chất dinh dưỡng làm giàu cho đất, ước tính giảm thiểu khoảng 10% lượng rác thải phát sinh ra môi trường.

*\* Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: ≥ 65%*

Để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý chất thải rắn, từng bước giảm sử dụng túi nilong và đồ nhựa dùng 01 lần. Trong những năm qua, huyện Bình Lục đã và đang triển khai nhiều kế hoạch nhằm kiểm soát ô nhiễm do chất thải nhựa, như ban hành kế hoạch và các văn bản triển khai thực hiện; phát động phong trào “Chống rác thải nhựa”; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới và Tháng hành động vì môi trường năm 2023 với chủ đề “Giải pháp cho ô nhiễm nhựa”, trong đó tập trung thực hiện chiến dịch “Chống ô nhiễm nhựa” nhằm truyền tải mạnh mẽ thông điệp giảm thiểu ô nhiễm nhựa thông qua các hoạt động, sáng kiến về tái chế, tăng cường tái chế nhựa, hướng tới lối sống xanh, sạch hơn thực thi hiệu quả chính sách chống rác thải nhựa. Thông qua hoạt động đã góp phần thay đổi nhận thức của người dân trong việc thu gom, xử lý rác thải nhựa trong hoạt động hàng ngày như các mô hình “Mang giỏ sách đi chợ để giảm thiểu túi nilong”, “Ngôi nhà xanh thu gom rác thải nhựa gây quỹ vì phụ nữ nghèo” của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện; mô hình “Thu gom rác thải nhựa, rác thải tái chế để bán cho đơn vị có nhu cầu” của người dân. Tỷ lệ thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý đúng quy định đối với chất thải nhựa trên địa bàn 16 xã từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động văn hóa thông tin và hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình khoảng 5.175/5.253 kg/ngày, đạt tỷ lệ 98,5%. Trong đó, khối lượng chất thải nhựa được tái chế, tái sử dụng đạt khoảng 1.828 kg/ngày, khối lượng được thu gom và xử lý đúng quy định đạt khoảng 3.347 kg/ngày.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm,theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.*

*- Chỉ tiêu 18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

*- Chỉ tiêu 18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (100%).*

*- Chỉ tiêu 18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định:*

*- Chỉ tiêu 18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội*

*- Chỉ tiêu 18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn*

Năm 2024 các xã, thị trấn được giao 344 CBCC (theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện Bình Lục) số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2024: 309 người, trong đó 177 cán bộ và 132 công chức.

- Trình độ giáo dục phổ thông: 309/309 người.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 11 người (chiếm 3,56%); đại học 272 người (chiếm 80,02%); cao đẳng 05 người (chiếm 1,62%); trung cấp 21 người (chiếm 6,80%).

- Trình độ lý luận: Cao cấp 04 người (chiếm 1,29%), trung cấp 293 người (chiếm 94,82%);

- Trình độ quản lý nhà nước: Bồi dưỡng QLNN:

+ Chuyên viên chính: 02 người, chiếm 0,65%;

+ Chuyên viên và tương đương 256 người, chiếm 82,85%.

- Cán bộ, công chức 16/16 xã cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: 309/309 người đạt 100%.

Tỷ lệ chiếm 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

*\* Chỉ tiêu 18.2. Đảng bộ, chính quyền các xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

Hàng năm 100% Đảng bộ các xã được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên tại các Quyết định:  *Quyết định số 278-QĐ/HU, ngày 12/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc xếp loại chất lượng Tổ chức cơ sở Đảng năm 2022; Quyết định số 373-QĐ/HU, ngày 29/12/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc xếp loại chất lượng Tổ chức cơ sở Đảng năm 2023; Quyết định số 500-QĐ/HU, ngày 16/12/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc xếp loại chất lượng Tổ chức cơ sở Đảng năm 2024.*

Hàng năm 100% Chính quyền cơ sở các xã được đánh giá cơ sở chính quyền vững mạnh.

*\* Chỉ tiêu 18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của các xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên*

Cơ quan Uỷ ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể các xã đều được Uỷ ban MTTQ huyện và các tổ chức đoàn thể của huyện đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

*\* Chỉ tiêu 18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 ban hành Hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh; Công văn 150/HĐPH-TT ngày 23/02/2024 về việc hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL, hoà giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024. Trên cơ sở đó Phòng Tư pháp tham mưu Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật huyện văn bản số 07/HĐPH-TT ngày 29/02/2024 về việc hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL, hoà giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024; tham mưu UBND huyện thành lập Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các xã về chỉ tiêu xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. 17/17 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND huyện Bình Lục về công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024).

\* Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn:

- 100% văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện được ban hành đúng quy định pháp luật. Trong năm 2024, UBND huyện Bình Lục ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản QPPL do HĐND-UBND huyện ban hành đều đảm bảo về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đúng trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định. Các văn bản QPPL trước khi ban hành đều tổ chức lấy ý kiến tham gia của các phòng, ban, đoàn thể và nhân dân. Do đó, sau khi ban hành văn bản có tính khả thi cao, sát với tình hình thực tế của địa phương.

*\* Tiếp cận thông tin:*

- HĐND-UBND huyện đã xây dựng trang thôn gtin điện tử của huyện trong đó có thực hiện lập, cập nhật, đăng tải Danh mục thông tin phải công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định pháp luật. 100% thông tin được công khai kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật. Thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật.

*\* Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở*

Thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 16/01/2024/2024 của UBND tỉnh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024, UBND huyện Bình Lục đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 19/01/2024 về việc triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024; Xây dựng báo cáo 349/BC-UBND ngày 28/10/2024 báo cáo Kết quả công tác phổ biến GDPL, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024, hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra theo kế hoạch. Bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- 100% đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp huyện được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật.

*\* Trợ giúp pháp lý*

- Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam trợ giúp pháp lý cho người dân thuộc đối tượng trợ giúp theo quy định của pháp luật; 100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

***\**** *Chỉ tiêu 18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội*

- Tổng số cán bộ nữ đang đảm nhiệm chức danh lãnh đạo chủ chốt của 16 xã là 11 người. Số cán bộ nữ được phê duyệt quy hoạch các chức danh chủ chốt cấp xã để khi khuyết thực hiện bố trí vào các vị trí chủ chốt là 16 người. Đảm bảo 100% xã có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt, có cán bộ nữ được quy hoạch để khi khuyết thực hiện bố trí vào các vị trí chủ chốt theo quy định.

- Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ lệ giới tính khi sinh đạt chỉ tiêu.

- 16/16 xã đều có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình theo quy định (tại trạm Y tế các xã)

*\* Chỉ tiêu 18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.*

Trong năm 2024, Ủy ban Nhân dân huyện đã phối hợp với Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Hà Nam tổ chức 04 lớp tập huấn để phổ biến và bồi dưỡng kiến thức xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn, Ủy ban Nhân dân huyện ban hành kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới. Thành phần là chuyên viên trực tiếp tham mưu NTM của các cơ quan, đơn vị; Ban chỉ đạo, Ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới cấp xã; cán bộ trực tiếp tham mưu theo dõi chương trình xây dựng nông thôn mới cấp xã; cán bộ đoàn thể cấp xã; Bí thư chi bộ; Trưởng thôn xóm; Trưởng ban công tác mặt trận thôn xóm; cán bộ Hợp tác xã; Tổ hợp tác; chủ trang trại; nông dân tiêu biểu; người dân có uy tín; tổng số học viên trên 400 người).

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### *3.19. Về quốc phòng và An ninh*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.*

*- Chỉ tiêu 19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 19.1: Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.*

- Hàng năm Ban Chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện ban hành Nghị quyết, Chỉ thị về công tác Quốc phòng, quân sự địa phương; Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; ban hành Quyết định giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ (DQTV), Kế hoạch và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự ở địa phương.

- Phối hợp các ban, ngành, địa phương tham mưu Hội đồng GDQP-AN huyện cử cán bộ thuộc đối tượng 2, đối tượng 3, các chức sắc, chức việc tham gia các lớp bồi dưỡng của cấp trên và tổ chức bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng theo đúng kế hoạch. Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân.

- Cơ quan Thường trực Hội đồng NVQS huyện đã phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về NVQS; hướng dẫn Hội đồng NVQS các xã đăng ký, quản lý, xét duyệt các tiêu chuẩn nhập ngũ chặt chẽ đối với nguồn công dân nam diện SSNN; phối hợp ngành Y tế tham mưu, tổ chức khám sức khỏe NVQS; phối hợp ngành Công an chỉ đạo công tác xét duyệt tiêu chuẩn chính trị và phối hợp các ban, ngành, các địa phương tổ chức gặp mặt và tiễn thanh niên lên đường nhập ngũ trang trọng, đúng luật, hoàn thành 100% chỉ tiêu Pháp lệnh Nhà nước, bảo đảm chất lượng. Đồng thời phối hợp các ngành có liên quan đôn đốc các địa phương kiên quyết xử lý nghiêm thanh niên không chấp hành luật NVQS. Vì vậy trong những năm qua địa phương không để xảy ra khiếu kiện, thắc mắc của cán bộ, Nhân dân trong việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ.

- Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng nền QPTD, thế trận QPTD gắn với thế trận ANND. Thường xuyên coi trọng xây dựng LLVT huyện vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đẩy mạnh xây dựng lực lượng DQTV ngày càng “vững mạnh, rộng khắp” đủ cơ cấu, thành phần (dân quân cơ động, pháo binh, phòng không, binh chủng và dân quân tại chỗ), có tổ chức, biên chế chặt chẽ, thống nhất, hoạt động chất lượng, hiệu quả. Đến nay, toàn huyện tỷ lệ DQTV đạt 1,34% so với dân số.

Cơ quan quân sự các cấp phối hợp tổ chức tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao, nâng cao hiệu quả hoạt động theo Đề án “Tổ chức lực lượng, xây dựng mô hình điểm, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2022 - 2025”, phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ, địa bàn của từng địa phương. Tập trung huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, nhất là khả năng nắm, xử lý tình huống an ninh, quốc phòng tại thực địa cho dân quân tự vệ, v.v. Coi trọng luyện tập, diễn tập theo phương án sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu phòng thủ cấp xã và các phương án phòng, chống khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn,... không để bị động, bất ngờ. Trong nhiệm kỳ vừa qua, 16/16 xã đã tổ chức thành công cuộc diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Thực hiện nghiêm và có hiệu quả kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân tự vệ với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của DQTV; Thông tư số 43/2020/TT-BQP và các văn bản pháp luật khác có liên quan góp phần giữ gìn ANCT, TTATXH trên địa bàn.

- Ban CHQS các xã có đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu, thành phần: Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, sĩ quan dự bị. Phó chỉ huy trưởng là cán bộ hoạt động không chuyên trách. Chính trị viên do Bí thư Đảng uỷ xã kiêm nhiệm. Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã kiêm nhiệm. Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng: Được đào tạo cơ bản Trung cấp, Cao đẳng quân sự cơ sở. Hằng năm được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của Bộ quốc phòng. Cùng với đó, đẩy mạnh công tác phát triển Đảng và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ gắn với chủ trương kiện toàn, thành lập, nâng cao hiệu quả hoạt động của chi bộ quân sự ở 100% xã theo Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII).

- Hàng năm, Ban CHQS của 16/16 xã đều có Kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt đúng quy định; Ban Chỉ huy quân sự (CHQS) cấp xã có biên chế đủ theo quy định; các xã đều có nơi làm việc riêng cho Ban CHQS và được biên chế vũ khí trang bị, trang thiết bị làm việc đầy đủ, riêng biệt theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức đăng ký quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật theo đúng quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP quy định trang bị, đăng ký, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật DQTV và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng DQTV.

- Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên; chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương. Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

\**Chỉ tiêu 19.2*: *Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không cỏ công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma tủy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, chảy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng chảy, chữa chảy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

Toàn bộ 16/16 xã của huyện Bình Lục đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

- Hàng năm, Đảng ủy xã đã có Nghị quyết, Ủy ban Nhân dân xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật trên địa bàn các xã:

+ Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

+ Không để xảy ra những hoạt động như: kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật đe gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 5% so với năm trước; tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông được kiềm chế, giảm so với năm ước; không xảy ra cháy, nổ trên địa bàn.

- Các xã tiếp tục triển khai mô hình Tổ Nhân dân tự quản về an ninh, trật tự hoạt động hiệu quả, góp phần đảm bảo tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn.

- 16/16 xã của huyện Bình Lục đều không nằm trong danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

- Tập thể Công an các xã đều được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

*c. Tự đánh giá:*16/16 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

## 4. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã

Kết quả thực thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao (*Đánh giá đối với 10 xã: An Ninh, Tiêu Động, Bình Nghĩa, Tràng An, Đồn Xá, Đồng Du, Bồ Đề, La Sơn, An Lão, Trung Lương)* theo Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, Quyết định số 211/QĐ-TTg và các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND.Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Hà Nam sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí về xã NTM, bộ tiêu chí về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí về Huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

### *4.1. Về quy hoạch và thực hiện quy hoạch*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch: Đạt*

*- Chỉ tiêu 1.2: Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch: Đạt*

*- Chỉ tiêu 1.3: Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên: Đạt*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch*

Kết quả: Có 10/10 xã trên địa bàn huyện đã được UBND huyện phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn[[18]](#footnote-18).

*\*Chỉ tiêu 1.2: Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch*

Các quy hoạch sau khi được phê duyệt đã được công khai, công bố trên hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở UBND các xã, thôn xóm nơi thực hiện quy hoạch; UBND huyện đã ban hành quy chế quản lý quy hoạch theo quy định; việc đầu tư thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng, văn hóa, xã hội được thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Công tác quản lý quy hoạch ở cấp huyện, cấp xã đều được thực hiện theo sự phân cấp quản lý. Huyện đã giao cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện chủ trì quản lý các quy hoạch lớn (Quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị: Phòng Kinh tế - Hạ tầng; Quy hoạch sử dụng đất: Phòng Tài nguyên - Môi trường); Các xã được giao quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và các quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn quản lý.

*\*Chỉ tiêu 1.3: Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên*

10/10 xã đã tổ chức quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân nông thôn, khu dân cư tập trung mới phù hợp với quy hoạch, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hoá theo quy hoạch cấp trên, làm cơ sở để thu hút đầu tư và quản lý trật tự xây dựng.

Để phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện cũng như chương trình phát triển đô thị được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, huyện Bình Lục đã triển khai lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu vực trung tâm xã, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm khu dân cư tập trung tại 10/10 xã với mục tiêu đầu tư hạ tầng khu dân cư có hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đất ở và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 1 - Quy hoạch, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.2. Về giao thông*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 2.1: Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định: 100%*

*- Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: được cứng hóa và bảo trì hàng năm: 100%. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: ≥75%.*

*- Chỉ tiêu 2.3: Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: ≥95%*

*- Chỉ tiêu 2.4: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa:75%.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 2.1: Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định*

Đối với 10 xã: số km đường xã là 113,18 km. Trong đó: 100% nền đường đạt chuẩn đường giao thông nông thôn cấp Bnền ≥ 5,5m, mặt đường được nhựa hóa, bê tông hóa Bmặt ≥ 3,5-5m.

Hàng năm UBND huyện, UBND các xã đều bố trí kinh phí cho việc duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông trên địa bàn. Tổng số km được bảo trì hàng năm là 113,18 /113,18 km đạt tỷ lệ 100%; các đầu mối giao thông giao nhau giữa đường thôn với đường trục xã, đường xã với đường Quốc Lộ đều được làm các gờ giảm tốc, lắp biển báo, biển chỉ dẫn đúng quy định. Trên các tuyến đường xã, liên xã của 10 xã có tổng số 354 hạng mục giao thông (biển báo, biển chỉ dẫn ..) được lắp đặt, 175 m2 sơn vạch kẻ đường, 764,5 m2 gờ giảm tốc; hệ thống điện chiếu sáng bằng cột đúc, cột tuýp (90-110cm), đèn led. 100% tuyến đường được trồng cây xanh, cây có hoa, cây bóng mát. Các xã thường xuyên phát động nhân dân, các tổ chức đoàn thể tham gia phong trào làm vệ sinh môi trường các tuyến đường theo phong trào: “Ngày Thứ 7 với dân”, “Ngày Chủ nhật xanh” hàng tháng; dọn dẹp vệ sinh môi trường, trồng hoa, cây xanh, tạo cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp.

*\*Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: được cứng hóa và bảo trì hàng năm: 100%. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp*

Đối với 10 xã: đường thôn được cứng hóa là 109,02/109,02 km, đạt 100%; Bnền ≥ 4 m, (Bmặt ≥ 3 m) đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Các tuyến đường thôn, xóm được bảo trì hàng năm, trồng cây xanh lấy bóng mát và tạo cảnh quan, lắp điện chiếu sáng; các đầu mối giao thông giao nhau giữa đường thôn, xóm với đường trục xã, đường xã được làm gờ giảm tốc, lắp biển báo, biển chỉ dẫn đúng quy định; Các thôn, xóm thường xuyên phát động Nhân dân, các tổ chức đoàn thể tham gia phong trào làm vệ sinh môi trường các tuyến đường; phát động Nhân dân trồng hoa ven đường tạo cảnh quan môi trường sáng- xanh - sạch - đẹp.

*\*Chỉ tiêu 2.3: Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp*

Trên địa bàn 10 xã các tuyến đường ngõ, xóm đã được cứng hóa (bê tông hóa, nhựa hóa), đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 182,68/182,68 km đạt tỷ lệ 100%.

*\*Chỉ tiêu 2.4: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa*

Tuyến đường trục chính nội đồng trên địa bàn 10 xã đã được cứng hóa, bê tông hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa là 125,79/125,79 km (đạt 100%); nền đường trục chính nội đồng có quy mô tối thiểu cấp C trở lên theo quy định tại Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ giao Thông Vận tải.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 2 - Giao thông, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.3. Về Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 3.1: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động: ≥90%*

*- Chỉ tiêu 3.2: Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.*

*- Chỉ tiêu 3.3: Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước: ≥50%.*

*- Chỉ tiêu 3.4: Tỷ lệ công trình thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.*

*- Chỉ tiêu 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Đạt*

*- Chỉ tiêu 3.6: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Khá*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 3.1: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động: ≥90%*

Trên địa bàn 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có tổng số 445,5 km kênh mương (trong đó kênh cấp 1 là 47,31 km, cấp 2 và cấp 3 là 415,5 km); hệ thống kênh mương thường xuyên được tu bổ, cải tạo, nạo vét, dòng chảy thông thoáng, không bị xả rác thải, rơm rạ xuống lòng kênh đảm bảo tốt cho công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai trên địa bàn. Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 10 xã là 5.612,9 ha, trong đó, diện tích được tưới và tiêu chủ động 5.612,9 /5.612,9 ha (đạt 100% tổng diện tích sản xuất nông nghiệp).

*\* Chỉ tiêu 3.2: Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: Đạt*

10/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đều có tổ chức thủy lợi cơ sở là các Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp có nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được xã giao để thực hiện cấp, tưới, tiêu và thoát nước, thông báo lịch cấp, tưới, tiêu, thoát nước cho người dân trên địa bàn xã. Các Hợp tác xã thành lập và hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012. Hàng năm các Hợp tác xã đều ký hợp đồng với các Xí nghiệp thủy nông huyện để cung cấp dịch vụ thủy lợi trên địa bàn 100% số thôn của xã; các HTX ban hành thông báo lịch cấp, tưới, tiêu và thoát nước đảm bảo vận hành và điều tiết nước tới từng thửa ruộng kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp của Nhân dân. Các HTX đều có điều lệ, quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 80% số thành viên của HTX thông qua và Ủy ban Nhân dân các xã xác nhận. Các HTX đều có lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa 100% các công trình được giao quản lý; có lập phương án bảo vệ các công trình thủy lợi, đảm bảo không để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; một số HTX có ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong vận hành điều tiết nước phục vụ tưới tiêu cho cây lúa và có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đều đạt từ 76 điểm trở lên tương đương mức đạt.

*\*Chỉ tiêu 3.3: Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước:*

10/10 xã đã thực hiện áp dụng quy trình kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đối với cây trồng chủ lực là cây lúa. Tổng diện tích cây trồng chủ lực của 10 xã là 3.983,8 ha. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực (cây lúa) của 10 xã trên được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là đạt 51,03% (2,033,1.90/3.983,8ha). Trong đó: xã An Ninh 100 ha; xã Tiêu Động 182,4 ha; xã Bình Nghĩa 134 ha; xã Tràng An 182 ha; xã Đồn Xá 152,2 ha; xã Đồng Du 157 ha; xã Bồ Đề 214,5 ha; xã La Sơn 385 ha; xã An Lão 296 ha, xã Trung Lương 230 ha.

\**Chỉ tiêu 3.4: Tỷ lệ công trình thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.*

Hàng năm, UBND huyện thường xuyên chỉ đạo UBND các xã thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, nâng cấp, bảo trì các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước được cấp và nguồn kinh phí huy động, xã hội hóa; 10/10 xã đã thực hiện ban hành kế hoạch bảo trì các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% kế hoạch. Kế hoạch kiểm tra các công trình thủy lợi của các xã được triển khai thực hiện trước và sau mùa mưa bão, có phương án sửa chữa kịp thời, thực hiện tốt các quy định về an toàn công trình để đảm bảo công tác quản lý vận hành, an toàn công trình.

*\* Chỉ tiêu 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Đạt*

100% các công trình thủy lợi được tách biệt với hạ tầng khu dân cư và sinh hoạt của Nhân dân; không có cơ sở sản xuất, kinh doanh xả thải nước thải ra môi trường vào công trình thủy lợi. Do đó không có nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân trên địa bàn nội dung kiểm soát, xử lý nguồn nước thải từ sinh hoạt, từ chăn nuôi, và các hoạt động kinh doanh của đơn vị trước khi thải ra môi trường.

Trong năm 2024, Ủy ban Nhân dân 10 xã đã tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn kiểm soát, xử lý nguồn nước thải từ sinh hoạt, từ chăn nuôi và các hoạt động kinh doanh của đơn vị; trước khi thải ra môi trường 100% nguồn nước thải phải được qua xử lý đảm bảo quy định. Đến nay, trên địa bàn 10/10 xã không có vi phạm về nguồn nước xả thải vào các công trình thủy lợi trên địa bàn.

*\*Chỉ tiêu 3.6: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.*

10/10 xã đã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; hàng năm, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “*4 tại chỗ”* được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai. Hàng năm, các xã đã tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm, kịp thời các Luật, Nghị định và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh, UBND huyện về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão mạnh, siêu bão. Xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Công tác tuyên truyền được thường xuyên phát sóng trên hệ thống đài phát thanh huyện, cụm truyền thanh các xã và được phát tăng thời lượng, truyền tải kịp thời các bản tin, Công điện chỉ đạo của các cấp về phòng chống, ứng phó thiên tai trong thời điểm diễn ra các đợt bão, lũ, để các cấp chính quyền địa phương, cơ sở và người dân chủ động thực hiện.

- 10/10 xã có kết quả chấm điểm nội dung chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: đạt trên 70 điểm tương đương mức Khá.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.4. Về Điện*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (100%)*

*b. Kết quả thực hiện:*

Trên địa bàn 10 xã có 184 trạm biến áp với tổng công suất 47260 kVA, đường dây trung áp 123.7 km, đường dây hạ áp 349.1 km. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định là 24.423 hộ, đạt 100%.

*c. Đánh giá:* 10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 4 - Điện, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.5. Về giáo dục*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 5.1: Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: 100%.*

*- Chỉ tiêu 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt*

*- Chỉ tiêu 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 3*

*- Chỉ tiêu 5.4: Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2*

*- Chỉ tiêu 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá*

*- Chỉ tiêu 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: ≥ 01 mô hình*

*b. Kết quả thực hiện:*

\* *Chỉ tiêu 5.1*: *Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2:*

Trên địa bàn 10 xã có 30/30 trường học các cấp (*10 trường mầm non, 10 trường Tiểu học, 10 trường THCS*), đạt tỷ lệ 100% trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 trở lên, trong đó có 2/30 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và có 28/30 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện tại của các trường học đáp ứng tốt cho công tác quản lý giáo dục, tổ chức dạy và học ở các cấp học.

Các trường có khuôn viên đủ diện tích theo quy định trường chuẩn Quốc gia; có đầy đủ khối phòng học tập, phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập; khối phòng hành chính quản trị, khối phụ trợ, phòng y tế cơ bản đủ điều kiện phục vụ công tác quản lý, điều hành... có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bảng, bàn ghế của giáo viên và đều đạt chuẩn.

Các trường có đầy đủ trang thiết bị đồ dùng dạy học theo quy định, nhiều trường đã từng bước hiện đại hóa các phòng học, phòng học bộ môn: phòng học Ngoại ngữ, phòng học Tin học, phòng học Vật lý, phòng học Hóa học... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Các khu công trình công cộng; hệ thống lưới điện đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường; các nhà trường đều có hệ thống công nghệ thông tin, có kết nối Internet và hoạt động thường xuyên; 100% các trường có nguồn nước sạch hợp vệ sinh, có hệ thống tiêu thoát nước, sân chơi, bãi tập, khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh, cho giáo viên, riêng cho nam, nữ đảm bảo theo quy định; khu sân chơi, bãi tập có cây xanh, bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn... đủ cho 100% học sinh được học 02 buổi/ngày.

*\*Chỉ tiêu 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi*

Các xã đều quan tâm duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, 10/10 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt tỉ lệ 100% *(theo Quyết định số 4584/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Bình Lục về việc công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2024).*

*\*Chỉ tiêu 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS:*

10/10 xã đạt chuẩn phổ cập mức độ 3, đạt tỉ lệ 100% *(theo Quyết định số 4584/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Bình Lục về việc công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2024)..*

\**Chỉ tiêu 5.4: Đạt chuẩn xóa mù chữ*

10/10 xã đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2, đạt tỉ lệ 100% *(theo Quyết định số 4584/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Bình Lục về việc công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2024).*

*\* Chỉ tiêu 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại:*

Năm 2024, 10/10 xã “Cộng đồng học tập” cấp xã được xếp loại tốt *( theo Quyết định số 103/QĐ-PGDĐT ngày 24/10/2024 của Trưởng phòng GDĐT huyện Bình Lục).*

*\*Chỉ tiêu 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền*

10/10 xã có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Tất cả các trường học đều có khu giáo dục thể chất, thành lập các câu lạc bộ thể dục thể thao (bóng đá, bóng bàn, cầu lông, võ, bơi…) cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

*c. Đánh giá:* 10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 5 - Giáo dục, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.6. Về Cơ sở vật chất văn hoá*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 6.1: Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: Đạt.*

*- Chỉ tiêu 6.2: Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: Đạt*

*- Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: ≥50%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Tiểu mục 6.1: Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.*

Trung tâm văn hoá, thể thao của 10/10 xã được quy hoạch riêng biệt; 10/10 xã có nhà văn hoá, sân thể thao, đạt tỷ lệ 100%. Nhà văn hoá có từ 250 chỗ ngồi trở lên, diện tích đất từ 500 m2 trở lên; sân thể thao có diện tích đất từ 2500 m2 trở lên. Trong giai đoạn xây dựng NTM nâng cao, toàn huyện đã xây mới 9 nhà văn hóa (xã An Lão, Xã Đồn Xá, xã Ngọc Lũ, xã An Nội, xã Bồ Đề, xã Trung Lương, xã Bình Nghĩa, xã La Sơn, TT. Bình Mỹ).

Hệ thống cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa thôn, thể thao xã, thôn, xóm không ngừng phát triển. Các nhà văn hoá xóm hóa, khu thể thao thôn xóm được hoàn thiện đồng bộ, đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao của cộng đồng dân cư. Nhà văn hoá, Khu thể thao xã, thôn, xóm được các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân thường xuyên quan tâm bảo vệ, giữ gìn, khai thác sử dụng có hiệu quả, thiết thực, đã tạo điều kiện cho các sinh hoạt cộng đồng dân cư, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Các nhà văn hóa thôn tiếp tục được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đầu tư các trang thiết bị tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt của các câu lạc bộ văn nghệ, thể thao và hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại cơ và có bố trí tủ sách với nhiều đầu sách, một số xóm có phòng đọc để phục vụ nhu cầu của các em học sinh, nhân dân trên địa bàn. Sân thể thao các thôn, xóm được trang bị các dụng cụ luyện tập thể thao đơn giản.

Hiện nay, 10/10 xã đã lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời ở tất cả các thôn, xóm với tổng số 400 dụng cụ; lắp đặt, nâng cấp trang thiết bị âm thanh, mạng internet phát sóng wifi miễn phí tại các nhà văn hóa, dụng cụ thể thao... đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trên địa bàn các xã được tổ chức hoạt động thường xuyên, qua đó góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

*\* Tiểu mục 6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định:*

Công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa được quan tâm thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa, góp phần phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương, dân tộc. UBND huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện đề án và chỉ đạo các xã thực hiện những nội dung bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn. Thực hiện tốt quy định về bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di tích, không để xảy ra tình trạng xâm hại, lấn chiếm hay các hoạt động gây ảnh hưởng đến di tích.

Trên địa bàn 10 xã có 244 di tích trong danh mục kiểm kê, trong đó, có 12 di tích được xếp hạng di tích cấp quốc gia, có 12 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh, 220 di tích trong danh mục kiểm kê chưa xếp hạng. Tất cả các di tích được thực hiện những biện pháp phòng ngừa tránh sự xâm hại của môi trường tự nhiên, con người gây tác động xấu đến di tích, của người tham gia lễ như: Có phương án bảo vệ phòng, chống cháy nổ, bố trí bình phòng cháy, chữa cháy tại các di tích, bố trí người trông coi thường xuyên, tăng cường hệ thống khoá cửa, lắp camera giám sát; thường xuyên kiểm tra rà soát hệ thống điện, chất dễ gây cháy nổ tại di tích, hướng dẫn nhân dân đốt hương, giấy tiền đúng nơi quy định; bỏ rác đúng nơi quy định, ..giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo giữ gìn an toàn di tích, hiện vật, đồ thờ.

*\* Tiểu mục 6.3. Tỷ lệ thôn, xóm đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:*

Trong những năm qua nhờ đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “đô thị văn minh”, huyện Bình Lục tăng cường công tác tuyên truyền để nhân dân ý thức được việc xây dựng gia đình văn hóa, thôn, xóm, tổ dân phố văn hóa và vận động Nhân dân thực hiện tốt quy ước, hương ước của thôn, xóm, tổ dân phố; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao lành mạnh, phong phú, phù hợp với đặc điểm, truyền thống của từng địa phương. 100% các xã đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng NTM. Việc đánh giá, xét tặng danh hiệu thôn, xóm văn hóa đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, thực chất theo đúng quy định tại tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ.

Đến nay, toàn huyện có 105/111 thôn, xóm, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn/xóm văn hoá. Tại 10/10 xã, có 62/65 thôn, xóm được công nhận danh hiệu thôn/xóm văn hóa, đạt tỷ lệ 95,38%; Tỷ lệ gia đình văn hóa toàn tại 10 xã nông thôn mới nâng cao là 24.145/26.193 gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 92,18%.

*c. Tự đánh giá:* 10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 6 - Văn hóa hóa, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.7. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.*

*b. Kết quả thực hiện:*

### Trên địa bàn 10 xã có 5 có chợ (xã có chợ là Tràng An, Đồng Du, Trung Lương, An Lão, Tiêu Động). Tất cả các chợ đều được bố trí nơi có mặt bằng thông thoáng, khô ráo, cách xa các nguồn gây ô nhiễm, có các phân khu kinh doanh. Các chợ đều đáp ứng yêu cầu mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định. Đối với các xã chưa có chợ ( An Ninh, Bình Nghĩa, Đồn Xá, Bồ Đề, La Sơn) có hệ thống các cửa hàng tiện ích, các đại lý bán tạp hóa và giáp danh với các xã có chợ nên đáp ứng đầy đủ nhu cầu của nhân dân.

c. Tự đánh giá: 10/10 xã đạt Tiêu chí số 07 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.8. Về Thông tin và Truyền thông*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân*

*- Chỉ tiêu 8.2: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: > 80%*

*- Chỉ tiêu 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông*

*- Chỉ tiêu 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.*

*- Chỉ tiêu 8.5: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…): Đạt*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:*

10/10 xã đều có điểm phục vụ bưu chính nằm trên các tuyến đường trục thuận tiện giao thông đi lại, được trang bị hệ thống máy tính có kết nối internet, máy scan; nhân viên điểm phục vụ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thực hiện giao dịch thủ tục hành chính trực tuyến để hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

*\*Chỉ tiêu 8.2: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:* 10/10 xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là: 39.457/45.211người đạt đạt 87,27% ([[19]](#footnote-19)).

*\*Chỉ tiêu 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông*

Có 111/111 thôn, xóm đạt 100% trên địa bàn 10 xã nâng cao đều có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% hộ gia đình xem được các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.

10/10 xã đều có tủ sách được đặt tại Trung tâm văn hóa thể thao của xã; các thôn, xóm có tủ sách pháp luật đặt tại nhà văn hóa thôn, xóm để phục vụ người dân tìm hiểu và đọc miễn phí. Trang thông tin điện tử của các xã đã được nâng cấp theo quy định của Nghị định 42/2022/NĐ-CP quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; cập nhật kịp thời các thông tin giới thiệu về địa phương, thông tin cán bộ lãnh đạo của xã, các tin tức về các văn bản mới, phổ biến pháp luật, thủ tục hành chính, các tin tức sự kiện của hoạt động của các ngành, đoàn thể, ....

10/10 xã có 75 điểm xuất bản phẩm (ít nhất 1 điểm xuất bản phẩm/xã). Các điểm xuất bản phẩm là: điểm bưu điện xã; cửa hàng bán sách, báo, photocopy….

*\*Chỉ tiêu 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội*

100% cán bộ, công chức các xã được bồi dưỡng, tập huần kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin.

Năm 2024, 10/10 xã nông thôn mới nâng cao là 10.046/10.071 đạt tỷ lệ 99,7% hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của xã.

Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100%, cụ thể: xã An Ninh: 20/20 cán bộ, công chức, đạt 100%; xã Tiêu Động: 20/20 cán bộ, công chức, đạt 100%; xã Bình Nghĩa: 20/20 cán bộ, công chức đạt 100 %; xã Tràng An: 20/20 cán bộ, công chức đạt 100%; xã Đồn Xá: 20/20 cán bộ, công chức đạt 100 %; xã Đồng Du: 19/19 cán bộ, công chức, đạt 100%; xã Bồ Đề: 20/20 cán bộ, công chức đạt tỷ lệ 100 %; xã La Sơn: 20/20 cán bộ, công chức, đạt 100 %; xã An Lão: 20/20 cán bộ, công chức, đạt 100 %; xã Trung Lương: 20/20 cán bộ, công chức, đạt 100 %.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tại 10 xã NTM nâng cao được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản (33.565/45.211) đạt 74,2%,đảm bảo trên 70% theo quy định; hình thức phổ biến thông qua tổ chức Hội nghị tập huấn tại xã, tuyên truyền của Tổ công nghệ số cộng đồng, các cuộc họp thôn, phổ biến thông qua gửi tài liệu trên các nhóm zalo của tổ, khu dân cư,… cụ thể:

Xã An Ninh đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 2831/3748 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 75,5%; xã Tiêu Động đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 2459/3800 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 87,8%; xã Bình Nghĩa đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 4.579/6.057 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 75,5%; xã Tràng An đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 3620/5056 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 71,5%; xã Đồn Xá đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 2777/3848 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 72,1%; xã Đồng Du đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 3561/4851 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 73,4%; xã Bồ Đề đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 2205/3063 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 72%; xã La Sơn đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 3387/3892 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 87%; xã An Lão đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 4563/5850người dân trong độ tuổi lao động, đạt 78%; xã Trung Lương đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 3583/5046 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 71%;

Có 5/5 sản phẩm OCOP đạt 3 sao của 10 xã đều được quảng bá trên nền sàn thương mại điện tử (Post mart, Voso.vn; Shoopee, Lazada…), gồm:

(1) Xã Bình Nghĩa có 01 sản phẩm (Hành dọc), của HTX Rau an toàn Cát Lại);

(2) Xã Đồng Du có 03 sản phẩm ( Thanh Long, Nho Hạ Đen, Nho Mẫu Đơn);

(3) Xã An Lão có 01 ( Thớt gỗ), của Công ty TNHH thương mại tổng hợp và sản xuất An Hải.

*\*Chỉ tiêu 8.5: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…)*

Đến nay, trên địa bàn 10 xã có 75 điểm wifi công cộng miễn phí.

**Bảng 7. Các điểm wifi miễn phí trên địa bàn 10 xã**

| **TT** | **Địa phương** | **Số điểm wifi**  **miễn phí** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xã An Ninh | 5 điểm wifi công cộng | Trụ sở UBND xã, Hội trường nhà Văn hóa xã, các Nhà Văn hóa thôn... |
| 2 | Xã Tiêu Động | 8 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, Hội trường nhà Văn hóa xã, các Nhà Văn hóa thôn... |
| 3 | Xã Bình Nghĩa | 10 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, Hội trường nhà Văn hóa xã, các Nhà Văn hóa thôn,... |
| 4 | Xã Tràng An | 8 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, Nhà Văn hóa thôn, … |
| 5 | Xã Đồn Xá | 5 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, các Nhà Văn hóa thôn… |
| 6 | Xã Đồng Du | 7 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, các Nhà Văn hóa thôn… |
| 7 | Xã Bồ Đề | 6 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, các Nhà Văn hóa thôn… |
| 8 | Xã La Sơn | 7 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, các Nhà Văn hóa thôn…. |
| 9 | Xã An Lão | 10 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, các Nhà Văn hóa thôn…. |
| 10 | Xã Trung Lương | 9 điểm wifi công cộng miễn phí | Trụ sở UBND xã, các Nhà Văn hóa thôn… |

Chất lượng wifi tại các điểm lắp đặt đáp ứng về chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định hiện hành.

Về nguồn kinh phí đầu tư, duy trì wifi miễn phí trên địa bàn 10 xã được đầu tư từ Ngân sách nhà nước (ngân sách cấp huyện, cấp xã, ngân sách từ Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025); đồng thời từ nguồn xã hội hóa do người dân trên địa bàn các thôn, xóm, các khu vực công cộng đóng góp, hỗ trợ.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.9. Về Nhà ở dân cư*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: ≥ 97%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*Tại 10 xã có 23.926/24.423 hộ có nhà ở kiên cố, đạt tỷ lệ 97,9%.*

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.10. Về Thu nhập*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người): Năm 2024 ≥ 72 triệu đồng.*

*b. Kết quả thực hiện:*

10/10 xã đều đạt trên 72 triệu đồng/người/năm[[20]](#footnote-20)

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 10 - Thu nhập, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.11. Về nghèo đa chiều*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025: < 1,0%*

*b. Kết quả thực hiện:*

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo được cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở triển khai quyết liệt, cụ thể, thiết thực và đạt hiệu quả. Tỷ lệ nghèo đa chiều tại 10 xã là 0,7% ([[21]](#footnote-21)).

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.12. Về lao động*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí*

*- Chỉ tiêu 12.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): ≥ 85%*

*- Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ: ≥ 35%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 12.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*

Lực lượng lao động của 10 xã là 45.211 người.Tổng số lao động qua đào tạo trên địa bàn 10 xã là 38.877người, đạt tỷ lệ 85,9%([[22]](#footnote-22)).

*\*Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ*

Lực lượng lao động của 10 xã là 45.211 người.Tổng số lao động qua đào

tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên địa bàn 10 xã là 19.561 lao động, đạt 43,26%([[23]](#footnote-23)).

*c. Đánh giá*:10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 12 - Lao động, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.13. Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 13.1: Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định: ≥1*

*- Chỉ tiêu 13.2: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn: ≥1 sản phẩm đối với xã có sản phẩm tham gia chương trình OCOP cấp tỉnh.*

*- Chỉ tiêu 13.3: Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.*

*- Chỉ tiêu 13.4: Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Đạt*

*- Chỉ tiêu 13.5: Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: ≥80%*

*- Chỉ tiêu 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Đạt*

*- Chỉ tiêu 13.7: Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Đạt*

*- Chỉ tiêu 13.8: Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Đạt*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 13.1: Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định*

Trên địa bàn huyện Bình Lục có 48 hợp tác xã nông nghiệp, gồm: 33 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và 15 hợp tác xã chuyên ngành. Đối với 10 xã nông thôn mới nâng cao có 18 HTX hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ nông nghiệp([[24]](#footnote-24)). Các HTX đã tổ chức thực hiện tốt các hoạt động theo quy định, thể hiện được vai trò quan trọng trong việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp như: thuỷ nông, làm đất, diệt chuột, vật tư nông nghiệp, máy gặt...; các HTX đã tham gia ký kết với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để tổ chức sản xuất theo hợp đồng liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm trên 80% tổng sản lượng, dịch vụ chính của HTX, tạo đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp, tăng thu nhập cho các thành viên; góp phần xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Một số HTX hoạt động hiệu quả, nổi bật như: HTX DVNN An Ninh xã An Ninh, HTX DVNN An Bài xã Đồng Du, HTX DVNN Cát Lại xã Bình Nghĩa, HTXDVNN Đồn Xá xã Đồn Xá; Hàng năm các HTX tự đánh giá theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch Đầu tư đều xếp loại khá trở lên.

*\* Chỉ tiêu 13.2: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn*

Huyện Bình Lục đến hết năm 2024, có 13 sản phẩm (3 sao) được các cấp tỉnh, huyện công nhận sản phẩm OCOP tại các xã, thị trấn của 2 công ty, 04 HTX và 3 hộ gia đình tham gia chương trình. Trong đó:10 xã có tổng 7 sản phẩm đạt 3 sao và 6 sản phẩm Vietgap tương đương.

**Bảng 8. Sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên xã** | **Tên sản phẩm OCOP** |
| 1 | Vũ Bản | 5 Sản phẩm rượu: Rượu Đức Toàn, Rượu vọc, Rượu Hải Luân, Nấm Đông trùng hạ thảo, Rượu Đông trùng táo đỏ |
| 2 | Bình Nghĩa | Sản phẩm: Hành dọc |
| 3 | Đồng Du | 3 Sản phẩm: Thanh Long, Nho Hạ Đen, Nho Mẫu Đơn |
| 4 | An Lão | Sản phẩm rượu: Thớt gỗ |
| 5 | Ngọc Lũ | 2 Sản phẩm: Bưởi Ngọc Lũ, Cơm cháy Minh Tâm |
| 6 | TT. Bình Mỹ | Sản phẩm: Gạo LT2 |

*\* Chỉ tiêu 13.3: Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) hoặc mô hình nông nghiệp ứng dụng cơ giới hóa các khâu hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm*

Trên địa bàn 10 xã đều có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị.

**Bảng 9. Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị của 10 xã**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên xã** | **Diện tích gieo cấy** *(ha)* | **Tên mô hình** | **Quy mô** *(ha)* |
| 1 | Bình Nghĩa | 227,1 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa LT2 KBL | 60 |
| 2 | Tràng An | 451,1 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 | 147,5 |
| 3 | Đồng Du | 392,3 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Thiên Ưu 8 | 30 |
| 4 | Đồn Xá | 458,3 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Gieo cấy lúa Khang Dân 18 và Nếp cái hoa vàng, lúa PM2 | 46,4 |
| 5 | La Sơn | 504,8 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lLúa ST 25 thương phẩm | 15 |
| 6 | Tiêu Động | 494,2 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 và Gieo cấy giống lúa LT2 KBL | 25 |
| 7 | An Lão | 737,6 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Khang dân 18 và Nếp cái hoa vàng | 195 |
| 8 | Trung Lương | 460,7 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định lúa Bắc thơm số 7 | 155 |
| 9 | Bồ Đề | 436,3 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định Bắc thơm số 7 | 145 |
| 10 | An Ninh | 257,7 | Mô hình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ theo hợp đồng liên kết chuỗi giá trị ổn định Bắc thơm số 7 và Bí đỏ | 65 |
| **Tổng** | | **4420,1** |  | **883,9** |

Trong các mô hình liên kết sản xuất, các HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ của các xã là cầu nối giữa người dân và doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh lúa gạo; HTX đứng ra tổ chức, chỉ đạo sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp cho các hộ dân tham gia mô hình, đồng thời thu gom thóc cho các đơn vị tiêu thụ sản phẩm. Các mô hình đều được Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Trồng trọt, BVTV và kiểm lâm tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm. Mô hình mang lại hiệu quả cao gấp 1,2-1,3 lần so với sản xuất đại trà, đồng thời khẳng định được vai trò của HTX trong sản xuất nông nghiệp hiện nay.

*\* Chỉ tiêu 13.4: Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:*

Trên địa bàn 10 xã có 10/10 sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP được cấp tỉnh, huyện công nhận đạt 100% các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP đều có ứng dụng chuyển đối số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm cụ thể: thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.

Bên cạnh đó, thế mạnh của các địa phương là cây lúa, vì vậy đều có sản phẩm lúa, gạo chất lượng cao chiếm tỷ lệ 90%, các giống chủ lực được sử dụng chủ yếu là các giống: Bắc thơm số 7, Nếp cái hoa vàng, BC15,… được sản xuất theo quy trình an toàn thực phẩm do Chi cục Trồng trọt, BVTV và kiểm lâm tỉnh Hà Nam ban hành, được cấp mã số vùng trồng do Sở Nông nghiệp &PTNT cấp, sản phẩm được đóng gói và in ấn tem nhãn đúng theo quy định, có mã QR để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

*\* Chỉ tiêu 13.5: Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: ≥ 80%*

Triển khai công tác tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp, HTX đưa các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử như: Postmast.vn, Lazada, Shopee hoặc các mạng xã hội như Zalo, Facebook. Toàn huyện có 13/13 sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP được đưa lên sản thương mại điện tử, qua đó giúp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tiếp cận và làm quen với cách bán hàng mới, nhiều tiện ích, dễ quản lý theo dõi trên môi trường số, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm OCOP của địa phương. Trên các trang thương mại điện tử luôn thu hút lượng lớn khách hàng truy cập, tìm kiếm và lựa chọn các sản phẩm. Đối với 10 xã nông thôn mới nâng cao có các sản phẩm bán trên kênh thương mại điện tử như:

**Bảng 10. Các sản phẩm được bán trên các trang TMĐT**

| **TT** | **Xã** | **Sản phẩm** | **Trang TMĐT** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | An Ninh | Gạo Bắc Thơm 7 | Các mạng xã hội như: Facebook Zalo,  Youtube,  Tik Tok... |
| 2 | Tiêu Động | Gạo Bắc Thơm 7, Kẹo lạc |
| 3 | Bình Nghĩa | Rau, củ, quả của HTX rau sạch Cát Lại |
| 4 | Tràng An | Gạo Bắc Thơm 7 |
| 5 | Đồn Xá | Gạo Nếp cái hoa vàng, PM2, Bánh đa Yến Nhi |
| 6 | Đồng Du | Nho, Thanh long của HTX CNC Đồng Du |
| 7 | Bồ Đề | Gạo Bắc Thơm 7 |
| 8 | La Sơn | Nếp cái hoa vàng |
| 9 | An Lão | Nếp cái hoa vàng, Thớt gỗ, Đồ chế tác từ Sừng |  |
| 10 | Trung Lương | Gạo Bắc Thơm 7 |  |

*\* Chỉ tiêu 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng*

10/10 xã đã được Chi cục trồng trọt, BVTV và Kiểm lâm tỉnh cấp mã số vùng trồng với diện tích sản xuất lúa là 58,73 ha.

**Bảng 11. Sản phẩm chủ lực các xã được cấp mã vùng trồng**

| TT | Xã | Đơn vị  được cấp MSVT | Sản phẩm | Mã số  vùng trồng | Diện tích |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | An Ninh | HTX DVNN An Ninh | Bắc thơm 7 thương phẩm | VN-36-363-1405-103-224 | 5 |
| 2 | Tiêu Động | HTX DVNN Tiêu Hạ | Bắc thơm 7 thương phẩm | VN-35-352-13558-08-23 | 5 |
| 3 | Bình Nghĩa | HTX Rau sạch Cát Lại | Rau, củ, quả | VN-35-352-13504-26-23 | 6 |
| 4 | Tràng An | HTX DVNN Liên An | Bắc thơm 7 thương phẩm | VN-36-363-14047-97-24 | 8 |
| 5 | Đồn Xá | HTX DVNN Đồn Xá | Nếp cái hoa vàng | VN-35-352-13525-23-23 | 5 |
| 6 | Đồng Du | HTX Công nghệ cao Đồng Du | Nho, Thanh Long | VN-35-352-13516-15-23 | 4,73 |
| 7 | Bồ Đề | HTX DVNN Bồ Đề | Bắc thơm 7 thương phẩm | VN-35-352-13531-22-23 | 5 |
| 8 | La Sơn | HTX DVNN La Sơn | Nếp cái hoa vàng | VN-35-352-13555-08-23 | 10 |
| 9 | An Lão | HTX DVNN Hòa Bình | Nếp cái hoa vàng | VN-35-352-13561-45-24 | 5 |
| 10 | Trung Lương | HTX DVNN Bình Minh | Bắc thơm 7 thương phẩm | VN-35-352-13546-41-24 | 5 |
|  | Tổng cộng |  |  |  | **58,73** |

*\* Chỉ tiêu 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng mạng internet, mạng xã hội*

Trên địa bàn 10 xã đều xây dựng Trang TTĐT của xã nhằm tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sự kiện chính trị với tên miền.

<http://anninh.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://tieudong.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://binhnghia.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://trangan.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://đonxa.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://đongdu.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://bode.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://lason.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://anlao.binhluc.hanam.gov.vn/>

<http://trungluong.binhluc.hanam.gov.vn/>

Các trang thông tin điện tử của các xã đã xây dựng chuyên mục du lịch có kết nối với trang thông tin điện tử của UBND huyện Bình Lục có địa chỉ <https://binhluc.hanam.gov.vn/>

UBND các xã đã tích cực triển khai, quảng bá hình ảnh, thông tin về các điểm du lịch, các di tích lịch sử và lễ hội truyền thống được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục di tích lịch sử và du lịch của xã, huyện nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương, nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị.

*\* Chỉ tiêu 13.8: Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)*

Trên địa bàn 10 xã, bên cạnh nâng cao năng lực, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn theo hướng: Chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, phát triển chuỗi liên kết giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, hình thành các sản phẩm tích hợp “đa giá trị”; phát triển du lịch nông thôn gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường và bảo tồn, cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp; phát huy giá trị văn hóa truyền thống. 10/10 xã đều có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị về kinh tế, văn hóa, môi trường. Các mô hình là các sản phẩm ocop được công nhận 3 sao, sản phẩm Vietgap tương đương của 10 xã đã góp phần đem lại hiệu quả kinh tế gia đình, giúp các hộ nông dân quanh vùng có việc làm, có kinh tế, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, xây dựng NTM của các địa phương. (*1). Kinh tế:* Các mô hình của các xã đều mang lại hiệu quả kinh tế cao bởi chất lượng tốt, mẫu mã sản phẩm đẹp, phù hợp với nhu cầu của thị trường; các mô hình tạo nhiều công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho lao động tại địa phương. Các mô hình đều có chiến lược kinh doanh, đối tượng khách hàng và thị trường riêng, vì vậy hàng năm đều mở rộng quy mô, phát triển nhiều sản phẩm và tăng thu nhập cho người lao động. *(2). Văn hóa:* Các mô hình tại các xã đều là các mô hình điểm, tiêu biểu về phát triển kinh tế, là sản phẩm đặc trưng của từng địa phương. *(3). Môi trường:* Tất cả các mô phát triển kinh tế đều có kế hoạch bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, không xả thải ra môi trường. Trong quá trình sản xuất các mô hình đều áp dụng các khoa học công nghệ vào để giảm thiểu phát thải. Vì vậy môi trường xung quanh luôn được đảm bảo.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.14. Về Y tế*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 14.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): ≥95%*

*- Chỉ tiêu 14.2: Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử.*

*- Chỉ tiêu 14.3: Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.*

*- Chỉ tiêu 14.4: Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 14.1:Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*

Tính đến hết năm 2024, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tại 10 xã đều đạt trên 95%.

*\*Chỉ tiêu 14.2: Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*

Trên địa bàn 10/10 xã đã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử cho người dân.

*\*Chỉ tiêu 14.3: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ*)

Trên địa bàn 10/10 xã đã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.

*\* Chỉ tiêu 14.4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử*

Trên địa bàn 10/10 xã đã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 14 - Y tế, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.15. Về hành chính công*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 15.1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính*

*- Chỉ tiêu 15.2: Có dịch vụ công trực tuyến một phần.*

*- Chỉ tiêu 15.3: Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 15.1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính*.

10/10 xã đều có hệ thống cơ sở vật chất và tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được xử lý trên cổng dịch vụ công theo quy định. 17/17 xã, thị trấn đều có hệ thống cơ sở vật chất và tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được xử lý trên cổng dịch vụ công theo quy định (Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với một hoặc một số lĩnh vực khác nhau, bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng, dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; lắp đặt camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc của Bộ phận Một cửa có kết nối với cơ quan nhà nước cấp trên; thiết bị phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu như máy scan, máy in).

*\* Chỉ tiêu 15.2: Có dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần trở lên.*

Việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Trên 90% hồ sơ thủ tục hành chính của 10 xã được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến. Trang thông tin điện tử đã thiết lập thêm các danh mục và đăng tải, cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính Phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

*\* Chỉ tiêu 15.3: Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp*

10/10 xã (đạt 100%) thực hiện giải quyết kịp thời các nhu cầu của các tổ chức, cá nhân khi phát sinh thủ tục hành chính, không để quá hạn nên không phát sinh khiếu nại vượt cấp.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 15- Hành chính công, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.16. Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 16.1: Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.*

*- Chỉ tiêu 16.2: Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành: ≥90%*

*- Chỉ tiêu 16.3: Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: ≥90%.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 16.1: Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận*

10/10 xã có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) hoạt động hiệu quả là “Mô hình phụ nữ với pháp luật”; “Mô hình Nông dân với pháp luật”.

Các mô hình này đều có sinh hoạt thường kỳ và tổ chức các hoạt động theo Quy chế cụ thể của mỗi mô hình. 10/10 xã được Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị liên quan đều đồng ý đánh giá các mô hình hoạt động có hiệu quả. 100% tổ hòa giải của 10 xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật. Các xã đều có hoạt động phối hợp với Tòa án Nhân dân cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.

Trong năm 2024, UBND huyện Bình Lục phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên cơ sở trên địa bàn huyện.

Các mô hình này được đã được UBND huyện hướng dẫn triển khai, hoạt động và được Phòng Tư pháp huyện khuyến khích nhân rộng để nâng cao hiểu biết pháp luật của người dân, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn xã và huyện.

Trong những năm gần đây, các mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở của 10 xã đều được UBND huyện Bình Lục, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, Hội Nông dân huyện tặng giấy khen([[25]](#footnote-25)).

*\* Chỉ tiêu 16.2: Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công*

Năm 2024, trên địa bàn 10 xã, số vụ hòa giải thành là 53 vụ, đạt tỷ lệ 99,37%.

*\* Chỉ tiêu 16.3: Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu*

Hằng năm, UBND huyện đã giao Phòng Tư pháp phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý trên địa bàn các xã, thị trấn.

100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩnTiêu chí số 16- Tiếp cận pháp luật, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.17. Về môi trường*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Đạt*

*- Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%*

*- Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: ≥98%*

*- Chỉ tiêu 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: ≥50%*

*- Chỉ tiêu 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: ≥50%*

*- Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: ≥100%*

*- Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu*

*gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân*

*thiện với môi trường: ≥80%*

*- Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: ≥95%*

*- Chỉ tiêu 17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Đạt*

*- Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: ≥ 12%*

*- Chỉ tiêu 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.*

*- Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định : ≥90%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 17.1: Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường*

Trên địa bàn 10 xã không có khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Các khu kinh doanh tập trung tại các xã là các khu chợ truyền thống. Trên địa bàn 10 xã có 5 có chợ (xã An Ninh, Bồ Đề, Bình Nghĩa, Đồn Xá , La Sơn không có chợ). Các chợ phù hợp với quy hoạch chung xây dựng, có hạ tầng kỹ thuật và cơ bản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, cụ thể: đã bố trí các thùng chứa rác vô vơ, chứa rác hữu cơ để người dân phân loại rác, có hệ thống thu gom, xử lý nước thải bằng hố ga lắng, lọc trước khi thải ra ngoài môi trường, có nước sạch,…

*\*Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường*

*\* Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản:*

Các xã đã rà soát, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và chăn nu Các xã đã rà soát, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và chăn nuôi trên địa bàn xã lập hồ sơ môi trường theo quy định và thực hiện các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường đảm bảo trong quá trình sản xuất không gây ô nhiễm môi trường. Trên địa bàn 10 xã có 2.684/2.684 (bằng 100%) cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường được cấp thẩm quyền xác nhận và thực hiện đúng các nội dung cam kết. 2.684 cơ sở thuộc đối tượng không phải lập hồ sơ môi trường. 100% cơ sở có công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; 100% cơ sở có công trình thu gom, thoát nước, xử lý nước thải, khí thải phát sinh theo quy định.

Trên địa bàn huyện Bình Lục có 9 làng nghề (trong đó tại 10 xã có 5 làng nghề, 100% làng nghề đã lập phương án bảo vệ môi trường làng nghề và được UBND huyện phê duyệt). Tuy nhiên, hiện nay, số hộ sản xuất kinh doanh trong các làng nghề còn ít, các hộ sản xuất kinh doanh đều thực hiện đăng ký bảo vệ môi trường với UBND cấp xã. Chất thải phát sinh tại các làng nghề chủ yếu là rác thải sinh hoạt; chất thải công nghiệp thông thường. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp huyện quản lý, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường hàng năm xây dựng các kế hoạch kiểm tra, giám sát các cơ sở về công tác bảo vệ môi trường kiên quyết xử lý các cơ sở vi phạm về luật bảo vệ môi trường.

*\* Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định*

- Thu gom, xử lý chất tải rắn sinh hoạt: Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại 10 xã khoảng 11.456 tấn/năm. Tổng lượng rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý khoảng 11.249 tấn/năm. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định tại 10 xã là 11.249/11.456 tấn/năm, bằng 98,2%. Hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện cơ bản đã đi vào nền nếp. Định kỳ 03-04 lần/tuần, tổ thu gom tiến hành thu gom rác thải tại các thôn, xóm, khu dân cư, vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của các xã để xử lý.

- Chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ các hoạt động như: xỉ, gạch…, các cơ sở tái sản xuất gạch, đất đá thải dùng để san lấp mặt bằng; phụ phẩm nông nghiệp được tái chế, tái sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, làm nấm, ủ phân hữu cơ, ủ gốc giữ ẩm… Như vậy, chất thải rắn không nguy hại có thể được xử lý bằng các phương pháp tái chế, tái sử dụng tại chỗ, bán cho các đơn vị thu mua phế liệu; phương pháp ủ phân, vi sinh; đối với chất thải không thể tái chế, tái sử dụng hay ủ phân sẽ được thu gom và xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung trên địa bàn các xã.

*\* Chỉ tiêu 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả*

Trên địa bàn 10 xã, các hộ đã thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả như đã sử dụng bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường. Đến hết năm 2024, tổng số hộ tham gia thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp là 15.866/24.423 hộ, đạt 64,9%. Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình (không có hệ thống thu gom, xử lý tập trung) được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại trong các công trình sau đó được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa, tận dụng các nguồn nước mặt như kênh mương, ao hồ đề xử lý nước thải trong điều kiện tự nhiên. Trên địa bàn 10 xã đều có hệ thống cống tiêu thoát nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng trong khu dân cư.

Các khu dân cư tập trung các xã đều có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài cống thoát nước chung của xã.

*\*Chỉ tiêu 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn*

Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn tại 10 xã là 14.560/24.423 hộ, đạt 59,6%.

*\*Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.*

Năm 2024, chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn 10 xã được thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 100%.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình cá nhân và các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom về khu xử lý rác thải tập trung trên địa bàn các xã và được Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC Nam Định thu gom, xử lý theo quy định. Đến nay, 100% số xã đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn nguy hại với Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC Nam Định.

- Chất thải y tế nguy hại từ Trung tâm Y tế huyện, Trạm y tế các xã được thu gom, vận chuyển về xử lý chung với chất thải y tế của Trung tâm Y tế huyện Bình Lục.

- Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được hộ dân thu gom vào các bể chứa bao gói trên cánh đồng. UBND các xã ký hợp đồng vận chuyển, xử lý với Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC Nam Định đạt 100%.

*\* Chỉ tiêu 17.7: Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường*

- Phụ phẩm nông nghiệp: Lượng phụ phẩm nông nghiệp được người dân tận dụng làm nấm, làm chất đốt, thức ăn cho gia súc hoặc xử lý ngay tại đồng ruộng, tại vườn bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón. Tỷ lệ phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái sử dụng đạt 90,5%.

- Chất thải chăn nuôi: Để xử lý các chất thải trong chăn nuôi, các cơ sở chăn nuôi áp dụng các biện pháp xử lý chất thải như sử dụng bể biogas, sử dụng chế phẩm vi sinh để tạo ra phân bón hữu cơ phục vụ cho ngành trồng trọt, các cây trồng nông nghiệp. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi được xử lý đạt 86,3%.

*\*Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường*

Trên địa bàn huyện tất cả các trang trại chăn nuôi đều có đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và được UBND huyện xác nhận thủ tục môi trường; các cơ sở chăn nuôi quy mô hộ gia đình đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND xã xác nhận. Các trang trại, hộ gia đình chăn nuôi đều thực hiện các công trình, biện pháp xử lý chất thải như xử lý bằng bể biogas, đệm lót sinh học... đảm bảo vệ sinh, môi trường và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi. Trên địa bàn 10 xã có 1.129/1.156 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt 97,6%([[26]](#footnote-26))*.*

*\* Chỉ tiêu 17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.*

Các nghĩa trang đảm bảo các quy định của pháp luật về môi trường và đúng theo quy hoạch sử dụng đất. 100% nghĩa trang xây mới được thực hiện theo quy hoạch đảm bảo các yêu cầu tiêu chí về bảo vệ môi trường. Trên địa bàn huyện Bình Lục không có cơ sở hỏa táng; các loại chất thải phát sinh khi tổ chức mai táng được thu gom, xử lý bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường. Việc mai táng được thực hiện theo quy chế quản lý nghĩa trang đảm bảo vệ sinh môi trường và phù hợp với phong tục tập quán ở địa phương. Địa phương đã tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

*\*Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng*

Năm 2024, tại 10 xã đều có tỷ lệ đạt từ 24% trở lên. Các địa phương đã tích cực tuyên truyền vận động Nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng, đảm bảo vệ sinh môi trường bằng các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, đoàn hội tại các thôn xóm, các trưởng thôn, bí thư thôn trực tiếp phổ biến, giải thích cho người dân những lợi ích của việc hỏa táng thay vì địa táng, đồng thời một số địa phương có những chính sách hỗ trợ một phần kinh phí cho các gia đình thực hiện hỏa táng. Quá trình tuyên truyền, triển khai thực hiện đã giúp người dân ngày càng nhận thức đúng hơn về hình thức hỏa táng, nhất là từng bước thay đổi thói quen, tập quán lạc hậu ở các vùng nông thôn.

*\*Chỉ tiêu 17.11: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn*

Triển khai thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025; các xã chủ động rà soát quỹ đất công cộng tại điểm dân cư nông thôn để trồng các loài cây bản địa, cây thân gỗ, đa mục đích như cây sấu, hoa ban, osaka, bàng Đài Loan, …vừa có giá trị về bảo vệ môi trường, cảnh quan vừa có giá trị kinh tế. Ngoài ra vào mỗi dịp tết đến xuân về các xã đồng loạt ra quân tổ chức phát động Tết trồng cây, địa điểm trồng tập trung tại các khu vực công cộng như nhà văn hóa các thôn, xóm, sân chơi, khu thể thao các xã, các tuyến đường trục xã, đường trục thôn và đường ngõ xóm… Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn tại 10 xã đạt tỷ lệ trung bình đạt 4,54m2/người([[27]](#footnote-27)).

*\*Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.*

Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn 10 xã là 650,57 tấn/năm; khối lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý đúng quy định là 632,57 tấn/năm, đạt tỷ lệ 97,2%. Trong thời gian tới, huyện Bình Lục tiếp tục tuyên truyền, vận động và hướng dẫn để nâng cao ý thức của người dân trong

công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là vấn đề rác thải nhựa.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.18. Về chất lượng môi trường sống*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: ≥65%*

*- Chỉ tiêu 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 80 lít*

*- Chỉ tiêu 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: ≥ 45%*

*- Chỉ tiêu 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100%*

*- Chỉ tiêu 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Không*

*- Chỉ tiêu 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 100%*

*- Chỉ tiêu 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: 100%*

*- Chỉ tiêu 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: 100%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung*

Hiện tại, trên địa bàn huyện có 8 nhà máy nước sạch cung cấp nước sạch cho Nhân dân trong huyện. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn trên địa bàn huyện là 100%; trong đó, từ hệ thống cấp nước tập trung là 95,96%. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn tại 10 xã là 100%. Số hộ dân được sử dụng nước sạch tập trung của 10 xã là 22.981/24.423 hộ đạt 94,09% ([[28]](#footnote-28)).

*\*Chỉ tiêu 18.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm*

Khối lượng nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm tại 10/10 xã đạt trên 80 lít/người/ngày đêm.

*\* Chỉ tiêu 18.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững*

Trên địa bàn 10 xã, tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững là 5/5 công trình, đạt 100%. Các nhà máy nước khai thác, vận hành đảm bảo đúng theo quy định; tiền nước thu được từ các hộ sử dụng nước sạch không những đảm bảo đủ chi phí vận hành sửa chữa của công ty mà còn được tích lũy để tái đầu tư, mở rộng quy mô khi cần thiết, khả năng cấp nước duy trì thường xuyên, số ngày mất nước trong năm gần như không có, chất lượng nước đáp ứng quy chuẩn chất lượng sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y Tế.

\**Chỉ tiêu 18.4: Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm*

Công tác bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho chủ cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện được thực hiện thường xuyên. 100% các cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm Hàng năm các cơ sở được trang bị, bổ sung kiến thức về an toàn thực phẩm thông qua hình thức tập huấn trực tiếp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định của luật an toàn thực phẩm. Trên địa bàn 10 xã có 1725 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. 100% các cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

\**Chỉ tiêu 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Không*

Công tác quản lý an toàn thực phẩm luôn được quan tâm, chỉ đạo triển khai quyết liệt và hiệu quả, trên địa bàn huyện không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm. 10/10 xã không phát sinh vụ việc, không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm.

*\* Chỉ tiêu 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 100%*

100% cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.

*\*Chỉ tiêu 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch*

Trên địa bàn 10 xã, có 24.423 /24.423 hộ (đạt 100%) có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo “3 sạch”.Các hộ đã có nhà tiêu xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh đã được xử lý qua hệ thống bể tự hoại trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung; nhà tắm đã được các hộ xây kín đáo có tường bao, có mái che, nước thải tắm giặt cũng đã được xử lý tại hệ thống bể ngầm 03 ngăn trước khi thải ra môi trường, các hộ đã sử dụng thiết bị chứa nước như thùng nhựa, bể bê tông, lu, sành, chum, vại, bể inox có nắp đậy kín phòng ngừa bụi, bẩn và muỗi vào đẻ trứng và các hộ đã thường xuyên vệ sinh, thau rửa hệ thống thiết bị chứa nước định kỳ 03 tháng/lần.

*\*Chỉ tiêu 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường*

Trên địa bàn 10/10 xã, không có bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, rác thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, vận chuyển về điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của xã và hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 100%.

*c. Đánh giá:*10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

### *4.19. Về quốc phòng và An ninh*

*a. Yêu cầu của Tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 19.1: Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân:Đạt*

*- Chỉ tiêu 19.2: Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Đạt*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 19.1: Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân: Đạt*

Ban Chỉ huy quân sự tại 10/10 xã được biên chế đầy đủ. Ban Chỉ huy quân sự xã có phòng làm việc riêng. Hằng năm luôn kiện toàn đúng, đủ biên chế lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đúng, đủ thời gian, chương trình đạt chất lượng tốt. Các xã hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng như công tác tuyển quân, mở rộng lực lượng dân quân tự vệ, huy động lực lượng dự bị động viên, công tác diễn tập, chính sách hậu phương quân đội được giải quyết đúng quy định.

\**Chỉ tiêu 19.2: Không có công dân cư trủ trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gân với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

- Quý I hàng năm, Đảng ủy 10/10 xã đều có Nghị quyết, Uỷ ban Nhân dân xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật trên địa bàn:

+ Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

+ Không để xảy ra những hoạt động như: kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Các xã không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

- Tập thể Công an xã của 10/10 xã đều được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an.

- Các xã tiếp tục duy trì triển khai mô hình Tổ Nhân dân tự quản về an ninh, trật tự hoạt động hiệu quả, góp phần đảm bảo về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; có mô hình sử dụng Camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

*c. Đánh giá:* 10/10 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

## 5. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

Kết quả thực thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu (Đánh giá đối với 02 xã) theo Bộ tiêu chí quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính bao trên địa bàn huyện có các xã Vũ Bản và An Đổ*.*

### *5.1. Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025*

*a. Yêu cầu:*

*Đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 và đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.*

*b. Kết quả thực hiện:*

Theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành các tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Quyết đinh số 17/2023/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành qui định xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 – 2025. Hiện nay có 02/02 xã đạt nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

*c. Đánh giá:* 2/2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### *5.2. Thu nhập bình quân đầu người*

*a. Yêu cầu:*

*Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm (năm 2024 ≥ 79,2 triệu đồng).*

*b. Kết quả thực hiện:*

Năm 2024 thu nhập bình quân đầu người/năm đối với 2/2 xã đạt trên 79,2 triệu đồng/người/năm. Cụ thể: Xã An Đổ đạt 80,4 triệu đồng/người/năm, Xã Vũ Bản đạt 80,1 triệu đồng/người/năm.

*c. Đánh giá:* 2/2 xã đạt chuẩn Tiêu chí về Thu nhập theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### *5.3. Mô hình thôn thông minh*

*a. Yêu cầu:*

*Có ít nhất một mô hình thôn/xóm thông minh, đáp ứng các quy định, cụ thểsau:*

*- Có ít nhất 01 “Tổ công nghệ số cộng đồng” của thôn/xóm.*

*- Có sản phẩm tiêu biểu của người dân trong thôn/xóm được giới thiệu, bán hàng trên cổng thông tin điện tử; trang thông tin điện tử, mạng xã hội hoặc bán trên sàn thương mại điện tử.*

*- Có ít nhất 01 điểm wifi miễn phí phục vụ người dân tại điểm tập trung công cộng (nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn/xóm).*

*- Trên 70% người dân được bồi dưỡng, tập huấn phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và tham gia sử dụng các nền tảng số, ứng dụng di động và dịch vụ trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp.*

*b. Kết quả thực hiện:*

02/02 xã đã lựa chọn và triển khai xây dựng một thôn/xóm thông minh trên địa bàn xã. Cụ thể: Thôn 1 (xã Vũ Bản), Thôn Đại Phu (xã An Đổ). Các, thôn, xóm thông minh của 02 xã đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, điều kiện là xóm thông minh do sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam quy định.

*\*Chỉ tiêu: Có ít nhất 01 “Tổ công nghệ số cộng đồng” của thôn/xóm*.

Các xóm được lựa chọn xây dựng xóm thông minh của 02/02 xã đã thành lập "Tổ công nghệ số cộng đồng" của xóm do đồng chí xóm Trưởng là Tổ trưởng. Tổ công nghệ số cộng đồng của xóm thành lập các nhóm zalo, facebook của xóm để trao đổi kiến thức về chuyển đổi số, thông báo các nội dung, công việc của xóm, xã đến các hộ dân trong xóm. Đồng thời Tổ công nghệ số hỗ trợ mọi người dân trong xóm sử dụng máy tính kết nối internet, điện thoại thông minh để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Các đồng chí trong tổ công nghệ số cộng đồng của xóm được tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật các kiến thức mới về chuyển đổi số để tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân trong xóm.

*\*Chỉ tiêu: Có sản phẩm tiêu biểu của người dân trong thôn/xóm được giới thiệu, bán hàng trên cổng thông tin điện tử; trang thông tin điện tử, mạng xã hội hoặc bán trên sàn thương mại điện tử.*

Các xóm thông minh của 02/02 xã đều có sản phẩm tiêu biểu của người dân được giới thiệu, bán hàng trên cổng thông tin điện tử; trang thông tin điện tử, mạng xã hội hoặc bán trên sàn thương mại điện tử:

(1) Xã Vũ Bản đã hướng dẫn các hộ sản xuất, kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn thôn 1 (gọi tắt là hộ sản xuất, kinh doanh) có đăng ký tham gia một trong các sàn thương mại điện tử: <https://buudien.vn>, <https://santhuongmaihanam.com.vn> …, facebook, PostMart, zalo để kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thêm các kênh phân phối mới, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hộ kinh doanh Nguyễn Hải Phòng tại thôn 1 đăng ký tham gia trên sàn thương mại điện tử Hà Nam với 04 sản phẩm: Bún khô Cô Tấm, Phở khô Cô Tấm, Bún gạo lứt Cô Tấm, Phở gạo lứt Cô Tấm.

(2) Xã An Đổ đã hướng dẫn các hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn Đại Phu để giới thiệu bán sản phẩm làng nghề các loại dũa cưa truyền thống, Gạo Bắc Thơm số 7 sản phẩm được giới thiệu trên trang Web của xã, được giới thiệu bán trên các nền tảng mạng xã hội, trên các sàn thương mại điện tử: <https://buudien.vn>, facebook, PostMart, zalo...

*\*Chỉ tiêu: Có ít nhất 01 điểm wifi miễn phí phục vụ người dân tại điểm tập trung công cộng (nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn/xóm).*

Tại các xóm thông minh của 02 xã kiểu mẫu đều đã triển khai lắp đặt có ít nhất 01 trạm wifi miễn phí phục vụ người dân tại điểm tập trung công cộng nhà văn hoá thôn. Mạng wifi có đường truyền kết nối internet băng thông rộng tốc độ cao từ 100 Mbps, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo các quy định hiện hành. Để đảm bảo an ninh trên địa bàn, mỗi xóm lắp ít nhất 05 điểm camera an ninh tại các điểm có nguy cơ mất an ninh trật tự trên địa bàn thôn.

*\*Chỉ tiêu: Trên 70% người dân được bồi dưỡng, tập huấn phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và tham gia sử dụng các nền tảng số, ứng dụng di động và dịch vụ trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp.*

Người dân trong xóm được bồi dưỡng, tập huấn phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và tham gia sử dụng các nền tảng số, ứng dụng di động và dịch vụ trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp cụ thể: Thôn 1 xã Vũ Bản đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 527/620 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 85%; thôn Đại Phu xã An Đổ đã tập huấn, phố biến kiến thức cho 431/520 người dân trong độ tuổi lao động, đạt 82,9%;

*c. Đánh giá*: 02/02 xã đạt chuẩn Tiêu chí có Mô hình thôn, xóm thông minh, ban hành theo Quyết định 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### *5.4. Lĩnh vực nổi trội*

*Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyển đổi số…) mang giá trị đặc trưng của địa phương, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.*

*5.4.1. Nổi trội về lĩnh vực sản xuất*

*a. Yêu cầu*

*- Có ít nhất 02 HTX hoạt động có hiệu quả, có liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo ổn định, bến vững.*

*- Có ít nhất 01 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn thực phẩm, sản phẩm có truy suất nguồn gốc. Giá trị sản xuất đạt trên 1 tỷ đồng/ha đất canh tác đối với trồng trọt, nuôi trồng thuỷ sản. Giá trị sản xuất đạt trên 2 tỷ đồng/năm đối với mô hình chăn nuôi.*

*b. Kết quả thực hiện:*

- Cả 2 xã xã lựa chọn xây dựng xã NTM kiểu mẫu nổi trội về lĩnh vực sản suất.Trên địa bàn xã Vũ Bản có 7 HTX trong đó có 2 HTXDVNN ( Vũ Thành, Vũ Bản) và 05 HTX kiểu mới là: HTX Rượu Vọc, HTX rượu vọc Đức Toàn, HTX sản xuất rau củ quả Bình An, HTX chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản, HTX giống gia cầm Kiều Đạt. Trên địa bàn xã có HTX rượu vọc Đức Toàn sản xuất rượu truyền thống sản phẩm đã được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao hiện nay đang tổ chức cung ứng liên kết sản phẩm trong và ngoài trình mỗi năm 20.000 lít, HTX DVNN Vũ Bản với sản phẩm chủ lực là lúa chất lượng Bắc thơm số 7 được công nhận đạt tiêu chuẩn Vietgrap, được liên kết bao tiêu sản phẩm với Công ty Long Vũ mỗi năm từ trên 320 tấn lúa tươi.

Xã An Đổ có 4 HTX trong đó có 2 HTXDVNN ( An Đổ, Đại Phu ), 2 HTX kiểu mới HTX ( mạ khay cấy máy An Đổ, HTX chăn nuôi gà)

HTX An Đổ có sản phẩm lúa chất lượng cao Bắc thơm số 7 hiện đã được công nhận đạt tiêu chuẩn Vietgrap và được chi cục trồng trọt và BVTV cấp mã vùng. Hiện nay đang tổ chức liên lết bao tiêu sản phẩm với Công ty Long Vũ mỗi năm trên 350 tấn lúa tươi. HTX mạ khay cấy máy tổ chức cung ứng mạ khay và cấy máy trên địa bàn xã và các xã lân cận mỗi năm cấy được 250ha

- Trên địa bàn 2 xã đều có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đối với xã Vũ Bản lựa chọn mô hình sản xuất hoa công nghệ cao trong nhà kính với diện tích 550m2 để trồng các loại hoa trồng chậu tại thôn 2 để cung cấp ra thị trường các loại hoa treo tường, hoa trang trí. Hiên nay chủ hộ đang liên kết với các cửa hàng bán hoa tại thành phố Nam Định và Thành phố Phủ lý để cung cấp các chậu hoa tươi phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng như hoa Ngọc Thảo, Xác Pháo, Dạ yến Thảo, dừa cạn, hoa ly chơi tết... Giá trí thu nhập đạt trên 2 tỷ đồng/ha/năm. Đối với xã An Đổ Căn cứ Quyết định của UBDN huyện quy hoạch khu chăn nuôi bò thịt, bó chất lượng cao tập trung. Hiện nay đã phê duyệt 01 dự án với diện tích 2,4 ha chủ hộ đã xây dựng chuồng trại khép kín có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo quy định về môi trường với diện tích 10.000m2 để nuôi nhốt bò nuôi lấy thịt bằng giống bò chất lượng cao 3B trồng cỏ voi với diện tích 1,2ha. Hiện nay đang nuôi 130 con bò thịt chất lượng cao 3B đây là loại bò có tỷ lệ xẻ thịt cao và chất lượng thịt cao đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng để liên kết với các cơ sở giết mổ trong và ngoài tỉnh cung cấp cho các siêu thị và chuỗi cửa hàng an toàn thực phẩm trong và ngoài tỉnh. Giá trị thu nhập trên ha canh tác đạt 2,5 tỷ đồng/năm.

*c. Đánh giá:* 2/2 xã đạt chuẩn Tiêu chí Lĩnh vực nổi trội theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

## 6. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

### *6.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.*

*- Chỉ tiêu 1.2: Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt ≥ 01 công trình.*

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

*\* Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn*

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Lục đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt tại Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Quyết định số 2277/QĐ- UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Bình Lục đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 19/8/2024.

Ngay sau khi quy hoạch được phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức hội nghị công bố quy hoạch vùng huyện, ban hành quy chế quản lý, niêm yết công khai quy hoạch tại trụ sở UBND huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch huyện và đăng tải trên cổng thông tin điện tử, Đài truyền thanh huyện để nhân dân và các tổ chức liên quan biết và thực hiện.

Có quy hoạch xây dựng các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn *(có hồ sơ kèm theo).*

*\* Chỉ tiêu 1.2: Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt ≥ 01 công trình.*

Sau khi Quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, huyện Bình Lục đã tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, hạ tầng xã hội thiết yếu. Các công trình: Khu công nghiệp Bình Lục, các Cụm công nghiệp Trung Lương mở rộng, Cụm công nghiệp Trung Lương 2.

*(có hồ sơ minh chứng kèm theo)*

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 1- Quy hoạch, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### *6.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm: Đạt.*

*- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch: 100%*

*- Chỉ tiêu 2.3.Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường:*≥50%.

*- Chỉ tiêu 2.4. Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên: Đạt.*

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

*\* Chỉ tiêu 2.1: Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm*

Trên địa bàn huyện Bình Lục có các tuyến giao thông quan trọng có tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua, các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ chạy qua kết nối huyện với các vùng lân cận. Ngoài ra có các tuyến huyện lộ và hệ thống các trục đường liên xã, đường xã tạo thành hệ thống mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh trên toàn huyện. Cụ thể như sau:

+ Đường sắt được hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác năm 1905; qua địa bàn huyện Bình Lục từ cầu Ghéo (xã Đồn Xá) đến cầu Họ (xã Trung Lương) dài 7km.

+ Quốc lộ:

 Quốc lộ 21A: từ cầu Ghéo (Đồn Xá) đến cầu Họ (Trung Lương)  dài 7km đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng nền 13m, mặt 12m, kết cấu nhựa Áp-phan. Kết nối giao thông với các tỉnh Nam Định, Thái Bình và huyện Thanh Liêm.

Quốc lộ 21B điểm đầu từ xã Đồn Xá đến chợ Mạng (điểm tiếp giáp giữa xã Vũ Bản với xã Mỹ thuận tỉnh Nam định). Qua các xã Đồn Xá, Thị trấn Bình Mỹ, An Nội, Vũ Bản dài 12,5km đạt tiêu chuẩn cấp II đồng bằng; nền33m, mặt 30m, kết cấu nhựa Áp - phan. Kết nối với các tỉnh chạy qua Nam Định, Thái Bình và huyện Thanh Liêm, thành phố Phủ Lý.

Quốc lộ 37B điểm đầu từ dốc Mỹ xã Tràng An, điểm cuối cầu Vĩnh Tứ xã An Lão giáp huyện Ý Yên tỉnh Nam Định; qua các xã Tràng An, Trịnh Xá, Đồn Xá, An Mỹ, Mỹ Thọ, An Đổ, La Sơn, Tiêu Động, An Lão; tổng chiều dài 22km; đạt tiêu chuẩn cấp IV, nền 11m, mặt 9m, kết cấu bê tông nhựa. .

Đường ĐT499, Địa phận huyện Bình Lục qua xã Tràng An, Bình Nghĩa, dài 5,5km. tiêu chuẩn cấp III, nền 18m, mặt 15m, kết cấu bê tông áp-phan. Kết nối với Cao tốc tại nút giao Liêm Tuyền và huyện Lý Nhân.

+ Đường tỉnh

Đường ĐT496 qua các xã Tràng An, Đồng Du, Hưng Công, Ngọc Lũ, Bồ Đề, An Ninh; điểm đầu là Dốc Mỹ xã Tràng An, điểm cuối là xã An Ninh, giáp xã Mỹ Hà tỉnh Nam Định, chiều dài 20,5km, tiêu chuẩn cấp V đồng bằng, nền 5,5m; mặt 3,5m; kết cấu đá nhựa để kết nối các xã thuộc khu C và các xã huyện Lý Nhân đi Nam Định.

Đường ĐT496B điểm đầu từ cầu Châu Giang xã Hưng Công, điểm cuối là Cầu Họ quốc lộ 21A qua các xã Hưng Công, Bối Cầu, An Nội, Trung Lương, dài 7,2km, tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, nền 9m, mặt 7m, kết cấu bê tông nhựa;

Đường ĐT491 tiêu chuẩn IV, nền11m, mặt 9m, kết cấu bê tông nhựa; Qua địa phận huyện Bình Lục, điểm đầu giáp xã Đinh Xá (thành phố Phủ Lý), điểm cuối đập Vĩnh Trụ (huyện Lý Nhân) gồm các xã Tràng An, Bình Nghĩa,  dài 2,5km.

Đường 495B tiêu chuẩn cấp III, Chiều dài từ quốc lộ 1A (phố Cà, huyện Thanh Liêm) đến quốc lộ 21A địa bàn xã Trung Lương, kết cấu bê tông áp - phan. Trên địa bàn huyện Bình Lục từ kênh Biên Hòa (giáp huyện Thanh Liêm) đến quốc lộ 21A, qua các xã Tiêu Động, An Đổ, Trung Lương, Bối Cầu, Hưng Công, Ngọc Lũ chiều dài 18km.

Các Tuyến đường Quốc Lộ, tỉnh lộ được Sở Giao thông chủ trì duy tu, bảo trì hàng năm; Các đường huyện lộ, đường trục, liên xã được huyện, xã tổ chức duy tu, bảo trì trì hàng năm.

*\* Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch*

Hiện nay trên địa bàn huyện Bình Lục có 8 tuyến huyện lộ được đầu tư xây dựng theo quy hoạch Vùng huyện được phê duyệt tại Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../..../20 của UBND tỉnh Hà Nam gồm:

+ Các tuyến đường huyện cấp kỹ thuật của đường là cấp V đồng bằng.

ĐH01: điểm đầu QL21A (km131 + 800), điểm cuối ĐH03 (Tây sông Sắt; cấp 5, nền 5,5m; mặt 3,5m kết cấu bê tông xi măng; dài 3,7km).

ĐH02: (còn gọi là đường Điện Biên) điểm đầu ĐT496 (xã An Ninh), điểm cuối ĐT496b (chợ An Nội), nền 6m, mặt 7m; kết cấu áp - phan dài 7,7km.

ĐH03 (bờ Tây sông Sắt): điểm đầu ĐT496 (cầu An Bài, Hưng Công), điểm cuối thôn Tập Thượng xã La Sơn, cấp 5, nền 5,5m, mặt 3,5m, kết cấu bê tông xi măng, dài 12,5km.

ĐH04: điểm đầu ĐT496 (chợ chủ Ngọc Lũ), điểm cuối Cống Đa Côn (xã Vũ Bản), cấp 5, kết cấu : đá nhựa 4,2km, bê tông xi măng 3km, chiều dài 7,2km.

ĐH05: từ chợ Phủ, thị trấn Bình Mỹ (ĐH07) đến xí nghiệp thuỷ nông (ĐH01): cấp 5, nền 5,5m, mặt 5,5m, kết cấu bê tông nhựa; dài 1km.

ĐH06: từ chợ Nội xã Đồng Du (ĐT496) đến QL37 xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, cấp 5 nền 5,5m, mặt 3,5m, kết cấu bê tông xi măng dài 2,3km

ĐH07: từ QL37 (thôn An Thái, Thị trấn Bình Mỹ) đến QL21a (km130+800): cấp 5, nền 7,5m, mặt 3,5m, kết cấu bê tông nhựa dài 1,4km.

ĐH08 (bờ Đông sông Sắt): từ ĐT496 (cầu An Bài, Hưng Công) đến cầu Sắt xã Trung Lương: cấp 5, nền 7,5, mặt 3,5, kết cấu bê tông dài 5,5km.

Đường thuỷ: chỉ còn hai tuyến là sông Châu Giang và sông Sắt, nhưng cả hai sông này đều là kênh tiêu của các trạm bơm lớn nên chỉ còn một vài phương tiện nhỏ hoạt động.

Tất cả các tuyến đường huyện lộ đều đạt chuẩn theo quy hoạch, có biển báo, biển chỉ dẫn giao thông...; đầu các tuyến đường đấu đều được làm gồ, gờ giảm tốc đúng quy định.

*\* Chỉ tiêu 2.3: Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường*

Tổng chiều dài các tuyến đường huyện lộ là 41,3 km. Hàng năm các tuyến đường Huyện lộ được chỉnh trang nâng cấp và trồng cây dọc các tuyến đường để tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Năm 2024, huyện Bình Lục tiếp tục trồng thêm 6,5 km cây xanh, nâng tỷ lệ km đường trên địa bàn huyện được trồng cây xanh là 32,5/41,3km (đạt 78,6%). Hệ thống cây xanh được đầu tư, chăm sóc phát triển tốt, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại công trình kiến trúc, hạ tầng, kỹ thuật các công trình.

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 2- Giao Thông, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### *6.3. Tiêu chí số 3 -Thủy lợi và phòng, chống thiên tai*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch:Đạt.*

*- Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Đạt.*

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

*\* Chỉ tiêu 3.1: Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch*

*- Hệ thống thủy lợi liên xã:* Hệ thống thuỷ lợi của các xã được thiết kế và xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thuỷ lợi chung của tỉnh, của huyện đảm bảo việc tưới, tiêu cho trên 10.371 ha đất sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, đời sống Nhân dân trong huyện. Trên địa bàn huyện không có đê và chỉ có các tuyến kênh như: S17, Kênh Tân Hoà, Sông Châu Giang, Sông Sắt . Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện do Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà và Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thuỷ lợi tỉnh Hà Nam và các HTXDVNN quản lý khai thác, vận hành có hiệu quả và thường xuyên được đầu tư xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy hoạch đã được phê duyệt. Hàng năm thực hiện kế hoạch làm thủy lợi nội đồng, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi tỉnh Hà Nam, các địa phương đã tập trung nạo vét kênh mương, đắp tôn cao, áp trúc bờ vùng, bờ thửa, xây dựng, tu bổ sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi nội đồng, giải tỏa, khơi thông dòng chảy, vớt bèo trên các tuyến kênh nhằm phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo chỉ tiêu theo kế hoạch. Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát, tổng hợp, phân loại các vi phạm, đồng thời xây dựng kế hoạch, tập trung triển khai xử lý, giải tỏa các vi phạm trong hành lang bảo vệ kênh mương và các vi phạm ảnh hưởng lớn đến dòng chảy được UBND huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện kịp thời.

*- Về tổ chức quản lý, khai thác:* Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Bình Lục do 3 đơn vị quản lý gồm Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thuỷ lợi tỉnh Hà Nam (quản lý kênh cấp I,II) và các HTXDVNN quản lý kênh mương III và kênh mương nội đồng. Hàng năm các công ty khai thác công trình thủy lợi và các HTXDVNN trên địa bàn huyện tổ chức quản lý, khai thác, vận hành có hiệu quả, bền vững các công trình thủy lợi, trạm bơm, kênh mương… UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Hà Nam tại Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 23/10/2019, Quyết định ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 21/02/2017, Quyết định Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Xuân Thủy được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 06/6/2017. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ, được xây dựng phù hợp với quy hoạch đã được UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt.

*\* Chỉ tiêu 3.2: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

Các công trình thủy lợi đều có các chủ thể quản lý, được sử dụng và khai thác đúng theo nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt. Công tác bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam về việc Ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Công tác quản lý và khai thác công trình thủy lợi được phân cấp theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND, ngày 09/9/2011 của UBND tỉnh Hà Nam (*các công trình từ cống đầu kênh cấp 3 trở xuống thuộc phạm vi quản lý, khai thác của các xã, thị trấn; các công trình từ cống đầu kênh trở lên đến công trình đầu mối thuộc Xí nghiệp thủy nông huyện quản lý, khai thác*).

Hàng năm Ủy ban nhân dân huyện đều ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “4 tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai. Hàng năm Ủy ban Nhân dân huyện tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm, kịp thời các Luật, Nghị định và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão mạnh, siêu bão. Công tác tuyên truyền được thường xuyên phát sóng trên hệ thống đài phát thanh huyện, cụm truyền thanh các xã, thị trấn và được phát tăng thời lượng, truyền tải kịp thời các bản tin, công điện chỉ đạo của các cấp về phòng chống, ứng phó thiên tai trong thời điểm diễn ra các đợt bão, lũ, để các cấp chính quyền địa phương, cơ sở và người dân chủ động thực hiện.

*Đánh giá theo điểm:* Nội dung phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ, đánh giá được 95 điểm, đạt mức: Tốt

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 3- Thủy lợi và phòng chống thiên tai, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### *6.4. Tiêu chí số 4 - Điện*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.*

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống. Có 100% các đơn vị hành chính trên địa bàn huyện đã đạt tiêu chí về điện. Theo Quy hoạch điện lực, tổng công suất trên địa bàn huyện đến năm 2025 là 187.832.KVA. Hiện nay Điện lực Bình Lục được giao quản lý vận hành 5 lộ đường dây 22 kV; 4 lộ đường dây 35kV. Có 351 trạm biến áp với tổng công suất 91.500 kVA, đường dây trung áp 262,51 km; đường dây hạ áp 793,17 km.

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 4- Điện, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### *6.5. Tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 5.1. Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn: Đạt.*

*- Chỉ tiêu 5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã: Đạt.*

*- Chỉ tiêu 5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên:*≥*60%.*

*- Chỉ tiêu 5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1), hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 5.1. Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn*

Trung tâm Y tế huyện Bình Lục là đơn vị sự nghiệp công lập đa chức năng chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của UBND huyện. Trung tâm Y tế huyện có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật. Khoa khám bệnh nơi tiếp đón bệnh nhân rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ nghế chờ, quạt mát, nước uống sạch. Các khoa điều trị nội trú phòng bệnh rộng rãi, mát mẻ, đảm bảo vệ sinh, được cung cấp đầy nước uống sạch, nước sinh hoạt cho người bệnh và người nhà người bệnh. Trung tâm y tế đặt tại trung tâm huyện cạnh Quốc lộ 21A. Tổng diện tích mặt bằng 14.479 m2, diện tích xây dựng 10.238 m2 . Tổng số đơn nguyên là 8 với 278 phòng. Ngoài ra khuôn viên Trung tâm Y tế đã trồng được với số lượng cây xanh lớn (200 cây xanh); nhà để xe cho nhân viên, người bệnh được thiết kế rỗng rãi, đẹp mắt, có mái che… Cho đến nay Trung tâm Y tế huyện Bình Lục được đánh giá là một trong những Trung tâm có chất lượng khám chữa bệnh tốt nhất trong các Trung tâm Y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh.

- Vị trí các Trạm Y tế xã/ thị trấn nằm tại khu trung tâm của xã, thuận tiện giao thông, đi lại của người dân và vận chuyển cấp cứu; diện tích khu đất xây dựng của các Trạm Y tế xã, thị trấn được đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Hiện tại nhân lực tại Trung tâm Y tế huyện Bình Lục: Số biên chế được giao: 215 người làm việc. Hiện có 219 người làm việc ( trong đó tại trung tam 118 viên chức: 108 hợp đồng, phục vụ 10 người). Trong đó: Bác sỹ CKI: 12; Bác sỹ :16, Y sỹ 01; Điều dưỡng: 36; Hộ sinh: 06; Dược: 10; Kỹ thuật y 03, y tế cộng đồng 10, Cán bộ khác: 14.

- Nhân lực tại các Trạm Y tế xã, thị trấn: Số biên chế được giao: 101 người làm việc. Hiện có: 101 người làm việc. Trong đó: Bác sỹ: 8; Y sỹ 35; Điều dưỡng: 22; Hộ sinh: 12; Dược sỹ: 09; Dân số 17.

Trong năm qua huyện Bình Lục không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác chủ động phòng chống dịch, đặc biệt là phòng chống dịch Sốt xuất huyết, dịch Viêm não Nhật Bản, Sởi, Ho gà, … không để xảy ra tử vong, khống chế hiệu quả các dịch bệnh nguy hiểm, giảm các bệnh có vắc xin phòng ngừa.

- Chương trình TCMR: số trẻ tiêm đầy đủ đạt 98,7% kế hoạch năm.

- Làm tốt công tác VSATTP, tăng cường tuyên truyền Luật an toàn thực phẩm, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến thực phẩm, các bếp ăn tập thể, các trường bán trú, tập huấn VSATTP cho các đối tượng tham gia kinh doanh chế biến thực phẩm.

- Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em- CSSKSS: Đạt được những kết quả quan trọng, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn 9,0 %, tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao 12,3%. Thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch về CSSKSS, hoạt động truyền thông GDSK bà mẹ trẻ em được chú trọng, các biện pháp kỹ thuật được tăng cường. Thực hiện tốt các biện pháp tránh thai an toàn và hiệu quả. Quản lý thai sản thường xuyên, không có tai biến trong sản khoa.

- Công tác phòng chống HIV/AIDS được triển khai, thực hiện đồng bộ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quan tâm phối hợp chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, sự hưởng ứng của cộng đồng đã làm thay đổi ý thức, hành vi ứng xử của người dân đối với người nhiễm HIV/AIDS.

- Năm 2024 Trung tâm tiếp tục đăng ký nhu cầu đào tạo, cử nhân viên đi đào tạo các lớp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ Trung tâm và phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

- Công tác khám chữa bệnh từ xa: Đơn vị tiếp tục tham dự các hội nghị, hội chẩn tư vấn khám chữa bệnh từ xa của các Trung tâm, bệnh viện tuyến trên nhằm học hỏi, trao đổi kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tăng cường tập huấn nâng cao kiến thức, đưa vào áp dụng các kỹ thuật chuyên môn, phối hợp với cơ quan BHXH thực hiện tốt Luật khám, chữa bệnh, Luật BHYT, các quy chế chuyên môn phục vụ người bệnh đặc biệt là bệnh nhân BHYT. Đưa các dịch vụ tới người bệnh, đảm bảo quyền lợi bệnh nhân đồng thời bảo tồn quỹ BHXH.

- Trung tâm Y tế huyện Bình Lục được xếp hạng cấp chuyên môn kỹ thuật cấp cơ bản theo Quyết định số 1392/QĐ- SYT ngày 26/12/2024 của Sở Y tế tỉnh Hà Nam.

*\*Chỉ tiêu 5.2 Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã*

Căn cứ Quyết định số 1310/QĐ-UBND, ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc thành lập Trung tâm Văn hóa- Thông tin và Thể thao huyện Bình Lục trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện được thành lập trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Văn hóa, Thể thao huyện với Đài truyền thanh huyện, là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện có chức năng phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, thể thao ở xã, thị trấn. Tổ chức và cung ứng các dịch vụ công, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn

\* Tổng diện tích đã được quy hoạch của Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Bình Lục 6.106 m2, gồm có:

Hội trường Nhà Văn hoá trung tâm (hội trường đa năng) có diện tích 920m2 với 450 chỗ ngồi. Nhà văn hoá được quan tâm sửa chữa, nâng cấp cơ bản đáp ứng được yêu cầu tổ chức các sự kiện văn hóa, chính trị xã hội của huyện; hỗ trợ dàn dựng, tổ chức chương trình nghệ thuật phục vụ các Đại hội, Hội nghị….của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong huyện.

Trung tâm Văn hoá, Thông tin, Thể thao có các phòng chức năng, phòng làm việc của lãnh đạo và của các bộ phận chuyên môn đủ tiêu chuẩn theo quy định, bao gồm: 2 phòng họp, 02 phòng lãnh đạo và 16 phòng chức năng, gồm: Hành chính tổng hợp, Văn hoá văn nghệ, Thể dục thể thao, phóng viên- biên tập, dựng truyền hình, dựng phát thanh, phát sóng, kỹ thuật, khu nhà kho gần 200m2 chứa trang thiết bị… (mỗi phòng diện tích tối thiểu 20 m2).

Công trình phụ trợ: Khu sân khấu ngoài trời (tiền sảnh nhà văn hóa) 80m2 đủ nhu cầu phục vụ biểu diễn và tập luyện nghệ thuật; nhà để xe; khu vệ sinh; tường bao; tường rào. Nhà thi đấu cầu lông: Diện tích: 360m2. Thư viện: 6 phòng, diện tích 150 m2, 2 sân bóng chuyền hơi, 1 sân bóng chuyền da, 2 sân Picklball. Nhà đa năng, quảng trường, hệ thống cây xanh, nhà để xe, công trình vệ sinh đáp ứng đủ cơ sở vật chất trang thiết bị để phục vụ nhiệm vụ chính trị, hoạt động thi đấu, tập luyện và biểu diễn và vui chơi giải trí cho mọi tầng lớp nhân dân của và cán bộ trong huyện.

Trung tâm Văn hoá Thể thao huyện Bình Lục hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, có quy chế và nội quy làm việc. Quy chế và nội quy làm việc được xây dựng có sự thống nhất của Ban Giám đốc và các tổ chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm Trung tâm xây dựng kế hoạch hoạt động bao gồm các nội dung về văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao

Các chương trình hoạt động tại chỗ: Hàng năm Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao tổ chức các chương trình hoạt động tại chỗ, bao gồm: tuyên truyền kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và đón tết Nguyên đán; chương trình văn nghệ chào mừng ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam; ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và tổ chức các giải thể thao như: Bóng chuyền, Bóng bàn, Cầu lông .... vào dịp kỷ niệm ngày Thể thao Việt Nam 27/3; các hoạt động giao lưu thể thao kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, kỷ niệm ngày truyền thống của các ngành trong năm; Hội diễn và đêm công diễn nghệ thuật quần chúng, mít tinh kỷ niệm ngày Quốc khánh, tổ chức thi đấu giải Bóng chuyền nam, Bóng chuyền hơi nữ, Cầu lông, Dân vũ vào dịp kỷ niệm 30/4, 1/5, Cách mạng Tháng Tám (19/8) và Quốc khánh 02/9.

Các chương trình hoạt động lưu động: Hàng năm Trung tâm tổ chức trên 10 chương trình hoạt động lưu động với số buổi hoạt động của Đội tuyên truyền lưu động trên 100 buổi/năm. Các nội dung gồm: Tuyên truyền Mừng Đảng - Mừng Xuân; an toàn giao thông, phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội, cấm buôn bán và đốt pháo nổ; Luật nghĩa vụ quân sự; tuyên truyền nội dung phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* trọng tâm là văn hóa nông thôn mới nâng cao, văn minh đô thị, xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Luật phòng chống bạo lực gia đình; luật bình đẳng giới; luật an toàn giao thông; luật hôn nhân và gia đình; chuyển đổi số quốc gia....

Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em: Tổ chức tập huấn kỹ năng phòng chống tai nạn đuối nước cho cán bộ phụ trách và trẻ em, phổ cập bơi cho gần 1.500 học sinh. Tham gia đầy đủ các giải TDTT do tỉnh tổ chức; phát hiện và đào tạo vận động viên trẻ, tạo nguồn thể thao thành tích cao cho tỉnh...

Hoạt động Thư viện: Thư viện huyện có trên 10.000 đầu sách và tài liệu phục vụ đọc giả; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cán bộ phụ trách thư viện cũng như nhu cầu đọc, nghiên cứu sách của cán bộ và nhân dân trong huyện, nhất là độc giả lứa tuổi học sinh; đảm bảo ngày, giờ mở cửa thư viện để phục vụ độc giả. Hằng năm đều thực hiện luân chuyển các đầu sách xuống thư viện các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn huyện.

Hàng năm Trung tâm tổ chức các cuộc hội diễn liên hoan văn nghệ quần chúng; hàng năm tổ chức được 20 chương trình liên kết với các ngành Giáo dục - Đào tạo; Ban chỉ huy Quân sự huyện; Hội người cao tuổi. Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn lao động...

Hướng dẫn, hỗ trợ các xã trong huyện tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nhân dịp các ngày lễ lớn và những sự kiện chính trị quan trọng của địa phương: hướng dẫn các xã tổ chức các hội diễn, hội thi văn nghệ quần chúng, các giải thể thao như: giải Bóng đá Thanh, thiếu niên, giải Cầu lông, bóng bàn…, tạo ra phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao sôi nổi từ cơ sở. Phối hợp chỉ đạo, định hướng phát triển văn nghệ quần chúng thông qua các CLB tại các xóm, tổ dân phố. Hiện, toàn huyện có 186 CLB văn hoá văn nghệ, 90 CLB dân vũ thể thao.

Tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn: Trung tâm VH,TT&TT huyện phối hợp với các xã, thị trấn tổ chức thành công đêm các chương trình văn nghệ nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện. 100% đơn vị xã, thị trấn tổ chức thành công giao lưu văn nghệ mừng Đảng mừng xuân và mừng tân binh lên đường nhập ngũ.

Hoạt động Thể dục Thể thao: Hàng năm, phối hợp tổ chức Giải vật mùa xuân thượng võ tại làng Vũ xã Vũ Bản; tham gia giải Vật mùa xuân thượng võ tỉnh Hà Nam và các giải thể thao do tỉnh Hà Nam tổ chức đều đạt giải cao; tổ chức giải bóng chuyền hơi nam – nữ, bóng chuyền da nam; giải cầu lông, bóng bàn mở rộng chào mừng Ngày Thể thao Việt Nam 27/3, Ngày thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3, Ngày giải phóng Miền Nam, Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; tổ chức thành công ngày chạy Olympic vì sức khoẻ toàn dân. Ngoài ra, Trung tâm còn phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thành công các giải thể thao nhân kỷ niệm ngày truyền thống của các ngành./.

*\* Chỉ tiêu 5.3: Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên*

*- Về trường THPT:* Trên địa bàn huyện có 04 trường trung học phổ thông công lập (Trường THPT A Bình Lục, THPT B Bình Lục, THPT C Bình Lục, THPT Nguyễn Khuyến), có 04/04 trường THPT được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, đạt tỷ lệ 100%; trường THPT C Bình Lục được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh Hà Nam; trường THPT A Bình Lục được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh Hà Nam. trường THPT B Bình Lục được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Hà Nam;trường THPT Nguyễn Khuyến được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh Hà Nam;

*\* Chỉ tiêu 5.4: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1*

Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Lục đã được Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 735/QĐ- SGĐT ngày 31/10/2023 công nhận và cấp chứng nhận trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 .

Hiện nay, trung tâm GDNN-GDTX huyện có số lớp học, số học viên học văn hoá kết hợp với học nghề trình độ trung cấp 10 lớp với 342 học viên. Trong đó: Nghề cơ điện tử: 04 lớp; Tổng số học viên: 145 (Lớp 10: 72 học viên; Lớp 11: 73 học viên); Nghề Chế biến món ăn: 02 lớp; Tổng số học viên: 69 (Lớp 10: 36 học viên; lớp 11: 33 học viên); Nghề Chăm sóc sắc đẹp: 02 lớp; Tổng số học viên: 64 (Lớp 10: 36 học viên; Lớp 11: 28 học viên). Công nghệ thông tin: 02 lớp với 64 học viên(Lớp 10: 28 học viên; Lớp 11: 36 học viên). Liên kết với 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Trường Trung cấp nghề quốc tế ;Cao đẳng nghề Hà Nam) đào tạo trình độ trung cấp nghề cho học viên . Hiện tại Trung tâm có 10 phòng học kiên cố, 5 phòng thực hành nghề , một nhà đa năng, cổng Trung tâm, tường bao, nhà vệ sinh ngoài trời, lán xe, toàn bộ khuôn viên sân trường được lát gạch và trồng cây xanh.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên được biên chế là 18 người và 2 hợp đồng lao động. Trong đó ban lãnh đạo 3 người, giáo viên dạy văn hoá 12 người, giáo viên thực hành nghề 1 người, nhân viên 2 người, hợp đồng lao động 2 người ngoài ra theo nhu cầu của từng năm học trung tâm ký hợp đồng với giáo viên thỉnh giảng, 100% cán bộ giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm, đạt 100 %. Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông luôn xếp ở vị trí thứ nhất, thứ nhì khối giáo dục thường xuyên của tỉnh. Hàng năm Trung tâm đều được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen cho danh hiệu tập thể tiên tiến.

*c.. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### *6.6. Tiêu chí 6 - Kinh tế*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.*

*- Chỉ tiêu 6.2. Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn.*

*- Chỉ tiêu 6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực; hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.*

*- Chỉ tiêu 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn*

Trên địa bàn huyện có 02 cụm công nghiệp đang hoạt động gồm:

- Cụm công nghiệp Trung Lương thuộc xã Trung Lương, An Nội, Bối Cầu được thành lập theo Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 19/04/2019 của UBND tỉnh Hà Nam, do Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Công nghiệp Hà Nam làm Chủ đầu tư.

+ Tổng diện tích đất đã Quy hoạch 10,6ha, được phân thành 5 khu: đất trung tâm điều hành; đất công nghiệp; đất giao thông, bãi đỗ xe; đất hạ tầng kỹ thuật; đất cây xanh mặt nước.

+ Tổng diện tích đất đã cho thuê: 10ha, gồm 02 công ty: Công ty TNHH DAC Việt Nam: 4,9 ha và Công ty cổ phần nhựa CPI: 5,1 ha.

- **Cụm công nghiệp Bình Lục:**

Cụm công nghiệp Bình Lục (thuộc xã Trung Lương) được thành lập theo Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Hà Nam do Công ty cổ phần Bình Mỹ làm Chủ đầu tư.

+ Tổng diện tích đất đã Quy hoạch: 30,611ha, Trong đó phân thành 4 khu: Đất công nghiệp (21,57 ha); Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh, đất khu nhà điều hành, dịch vụ.

+ Tổng diện tích đất đã cho thuê là 21,57 ha, gồm 08 đơn vị thuê Công ty CP may Đức Hạnh; Công ty TNHH nhựa CPI; Công ty CP phát triển sơn quốc tế LUXSEN; Công ty TNHHZhong Xin Hoa sen; Công ty TNHH vật liệu bao bì sinlanho; Công ty TNHH JY International; Công ty TNHH HH Dream Priting , Công ty dã ngoại menature.

*\* Chỉ tiêu 6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm*

Chợ Phủ thuộc địa bàn thị trấn Bình Mỹ, là chợ trung tâm huyện, hiện tại đang là chợ hạng II và đạt tiêu chí Chợ Kinh doanh thực phẩm; Căn cứ Tiêu Chuẩn TCVN 11856:2017 về tiêu chuẩn Quốc gia chợ kinh doanh thực phẩm:

+ Về thiết kế: Chợ Thị trấn Bình Mỹ là chợ hạng II thiết kế 2 tầng phục vụ nhu cầu mua bán của người dân thị trấn Bình Mỹ, Xã Đồn Xá, Xã La Sơn, xã An Đổ và các xã lân cận; Hệ thống chiếu sáng trong và ngoài chợ; Vệ sinh môi trường: Nước thải được gom tập trung và đưa về Khu xử lý nước thải của huyện; rác thải hàng ngày được thu gom về điểm tập kết rác; nhà vệ sinh được tách biệt các khu vực khác; Hệ thống PCCC đảm bảo, hàng năm đều được kiểm tra, bảo dưỡng; Các điểm kinh doanh tại chợ: bao gồm quầy hàng, sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 7 - 10m2/điểm (Tiêu chuẩn 3m2).

+ Về bố trí không gian trong chợ: Đảm bảo tiêu chuẩn về chợ gồm Nhà chợ chính, Chợ phụ, khu vực điều hành, khu vệ sinh, khu cấp nước, xử lý nướcthải; Các khu vực kinh doanh được thiết kế bố trí, sắp xếp các khu vực kinh doanh thuận lợi cho việc kinh doanh. Khu vực kinh doanh thực phẩm được sắp xếp tại khu nhà chợ phụ được chia thành các khu vực kinh doanh riêng biệt gồm: Khu vực kinh doanh các sản phẩm quần áo và đồ dễ cháy được bố trí tầng 2. Khu vực kinh doanh thực phẩm động vật (thịt lợn, thịt gà…); Khu vực kinh doanh rau, củ, quả; Khu vực kinh doanh thực phẩm khác các khu vực kinh doanh được ngăn cách bằng đường đi đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Về các hộ kinh doanh trong chợ: Các quầy kiot đều có biển quầy; các quầy đều được trang bị thùng rác có nắp đậy, cuối ngày được thu gom sạch sẽ; Các hộ kinh doanh đều thực hiện nghiêm việc bày bán cách ly thực phẩm chín để tránh gây lây nhiễm chéo bằng thiết bị, dụng cụ bảo quản phù hợp; Sản phẩmthực phẩm không để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng có khả năng gây mất an toàn thực phẩm; ít hoặc ko kinh doanh phụ gia thực phẩm, cácchất tẩy rửa, chất độc trong chợ; các quầy bán hàng đều được kê cao đúng quy định; thực phẩm kinh doanh đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm.

+ Các cơ sở kinh doanh sản phẩm từ động vật; thủy sản tươi sống; rau củ quả; thực phẩm chín đều tuân thủ đúng các quy định về an toàn thực phẩm, các hộ được ban quản lý chợ và các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở nên việc chấp hành các quy định về ATTP là đảm bảo đúng quy định.

+ Về tổ chức quản lý chợ: có Ban quản lý/Tổ quản lý chợ hoạt động theo quy định và nội quy của chợ được phê duyệt.

*- Chỉ tiêu 6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực; hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.*

Trên địa bàn huyện có 24 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Trong đó, các HTX DVNN nông nghiệp trên địa bàn huyện đã ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với Công ty TNHH Long Vũ (Công ty đóng trên địa bàn huyện Bình Lục) và các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn để thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa chất lượng cao và sản phẩm Bí đỏ vụ Đông.

Năm 2024, Quy mô các chuỗi liên kết là 1.218,9 ha, trong đó liên kết lúa, gạo với diện tích: 1188,9 ha, tổng sản lượng 6.989 tấn; chuỗi liên kết Bí đỏ với diện tích 30 ha, sản lượng đạt 375 tấn.

Trên địa bàn huyện hiện 16 mô hình sản xuất lúa, rau củ quả các loại, cây ăn quả theo tiêu chuẩn Vietgap với diện tích 97,4 ha bao gồm: Bưởi diễn của HTX DVNN Ngọc Lũ; Nho hạ đen, nho mẫu đơn, Thanh Long, bưởi của HTX Công nghệ cao Đồng Du; Rau các loại của HTX Sản xuất và DVNN Thanh Hà và HTX DVNN Cát Lại; Lúa Bắc thơm số 7, Nếp cái hoa vàng, DS1, Đài thơm 8 của HTX DVNN An Ninh, Bình Thành, Liên An, Đồn Xá, La Sơn, Hòa Bình, Bình Minh, Bối Cầu, An Nội, Hưng Công, Vũ Bản và An Đổ.

Có 04 cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và chứng nhận OCOP 3 sao như: Sản phẩm cơm cháy của cơ sở sản xuất Minh Tâm (xã Ngọc Lũ); Trà Đông trùng Hạ Thảo của Công ty Thanh Quang Đăng (xã Bối Cầu), sản phẩm thủy sản của Công ty TNHH thủy sản Phương Huyền (xã Hưng Công), sản phẩm giò, chả, xúc xích của cơ sở hộ Cù Thị Liên (xã An Nội). Các sản phẩm đã được các cơ sở ký hợp đồng bao tiêu với nhiều đại lý, cơ sở kinh doanh ở các địa phương trong cả nước.

*\* Chỉ tiêu 6.4: Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.*

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Lục là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập từ tháng 10/2018 theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 10/8 /2018 của UBND tỉnh Hà Nam. Đơn vị có chức năng tham mưu giúp UBND huyện thực hiện các hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, khuyến nông, các hoạt động thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của UBND huyện về tổ chức, số lượng người làm việc và hoạt động theo quy định; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ngay sau khi Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện được thành lập, căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, UBND huyện Bình Lục đã chỉ đạo, sắp xếp tổ chức nhân sự. Đến nay Trung tâm có 5 viên chức ( 1 giám đốc và 04 nhân viên); Lãnh đạo Trung tâm đã ban hành nội quy, quy chế làm việc của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bình Lục, thông báo phân công nhiệm vụ cho các đồng chí viên chức của cơ quan.

Từ khi thành lập đến nay, Trung tâm luôn bám sát chức năng nhiệm vụ tham mưu giúp UBND huyện thực hiện các hoạt động sự nghiệp nông nghiệp, thuỷ sản; công tác chuyên môn kỹ thuật, dịch vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản trên địa bàn huyện, ngoài ra trung tâm có 01 cửa hàng để giới thiệu và bán các sản phẩm nông nghiệp an toàn tại gần chợ Bình Mỹ. Hàng năm Trung tâm luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

*c. Tự đánh giá:*Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 6 - Kinh tế, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### *6.7. Tiêu chí số 7 - Môi trường*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 7.1: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định: ≥ 95%*

*- Chỉ tiêu 7.2: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%*

*- Chỉ tiêu 7.3: Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường: ≥ 80%*

*- Chỉ tiêu 7.4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:≥ 70%*

*- Chỉ tiêu 7.5: Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp: ≥ 50%*

*- Chỉ tiêu 7.6: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: ≥ 4m2*

*- Chỉ tiêu 7.7: Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện: Đạt*

*- Chỉ tiêu 7.8: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: ≥ 85%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 7.1: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định: ≥ 95%*

Công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại đã được UBND huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo, đến nay hoạt động thu gom và xử lý rác thải đã đi vào nề nếp và hiệu quả. 100% xã, thị trấn có hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt với tần suất thu gom 3-4 lần/tuần. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt toàn huyện bình quân đạt 98,2%.

Để công tác thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình đến bể trung chuyển đạt hiệu quả, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ vào tình hình thực tế thành lập các tổ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thôn, tổ dân phố. Tính đến thời điểm hiện nay đã có 120 tổ thu gom rác thải của 111 thôn, tổ dân phố trên địa bàn với lượng công nhân của các tổ là 276 người vận chuyển rác từ hộ gia đình đến 33 bể trung chuyển rác thải hoạt động có hiệu quả với tần suất thu gom đối với từng thôn, tổ dân phố từ 3 - 4 lần/tuần. Thiết bị thu gom, vận chuyển như: thùng chứa rác, xe gom rác và đặc biệt là xe chuyên dụng để vận chuyển rác từ hộ gia đình, cá nhân ra bể trung chuyển rác thải. Đơn vị dịch vụ môi trường đang thực hiện bốc xúc, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn đến nhà máy xử lý rác của tỉnh là Công ty Cổ phần môi trường Hà Nam.

Theo thống kê tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày của 17 xã, thị trấn ước tính khoảng 47,08 tấn/ngày (17.184 tấn/năm). Trong đó khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý khoảng 46,23 tấn/ngày (16.874 tấn/năm), đạt tỷ lệ 98,2%. Khối lượng chất thải sinh hoạt được phân loại, tái chế và tự xử lý tại hộ gia đình khoảng 11,39 tấn/ngày (4.157 tấn/năm), khối lượng rác được đơn vị dịch vụ môi trường thu gom, vận chuyển để đem đi xử lý tại nhà máy xử lý rác thải của tỉnh là khoảng 34,84 tấn/ngày (12.717 tấn/năm).

Để tăng cường công tác quản lý chất thải trên địa bàn huyện, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 04/12/2024 về triển khai thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện; Theo đó, giao trách nhiệm cho các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã thị trấn căn cứ các quy định của pháp luật tổ chức thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện. Xác định việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của Uỷ ban nhân dân các cấp, nhất là cấp cơ sở; phát huy vai trò tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát về phân loại CTRSH tại nguồn; đồng thời tăng cường công tác xã hội hoá để huy động tối đa các nguồn lực tham gia vào công tác phân loại CTRSH tại nguồn và thu gom, vận chuyển, xử lý riêng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại. UBND các xã, thị trấn căn cứ tình hình thực tế đã xây dựng kế hoạch tại từng địa phương. Đến nay, 100% các địa phương trên địa bàn huyện đã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

Chất thải rắn không nguy hại *(chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải từ hoạt động chăn nuôi, chất thải xây dựng, phụ phẩm nông nghiệp)*, trên địa bàn 16 xã, thị trấn khoảng 86,2 tấn/ngày (31.463 tấn/năm). Trong đó khối lượng chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý khoảng 86,2 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 100%.Đối với chất thải xây dựng *(gạch, bê tông tháo dỡ, đá, vật liệu xây dựng khác phát sinh),* Chất thải rắn công nghiệp thông thường *(gỗ vụn, mùn cưa, vỏ bao bì, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng vỏ bao bì, …),* các cơ sở sản xuất kinh doanh hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định. Đối với chất thải trong chăn nuôi, các cơ sở, hộ chăn nuôi thực hiện thu gom, ủ phân vi sinh qua hầm biogas để xử lý sau đó được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Các hộ sản xuất kinh doanh, chăn nuôi ký cam kết không xả thải gây ô nhiễm môi trường và được kiểm tra thường xuyên. Đối với chất thải trong sản xuất nông nghiệp (phụ phẩm nông nghiệp), chất thải trong sản xuất trồng trọt: rơm rạ, cuống dong, cây ngô và các loại cây màu khác sau khi thu hoạch 99% được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cầy lật đất, ủ phân, rải diện tích trống giữ độ ẩm cho cây, một phần sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, một phần sử dụng làm chất đốt phục vụ sinh hoạt hàng ngày.

*\* Chỉ tiêu 7.2: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND huyện Bình Lục đã tổ chức, triển khai hướng dẫn người dân, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế trên địa bàn huyện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Các nội dung đã thực hiện: UBND huyện Bình Lục đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch cụ thể về thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói, chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng tại các cánh đồng trên địa bàn; bố trí các thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên các cánh đồng đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; UBND huyện đã hướng dẫn người dân, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế trên địa bàn huyện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

*+ Chất thải nguy hại từ vỏ bao thuốc BVTV:*

- UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn bố trí đủ số lượng và vị trí đặt bể chứa hợp lý để thu gom hết bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong sản xuất nông nghiệp theo đúng Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tổng lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện phát sinh ước tính khoảng 3.336 kg/năm.

Định kỳ sẽ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nông nghiệp nguy hại theo quy định. 100% xã đã ký hợp đồng tiếp nhận và xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định *(Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp xanh, ...).* UBND các xã đã xây dựng quy chế thu gom vận chuyển vỏ bao bì thuốc BVTV qua sử dụng về nơi tập kết.. Hàng năm, sau mỗi vụ phun trừ thuốc bảo vệ thực vật, các xã đã tổ chức phát động thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng để xử lý theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân, các động vật khác. Hệ thống bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được lắp đặt trên các cánh đồng tại 17 xã, thị trấn (3.278 bể). UBND huyện đã chỉ đạo các xã tiếp tục kiểm tra, rà soát lắp đặt bổ sung và sửa chữa các bể chứa bị hỏng, mất nắp, không đạt yêu cầu lưu chứa theo quy định*.* Tổng lượng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trên cánh đồng các xã được thu gom theo quy định đạt 100%.

*Chất thải y tế nguy hại:*

\* Chất thải y tế

- Trên địa bàn huyện Bình Lục có 01 Trung tâm y tế huyện, 17 Trạm y tế tại 17 xã, thị trấn và 11 cơ sở phòng khám tư nhân. Đối với Trung tâm y tế huyện đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, có báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), thủ tục xác nhận hoàn thành các công trình về bảo vệ môi trường theo quy định. Chất thải y tế tại 17 trạm y tế được thu gom, bàn giao cho Trung tâm y tế tiếp nhận, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý; đối với các phòng khám trên địa bàn huyện được các đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Đối với chất thải y tế phát sinh tại Trung tâm y tế huyện sẽ được phân loại, thu gom và tập kết tại kho lưu trữ chất thải sau đó sẽ được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý. Về khối lượng rác thải y tế trong năm được thu gom và xử lý trong năm khoảng 2.796 kg/năm; đối với rác thải sinh hoạt được Trung tâm y tế huyện ký hợp đồng với Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Đối với các cơ sở phòng khám tư nhân chủ yếu là khám bệnh phục vụ Nhân dân trong vùng. Các cơ sở đều đảm bảo về cơ sở vật chất, hồ sơ pháp lý và thực hiện tốt quy chế chuyên môn khám chữa bệnh theo quy định, trong đó các cơ sở đã có thủ tục về môi trường theo quy định.

*+ Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt tại hộ gia đình*

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình ước tính chiếm 0,1% lượng rác thải sinh hoạt (khoảng 99kg/ngày) chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin, thiết bị, linh kiện điện tử thải.... UBND huyện triển khai các văn bản hướng dẫn thu gom, phân loại và xử lý chất thải nguy hại từ hộ gia đình đến UBND các xã. Chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt hộ gia đình, UBND các xã bố trí các điểm tập kết chất thải nguy hại. Người dân đem chất thải nguy hại của hộ gia đình đến các điểm thu gom. UBND xã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình được thu gom vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*\* Chỉ tiêu 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp có quy mô cấp xã trở lên*

Trên địa bàn huyện Bình Lục đã triển khai thực hiện mô hình xử lý rơm, rạ sau thu hoạch nhằm cải tạo đất, cung cấp dinh dưỡng dễ tiêu cho cây trồng, cải thiện chất lượng môi trường đất và không khí, xử lý một lượng đáng kể phụ phẩm trong trồng trọt, ngoài ra còn có một phần tác dụng giảm tỷ lệ lúa cỏ phát sinh ở vụ tiếp theo ở những diện tích đã xuất hiện lúa cỏ vụ trước, mô hình do Hợp tác xã DV NN An Ninh (HTX), xã AN Ninh tổ chức triển khai thực hiện

Năm 2024, HTXDV NN Bình Thành phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT, Công ty CP thương mại thanh niên Việt Nam triển khai mô hình xử lý rơm rạ tại diện tích đang triển khai sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, sử dụng chế phẩm hữu cơ vi sinh Trichoderma rắc trực tiếp xuống ruộng sau khi thu hoạch, cày lật đất, lấy nước đợt 1 với quy mô 50 ha, 105 hộ tham gia, mô hình đã giúp giảm khoảng 900 tấn rơm rạ thải ra môi trường. Theo đánh giá của các hộ xã viên, từ khi Hợp tác xã phối hợp triển khai mô hình xử lý rơm rạ giảm hẳn tình hình đốt rơm rạ; trong vụ mùa 2024, cung cấp lượng dinh dưỡng dễ tiêu cho cây trồng nên lượng phân bón giảm 20-30%, lúa không bị ngộ độc hữu cơ, đặc biệt tỷ lệ lúa cỏ giảm đáng kể; ý thức của người dân ngày càng được nâng lên trong việc thực hiện theo đúng hướng dẫn quy trình gieo cấy của huyện, cấy tập trung đồng trà, đồng giống, cùng kỹ thuật giúp cho thu nhập của người dân tăng. Bênh cạnh đó tại khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao HTX Thanh Hà đã triển khai mô hình thu gom các loại rau củ quả sau sơ chế và xử lý rơm rạ sau thu hoạch sử dụng chế phẩm hữu cơ vi sinh Trichoderma để phân huỷ thành phân hữu cơ phục vụ cho việc sản xuất rau an toàn của HTX với quy mô mỗi ngày trung bình xử lý 2 tấn để cung cấp lượng dinh dưỡng dễ tiêu cho cây trồng.

Ngoài ra, để tăng cường hiệu quả công tác phân loại rác thải tại nguồn từ năm 2021 khi triển khai xây dựng mô hình khu dân xư kiểu mẫu UBND huyện đã yêu cầu các khu dân cư kiểu mẫu phải có 100% số hộ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn và phải có ít nhất 70% hộ có vườn đào hố xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình để giảm thiểu lượng rác thải phải xử lý ngoài khu xử lý rác thải tập trung và có thể tận dụng làm phân bón hữu cơ cho cây trồng.

*- Chỉ tiêu 7.4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:≥ 70%*

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND huyện Bình Lục đã tổ chức, triển khai hướng dẫn người dân, tổ chức trên địa bàn huyện thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn để giảm thiểu áp lực từ rác cho môi trường, đồng thời tận dụng rác hữu cơ làm thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến thành phân hữu cơ phục vụ trồng trọt.

Ngày 04/12/2024, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 191/KH-UBND về triển khai thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện. Trong đó có các lộ trình để các địa phương thực hiện và đảm bảo tiến độ đến hết tháng 12/2024 có 100% số hộ trên địa bàn huyện thực phân loại rác thải tại nguồn.

Đến nay, đã triển khai tại 17/17 xã, thị trấn có 100% số hộ trên địa bàn huyện đã đăng ký thực hiện phân loại rác thải tại nguồn là 42.609/42.609 hộ[[29]](#footnote-29). Tổng số hộ đã thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình đúng quy định là 30.308 hộ/42.609 hộ thực hiện đạt 71,13% trong đó, chủ yếu thực hiện phân loại, xử lý rác thải tại nguồn theo mô hình thùng ủ hữu cơ; thực hiện phân loại, xử lý rác thải tại nguồn theo mô hình đào hố ủ hữu cơ tại vườn.

Hoạt động phân loại chất thải rắn tại nguồn giúp các hộ gia đình tận dụng các chất thải có thể tái chế để bán phế liệu và tự xử lý chất thải thực phẩm qua đó giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt vận chuyển ra bể trung chuyển rác thải tại các địa phương.

Hình thức phân loại rác thải tại nguồn chủ yếu trên địa bàn huyện hiện nay: Mỗi hộ dân có 2 dụng cụ rác đựng vô cơ và hữu cơ. Hộ có vườn thì đào 1 hố nhỏ có nắp đậy, bổ sung thêm chế phẩm vi sinh để xử lý rác thải hữu cơ. Sau khoảng hơn 1 tháng rác thải được phân hủy thành phân hữu cơ có thể bón cho cây trồng. Quá trình xử lý không phát sinh mùi hôi thối và ruồi bọ được bà con phấn khởi tiếp nhận. Ngoài ra, tại một số hộ không có vườn rộng, có nhu cầu tận dụng rác thải hữu cơ làm phân bón cho cây cảnh, rau màu thì ủ rác hữu cơ bằng thùng ủ, rác được phân hủy dưới tác động của chế phẩm vi sinh thành phân bón, nước rỉ rác dưới đáy thùng được thu giữ để tưới lại vào rác tăng khả năng phân hủy cho rác hoặc pha loãng với nước để tưới cho cây trồng.

*- Chỉ tiêu 7.5: Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp: ≥ 50%*

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Bình Lục đã được chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã quan tâm, chỉ đạo xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường

+ Các nội dung đã thực hiện: UBND huyện Bình Lục thường xuyên, hướng dẫn tuyên truyền các hộ gia đình xây dựng, lắp đặt công trình xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra ngoài môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan.

- Nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện phát sinh từ các hộ gia đình và nước thải từ các cơ quan, tổ chức, trường học, doanh nghiệp. Tổng lượng nước thải phát sinh trên địa bàn huyện là 24.175 m3/ngày trong đó tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình là 23.597 m3/ngày, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, cơ quan, đoàn thể là 578 m3/ngày. Tỉ lệ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp là 26.844 hộ/42.609 hộ, đạt tỉ lệ 63%. Các hộ dân có nhà tiêu tự hoại 3 ngăn và có hố ga, bể lắng xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hố gas, bể lắng được nạo vét thường xuyên.

*\* Chỉ tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn*

Hưởng ứng chủ trương thực hiện đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025, hằng năm UBND huyện chỉ đạo các xã rà soát các quỹ đất công cộng tại điểm dân cư nông thôn có thể trồng được cây và kiểm tra các diện tích đã cấy để trồng bổ sung, thay thế các cây xanh bị chết, các cây bị sâu bệnh có thể gây nguy hiểm cho người dân, tổng hợp để xây dựng Kế hoạch Tết trồng cây đời đời nhở ơn Bác Hồtrên địa bàn huyện. Thực hiện kế hoạch của UBND huyện, các xã, thị trấn đã tổ chức phát động và ra quân trồng cây đầu năm vào mỗi dịp tết đến xuân về địa điểm trồng tập trung tại các khu vực công cộng tại các khuôn viên, các tuyến đường trục xã, đường trục thôn và đường ngõ xóm… Với sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của mọi người dân, của các cơ quan ban ngành và doanh nghiệp trên địa bàn huyện, từ năm 2021-2024 đã trồng được trên 540.000 cây xanh phân tán. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn toàn huyện là 619.920 m2.

Đến nay, diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người là 4,57 m2/người, *(tăng* 2,23 *m2/người, so với khi đạt chuẩn huyện NTM năm 2019).*

*\* Chỉ tiêu 7.7: Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện*

- Hiện nay, trên địa bàn huyện có 09 làng nghề, gồm 4 làng nghề truyền thống và 05 làng nghề là: Làng nghề truyền thống dũa Đại Phu, xã An Đổ; Làng nghề truyền thống sản xuất rượu Vọc xã Vũ Bản; Làng nghề truyền thống sừng Mỹ nghệ Đô Hai xã An Lão; Làng nghề truyền thống sản xuất tre nứa thôn Gòi Thượng xã An Nội, Làng nghề làm bún bánh xóm 9 Cát Lại, Làng nghề làm bún bánh xóm 6 Cát Lại, Làng nghề làm bún bánh xóm 8 Ngô Khê xã Bình Nghĩa; Làng nghề thôn Bói Kênh xã An Lão; Làng nghề xóm Cầu Gỗ xã Đồng Du. Các làng nghề trên địa bàn huyện không gây ô nhiễm môi trường.

- 100% các làng nghề có phương án bảo vệ môi trường được UBND huyện phê duyệt và 100% các hộ trong làng nghề có hồ sơ môi trường theo quy định. Các loại chất thải, rác thải được thu gom, xử lý theo quy định.

- Hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tổ chức quan trắc đánh giá môi trường hiện trạng tại các làng nghề. Theo kết quả quan trắc môi trường không khí, môi trường nước mặt đều đảm bảo các quy chuẩn cho phép.

*\* Chỉ tiêu 7.8: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: ≥ 85%*

Để nâng cao hiệu quả việc chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định, UBND huyện Bình Lục đã ban hành Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/11/2020 tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn huyện Bình Lục. Đến nay 100% các xã, thị trấn đã xây dựng Kế hoạch tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và xây dựng mô hình thu gom tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. Các mô hình này do Hội, đoàn thể của địa phương tổ chức để nâng cao hiệu quả việc thu gom, tái sử dụng, tái chế rác thải nhựa đồng thời tạo các quỹ thiện nguyện cho các hoàn cảnh khó khăn từ việc bán phế liệu.

Hiện nay, tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện 5.628 kg/ngày, tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý 5.544 kg/ngày, đạt tỷ lệ 98,5%. Trong đó khối lượng chất thải nhựa được tái chế, tái sử dụng đạt khoảng 1.958 kg/ngày, khối lượng chất thải nhựa được thu gom, xử lý đạt khoảng 3.586‬ kg/ngày.

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 7- Môi trường, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### *6.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: ≥43%.*

*- Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: ≥35%.*

*- Chỉ tiêu 8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.*

*- Chỉ tiêu 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt.*

*- Chỉ tiêu 8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%.*

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí*

*\*Chỉ tiêu 8.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung*

Huyện Bình Lục có 16 xã và 01 thị trấn; có 08 công trình cấp nước tập trung. Các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn huyện hàng năm được triển khai thực hiện cập nhật, theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn đảm bảo chất lượng. Kết quả kiểm tra các thông số chất lượng nước sau khi xử lý của các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đều đáp ứng các yêu cầu ngưỡng giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT) và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam (QCĐP 01:2022/HN).

Hàng năm, theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam, UBND huyện Bình Lục đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp số liệu đánh giá chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn các xã, thị trấn quản lý .

Năm 2024, qua tổng hợp báo cáo số liệu theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Lục, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện Bình Lục đạt 100% (Trong đó: số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung là 40.886/42.609 hộ đạt 95,96%; số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình đạt 1.723/42.609 hộ đạt 4,04% ).

*\*Chỉ tiêu 8.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.*

Năm 2024, khối lượng nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm tại 17/17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Lục đạt trên 88 lít/người/ngày đêm.

*\*Chỉ tiêu 8.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững*

Huyện Bình Lục có 08 công trình cấp nước tập trung phục vụ cấp nước cho 17 xã, thị trấn; các nhà máy nước có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động hiệu quả, bền vững đạt tỷ lệ 100%. 08/08 nhà máy nước sạch đều có cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý phù hợp với quy mô công trình cấp nước. Việc quản lý khai thác, vận hành tại các nhà máy nước trên địa bàn huyện Bình Lục đảm bảo theo đúng quy định; số ngày mất nước trong năm tại các nhà máy nước ít khi xảy ra và luôn đảm bảo đủ nước sạch phục vụ nhân dân; tiền nước thu được từ các hộ sử dụng nước sạch đủ dư để các nhà máy nước chi phí cho công tác quản lý khai thác, vận hành và sửa chữa. Chất lượng nước sạch tại các nhà máy nước đều đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật chất lượng sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế (QCVN 01-1:2018/BYT) và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam (QCĐP 01:2022/HN).

*\*Chỉ tiêu 8.3:Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.*

UBND huyện đã giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư xây dựng và ban hành Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ môi trường các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Bình Lục và giao các đơn vị chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Đề án theo đúng lộ trình. Hoạt động kiểm kê, kiểm soát và bảo vệ chất lượng nguồn nước mặt trên địa bàn huyện phù hợp với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia nói chung và của tỉnh Hà Nam nói riêng; đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên nước hiện hành, đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường của tỉnh, cụ thể như sau:

- Kiểm kê, kiểm soát, đánh giá hiện trạng tài nguyên nước mặt, hiện trạng  
khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước; Đề xuất các  
biện pháp giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt địa bàn  
huyện nhằm phục vụ tốt công tác quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ hiệu quả,  
bền vững tài nguyên nước.

- Quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh củanguồn nước mặt và công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụngnước mặt đối với những khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.

- Xây dựng lộ trình xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm trên địa bàn huyện.

Đến hết năm 2025, các khu vực nước mặt bị ô nhiễm cơ bản kiểm soát được tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước; thống kê, kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn huyện giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

UBND huyện đã xây dựng phương án thực hiện và bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện. Vị trí thực hiện mô hình là “Cải tạo môi trường hồ trung tâm thôn Cói xã An Đổ diện tích 2.000m2 và hồ Cao Cái thị trấn Bình Mỹ với diện tích khoảng 1.500 m2 . Kinh phí khoảng 1.000 triệu đồng. Giao cho UBND xã An Đổ và thị trấn Bình Mỹ làm chủ đầu tư thực hiện xây dựng công trình.

Trước khi thực hiện mô hình, hồ bị ô nhiễm do tiếp nhận nước thải và rác thải sinh hoạt, bị phú dưỡng và không còn quần xã sinh vật có khả năng hấp thụ chất độc hòa tan trong nước và trong đáy bùn để sinh trưởng, chỉ còn lại vi sinh vật gây ô nhiễm. Theo kết quả quan trắc trước khi cải tạo có nhiều thống số như BOD5, COD, TSS, tổng Nito, tổng Photpho đều vượt trên 3 lần quy chuẩn cho phép về chất lượng nước mặt. Hồ được cải tạo bằng phương án sử dụng bè nổi thủy sinh, cụ thể là sử dụng cây (công nghệ này là một ứng dụng của phương pháp thủy canh sử dụng các bè thủy sinh nhân tạo, trên đó, thực vật sinh trưởng và sử dụng các chất dinh dưỡng và chất hữu cơ có trong nước thải để tổng hợp và tạo sinh khối, từ đó, giúp cho môi trường nước được sạch hơn theo cách thân thiện với môi trường).

Trong quá trình cải tạo, chất lượng nước hồ đã được cải thiện rõ rệt không còn tình trạng ô nhiễm và được duy trì thường xuyên nhờ các bè thủy sinh có tác dụng xử lý chất ô nhiễm trong nước. Mô hình đã tạo được cảnh quan sạch đẹp, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường nước nói riêng và môi trường nói chung.

*\*Chỉ tiêu 8.4:Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn*

Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Thông tin huyện tổ chức các hoạt động hưởng ứng các sự kiện quan trọng về môi trường như: Ngày đất ngập nước thế giới 02/02; Ngày Nước và Khí tượng thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất, Tuần Lễ quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường,Ngày môi trường thế giới 5-6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... bằng các hoạt động treo băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền về BVMT, tiến hành thu gom rác thải trên địa bàn, khơi thông dòng chảy và làm sạch dòng sông. Các khu dân cư trên địa bàn huyện đã xây dựng các hương ước, quy ước trong đó có nội dung về bảo vệ môi trường. Duy trì việc tổng vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 lần tại các xã, thị trấn, thôn, xóm, phố, huyện thì đồng loạt ra quân tổng vệ sinh môi trường vào ngày chủ nhật tuần đầu của tháng. 17/17 xã, thị trấn có cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

*\* Chỉ tiêu 8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%).*

Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm toàn huyện 2.871 cơ sở (trong đó: 31 cơ sở thuộc diện cấp giấy an toàn thực phẩm, 2.813 cơ sở thuộc diện ký cam kết an toàn thực phẩm). 100% các cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, cụ thể:

- Ngành Y tế: Quản lý 269 cơ sở, trong đó cấp tỉnh quản lý 10 cơ sở, cấp huyện quản lý 38 cơ sở, xã quản lý 221 cơ sở. Số cơ sở được cấp giấy cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm là 10/10 cơ sở, số cơ sở ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm là 232/232 cơ sở đạt 100%.

- Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Quản lý 2.122 cơ sở, trong đó cấp tỉnh quản lý là 20 cơ sở, huyện quản lý 113 cơ sở. Số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm 20/20 cơ sở đạt 100%; 2102 cơ sở ký cam kết an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Ngành công thương: Quản lý 480 cơ sở, (trong đó 98 cơ sở sản xuất thực phẩm, 382 cơ sở kinh doanh thực phẩm). 100% số cơ sở thực hiện ký cam kết an toàn thực phẩm.

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 8- Chất lượng môi trường sống, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### *6.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công*

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 9.1. Đảng bộ và chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.*

*- Chỉ tiêu 9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 100%*

*- Chỉ tiêu 9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.*

*- Chỉ tiêu 9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự.*

*- Chỉ tiêu 9.5. Có dịch vụ công trực tuyến một phần.*

*- Chỉ tiêu 9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.*

*b) Kết quả thực hiện*

*\* Chỉ tiêu 9.1: Đảng bộ và chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên*

Đảng bộ Huyện Bình Lục hiện nay có 55 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, số đảng viên là 7064 đảng viên. Hàng năm Ban Thường vụ Huyện ủy bám sát các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và các quy định của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy để lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ chính trị của huyện đều hoàn thành và đạt các chỉ tiêu đề ra của các mặt công tác, kết quả cụ thể như sau:

- Kết quả đánh giá xếp loại đối với Đảng bộ huyện:

+ Năm 2023, Đảng bộ và tập thể lãnh đạo quản lý huyện Bình Lục được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đánh giá, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo Quyết định số 974-QĐ/TU ngày 07/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Hà Nam về việc đánh giá, xếp loại mức chất lượng năm 2023 đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị và tập thể lãnh đạo quản lý thuộc Đảng bộ huyện Bình Lục.

+ Năm 2024, Đảng bộ và tập thể lãnh đạo quản lý huyện Bình Lục được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đánh giá, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Kết quả đánh giá, xếp loại mức chất lượng đối với các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng bộ huyện

+ Năm 2023: Ban Thường vụ Huyện uỷ huyện Bình Lục ban hành Quyết định số 376 -QĐ/HU ngày 27/12/2023 về việc đánh giá, xếp loại mức chất lượng đối với tổ chức cơ sở Đảng, theo đó có: 11 tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 19,6%; 45 Tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80,4%; không có tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Năm 2024: Năm 2024: Ban Thường vụ Huyện uỷ huyện Bình Lục ban hành Quyết định số 500-QĐ/HU ngày 16/12/2024 về việc đánh giá, xếp loại mức chất lượng đối với tổ chức cơ sở Đảng, theo đó có: 11 tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 20%; 44 Tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80%; không có tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ.

- Kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở đối với các xã, thị trấn

Căn cứ vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy-HĐND-UBND và hướng dẫn của các sở, ban ngành của tỉnh, sự lãnh đạo, chỉ đạo của BCH Đảng bộ huyện, UBND các cấp đã tập trung xây dựng các kế hoạch và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, với tinh thân đổi mới, quyết liệt, hiệu lực, hiểu quả với sự quyết tâm, chung tay, chung sức, sự đồng thuận vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, do đó trong 02 năm qua huyện Bình Lục đều đạt và vượt các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững, đảm bảo an ninh - quốc phòng, chính quyền các xã, thị trấn đều được đánh giá là cơ sở chính quyền vững mạnh.

*\* Chỉ tiêu 9.2: Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 100%*

Trong những năm qua, Uỷ ban MTTQ Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện đã thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của nhân dân, thành viên, hội viên; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, chính quyền góp phần giữ vững được an ninh trật tự; an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Từ những kết quả đạt được, uỷ ban MTTQ Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đã được Huyện uỷ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đánh giá kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Kết quả cụ thể như sau:

- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện.

+ Năm 2023: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 373-QĐ/HU ngày 19/12/2023); Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Năm 2024: Năm 2024: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 500-QĐ/HU ngày 16/12/2024); Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Hội Cựu chiến binh huyện: Hội Cựu Chiến binh huyện có 19 đơn vị trực thuộc, bao gồm 17 xã, thị trấn và 02 hội cơ sở khối cơ quan với trên 7295 hội viên tham gia tổ chức hội.

+ Năm 2023: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 373-QĐ/HU ngày 19/12/2023); được Hội Cựu chiến binh tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Năm 2024: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 500-QĐ/HU ngày 23/12/2024); được Hội Cựu chiến binh tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Năm 2024: Được TW Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc trong phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” năm 2024 theo quy định số 352-QĐKT-CCB ngày 27/11/2024.

- Hội Nông dân huyện: Hội Nông dân huyện có 17 đơn vị trực thuộc tại 17 xã, thị trấn với trên 23.307 hội viên, tỷ lệ thu hút tập hợp hội viên đạt 53% so với hộ gia đình nông thôn tham gia tổ chức hội.

+ Năm 2023: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 373-QĐ/HU ngày 19/12/2023); được Hội Nông dân tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Năm 2024: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (theo Quyết định số 500-QĐ/HU ngày 23/12/2024); được Nông dân tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện: Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện có 17 đơn vị trực thuộc tại 17 xã, thị trấn và Công an huyện với 20.755 hội viên, tỷ lệ thu hút tập hợp hội viên đạt 73.3% tham gia tổ chức hội.

+ Năm 2023: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 373-QĐ/HU ngày 19/12/2023); được Hội Phụ nữ tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Năm 2024: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 500-QĐ/HU ngày 23/12/2024); được Hội Phụ nữ tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đoàn Thanh niên CSHCM huyện: Đoàn Thanh niên CSHCM huyện có trên 5.481 đoàn viên.

+ Năm 2023: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 373-QĐ/HU ngày 19/12/2023); được BCH tỉnh Đoàn đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Năm 2024: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 500-QĐ/HU ngày 23/12/2024); được BCH tỉnh Đoàn đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Liên đoàn lao động huyện: Liên đoàn lao động huyện có 2.125 công đoàn viên khối cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tỷ lệ thu hút công đoàn viên đạt 100%.

+ Năm 2023: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (theo Quyết định số 373-QĐ/HU ngày 19/12/2023); được Liên đoàn lao động tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Năm 2024: Được Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ (theo Quyết định số 500-QĐ/HU ngày 23/12/2024); được Liên đoàn lao động tỉnh Hà Nam đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

*\* Chỉ tiêu 9.3: Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự*

Trong những năm qua Huyện ủy, UBND huyện Bình Lục đã luôn làm tốt công tác quản lý, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn; huyện đã triển khai, quán triệt đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kế hoạch, chương trình công tác và các hướng dẫn về công tác tổ chức, bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; chủ động xây dựng các kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên đề, định kỳ và đột xuất đối với cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện các quy định của đảng, nhà nước và thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao khi thực thi công vụ; Kịp thời phát hiện những hành vi, vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chức trách được giao qua đó chủ động phòng ngừa, chấn chỉnh, kiểm điểm rút kinh nghiệm để cán bộ, công chức, viên chức làm tốt chức trách được giao, với tinh thần chủ động, nghiêm túc, trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh. UBND huyện thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, làm tốt công tác đánh giá, xếp loại và động viên khen thưởng kịp thời đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tạo động lực và khí thế trong công tác, lao động học tập và sản xuất. Kết quả cụ thể như sau:

*Kết quả đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Huyện ủy*

- Năm 2023 theo Quyết định số 535-QĐ/HU ngày 22/12/2023, Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại đối với 190 cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, trong đó có: 37 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 19.47%; 148 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 77.89%; 01 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ, đạt 0,52%; 04 đồng chí không hoàn thành nhiệm vụ đạt 2.1%.

- Năm 2024 theo Quyết định số 761-QĐ/HU ngày 23/12/2024, Ban Thường vụ Huyện ủy đánh giá, xếp loại chất lượng đối với 176 cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có: 35 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 19.88%; 140 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 79.55%; 01 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ, đạt 0.57%; không có cán bộ lãnh đạo, quản lý đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

*Kết quả đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện*

- Năm 2023, Chủ tịch UBND huyện Bình Lục đánh giá, xếp loại đối với 24 cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền cụ thể:

+ Đối với các cơ quan hành chính có: 03/12 cán bộ quản lý Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 25%; 09/12 cán bộ quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 75%; không có cán bộ hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp có: 1/12 (gồm cả trưởng và phó) cán bộ quản lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 8,3%; 11/12 cán bộ quản lý Hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 91,7%; không có cán bộ hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ.

*+* Đối với các xã, thị trấn có 4/17 cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 23,53%; 13/17 cán bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 76,47%;

- Năm 2024: Chủ tịch UBND huyện Bình Lục đánh giá, xếp loại đối với 24 cán bộ thuộc thẩm quyền cụ thể:

+ Đối với các cơ quan hành chính có: 02/12 cán bộ lãnh đạo, quản lý Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 16,7%; 10/12 cán bộ quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 83,3%; không có cán bộ hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp có: 2/12 (gồm cả trưởng và phó) cán bộ quản lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 16,7%; 10/12 cán bộ quản lý Hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 83,3%; không có cán bộ hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đối với các xã, thị trấn có 16/17 cán bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 94,12%; Hoàn thành nhiệm vụ 01/17 = 5,88%.

*\* Chỉ tiêu 9.4 “Đảm bảo an ninh trật tự”.*

- Quý I hàng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, Uỷ ban nhân dân huyện có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- 100% số xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chí 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có 16/16 xã (đạt 100%) đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021- 2025.

- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội trên địa bàn huyện giảm ít nhất 5% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiêm chế so với năm trước.

- Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật trên địa bàn huyện:

+ Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

+ Không để xảy ra những hoạt động như: kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật đê gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

*\* Chỉ tiêu 9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.*

UBND huyện Bình Lục đã thường xuyên thực hiện rà soát và cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh tại dichvucong.hanam.gov.vn theo đúng quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP.

Trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, huyện Bình Lục đã triển khai 236/242 dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện (có 06 thủ tục thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp do huyện không có rừng nên không triển khai trên địa bàn), 122/122 dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, thị trấn, trong đó:

- Cấp huyện có 180 Dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình; 56 Dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần.

- Cấp xã, thị trấn có 84 Dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình, 38 Dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần.

Từ 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, kết quả giải quyết TTHC trực tuyến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, cụ thể như sau:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện đã tiếp nhận và giải quyết 2.220 thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến đạt 97,93%.

- Bộ phận Một cửa của 18/18 xã, thị trấn đã tổ chức tiếp nhận và giải quyết 34.650 thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến đạt 99,69%.

*(Có phụ lục kèm theo)*

Tự đánh giá:kết quả thực hiện nội dung tiêu chí: Đạt

*\* Chỉ tiêu 9.6: Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.*

- 100% văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND huyện được ban hành đúng quy định pháp luật.

- Tỷ lệ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bảo đảm đúng quy định pháp luật đạt 99,6 %.

- Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (niêm yết) Danh mục thông tin phải công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định pháp luật.

- Tỷ lệ thông tin được công khai kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật đạt 100%.

- Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật đạt 100%.

- Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo kế hoạch. Hoàn thành 100 % nhiệm vụ theo Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật .

- Huyện đã bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 90 % nhiệm vụ được bảo đảm kinh phí thực hiện.

- 100% Báo cáo viên pháp luật cấp huyện được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật.

- 100% tập huấn viên cấp huyện về hòa giải ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng hòa giải ở cơ sở và phương pháp tập huấn.

- 100 % người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 9-Hệ thống chính trị-An ninh trật tự- Hành chính công, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## 7. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM nâng cao

### *7.1. Tiêu chí số 01 - Quy hoạch*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.*

*- Chỉ tiêu 1.2: Công trình hạ tầng kỹ thuật, hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.*

*- Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.*

Có quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Trung Lương tại xã Trung Lương, huyện Bình Lục theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

*(có hồ sơ chi tiết kèm theo)*

*- Chỉ tiêu 1.2: Công trình hạ tầng kỹ thuật, hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt*

- Tuyến đường ĐH02 được UBND huyện Bình Lục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại các Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 và Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 với tổng chiều dài 7,67km, theo quy mô đường cấp V đồng bằng (phù hợp theo Quy hoạch vùng huyện Bình Lục đã được UBND tỉnh phê duyệt)

*(có hồ sơ minh chứng kèm theo)*

*c) Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 1 - Quy hoạch, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### *7.2. Tiêu chí 02 - Giao thông*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 2.1: Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa.*

*- Chỉ tiêu 2.2:Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,…), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp ( đạt 100%)*

*- Chỉ tiêu 2.3:Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 2.1: Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa.*

Trên địa bàn huyện Bình Lục có các tuyến giao thông quan trọng quốc lộ, tỉnh lộ chạy qua (Quốc lộ 21A, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 37B, Đường tỉnh ĐT491, ĐT496, ĐT496B, ĐT495, ĐT495B, ĐT499,...) kết nối huyện với các vùng lân cận. Ngoài ra có các tuyến huyện lộ (đường ĐH01, ĐH05, ĐH07 tại thị trấn Bình Mỹ; đường ĐH02, ĐH03, ĐH04, ĐH06, ĐH08 trên địa bàn các xã...) và hệ thống các trục đường liên xã, đường xã tạo thành hệ thống mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh trên toàn huyện. Cụ thể như sau:

*Quốc lộ:*

- Quốc lộ 21A: từ cầu ghéo (giáp với huyện Thanh Liêm) đến hết địa phận xã Trung Lương, có chiều dài 7km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng kết nối huyện Bình Lục với thành phố Nam Định và huyện Thanh Liêm, thành phố Phủ Lý.

- Quốc lộ 21B: chiều dài qua địa bàn huyện 11,32 km có quy mô đường cấp II đồng bằng .

*Đường tỉnh:*

- Hướng Đông tây: ĐT 491 từ đô thị Chợ Sông đi thị trấn Vĩnh Trụ; ĐT 496 kết nối với QL 37B và đường phía Tây huyện tại xã Trịnh Xá, hình thành đường trục phía Bắc của hành lang nông nghiệp phía Bắc huyện; Quy hoạch đường trục trung tâm của hành lang nông nghiệp phía Bắc huyện, xuất phát từ đường phía Tây huyện tại xã Trịnh Xá đi qua các xã Đồng Du, Đồn Xá, An Mỹ, Bối Cầu, An Nội, Vũ Bản, Bồ Đề, An Ninh, sang huyện Lý Nhân. Một phần trùng với ĐT495B; đường trục trung tâm của hành lang nông nghiệp phía Nam huyện, xuất phát từ đường T1 (theo quy hoạch vùng Tỉnh), từ QL1A và đường cao tốc (cầu vượt Chằm Thị) đi về phía Đông qua các xã La Sơn, An Đổ, Trung Lương đến ĐT 495B.

- Hướng Bắc Nam: Đường Bình Nghĩa- An Lão: Xuất phát từ đê sông Châu xã Bình Nghĩa, theo bờ Tây sông Sắt đến xã An Lão trên QL 37B (giáp tỉnh Nam Định); ĐT 496B: Xuất phát từ QL 38B (huyện Lý Nhân) về phía Nam kết nối với đường An Lão- Bình Nghĩa tại xã An Đổ.

*Đường huyện và đường liên xã quan trọng*

- Hướng Đông Tây: Đường Văn Lý- Bình Nghĩa: Từ xã Văn Lý (huyện Lý Nhân) qua sông Châu đến trung tâm xã Bình Nghĩa; Đường vành đai phía Nam đô thị Chợ Sông, sang thị trấn Vĩnh Trụ; Đường Hưng Công- Ngọc Lũ: Từ Sông Sắt, theo đê sông Châu sang trung tâm xã Ngọc Lũ, đấu nối với đường Nhân Hưng- Vũ Bản tại xã Bồ Đề; Đường An Nội- An Ninh: Đường hiện trạng nối xã An Nội và xã An Ninh; Đường trung tâm đô thị Bình Mỹ: Hướng tuyến song song với quốc lộ 21B, xuất phát từ đường phía Tây huyện tại xã Đồn Xá, qua trung tâm mới thị trấn Bình Mỹ. Chiều rộng từ 38m đến 56m tùy thuộc hiện trạng; Đường vành đai phía Nam đô thị Bình Mỹ: Xuất phát từ xã Đồn Xá, qua xã Mỹ Thọ, đấu nối với đường Bình Nghĩa- An Lão tại xã An Đổ; Đường trung tâm xã Vũ Bản: Từ QL 21B qua trung tâm xã Vũ Bản; Đường trung tâm xã An Đổ: Xuất phát từ sông Biên Hòa qua trung tâm xã An Đổ, đấu nối với đường Bình Nghĩa- An Lão; Đường trung tâm đô thị Ba Hàng: Xuất phát từ đường phía Tây huyện, qua trung tâm đô thị Ba Hàng đến đường Bình Nghĩa- An Lão; Đường phía Nam đô thị Ba Hàng: Xuất phát từ đường phía Tây huyện, đến đường Bình Nghĩa- An Lão; Đường nội thị phía Bắc đô thị Đô Hai: Nối đường phía Tây huyện với đường Chợ Sông- Đô Hai; Đường trung tâm đô thị Đô Hai: Từ huyện Ý Yên (tỉnh Nam Định), qua trung tâm đô thị Đô Hai sang huyện Vụ Bản (tỉnh Nam Định).

- Hướng Bắc Nam: Đường trung tâm đô thị Chợ Sông: Xuất phát từ trung tâm đô thị Chợ Sông đến đường phía Bắc của hành lang nông nghiệp phía Bắc; 3 đường nội thị đô thị Bình Mỹ: Kết nối quốc lộ 21B và quốc lộ 21 A; Đường bờ Đông sông Sắt; Đường Ba Hàng- Đô Hai: Vành đai phía Đông của 2 đô thị Ba Hàng và Đô Hai, đấu nối với đường phía Tây huyện tại xã An Lão; Đường Bồ Đề- Vũ Bản: Kết nối QL38B bên Lý Nhân, qua trung tâm xã Bồ Đề đến trung tâm xã Vũ Bản.

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liền mạch giữa các xã, thị trấn trong huyện, các huyện, tỉnh lân cận và giữa 26 vùng nguyên liệu tập trung theo quy hoạch tại các xã: An Lão (03 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Tiêu Động (02 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), An Đổ (01 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), La Sơn (02 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), tt Bình Mỹ (04 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Đồn Xá (01 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Bối Cầu (02 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Bồ Đề (03 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Vũ Bản (01 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), An Ninh (01 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Đồng Du ((01 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Tràng An (01 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Hưng Công (02 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), An Ninh (01 vùng sản xuất lúa chất lượng cao), Bình Nghĩa (01 vùng sản xuất rau tập trung).

*\*Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,…), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp ( đạt 100%).*

- Đường ĐH01: điểm đầu giao với TL 485B, ĐH01: điểm đầu QL21A (km131 + 800), điểm cuối ĐH03 (Tây sông Sắt; cấp 5, nền 5,5m; mặt 3,5m kết cấu bê tông xi măng; dài 3,7km). Tỷ lệ trồng cây xanh và thắp sáng là 3,7/3,7 km đạt 100%.

ĐH02: (còn gọi là đường Điện Biên) điểm đầu ĐT496 (xã An Ninh), điểm cuối ĐT496b (chợ An Nội), nền 6m, mặt 7m; kết cấu áp - phan dài 7,7km. Tỷ lệ trồng cây xanh và thắp sáng là 7,7/7,7 km đạt 100%.

ĐH03 (bờ Tây sông Sắt): điểm đầu ĐT496 (cầu An Bài, Hưng Công), điểm cuối thôn Tập Thượng xã La Sơn, cấp 5, nền 5,5m, mặt 3,5m, kết cấu bê tông xi măng, dài 12,5km. Tỷ lệ trồng cây xanh và thắp sáng là 12,5/12,5 km đạt 100%.

ĐH04: điểm đầu ĐT496 (chợ chủ Ngọc Lũ), điểm cuối Cống Đa Côn (xã Vũ Bản), cấp 5, kết cấu : đá nhựa 4,2km, bê tông xi măng 3km, chiều dài 7,2km. Tỷ lệ trồng cây xanh và thắp sáng là 7,2/7,2 km đạt 100%.

ĐH05: từ chợ Phủ, thị trấn Bình Mỹ (ĐH07) đến xí nghiệp thuỷ nông (ĐH01): cấp 5, nền 5,5m, mặt 5,5m, kết cấu bê tông nhựa; dài 1km. Tỷ lệ trồng cây xanh và thắp sáng là 1/1 km đạt 100%.

ĐH06: từ chợ Nội xã Đồng Du (ĐT496) đến QL37 xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, cấp 5 nền 5,5m, mặt 3,5m, kết cấu bê tông xi măng dài 2,3km. Tỷ lệ trồng cây xanh và thắp sáng là 2,3/2,3 km đạt 100%.

ĐH07: từ QL37 (thôn An Thái, Thị trấn Bình Mỹ) đến QL21a (km130+800): cấp 5, nền 7,5m, mặt 3,5m, kết cấu bê tông nhựa dài 1,4km.  Tỷ lệ trồng cây xanh và thắp sáng là 1,4/1,4 km đạt 100%.

ĐH08 (bờ Đông sông Sắt): từ ĐT496 (cầu An Bài, Hưng Công) đến cầu Sắt xã Trung Lương: cấp 5, nền 7,5, mặt 3,5, kết cấu bê tông dài 5,5km. Tỷ lệ trồng cây xanh và thắp sáng là 5,5/5,5 km đạt 100%.

Tất cả các tuyến đường huyện lộ đều có đầy đủ các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông, có biển báo, biển chỉ dẫn giao thông; hệ thống đènchiếu sáng, lan can phòng hộ… đầu các tuyến đường đấu đều được làm gồ, gờ giảm tốc đúng quy định và được trồng cây xanh 100%, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp; 100% km đường huyện được bảo trì hàng năm.

*- Chỉ tiêu 2.3:Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên.*

Theo Quy hoạch huyện Bình Lục được phê duyệt, bến xe khách Bình Lục được quy hoạch tại thị trấn Bình Mỹ. Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục đang cho triển khai Quy hoạch chi tiết khu bên xe Bình Lục và triển khai các bước để kêu gọi, thu hút đầu tư.

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 2- Giao Thông, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### *7.3. Tiêu chí 03 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai*

### *a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 3.1: Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp.*

*- Chỉ tiêu 3.2: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.*

*- Chỉ tiêu 3.3: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 3.1: Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp.*

Trên địa bàn huyện Bình Lục các công trình thủy lợi được quản lý theo 03 hình thức: Công ty TNHH Một thành viên KTCT thủy lợi Bắc Nam Hà quản lý, khai thác các sông tiêu chính cấp I (sông Châu Giang, sông Sắt, sông Mỹ Đô, sông Biên Hòa); Công ty KTCT thủy lợi tỉnh Hà Nam quản lý các công trình hệ thống kênh mương cấp I, II, III; số còn lại là do các Hợp tác xã DVNN trực tiếp quản lý, vận hành khai thác. Cụ thể:

- Đối với Công ty TNHH Một thành viên KTCT thủy lợi Bắc Nam Hà:

Trên địa bàn huyện Bình Lục, Công ty TNHH Một thành viên KTCT thủy lợi Bắc Nam Hà đang trực tiếp quản lý, vận hành và khai thác 04 kênh tiêu chính (sông Châu Giang, sông Sắt, sông Mỹ Đô, sông Biên Hòa) với tổng chiều dài là 47,427 km và 02 đập điều tiết tiết nước.

Trong năm 2024, theo kế hoạch các công trình thủy lợi được đưa vào bảo trì, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì, gồm:

+ Kiên cố hóa mái bờ hữu sông Sắt đoạn qua thị trấn Bình Mỹ: 350m.

+ Bảo trì hệ thống máy móc thiết bị tại 02 đập An Bài thuộc địa phận xã Đồng Du và đập Mỹ đô thuộc địa phận xã An Lão

Kết quả các công trình thủy lợi được đưa vào bảo trì, nâng cấp, sửa chữa theo kế hoạch năm 2024 đều đạt 100%.

- Đối với Công ty KTCT thủy lợi tỉnh Hà Nam:

Trên địa bàn huyện Bình Lục, Công ty KTCT thủy lợi tỉnh Hà Nam đang quản lý vận hành, khai thác 04 trạm bơm: Trạm bơm An Đổ, trạm bơm Đồng Du, trạm bơm Ba xã, trạm bơm KTB với tổng công suất 33.350 m3/h và 185,61 km kênh mương cấp I, II, III *(trong đó: kênh cấp I là 47,31 km; kênh Cấp II là 123,05 km; kênh cấp III là 15,25 km)*; 278 cống tưới tiêu loại III trở lên *(trong đó cống tưới gồm 148 cái, cống tiêu 130 cái)*; Điều tiết nước trên kênh 14 cái; Cầu máng 03 cái; Xi phông 01 cái.

Trong năm 2024, theo kế hoạch các công trình thủy lợi được đưa vào bảo trì, nâng cấp, sửa chữa bao gồm:

+ Nạo vét, tôn cao bờ kênh: 05 công trình.

+ Sửa chữa kênh: 02 công trình.

+ Sửa chữa cống, lưới chắn rác ngoài cửa cống: 08 công trình.

+ Sửa chữa cầu máng: 01 công trình.

+ Sửa chữa các tổ máy bơm, điện nhà trạm bơm: 05 công trình.

+ Thực hiện bảo dưỡng tra dầu mỡ, sơn lại cánh cống, sơn lan can, sơn cầu thang cống và sơn lại các lưới chắn rác được: 316 cái.

Kết quả các công trình thủy lợi được đưa vào bảo trì, nâng cấp, sửa chữa theo kế hoạch năm 2024 đều đạt 100%.

- Đối với các Hợp tác xã DVNN:

Đang quản lý khai thác hệ thống kênh mương cấp III đến mặt ruộng và các trạm bơm nhỏ và vừa, cống các loại. Cụ thể: trên địa bàn các xã, thị trấn - Các Hợp tác xã DVNN đang quản lý vận hành, khai thác 733,19 km kênh cấp 3 đến mặt ruộng; 162 trạm bơm nhỏ và vừa và các cống đầu kênh cấp 3.

Trong năm 2024, theo kế hoạch các công trình thủy lợi được đưa vào bảo trì, nâng cấp, sửa chữa bao gồm:

+ Nạo vét kênh cấp 3 đến mặt ruộng: 98 công trình.

+ Giải tỏa vật cản trên kênh cấp 3 đến mặt ruộng: 181 công trình.

+ Bảo dưỡng, sửa chữa các máy bơm và động cơ: 45 trạm bơm.

+ Sửa chữa, nâng cấp cống: 102 cái.

+ Nâng cấp, kiên cố hóa 04 công trình kênh mương do UBND các xã làm chủ đầu tư với tổng chiều dài kiên cố hóa là 3.333,28 m.

Kết quả các công trình thủy lợi được đưa vào bảo trì, nâng cấp, sửa chữa theo kế hoạch năm 2024 đều đạt 100%.

Hàng năm, hoạt động kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp các công trình thủy lợi luôn được quan tâm triển khai đánh giá, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát, lập kế hoạch bảo trì, nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi giúp tăng năng lực tưới tiêu, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và phục vụ sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Đồng thời, trong quá trình thực hiện UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình phòng, chống thiên tai, xác định trọng điểm và xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đảm bảo phù hợp, sát thực tế.

*\* Chỉ tiêu 3.2: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.*

Hàng năm, UBND huyện triển khai thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện. Hệ thống thuỷ lợi của huyện, các xã được thiết kế; xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thuỷ lợi chung của tỉnh đảm bảo việc tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản thuận lợi đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, đời sống nhân dân trong huyện. UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân trên địa bàn nội dung kiểm soát, xử lý nguồn nước thải từ sinh hoạt, từ chăn nuôi, và các hoạt động kinh doanh của đơn vị trước khi thải ra môi trường; không để xảy ra vi phạm về nguồn nước xả thải vào các công trình thủy lợi trên địa bàn.

*\* Chỉ tiêu 3.3: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

Hằng năm, UBND huyện đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “4 tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

Đồng thời, UBND huyện tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm, kịp thời nội dung các Luật, Nghị định và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão mạnh, siêu bão. Xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền được thường xuyên phát sóng trên hệ thống đài truyền thanh huyện, cụm truyền thanh các xã, thị trấn và được phát tăng thời lượng, truyền tải kịp thời các bản tin, công điện chỉ đạo của các cấp về phòng chống, ứng phó thiên tai trong thời điểm diễn ra các đợt bão, lũ, để các cấp chính quyền địa phương, cơ sở và người dân chủ động thực hiện. Do vậy năm 2024 do ảnh hưởng của cơ bão số 3 do làm tốt công tác tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện trên địa bàn huyện không bị ảnh hưởng lớn về người và tài sản, cây cối hao màu, vật nuôi do bão gây ra.

Trên địa bàn, UBND huyện đã huy động và lồng ghép các nguồn lực để triển khai tu sửa, nâng cấp, xây dựng công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai, công tác chuẩn bị 4 tại chỗ được triển khai và bổ sung thường xuyên đảm bảo tốt yêu cầu công tác phòng chống thiên tai; công tác khắc phục hậu quả mưa bão được quan tâm thực hiện hiệu quả, thực chất theo phương án đã được phê duyệt.

*c. Tự đánh giá:*Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### *7.4. Tiêu chí số 04 - Điện*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan.*

*b. Kết quả thực hiện:*

Toàn bộ hệ thống điện đảm bảo truyền tải và cấp điện an toàn đạt chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trên địa bàn huyện có 351 trạm biến áp với tổng công suất 91.510 kVA, đường dây trung áp 262,51 km; đường dây hạ áp 793,17 km. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định trên địa bàn toàn huyện là: 42.609/42.609 hộ, đạt 100%, trong đó khu vực nông thôn là 37.809/37.809 hộ, đạt 100%, khu vực đô thị là 4.800/4.800 hộ, đạt 100%.

*c. Tự đánh giá:*Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 4 - Điện, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### *7.5. Tiêu chí số 05 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 5.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): ≥ 95%*

*- Chỉ tiêu 5.2: Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao.*

*- Chỉ tiêu 5.3: Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả.*

*- Chỉ tiêu 5.4: Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2*

*- Chỉ tiêu 5.5: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn.*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêun 5.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): ≥ 95%*

UBND huyện đã thành lập Ban chỉ đạo phát triển người tham gia BHXH, BHYT từ huyện xuống xã, thị trấn, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trọng tâm là bảo hiểm y tế hộ gia đình qua các hình thức treo pano, áp phích, chạy khẩu hiệu trên bảng điện tử tại các ngã tư nơi có đông người qua lại, các hội nghị tuyên truyền phổ biến chính sách BHYT tại các xóm, tổ dân phố trên toàn địa bàn huyện do cơ quan BHXH huyện phối hợp với các tổ chức đoàn thể tại cơ sở tổ chức. Bảo hiểm xã hội huyện thông qua 01 tổ chức dịch vụ thu là bưu điện khu vực Thanh Liêm Bình Lục cùng với 50 điểm thu, 74 nhân viên thu tại các xã, thị trấn luôn tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về Bảo hiểm y tế. Tính đến nay, tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên toàn huyện là 128.910/135.650 người, đạt 95% (tăng 8,28% so với khi huyện đạt chuẩn NTM năm 2019).

*\*Chỉ tiêu 5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao*

Thực hiện xây dựng huyện NTM nâng cao, Huyện ủy- UBND huyện Bình Lục đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Trung tâm Văn hóa- Thông tin và Thể thao thực hiện nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn huyện kết nối với các xã nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

UBND huyện đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp công viên cây xanh trước cổng UBND huyện để phục vụ nhu cầu văn hóa, thể thao của người dân và lắp đặt 50 bộ dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời tại công viên và tại sân của Trung tâm văn hoá thông tin và thể thao huyện. Cácdụng cụ thể thao khá đa dạng về chức năng và ứng dụng cho nhiều môn tập luyện thể thao như: lưng eo, đi bộ, lắc tay, đạp xe, xoay eo, đẩy tay, đi bộ trên không, tay vai, xà kép…phù hợp cho mọi độ tuổi. Từ đó, thu hút đông đảo người dân tham gia, thúc đẩy phong trào thể thao của huyện tiếp tục phát triển văn minh hiện đại, đẩy mạnh cuộc vận động *“Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.*

*Đánh giá chung:* Trong những năm qua, thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở đã thực hiện tốt chức năng tổ chức các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn nghiệp vụ; xây dựng và tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, câu lạc bộ sở thích với nội dung, chương trình ngày càng tinh gọn, phương thức đổi mới, đa dạng, phong phú, phù hợp hơn với từng đối tượng tham gia và thay đổi về nhu cầu, thị hiếu của các tầng lớp nhân dân trong huyện. Hằng năm UBND huyện xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao theo hướng trọng tâm và chất lượng; chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động tại địa phương và tham gia các hoạt động tổ chức tại huyện; đồng thời, thực hiện công tác tuyên truyền cổ động trực quan chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm lớn, sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương, tạo không khí phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân.

Thời gian qua, các cấp, các ngành đã có sự kết hợp khá hiệu quả với cấp ủy, chính quyền địa phương các đơn vị trong huyện quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các thiết chế hiện có và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ngày càng đi vào nền nếp, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và học tập của nhân dân. Đội ngũ cán bộ được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, ngày càng có kinh nghiệm và kiến thức quản lý, sử dụng, tổ chức hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao. Việc huy động được nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tạo nền tảng vững chắc cho xây dựng tiêu chí văn hóa nông thôn mới, góp phần bảo đảm hài hòa phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Công tác xã hội hóa đạt được kết quả đáng ghi nhận, nhờ đó huy động được nguồn lực trong xã hội để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân

Thời gian tới, huyện Bình Lục tiếp tục kêu gọi các nguồn lực, thực hiện xã hội hóa đầu tư các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời để phục vụ nhu cầu luyện tập, rèn luyện sức khỏe của Nhân dân, đồng thời có kế hoạch quản lý, bảo dưỡng, duy tu thiết bị hằng năm.

\* *Chỉ tiêu 5.3: Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả.*

Huyện Bình Lục có 463 di tích nằm trong danh mục kiểm kê, trong đó có 45 di tích đã được xếp hạng gồm: 23 di tích được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá quốc gia, 22 di tích được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. Các di tích lịch sử văn hóa từ khi được công nhận xã thành lập Ban Quản lý di tích, thực hiện quản lý chặt chẽ, không để xảy ra các hành vi vi phạm quy định của Luật Di sản văn hóa cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Từ đó, cảnh quan thiên nhiên của di tích luôn được bảo vệ; các hình thức văn hoá, lễ hội truyền thống và thuần phong mỹ tục của địa phương được bảo tồn, tổ chức hoạt động theo đúng quy định. Qua đó, đảm bảo phục vụ thiết thực đời sống văn hoá tinh thần của Nhân dân, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn xã, thị trấn.

Tại tất cả các di tích trên địa bàn đều thành lập Ban quản lý di tích và có quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ. Hàng năm, ban quản lý di tích đều được kiện toàn, bổ sung khi có nhân sự thay đổi. Đối với các di tích đã được xếp hạng thì đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách Văn hóa là trưởng ban, Ban quản lý di tích, các thành viên bao gồm: Công chức Văn hóa, các ban, ngành, đoàn thể của xã và mỗi di tích đều bố trí từ 03 đến 7 người tham gia vào BQL, thường xuyên từ 01 đến 3 người có mặt để trông coi di tích, di tích là Từ đường các dòng họ thì gia đình con cháu ở cạnh di tích sẽ chịu trách nhiệm trông coi.

UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, Ban quản lý di tích tiến hành kiểm tra, rà soát toàn bộ các di tích trên địa bàn quản lý; triển khai các phương án phòng chống thiên tai, bão lụt, cháy nổ, trộm cắp, nhất là các di tích đang có dấu hiệu xuống cấp, các di tích có kiến trúc bằng gỗ và các di tích là điểm sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, thường xuyên đốt hương, nến, vàng mã,…nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho di tích và khách tham quan. Tăng cường các phương án bảo vệ di tích như gia cố thêm các trang thiết bị bảo vệ, khóa, cánh cửa, lắp đặt hệ thống camera theo dõi, bố trí hệ thống báo cháy và cứu hỏa tự động, thay thế hệ thống điện không đảm bảo an toàn trong di tích. Bài trí đồ thờ trong di tích thoáng, gọn, không để vàng mã, các vật liệu dễ cháy như nến cốc, vải, nhựa,…trên bàn thờ. Thường xuyên vệ sinh, quét dọn di tích, giảm thiểu các nguy cơ cháy nổ, mất an toàn. Đối với các hiện vật có giá trị như hòm công đức, sắc phong, di vật, cổ vật,…cần có khóa, két sắt chắc chắn, cất giữ ở nơi an toàn.

Hướng dẫn tín đồ, khách tham quan, cá nhân, tổ chức thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn cảnh quan môi trường tại di tích, đặt tiền lễ, thắp hương, hóa sớ, bỏ rác đúng nơi quy định.

Việc tổ chức lễ hội, thực hiện nếp sống văn minh tại di tích được thực hiện theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Nghị định 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội; Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành quy định nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Trước khi tổ chức lễ hội, UBND, Ban quản lý di tích phải có văn bản báo cáo UBND huyện về thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình kịch bản lễ hội; quyết định thành lập và danh sách Ban Tổ chức lễ hội. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về ý nghĩa, giá trị của lễ hội. Đồng thời tổ chức trang trọng, không phô trương, lãng phí góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống của địa phương, bảo vệ di tích, di sản. Tại các lễ hội, ban tổ chức lễ hội đều xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường đồng thời thường xuyên quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm tại lễ hội theo quy định, để nâng cao hiệu quả các hoạt động trong lễ hội, đảm bảo mỹ quan, văn hóa, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực như: mê tín dị đoan, tổ chức các trò chơi ăn tiền, bày bán văn hoá phẩm không được phép lưu hành theo quy định.

Công tác bảo quản di tích được chú trọng. Các di tích trên địa bàn có từ lâu đời, qua thời gian bị xuống cấp cần được tu bổ, phục hồi. UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, ban quản lý di tích lịch sử văn hóa thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước về tu bổ, phục hồi di tích tại Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Công tác quản lý và phát huy giá trị các câu lạc bộ văn hóa

Huyện Bình Lục hiện có 2 CLB văn học nghệ thuật cấp huyện, gồm: CLB dân ca và chèo; CLB Thơ Việt Nam, với trên 70 hội viên thường xuyên tham gia sinh hoạt. Hoạt động của các CLB đã góp phần phát triển phong trào văn hoá - văn nghệ của huyện, làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân; hưởng ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Trong đó có những tác phẩm để lại ấn tượng sâu sắc với công chúng, góp phần tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào về công cuộc xây dựng NTM hiện nay trên địa bàn huyện.

Việc phát triển, nhân rộng các mô hình đội văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ văn hóa văn nghệ đã thu được nhiều hiệu quả tích cực tạo lên bức tranh văn hóa sinh động, phong phú của huyện Bình Lục. Trong những văn hóa truyền thống phải kể đến các loại hình như: Hát chèo, thơ…. tạo khí thế hăng say trong lao động sản xuất và bồi dưỡng đời sống tinh thần cho nhân dân. Các đội văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ văn hóa văn nghệ hoạt động sôi nổi đã thu hút đông đảo nhân dân đủ thành phần, lứa tuổi tham gia. Vào những dịp lễ, tết, dịp hay ngày hội đại đoàn kết ở khu dân cư bằng lời ca, tiếng hát, điệu múa và tiếng trống của những “nghệ sỹ không chuyên” đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân.

Mặc dù các loại hình văn nghệ, thể thao quần chúng hoạt động theo phương thức xã hội hóa, do các thành viên tự đóng góp kinh phí, nhưng được Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện quan tâm hướng dẫn chuyên môn và tổ chức các cuộc thi, hội diễn, đã tạo động lực để các CLB duy trì tập luyện, biểu diễn.

Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện phối hợp cùng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện nhân rộng việc đưa mô hình các môn nghệ thuật truyền thống của địa phương gắn với các giờ sinh hoạt ngoại khóa vào các trường học. Các địa phương tiếp tục động viên, khuyến khích các nghệ nhân truyền nghề cho các thế hệ trẻ tiếp nối duy trì các loại hình nghệ thuật ở địa phương. Huyện quan tâm chỉ đạo tổ chức thường xuyên các Hội thi, hội diễn, liên hoan các giải thể thao để thúc đẩy phòng trào tập luyện văn hóa, văn nghệ, rèn luyện sức khỏe và tạo ra sân chơi bổ ích góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân trong huyện.

**-** Công tác xã hội hóa

UBND huyện chỉ đạo Ban quản lý di tích quản lý tiếp nhận các nguồn kinh phí thu từ di tích như nguồn công đức, xã hội hóa theo quy định của pháp luật, kinh phí được sử dụng để mua sắm, tu bổ di tích, phát huy các giá trị truyền thống và duy trì các hoạt động tại di tích như tổ chức lễ hội, cúng, lễ…

Ban quản lý di tích quản lý tiếp nhận các nguồn kinh phí thu từ di tích như nguồn công đức, xã hội hóa theo quy định của pháp luật, kinh phí được sử dụng để mua sắm, tu bổ di tích, phát huy các giá trị truyền thống và duy trì các hoạt động tại di tích như tổ chức lễ hội, cúng, lễ…, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho hoạt động lễ hội theo đúng Thông tư 04/2023/TT-BTC ngày 19/01/2023 của Bộ Tài chính.

- Công tác kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và xử lý các vi phạm:

UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của TW, của tỉnh, huyện về công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích như Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21/9/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định 166/2018/NĐ-CP; Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ trưởng Bộ VHTT&DL về việc quy định nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; Quyết định 48/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; di vật, cổ vật, bảo vật trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Chỉ đạo đồng bộ các hình thức tuyên truyền trên hệ thống Đài phát thanh huyện, Cổng TTĐT huyện, Đài Phát thanh, trang TTĐT các xã, thị trấn. Tuyên truyền bằng pano, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu…tại trung tâm huyện, trung tâm các xã, thị trấn, tại di tích và những nơi tập trung đông dân cư. Đồng thời tăng cường thông tin tuyên truyền công tác quản lý, bảo vệ di tích trên các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook,….

Nhờ chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền mà trong công tác kiểm tra, huyện Bình Lục không phát hiện trường hợp nào vi phạm quy định trong quản lý di tích.

*\*Chỉ tiêu 5.4: Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2*

*Về trường THPT:* Trên địa bàn huyện có 04 trường trung học phổ thông công lập (Trường THPT A Bình Lục, THPT B Bình Lục, THPT C Bình Lục, THPT Nguyễn Khuyến), có 04/04 trường THPT được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, đạt tỷ lệ 100%; trường THPT C Bình Lục được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh Hà Nam; trường THPT A Bình Lục được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh Hà Nam. trường THPT B Bình Lục được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Hà Nam;trường THPT Nguyễn Khuyến được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh Hà Nam;

*\* Chỉ tiêu 5.5: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2*

Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Lục đã được Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 735/QĐ- SGĐT ngày 31/10/2023 công nhận và cấp chứng nhận trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 .

Hiện nay, trung tâm GDNN-GDTX huyện có số lớp học, số học viên học văn hoá kết hợp với học nghề trình độ trung cấp 10 lớp với 342 học viên. Trong đó: Nghề cơ điện tử: 04 lớp; Tổng số học viên: 145 (Lớp 10: 72 học viên; Lớp 11: 73 học viên); Nghề Chế biến món ăn: 02 lớp; Tổng số học viên: 69 (Lớp 10: 36 học viên; lớp 11: 33 học viên); Nghề Chăm sóc sắc đẹp: 02 lớp; Tổng số học viên: 64 (Lớp 10: 36 học viên; Lớp 11: 28 học viên). Công nghệ thông tin: 02 lớp với 64 học viên(Lớp 10: 28 học viên; Lớp 11: 36 học viên). Liên kết với 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Trường Trung cấp nghề quốc tế ;Cao đẳng nghề Hà Nam) đào tạo trình độ trung cấp nghề cho học viên . Hiện tại Trung tâm có 10 phòng học kiên cố, 5 phòng thực hành nghề , một nhà đa năng, cổng Trung tâm, tường bao, nhà vệ sinh ngoài trời, lán xe, toàn bộ khuôn viên sân trường được lát gạch và trồng cây xanh.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên được biên chế là 18 người và 2 hợp đồng lao động. Trong đó ban lãnh đạo 3 người, giáo viên dạy văn hoá 12 người, giáo viên thực hành nghề 1 người, nhân viên 2 người, hợp đồng lao động 2 người ngoài ra theo nhu cầu của từng năm học trung tâm ký hợp đồng với giáo viên thỉnh giảng, 100% cán bộ giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm, đạt 100 %. Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông luôn xếp ở vị trí thứ nhất, thứ nhì khối giáo dục thường xuyên của tỉnh. Hàng năm Trung tâm đều được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen cho danh hiệu tập thể tiên tiến.

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### *7.6. Tiêu chí số 06 - Kinh tế*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 6.1: Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.*

*- Chỉ tiêu 6.2: Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến*

*- Chỉ tiêu 6.3: Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định.*

*- Chỉ tiêu 6.4: Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả*

*- Chỉ tiêu 6.5: Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\*Chỉ tiêu 6.1: Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.*

Cụm công nghiệp Bình Lục (thuộc xã Trung Lương) được thành lập theo Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Hà Nam do Công ty cổ phần Bình Mỹ làm Chủ đầu tư với tổng diện tích đất đã Quy hoạch là 30,611ha. Trong đó phân thành 4 khu: Đất công nghiệp (21,57 ha); Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh, đất khu nhà điều hành, dịch vụ.

Đến nay, đã thu hút được 08 Công ty gồm CP may Đức Hạnh; Công ty TNHH nhựa CPI; Công ty CP phát triển sơn quốc tế LUXSEN; Công ty TNHHZhong Xin Hoa sen; Công ty TNHH vật liệu bao bì sinlanho; Công ty TNHH JY International; Công ty TNHH HH Dream Priting, Công ty dã ngoại menature. Tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp Bình Lục đạt 100%.

*(có hồ sơ kết quả kèm theo)*

*\* Chỉ tiêu 6.2: Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến*

Căn cứ Quyết định 1094 ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Hà Nam. Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực; các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện Bình Lục. Các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ phát triển thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, Các sản phẩm chủ lực trên địa bàn huyện là lúa gạo hàng hoá như: Bắc thơm số 7, LT2 kháng bạc lá, bí xanh, Đài thơm 8, nếp cái hoa vàng, Japonnica, ĐT37, NĐ502, rau, củ, quả: Dưa chuột xuất khẩu, Bí xanh, Bí đỏ, Bắp cải, Dưa lưới; quả các loại: cây có múi, chuối, nhãn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, sản phẩm thuỷ sản: Cá trắm đen, cá chép.

UBND huyện đã xây dựng điều chỉnh quy hoạch vùng sản xuất chuyên canh trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó, Quy hoạch 36 vùng cánh đồng lớn chuyên trồng lúa chất lượng cao với diện tích 1.620, quy ha, quy hoạch 05 vùng cánh đồng lớn chuyên trồng màu với diện tích 395,8ha, quy hoạch 19 vùng trồng rau củ quả sạch liên kết với doanh nghiệp với diện tích 199,7ha.

Về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất các sản phẩm chủ lực: Trên địa bàn huyện Bình Lục có các tuyến giao thông quan trọng quốc lộ, tỉnh lộ chạy qua (Quốc lộ 21A, Quốc lộ 21B, ĐT37 ) đường tỉnh: ĐT 496, ĐT 496B, ĐT 491, ĐT499 ...) kết nối huyện với huyện, tỉnh lân cận. Ngoài ra có các tuyến huyện lộ như: ĐH01,ĐH02,ĐH03,ĐH04,ĐH05,ĐH06,ĐH07,ĐH08) và hệ thống các trục đường liên xã, đường xã tạo thành hệ thống mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh trên toàn huyện. Ngoài ra, đường giao thông trục chính, đường giao thông nội đồng trong vùng sản xuất được kết nối thông suốt với hệ thống giao thông của xã, của huyện tạo nên hệ thống giao thông đồng bộ, viêc di chuyển vận chuyển thức ăn, con giống cũng như sản phẩm nông nghiệp tới hệ thống bán buôn, bán lẻ trên địa bàn được thuận lợi. Hệ thống kênh mương phục vụ cho tưới tiêu sản xuất được kiên cố hóa và nạo vét thường xuyên, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Hệ thống điện lưới được phủ kín và ổn định cho các vùng sản xuất, đặc biệt là vùng sản xuất đa canh, vùng chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ ứng dụng các công nghệ cao vào sản xuất. Trên địa bàn huyện có 01 công ty chế biến nông sản, 01 HTX chế biến nông sản, 01 HTX có máy sấy nông sản, có 04 xã có nhiều hộ là cơ sở sơ chế, chế biến, sản xuất, kinh doanh lương thực, thực phẩm (115 hộ ) đáp ứng yêu cầu bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện.

Các sản phẩm chủ lực của huyện đều sản xuất theo quy trình kỹ thuật tiên tiến và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất: các vùng trồng lúa, chăn nuôi, NTTS đều tổ chức sản xuất theo quy trình hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn tỉnh, huyện. Đến nay trên địa bàn huyện đã có 15 vùng trồng lúa, rau củ quả và cây ăn quả được Chi cục trồng trọt, BVTV và Kiểm Lâm tỉnh Hà Nam mã số vùng trồng và được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap với diện tích 84,23 ha. Trong đó có 12 vùng trồng lúa được cấp mã số vùng trồng tại các xã: An Ninh, Tiêu Động, Bồ Đề, Tràng An, Đồn Xá, La Sơn, An Lão, Trung Lương, Bối Cầu, An Nội, Vũ Bản và An Đổ. 01 vùng trồng rau các loại tại xã Bình Nghĩa, 01 vùng trồng Bưởi diễn tại xã Ngọc Lũ, 01 vùng trồng Nho, Bưởi, Thanh Long, Bí đỏ xã Đồng Du.

Bên cạnh đó sản phẩm gạo chất lượng cao huyện Bình Lục đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu Gạo chất lượng cao Bình Lục Hà Nam năm 2022. Đến nay, đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp An Ninh, HTX DVNN An Phú, HTX DVNN Bình Minh, HTX DVNN Bồ Đề, HTX DVNN Đồn Xá, HTX DVNN Hòa Bình, HTX DVNN Hưng Công, HTX DVNN La Sơn, HTX DVNN Liên An, HTX DVNN Thanh Nội.

*\*Chỉ tiêu 6.3: Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định.*

Chợ Thị trấn Bình Mỹ là chợ thuộc trung tâm huyện, hiện tại đang là chợ hạng II, đạt tiêu chí Chợ kinh doanh thực phẩm; Căn cứ Tiêu chuẩn TCVN 11856:2017, về tiêu chuẩn Quốc gia chợ kinh doanh thực phẩm:

+ Về thiết kế: Chợ Thị trấn Bình Mỹ là chợ hạng II thiết kế 2 tầng phục vụ nhu cầu mua bán của người dân thị trấn Bình Mỹ, Xã Đồn Xá, Xã La Sơn, xã An Đổ và các xã lân cận; Hệ thống chiếu sángtrong và ngoài chợ; Vệ sinh môi trường: Nước thải được gom tập trung và đưa về Khu xử lý nước thải của huyện; rác thải hàng ngày được thu gom về điểm tập kết rác; nhà vệ sinh được tách biệt các khu vực khác; Hệ thống PCCC đảm bảo, hàng năm đều được kiểm tra, bảo dưỡng; Các điểm kinh doanh tại chợ: bao gồm quầy hàng, sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 7 - 10m2/điểm (Tiêu chuẩn 3m2).

+ Về bố trí không gian trong chợ: Đảm bảo tiêu chuẩn về chợ gồm Nhà chợ chính, Chợ phụ, khu vực điều hành, khu vệ sinh, khu cấp nước, xử lý nướcthải; Các khu vực kinh doanh được thiết kế bố trí, sắp xếp các khu vực kinh doanh thuận lợi cho việc kinh doanh. Khu vực kinh doanh thực phẩm được sắp xếp tại khu nhà chợ phụ được chia thành các khu vực kinh doanh riêng biệt gồm: Khu vực kinh doanh các sản phẩm quần áo và đồ dễ cháy được bố trí tầng 2. Khu vực kinh doanh thực phẩm động vật (thịt lợn, thịt gà…); Khu vực kinh doanh rau, củ, quả; Khu vực kinh doanh thực phẩm khác các khu vực kinh doanh được ngăn cách bằng đường đi đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Về các hộ kinh doanh trong chợ: Các quầy kiot đều có biển quầy; các quầy đều được trang bị thùng rác có nắp đậy, cuối ngày được thu gom sạch sẽ; Các hộ kinh doanh đều thực hiện nghiêm việc bày bán cách ly thực phẩm chín để tránh gây lây nhiễm chéo bằng thiết bị, dụng cụ bảo quản phù hợp; Sản phẩmthực phẩm không để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng có khả năng gây mất an toàn thực phẩm; ít hoặc ko kinh doanh phụ gia thực phẩm, cácchất tẩy rửa, chất độc trong chợ; các quầy bán hàng đều được kê cao đúng quy định; thực phẩm kinh doanh đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm.

+ Các cơ sở kinh doanh sản phẩm từ động vật; thủy sản tươi sống; rau củ quả; thực phẩm chín đều tuân thủ đúng các quy định về an toàn thực phẩm, các hộ được ban quản lý chợ và các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở nên việc chấp hành các quy định về ATTP là đảm bảo đúng quy định.

+ Về tổ chức quản lý chợ: có Ban quản lý/Tổ quản lý chợ hoạt động theo quy định và nội quy của chợ được phê duyệt.

*\* Chỉ tiêu 6.4: Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả*

Huyện Bình Lục xác định Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, đưa sản phẩm nông nghiệp của huyện thành sản phẩm hàng hóa, có tem nhãn, bao bì theo quy định và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Vì vậy, huyện đã tập trung chỉ đạo, triển khai tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất trên địa bàn hoàn thiện các chu trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thiện bao bì, tem nhãn để đăng ký tham gia Chương trình OCOP. UBND huyện xây dựng và ban hành Kế hoạch số: 39/KH-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022 về triển khai thực hiện Đề án “ Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện và xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng năm đảm bảo theo quy định. Với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự tham gia hưởng ứng nhiệt tình của các cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện, sau hơn 5 năm (từ năm 2020 đến nay) triển khai thực hiện Chương trình đến nay toàn huyện có 13 sản phẩm OCOP đạt 3 sao của 10 chủ thể 2 công ty, 05 HTX và 03 hộ gia đình tham gia chương trình. Các sản phẩm OCOP của huyện được giới thiệu và bán trên các trang thương mại điện tử như lazada, shopee, ocop.gov.vn, dogoanhai.com …. từ đó đã quảng bá, giới thiệu các sản phẩm OCOP tiêu biểu, đặc trưng của huyện góp phần mở rộng thị trường, nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho các chủ thể sản xuất.

*\* Chỉ tiêu 6.5: Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội*

Trên mảnh đất Bình Lục hiện đang lưu giữ nhiều giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể. Đó là trên 200 công trình nghệ thuật kiến trúc cổ đặc sắc. tiêu biểu như: 23 di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia (Đình Triều Hội xã Bồ Đề; Đình Công Đồng, Đình Văn Phú, Đình Mỹ Đôi, Đình An Dương, thị trấn Bình Mỹ; Đình, chùa Cổ Viễn, Đình Hưng Công xã Bình An; Từ đường Nguyễn Khuyến, Đình Mai Động, Đình Vị Hạ, Đình Vị Thượng xã Trung Lương; Đình, chùa Ngọc Lũ,Từ đường Lương Quận Công Trần Như Lân xã Ngọc Lũ; Đình Yên Đổ xã An Đổ; Đình Tiên Lý, Đình, chùa Đạo Truyền, Đình Thanh Nghĩa xã Đồn Xá; Đình An Bài; Đình, chùa Đồng Du Trung xã Đồng Du; Đình Nam, Đình Cả xã Vũ Bản; Đình, Văn từ Cát Lại xã Bình Nghĩa; Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm công trường đắp đập Cát Tường năm 1958), 22 di tích lịch sử - văn hoá cấp tỉnh; Hệ thống các nhà thờ Thiên Chúa giáo với kiến trúc đặc sắc như: Nhà thờ Hà Ngoại xã An Đổ, Nhà thờ Đô Hai xã An Lão, Nhà thờ Tiêu Hạ xã Tiêu Động. Cùng với đó là kho tàng văn hoá phi vật thể phong phú và đa dạng như lễ hội (Hội thi đấu vật mùng ba tháng giêng; Hội truyền thống Đình Làng An Dương, Đình An Tập, Đình Công Đồng**…** vừa in đậm bản sắc văn hoá của người Việt, vừa mang dấu ấn rất riêng của Bình Lục. là điều kiện thuận lợi để khai thác các sản phẩm du lịch văn hóa gắn với cộng đồng địa phương.

Định hướng phát triển hệ thống du lịch Bình Lục thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định 02 dòng sản phẩm chính, trong đó có phát triển du lịch văn hóa tâm linh - làng nghề (Khu lưu niệm Cát Tường - Từ đường Nguyễn Khuyến - Cơ sở sản xuất rượu Vọoc - Khu du lịch Tam Chúc) kết hợp với du lịch tâm linh, sinh thái Từ đường Nguyễn Khuyến - Đình Vị Hạ, du lịch trải nghiệm tại Vườn nho công nghệ cao xã Đồng Du, du lịch trải nghiệm tại khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Đồng Du. Định hướng phát triển du lịch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cũng xác định phát triển 02 trọng điểm về du lịch, trong đó khu vực Bình Lục gắn với sản phẩm du lich sinh thái và du lịch tâm linh - lễ hội được ưu tiên là động lực chủ đạo đến năm 2030. Bên cạnh đó, trong những năm tới, nhiều dự án phát triển khu công nghiệp, khu đô thị …đã được quy hoạch trên địa bàn sẽ dẫn đến nhu cầu du lịch của người dân nói chung và người dân nội huyện nói riêng ngày càng gia tăng.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quảng bá du lịch của huyện thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

### Một trong các giải pháp để thực hiện Chiến lược phát triển du lịch huyện đến năm 2030 là “Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong ngành du lịch; phát triển du lịch thông minh; xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu; quản lý khách du lịch và hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch, kiểm soát, giám sát và cảnh báo ô nhiễm trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số”.

### Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 24/10/2024 về Chuyển đổi số 2025 huyện Bình Lục. Huyện tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai chuyển đổi số riêng cho lĩnh vực du lịch trong thời kỳ 5 năm, 3 năm và hàng năm, trong đó xác định các nhiệm vụ với mục tiêu, kết quả cụ thể.

### UBND huyện Bình Lục triển khai xây dựng website quảng bá du lịch: trang thông tin điện tử của huyện với địa chỉ https://binhluc.hanam.gov.vn, trong đó mục giới thiệu về du lịch huyện các nội dung:

- Du lịch Bình Lục

- Di tích lịch sử, danh thắng

- Làng nghề truyền thống

Bên cạnh đó huyện quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp du lịch trên địa bàn huyện quảng bá sản phẩm du lịch, dịch vụ, tham gia các hội chợ du lịch, trưng bày các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương như: hoa, cây canh, rượu quê, bánh gai, kẹo lạc... Hàng năm, tổ chức các hội chợ,triển lãm nhằm quảng bá, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến thăm quan.

### - Thông tin về các điểm du lịch của huyện được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục du lịch hoặc website/fanpage du lịch của huyện trên Internet, mạng xã hội.

### Thường xuyên cập nhật, đăng tải trên chuyên mục du lịch của huyện truy cập tại địa chỉ https://binhluc.hanam.gov.vn và các trang TTĐT của các xã, thị trấn; các video, clip về các điểm du lịch ở các xã, thị trấn gắn với các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia.

### - Định hướng, phát triển du lịch huyện Bình Lục.

### Trước những thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và hệ thống di sản văn hoá vật thể và phi vật thể da dạng, phong phú; huyện Bình Lục đang triển khai xây dựng Đề án “Phát triển du lịch huyện Bình Lục đến năm 2030” với chủ trương, định hướng của huyện về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế trọng điểm, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, với mục tiêu xây dựng được các định hướng quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp phát triển du lịch huyện Bình Lục nói chung và phát triển du lịch văn hóa tâm linh - làng nghề kết hợp với du lịch tâm linh, sinh thái đến năm 2030; góp phần đưa Bình Lục trở thành trung tâm du lịch của tỉnh Hà Nam, khẳng định vị thế, thương hiệu trên bản đồ du lịch Việt Nam, cụ thể:

### - Xây dựng tuyến thăm quan du lịch tâm linh, sinh thái: Từ đường Nguyễn Khuyến - Đình Vị Hạ - Vườn nho công nghệ cao Đồng Du - Du thuyền Tam Chúc.

### - Du lịch tâm linh - làng nghề: Khu lưu niệm Cát Tường - Từ đường Nguyễn Khuyến - Cơ sở sản xuất rượu Vọc - Khu du lịch Tam Chúc

### *7.7. Tiêu chí 07 - Môi trường*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 7.1: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định: ≥ 95%*

*- Chỉ tiêu 7.2: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%*

*- Chỉ tiêu 7.3: Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường: ≥ 80%*

*- Chỉ tiêu 7.4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:≥ 70%*

*- Chỉ tiêu 7.5: Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp: ≥ 50%*

*- Chỉ tiêu 7.6: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: ≥ 4m2*

*- Chỉ tiêu 7.7: Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện: Đạt*

*- Chỉ tiêu 7.8: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: ≥ 85%*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 7.1: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định: ≥ 95%*

Công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại đã được UBND huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo, đến nay hoạt động thu gom và xử lý rác thải đã đi vào nề nếp và hiệu quả. 100% xã, thị trấn có hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt với tần suất thu gom 3-4 lần/tuần. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt toàn huyện bình quân đạt 98,2%.

Để công tác thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình đến bể trung chuyển đạt hiệu quả, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ vào tình hình thực tế thành lập các tổ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thôn, tổ dân phố. Tính đến thời điểm hiện nay đã có 120 tổ thu gom rác thải của 111 thôn, tổ dân phố trên địa bàn với lượng công nhân của các tổ là 276 người vận chuyển rác từ hộ gia đình đến 33 bể trung chuyển rác thải hoạt động có hiệu quả với tần suất thu gom đối với từng thôn, tổ dân phố từ 3 - 4 lần/tuần. Thiết bị thu gom, vận chuyển như: thùng chứa rác, xe gom rác và đặc biệt là xe chuyên dụng để vận chuyển rác từ hộ gia đình, cá nhân ra bể trung chuyển rác thải. Đơn vị dịch vụ môi trường đang thực hiện bốc xúc, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn đến nhà máy xử lý rác của tỉnh là Công ty Cổ phần môi trường Hà Nam.

Theo thống kê tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày của 17 xã, thị trấn ước tính khoảng 47,08 tấn/ngày (17.184 tấn/năm). Trong đó khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý khoảng 46,23 tấn/ngày (16.874 tấn/năm), đạt tỷ lệ 98,2%. Khối lượng chất thải sinh hoạt được phân loại, tái chế và tự xử lý tại hộ gia đình khoảng 11,39 tấn/ngày (4.157 tấn/năm), khối lượng rác được đơn vị dịch vụ môi trường thu gom, vận chuyển để đem đi xử lý tại nhà máy xử lý rác thải của tỉnh là khoảng 34,84 tấn/ngày (12.717 tấn/năm).

Để tăng cường công tác quản lý chất thải trên địa bàn huyện, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 04/12/2024 về triển khai thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện; Theo đó, giao trách nhiệm cho các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã thị trấn căn cứ các quy định của pháp luật tổ chức thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện. Xác định việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của Uỷ ban nhân dân các cấp, nhất là cấp cơ sở; phát huy vai trò tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát về phân loại CTRSH tại nguồn; đồng thời tăng cường công tác xã hội hoá để huy động tối đa các nguồn lực tham gia vào công tác phân loại CTRSH tại nguồn và thu gom, vận chuyển, xử lý riêng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại. UBND các xã, thị trấn căn cứ tình hình thực tế đã xây dựng kế hoạch tại từng địa phương. Đến nay, 100% các địa phương trên địa bàn huyện đã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

Chất thải rắn không nguy hại *(chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải từ hoạt động chăn nuôi, chất thải xây dựng, phụ phẩm nông nghiệp)*, trên địa bàn 17 xã, thị trấn khoảng 86,2 tấn/ngày (31.463 tấn/năm). Trong đó khối lượng chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý khoảng 86,2 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 100%.Đối với chất thải xây dựng *(gạch, bê tông tháo dỡ, đá, vật liệu xây dựng khác phát sinh),* Chất thải rắn công nghiệp thông thường *(gỗ vụn, mùn cưa, vỏ bao bì, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng vỏ bao bì, …),* các cơ sở sản xuất kinh doanh hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định. Đối với chất thải trong chăn nuôi, các cơ sở, hộ chăn nuôi thực hiện thu gom, đệm lót sinh học, xử lý phân qua hầm biogas sau đó được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Các hộ sản xuất kinh doanh, chăn nuôi ký cam kết không xả thải gây ô nhiễm môi trường và được kiểm tra thường xuyên. Đối với chất thải trong sản xuất nông nghiệp (*phụ phẩm nông nghiệp*), chất thải trong sản xuất trồng trọt: rơm rạ, cuống dong, cây ngô và các loại cây màu khác sau khi thu hoạch 99% được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cầy lật đất, ủ phân, rải diện tích trống giữ độ ẩm cho cây, một phần sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, một phần sử dụng làm chất đốt phục vụ sinh hoạt hàng ngày.

Để giảm lượng rác thải hữu cơ phải chôn lấp, tại tất cả các khu xử lý rác thải tập trung trên địa bàn huyện đều xây dựng bể ủ rác thải hữu cơ. Khi rác thải hữu cơ hoại mục thành phân bón hữu cơ các hộ dân trồng hoa màu có nhu cầu lấy về bón cho cây trồng.

*\* Chỉ tiêu 7.2: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%*

-  UBND huyện Bình Lục đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai hướng dẫn người dân, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế trên địa bàn huyện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Các nội dung đã thực hiện: UBND huyện Bình Lục đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch cụ thể về thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói, chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng tại các cánh đồng trên địa bàn; bố trí các thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên các cánh đồng đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

*+ Chất thải nguy hại từ vỏ bao thuốc BVTV:*

- UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn bố trí đủ số lượng và vị trí đặt bể chứa hợp lý để thu gom hết bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong sản xuất nông nghiệp theo đúng Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tổng lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện phát sinh ước tính khoảng 3.336 kg/năm.

Định kỳ sẽ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nông nghiệp nguy hại theo quy định. 100% xã đã ký hợp đồng tiếp nhận và xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định *(Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp xanh, ...).* UBND các xã đã xây dựng quy chế thu gom vận chuyển vỏ bao bì thuốc BVTV qua sử dụng về nơi tập kết.. Hàng năm, sau mỗi vụ phun trừ thuốc bảo vệ thực vật, các xã đã tổ chức phát động thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng để xử lý theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân, các động vật khác. Hệ thống bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được lắp đặt trên các cánh đồng tại 17 xã, thị trấn (3.278 bể). UBND huyện đã chỉ đạo các xã tiếp tục kiểm tra, rà soát lắp đặt bổ sung và sửa chữa các bể chứa bị hỏng, mất nắp, không đạt yêu cầu lưu chứa theo quy định*.* Tổng lượng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trên cánh đồng các xã được thu gom theo quy định đạt 100%.

*Chất thải y tế nguy hại:*

\* Chất thải y tế

- Trên địa bàn huyện Bình Lục có 01 Trung tâm y tế huyện, 17 Trạm y tế tại 17 xã, thị trấn và 11 cơ sở phòng khám tư nhân. Đối với Trung tâm y tế huyện đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, có báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), thủ tục xác nhận hoàn thành các công trình về bảo vệ môi trường theo quy định. Chất thải y tế tại 17 trạm y tế được thu gom, bàn giao cho Trung tâm y tế tiếp nhận, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý; đối với các phòng khám trên địa bàn huyện được các đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Đối với chất thải y tế phát sinh tại Trung tâm y tế huyện sẽ được phân loại, thu gom và tập kết tại kho lưu trữ chất thải sau đó sẽ được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý. Về khối lượng rác thải y tế trong năm được thu gom và xử lý trong năm khoảng 698 kg/năm; đối với rác thải sinh hoạt được Trung tâm y tế huyện ký hợp đồng với UBND thị trấn Bình Mỹ để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Đối với các cơ sở phòng khám tư nhân chủ yếu là khám bệnh phục vụ Nhân dân trong vùng. Các cơ sở đều đảm bảo về cơ sở vật chất, hồ sơ pháp lý và thực hiện tốt quy chế chuyên môn khám chữa bệnh theo quy định, trong đó các cơ sở đã có thủ tục về môi trường theo quy định.

*+ Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt tại hộ gia đình*

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình ước tính chiếm 0,1% lượng rác thải sinh hoạt (khoảng 99kg/ngày) chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin, thiết bị, linh kiện điện tử thải.... UBND huyện triển khai các văn bản hướng dẫn thu gom, phân loại và xử lý chất thải nguy hại từ hộ gia đình đến UBND các xã. Chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt hộ gia đình, UBND các xã bố trí các điểm tập kết chất thải nguy hại. Người dân đem chất thải nguy hại của hộ gia đình đến các điểm thu gom. UBND xã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình được thu gom vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*\* Chỉ tiêu 7.3: Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường*

Toàn huyện có 9982,7 ha đất nông nghiệp, đất sản xuất nông nghiệp: 9.060,7 ha, trong đó đất trồng lúa 7.752,6 ha, còn lại là đất trồng cây hàng năm khác: 623,9 và đất trồng cây lâu năm: 671,1 ha.

*- Phụ phẩm nông nghiệp:* Theo số liệu thống kê, năm 2024, tổng diện tích sản xuất nông nghiệp của toàn huyện là 18.352,1ha, trong đó diện tích trồng lúa là 15.461,2 ha, trồng ngô 522,5 ha; khoai lang: 62,4 ha; lạc: 25,6 ha; đậu tương: 19,4 ha; dưa chuột: 40,2 ha; bí xanh: 57,3 ha; bí đỏ: 114,1 ha, khoai tây: 18 ha; rau các loại: 1.360,3 ha, cây lâu năm 671,1ha

+ Tổng lượng phụ phẩm phát sinh trong trồng trọt trên địa bàn huyện là 105.677,4 tấn, trong đó khối lượng phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái sử dụng là: 91.685,71 tấn (đạt 86,76%).

+ Đối với phụ phẩm dạng hữu cơ: Tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh hàng năm khoảng 105.677,4 tấn (gồm: rơm, rạ 90.165,1 tấn; vỏ thân cây các loại 15.513,3 tấn). Lượng phụ phẩm nông nghiệp được người dân tận dụng làm phân bón, chất đốt, chất độn chuồng, thức ăn cho gia súc hoặc xử lý ngay tại đồng ruộng, tại vườn bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón. Tổng khối lượng phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái sử dụng trên địa bàn huyện đạt 91.685,71 tấn/105.677,4 tấn, đạt tỷ lệ 86,76%; có 36.175/42.609 hộ đạt 84,9% tổng số hộ thực hiện việc thu gom, xử lý, tái sử dụng phụ phẩm trồng trọt.

Tổng lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện phát sinh ước tính khoảng 3.336 kg/năm

*+* Đối với phụ phẩm dạng vô cơ: Tổng lượng phụ phẩm dạng vô cơ thu được là: 16,606 tấn bao gồm: Vỏ bao phân bón, vỏ bao gói, chai lọ thuốc BVTV, màng phủ, lưới chắn trong đó: Lượng vỏ bao phân bón khoảng 11,42 tấn/năm, được thu gom, tái sử dụng và tái chế theo quy định là 10,16 tấn/năm (đạt 89,0%); vỏ bao gói, chai, lọ, thuốc BVTV sau sử dụng thải ra môi trường khoảng 3,336 tấn/năm, được thu gom tiêu hủy đúng theo quy định là 3,336 tấn (đạt 100%); màng phủ, lưới chắn thải ra môi trường là: 1,85 tấn, được thu gom, tái sử dụng và tái chế theo quy định 1,67 tấn (đạt 90,3%).

*- Chất thải chăn nuôi:* Toàn huyện có 1970 cơ sở chăn nuôi, trong đó có 04 trang trại chăn nuôi lớn và 406 trang trại chăn nuôi vừa và nhỏ.

Theo thống kê năm 2024: Tổng đàn lợn là 133.700 con, đàn trâu: 966 con, bò: 6.225 con, đàn gia cầm 1.667.000 con, khác 4.500 con. Tổng lượng chất thải từ hoạt động chăn nuôi theo thống kê là 83.508 tấn/năm. Rác thải chủ yếu là phân gia súc, gia cầm, các dụng cụ, vật dụng dùng cho ăn uống, tiêm phòng,.... Các trang trại, hộ gia đình chăn nuôi cơ bản đã thực hiện các công trình, biện pháp xử lý chất thải như xử lý bằng bể biogas, đệm lót sinh học, thu gom ủ để làm phân bón... đảm bảo vệ sinh, môi trường và các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi, tỷ lệ xử lý là 70.564/83.508 tấn, đạt tỷ lệ 84,5%. Có 1.911/1.970 hộ đạt 97% tổng số hộ thực hiện việc thu gom, xử lý, tái sử dụng phụ phẩm trong chăn nuôi.

Như vậy: Tổng lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường trên địa bàn huyện đạt 162.249,71/189.185,4 tấn/năm, đạt tỷ lệ 85,76% (tăng 25,5% so với khi đạt chuẩn huyện NTM năm 2019).

*- Chỉ tiêu 7.4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:≥ 70%*

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND huyện Bình Lục đã tổ chức, triển khai hướng dẫn người dân, tổ chức trên địa bàn huyện thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn để giảm thiểu áp lực từ rác cho môi trường, đồng thời tận dụng rác hữu cơ làm thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến thành phân hữu cơ phục vụ trồng trọt.

Ngày 04/12/2024, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 191/KH-UBND về triển khai thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện. Trong đó có các lộ trình để các địa phương thực hiện và đảm bảo tiến độ đến hết tháng 12/2024 có 100% số hộ trên địa bàn huyện thực phân loại rác thải tại nguồn.

Đến nay, đã triển khai tại 17/17 xã, thị trấn có 100% số hộ trên địa bàn huyện đã đăng ký thực hiện phân loại rác thải tại nguồn là 42.609/42.609 hộ[[30]](#footnote-30). Tổng số hộ đã thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình đúng quy định là 30.308 hộ/42.609 hộ thực hiện đạt 71,13% trong đó, chủ yếu thực hiện phân loại, xử lý rác thải tại nguồn theo mô hình thùng ủ hữu cơ; thực hiện phân loại, xử lý rác thải tại nguồn theo mô hình đào hố ủ hữu cơ tại vườn.

Hoạt động phân loại chất thải rắn tại nguồn giúp các hộ gia đình tận dụng các chất thải có thể tái chế để bán phế liệu và tự xử lý chất thải thực phẩm qua đó giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt vận chuyển ra bể trung chuyển rác thải tại các địa phương.

Hình thức phân loại rác thải tại nguồn chủ yếu trên địa bàn huyện hiện nay: Mỗi hộ dân có 2 dụng cụ rác đựng vô cơ và hữu cơ. Hộ có vườn thì đào 1 hố nhỏ có nắp đậy, bổ sung thêm chế phẩm vi sinh để xử lý rác thải hữu cơ. Sau khoảng hơn 1 tháng rác thải được phân hủy thành phân hữu cơ có thể bón cho cây trồng. Quá trình xử lý không phát sinh mùi hôi thối và ruồi bọ được bà con phấn khởi tiếp nhận. Ngoài ra, tại một số hộ không có vườn rộng, có nhu cầu tận dụng rác thải hữu cơ làm phân bón cho cây cảnh, rau màu thì ủ rác hữu cơ bằng thùng ủ, rác được phân hủy dưới tác động của chế phẩm vi sinh thành phân bón, nước rỉ rác dưới đáy thùng được thu giữ để tưới lại vào rác tăng khả năng phân hủy cho rác hoặc pha loãng với nước để tưới cho cây trồng.

*- Chỉ tiêu 7.5: Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp: ≥ 50%*

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Bình Lục đã được chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã quan tâm, chỉ đạo xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường

+ Các nội dung đã thực hiện: UBND huyện Bình Lục thường xuyên, hướng dẫn tuyên truyền các hộ gia đình xây dựng, lắp đặt công trình xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra ngoài môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan.

- Nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện phát sinh từ các hộ gia đình và nước thải từ các cơ quan, tổ chức, trường học, doanh nghiệp. Tổng lượng nước thải phát sinh trên địa bàn huyện là 24.175 m3/ngày trong đó tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình là 23.597 m3/ngày, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, cơ quan, đoàn thể là 578 m3/ngày. Tỉ lệ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp là 26.844 hộ/42.609 hộ, đạt tỉ lệ 63%. Các hộ dân có nhà tiêu tự hoại 3 ngăn và có hố ga, bể lắng xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hố gas, bể lắng được nạo vét thường xuyên.

*\*Chỉ tiêu 7.6: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: ≥ 4m2*

Hưởng ứng chủ trương thực hiện đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025, hằng năm UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát các quỹ đất công cộng tại điểm dân cư nông thôn có thể trồng được cây và kiểm tra các diện tích đã cấy để trồng bổ sung, thay thế các cây xanh bị chết, các cây bị sâu bệnh có thể gây nguy hiểm cho người dân, tổng hợp để xây dựng Kế hoạch Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ trên địa bàn huyện. Thực hiện kế hoạch của UBND huyện giao hàng năm, các xã, thị trấn đã tổ chức phát động và ra quân trồng cây đầu năm vào mỗi dịp tết đến xuân về địa điểm trồng tập trung tại các khu vực công cộng tại các khuôn viên, các tuyến đường trục xã, đường trục thôn và đường ngõ xóm… Với sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của mọi người dân, của các cơ quan ban ngành và doanh nghiệp trên địa bàn huyện, từ năm 2021-2024 đã trồng được trên 440.000 cây xanh phân tán. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn toàn huyện là 569.646 m2.

Đến nay, diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người là 4,19 m2/người *(tăng 1,19 m2/người, so với khi đạt chuẩn huyện NTM năm 2019)*

*\* Chỉ tiêu 7.7: Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện*

- Hiện nay, trên địa bàn huyện có 09 làng nghề, gồm 4 làng nghề truyền thống và 05 làng nghề là: Làng nghề truyền thống dũa Đại Phu, xã An Đổ; Làng nghề truyền thống sản xuất rượu Vọc xã Vũ Bản; Làng nghề truyền thống sừng Mỹ nghệ Đô Hai xã An Lão; Làng nghề truyền thống sản xuất tre nứa thôn Gòi Thượng xã An Nội, Làng nghề làm bún bánh xóm 9 Cát Lại, Làng nghề làm bún bánh xóm 6 Cát Lại, Làng nghề làm bún bánh xóm 8 Ngô Khê xã Bình Nghĩa; Làng nghề thôn Bói Kênh xã An Lão; Làng nghề xóm Cầu Gỗ xã Đồng Du. Các làng nghề trên địa bàn huyện không gây ô nhiễm môi trường.

- 100% các làng nghề có phương án bảo vệ môi trường được UBND huyện phê duyệt và 100% các hộ trong làng nghề có hồ sơ môi trường theo quy định. Các loại chất thải, rác thải được thu gom, xử lý theo quy định.

- Hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tổ chức quan trắc đánh giá môi trường hiện trạng tại các làng nghề. Theo kết quả quan trắc môi trường không khí, môi trường nước mặt đều đảm bảo các quy chuẩn cho phép.

*\* Chỉ tiêu 7.8: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: ≥ 85%*

Để nâng cao hiệu quả việc chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định, UBND huyện Bình Lục đã ban hành Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/11/2020 tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn huyện Bình Lục. Đến nay 100% các xã, thị trấn đã xây dựng Kế hoạch tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và xây dựng mô hình thu gom tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. Các mô hình này do Hội, đoàn thể của địa phương tổ chức để nâng cao hiệu quả việc thu gom, tái sử dụng, tái chế rác thải nhựa đồng thời tạo các quỹ thiện nguyện cho các hoàn cảnh khó khăn từ việc bán phế liệu.

Hiện nay, tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện 5.628 kg/ngày, tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý 5.544 kg/ngày, đạt tỷ lệ 98,5%. Trong đó khối lượng chất thải nhựa được tái chế, tái sử dụng đạt khoảng 1.958 kg/ngày, khối lượng chất thải nhựa được thu gom, xử lý đạt khoảng 3.586‬ kg/ngày.

*c. Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 7- Môi trường, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### *7.8. Tiêu chí 08 - Chất lượng môi trường sống*

*a. Yêu cầu tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 8.1: Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: ≥85%.*

*- Chỉ tiêu 8.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 85 lít.*

*- Chỉ tiêu 8.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ≥ 90%.*

*- Chỉ tiêu 8.4: Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường ≥ 1 mô hình..*

*- Chỉ tiêu 8.5: Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.*

*- Chỉ tiêu 8.6: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.*

*- Chỉ tiêu 8.7: Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.*

*- Chỉ tiêu 8.8: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện*.

*- Chỉ tiêu 8.9: Có mô hình xã, thôn thông minh*

*b. Kết quả thực hiện:*

*\* Chỉ tiêu 8.1: Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: ≥ 85%.*

Huyện Bình Lục có 16 xã và 01 thị trấn; có 08 công trình cấp nước tập trung. Các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn huyện hàng năm được triển khai thực hiện cập nhật, theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn đảm bảo chất lượng. Kết quả kiểm tra các thông số chất lượng nước sau khi xử lý của các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đều đáp ứng các yêu cầu ngưỡng giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT) và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam (QCĐP 01:2022/HN).

Hàng năm, theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Nam, UBND huyện Bình Lục đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp số liệu đánh giá chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn các xã, thị trấn quản lý .

Năm 2024, qua tổng hợp báo cáo số liệu theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Lục, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện Bình Lục đạt 100% (Trong đó: số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung là 40.886/42.609 hộ đạt 95,96%; số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình đạt 1.723/42.609 hộ đạt 4,04% ).

*\*Chỉ tiêu 8.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.*

Năm 2024, khối lượng nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm tại 17/17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Lục đạt trên 88 lít/người/ngày đêm.

*\*Chỉ tiêu 8.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững*

Huyện Bình Lục có 08 công trình cấp nước tập trung phục vụ cấp nước cho 17 xã, thị trấn; các nhà máy nước có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động hiệu quả, bền vững đạt tỷ lệ 100%. 08/08 nhà máy nước sạch đều có cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý phù hợp với quy mô công trình cấp nước. Việc quản lý khai thác, vận hành tại các nhà máy nước trên địa bàn huyện Bình Lục đảm bảo theo đúng quy định; số ngày mất nước trong năm tại các nhà máy nước ít khi xảy ra và luôn đảm bảo đủ nước sạch phục vụ nhân dân; tiền nước thu được từ các hộ sử dụng nước sạch đủ dư để các nhà máy nước chi phí cho công tác quản lý khai thác, vận hành và sửa chữa. Chất lượng nước sạch tại các nhà máy nước đều đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật chất lượng sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế (QCVN 01-1:2018/BYT) và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam (QCĐP 01:2022/HN).

*\* Chỉ tiêu 8.4: Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường.*

UBND huyện đã xây dựng phương án thực hiện và bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện. Vị trí thực hiện mô hình là hồ trung tâm khu vực Cao Cat thuộc Thị trấn Bình Mỹ với diện tích khoảng 1.000 m2 và hồ thôn Cói với diện tích 2.000m2. Uỷ ban nhân dân huyện giao cho thị trấn Bình Mỹ và xã An Đổ làm chủ đầu tư thực hiện dự án.

Trước khi thực hiện mô hình, hồ bị ô nhiễm do tiếp nhận nước thải và rác thải sinh hoạt, bị phú dưỡng và không còn quần xã sinh vật có khả năng hấp thụ chất độc hòa tan trong nước và trong đáy bùn để sinh trưởng, chỉ còn lại vi sinh vật gây ô nhiễm. Theo kết quả quan trắc trước khi cải tạo có nhiều thống số như BOD5, COD, TSS, tổng Nito, tổng Photpho đều vượt trên 3 lần quy chuẩn cho phép về chất lượng nước mặt. Hồ được cải tạo bằng phương án sử dụng bè nổi thủy sinh, cụ thể là sử dụng cây (công nghệ này là một ứng dụng của phương pháp thủy canh sử dụng các bè thủy sinh nhân tạo, trên đó, thực vật sinh trưởng và sử dụng các chất dinh dưỡng và chất hữu cơ có trong nước thải để tổng hợp và tạo sinh khối, từ đó, giúp cho môi trường nước được sạch hơn theo cách thân thiện với môi trường).

Trong quá trình cải tạo, chất lượng nước hồ đã được cải thiện rõ rệt không còn tình trạng ô nhiễm và được duy trì thường xuyên nhờ các bè thủy sinh có tác dụng xử lý chất ô nhiễm trong nước. Mô hình đã tạo được cảnh quan sạch đẹp, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường nước nói riêng và môi trường nói chung.

*\* Chỉ tiêu 8.5: Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn:*

Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, UBND các xã, Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh huyện tổ chức các hoạt động hưởng ứng các sự kiện quan trọng về môi trường như: Ngày đất ngập nước thế giới; Ngày Nước và Khí tượng thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất, Tuần Lễ quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường; Ngày Môi trường thế giới; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... bằng các hoạt động treo băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền về BVMT, tiến hành thu gom rác thải trên địa bàn, khơi thông dòng chảy và làm sạch dòng sông. Các khu dân cư trên địa bàn huyện đã xây dựng các hương ước, quy ước trong đó có nội dung về bảo vệ môi trường. Duy trì phong trào Ngày Chủ nhật “Xanh - Sạch - Đẹp” tại các xã, thôn, xóm, tổ dân phố. 17/17 xã, thị trấn có cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

Để thúc đẩy phong trào xây dựng cảnh quan không gian sáng - xanh - sạch - đẹp các tổ chức đoàn thể trên địa bàn huyện đã rất tích cực trong việc xây dựng rất nhiều chương trình hay và có ý nghĩa thiết thực. Hội Phụ nữ huyện với phòng trào “*5 không, 3 sạch*”, “ *Chi hội phụ nữ sống xanh*”... Đoàn thanh niên với các phong trào “ *Ngày thứ 7 tình nguyện và Chủ nhật xanh*”, “Tuyến sông xanh - sạch - đẹp”, “tuyến đường thanh niên tự quản”, “Vườn hoa thanh niên”...

Thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”’ “Xây dựng gia đình 5 có 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động, trong thời gian qua các cấp Hội phụ nữ huyện Bình Lục luôn chú trọng và đẩy mạnh việc thực hiện 8 tiêu chí của cuộc vận động đến 100% cán bộ, hội viên phụ nữ trên địa bàn toàn huyện. Để các cấp Hội phụ nữ huyện Bình Lục tiếp tục có các công trình/phần việc thiết thực tham gia xây dựng NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, Hội LHPN huyện xác định vai trò, nhiệm vụ của phụ nữ trong thực hiện tiêu chí về vệ sinh môi trường và lấy nội dung “3 sạch” thuộc tiêu chí 17.8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 và nội dung tiêu chí 18.7 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 là nhiệm vụ lớn cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, hội viên và nhân dân thực hiện hiệu quả công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường luôn sáng - xanh - sạch - đẹp. Nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác vệ sinh môi trường, đẩy mạnh các hoạt động *“Ngày chủ nhật xanh”* tuần đầu hàng tháng tại các khu dân cư, nhân diện các mô hình *“3 sạch”*; “*Phân loại và xử lý rác thải tại nguồn”*; *“Phụ nữ nói không với rác thải nhựa - biến rác thải thành tiền”*; *“Ngôi nhà xanh”;* trồng và chăm sóc tuyến đường hoa... đã và đang nhận được sự hưởng ứng tham gia tích cực của đông đảo cán bộ, hội viên phụ nữ tại các địa bàn thôn/xóm góp phần làm cho môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp.

Đối với 2 tiêu chí “Sạch nhà, sạch bếp” Ban chấp hành các chi hội đã trực tiếp xuống các hộ gia đình, hướng dẫn sắp xếp nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, khoa học. Tuyên truyền cho hội viên hiểu được lợi ích khi sắp xếp gia đình gọn gàng, sạch sẽ chính là bảo vệ sức khỏe của mình và các thành viên trong gia đình. Cán bộ chi Hội thường xuyên hướng dẫn hội viên phụ nữ sắp xếp, vệ sinh nhà cửa gọn gàng, thu gom rác thải, phân loại rác thải tại nguồn, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, thu gom bao bì, chai lọ thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào đúng nơi quy định đảm bảo an toàn và khoa học; vận động hội viên trong gia đình sử dụng nguồn nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh. Chỉ đạo các cơ sở Hội đánh giá các hộ chưa đạt 8 tiêu chí của cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” để có hướng quan tâm giúp đỡ bằng nhiều hình thức khác nhau. Phối hợp với Ngân hàng chính sách, hoạt động từ nguồn Quỹ quay vòng, Hội đã tạo điều kiện cho các hộ dân được vay nguồn vốn nước sạch vệ sinh môi trường, để xây dựng hệ thống công trình nước sạch, công trình nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa sinh hoạt, đảm bảo hợp vệ sinh.

Đến nay, Hội đã hỗ trợ hơn 680 hộ gia đình tiếp cận 17.120 triệu đồng tiền vốn để xây dựng và sửa chữa các công trình nước sạch, công trình vệ sinh gia đình, kết quả 100% hội viên phụ nữ đều có công trình vệ sinh nhà tiêu, nhà tắm và nguồn nước đảm bảo hợp vệ sinh. Hàng năm, 100% cơ sở Hội có kế hoạch giúp đỡ, vận động, hỗ trợ thêm từ 3 đến 5 hộ gia đình đạt tiêu chí “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch. Năm 2024 Hội cơ sở đã giúp đỡ 523/17.701 hộ gđ đạt tiêu chí gia đình 5 không, 3 sạch, riêng đối với tiêu chí “3 sạch" có 19.583/20.755 hội viên tích cực tham gia đạt 94,3%, trong đó 100% các xã,thị trấn có từ 90% trở lên hộ đạt tiêu chí 3 sạch thuộc tiêu chí 17.8 theo Bộ tiêu chí nông thôn mới.

Với tiêu chí “sạch ngõ”, Hội đã đẩy mạnh tuyên truyền hội viên và nhân dân tích cực tham gia *“Ngày chủ nhật xanh*” tuần đầu hàng tháng tại các khu dân cư thu hút hàng nghìn lượt hội viên phụ nữ tham gia ra quân về sinh môi trường đường làng, ngõ xóm. Hưởng ứng các chiến dịch ra quân vệ sinh môi trường vào dịp tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, huyện của tổ chức Hội và của địa phương như: Vận động hội viên tham gia nạo vét, khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm, trồng và chăm sóc các tuyến đường hoa, vườn hoa công sở, phân loại rác thải tại hộ gia đình, thu gom rác thải, phế liệu tại các khu dân cư, xử lý và tập kết rác thải đúng giờ quy định...; hướng dẫn các hộ gia đình xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu với các mô hình: “Tuyến đường xanh - sạch - đẹp do phu nữ tự quản”; tích cực tham gia mô hình *“Phân loại và xử lý rác thải tại nguồn”* nhằm hạn chế sử dụng túi ni lông, Hội LHPN huyện đã trao 350 thùng đựng rác, trị giá 30 triệu đồng, 612 làn nhựa đi chợ; các cấp Hội phụ nữ các xã, thị trấn phối hợp trồng 68.580 cây xanh tại các tuyến đường.

Trong gian đoạn từ 2020 - 2024 hội đã phối hợp, tổ chức 135 lớp tập huấn, truyền thông VSMT lồng ghép trong các buổi sinh hoạt về nội dung của Cuộc vận động thu hút 13.687 hội viên phụ nữ tham dự, tặng hơn 500 thùng ủ phân compost, hơn 650 thùng chứa rác thải cho các hộ dân tại hộ gia đình thuộc xã Ngọc Lũ, xã An Đổ, xã Bình nghĩa, xã Đồn xá, xã Trung Lương... làm hơn 450 kg men ủ phân hữu cơ bằng men nước, thùng bokasi cho cán bộ cho các hộ thực hiện mô hình “10 hộ liền kề, hơn 50 lượt công trình phần việc thực hiện NTM.

*\* Chỉ tiêu 8.6: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm ( 100%)*

Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm toàn huyện 2.871 cơ sở (trong đó: 31 cơ sở thuộc diện cấp giấy an toàn thực phẩm, 2.813 cơ sở thuộc diện ký cam kết an toàn thực phẩm). 100% các cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, cụ thể:

- Ngành Y tế: Quản lý 269 cơ sở, trong đó cấp tỉnh quản lý 10 cơ sở, cấp huyện quản lý 38 cơ sở, xã quản lý 221 cơ sở. Số cơ sở được cấp giấy cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm là 10/10 cơ sở, số cơ sở ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm là 232/232 cơ sở đạt 100%.

- Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Quản lý 2.122 cơ sở, trong đó cấp tỉnh quản lý là 20 cơ sở, huyện quản lý 113 cơ sở. Số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm 20/20 cơ sở đạt 100%; 2102 cơ sở ký cam kết an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Ngành công thương: Quản lý 480 cơ sở, (trong đó 98 cơ sở sản xuất thực phẩm, 382 cơ sở kinh doanh thực phẩm). 100% số cơ sở thực hiện ký cam kết an toàn thực phẩm.

*\* Chỉ tiêu 8.7: Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ*

Tổng số cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý: 20 cán bộ (17 cán bộ kiêm nhiệm cấp xã, 03 cán bộ kiêm nhiệm cấp huyện) hằng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đạt 100%.

*\*Chỉ tiêu 8.8: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện*.

Công tác giám sát xử lý ngộ độc thực phẩm: TTYT đã xây dựng kế hoạch xử lý ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện, thành lập đội giám sát xử lý ngộ độc của TTYT đồng thời hướng dẫn thành lập các tổ tại các xã, thị trấn để ứng phó kịp thời các sự cố về thực phẩm., Tăng cường tuyên truyền Luật an toàn thực phẩm, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến thực phẩm, các bếp ăn tập thể, các trường bán trú, tập huấn VSATTP cho các đối tượng tham gia kinh doanh chế biến thực phẩm.

Trong năm 2024, công tác quản lý lĩnh vực an toàn thực phẩm được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và đạt hiệu quả cao. Tính đến hết năm 2024 trên địa bàn huyện không có sự cố về an toàn thực phẩm thuộc phạm vị quản lý của huyện.

*\* Chỉ tiêu 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh.*

Ủy ban nhân dân huyện đã lựa chọn xã Vũ Bản đã thực hiện xây dựng mô hình xã thông minh, thôn thông minh kết quả cụ thể như sau:

*a) Kết quả thực hiện mô hình thôn thông minh:*

Uỷ ban nhân dân xã Vũ Bản đã xây dựng Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 17/6/2023 xây dựng mô hình xã thông minh, thôn thông minh giai đoạn 2023-2024; ban hành Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND xã Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng 7/7 thôn với 35 thành viên tổ trưởng đồng thời là trưởng thôn. UBND nhân dân xã đã lựa chọn thôn 1 thực hiện mô hình thôn thông minh với kết quả như sau:

- Có Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn: UBND xã ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn 1 gồm 5 thành viên do Trưởng thôn làm tổ trưởng và tổ chức hoạt động thường xuyên hiệu quả*.* Tổ công nghệ số cộng đồng có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân trên địa bàn thôn sử dụng công nghệ số. Tổ công nghệ số cộng đồng của thôn đã tích cực tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân trong việc cài đặt và sử dụng ứng dụng dữ liệu định danh, dân cư và xác thực điện tử (VNEID). Hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục hành chính công trực tuyến, Phối hợp với đơn vị viễn thông như VNPT, Viettel trực tiếp xuống địa bàn tập huấn, phổ biến cho người dân về chữ ký số cá nhân và sử dụng các nền tảng công nghệ số.

**-** Giao tiếp thông minh:Trưởng thôn thiết lập kênh giao tiếp giữa trưởng thôn và người dân trong thôn qua mạng xã hội Zalo để tuyên truyền, trao đổi các vấn đề liên quan đến kinh tế, xã hội của thôn và tiếp nhận phản ánh của nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn thôn thường xuyên hiệu quả: Nhóm Zalo của thôn được lập với tên nhóm: Thôn 1, xã Vũ Bản có trên 220 thành viên tham gia.

**-** Thương mại điện tử:Các hộ sản xuất, kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn thôn (gọi tắt là hộ sản xuất, kinh doanh) có đăng ký tham gia một trong các sàn thương mại điện tử: <https://buudien.vn>, <https://santhuongmaihanam.com.vn> … để kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thêm các kênh phân phối mới, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hộ kinh doanh Nguyễn Hải Phòng tại thôn 1 đăng ký tham gia trên sàn thương mại điện tử Hà Nam với 04 sản phẩm: Bún khô Cô Tấm, Phở khô Cô Tấm, Bún gạo lứt Cô Tấm, Phở gạo lứt Cô Tấm để giới thiệu và bán sản phẩm.

- Dịch vụ xã hội

+ Có 70% người dân được hướng dẫn cài đặt và sử dụng các ứng dụng và nền tảng tư vấn, hỗ trợ chăm sóc tư vấn sức khỏe trên thiết bị thông minh. Chính phủ triển khai sổ sức khỏe điện tử thông qua ứng dụng Vneid trên toàn quốc. Tỷ lệ người dân trong thôn được đăng ký tài khoản Vneid đạt trên 93,5%. Hiện nay, sở y tế chưa có chỉ đạo, hướng dẫn triển khai,

+ Các hộ sản xuất, kinh doanh ứng dụng giải pháp truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm nông sản, các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp đặc thù của thôn (nếu có).Có sản phẩm Phở khô cô tấm có tem truy xuất nguồn gốc.

+ Nhà văn hóa thôn được trang bị trạm phát Wifi kết nối Internet. Đã trang bị trạm phát wifi kết nối internet và 01 bộ máy vi tính cho nhà văn hóa thôn 1 phục vụ người dân thực hiện các thủ tục hành chính công trực tuyến.

+ Tối thiểu 80% hộ gia đình có kết nối Internet cáp quang và 90% hộ gia đình có điện thoại thông minh. Tổ chức rà soát, thu thập thông tin dữ liệu hộ gia đình của trưởng thôn, kết quả 340/374 hộ = 90,9% hộ gia đình có kết nối internet cáp quang và 346/374 hộ = 92,5% hộ gia đình có điện thoại thông minh*.*

**-** Quảng bá - Thương hiệu**:** Phối hợp với đài truyền hình của tỉnh, Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện, đài truyền thanh xã để đưa tin, bài viết, phóng sự về mô hình thôn thông minh; quảng bá các thương hiệu của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của thôn trên các kênh truyền thông trực tuyến như: Trang thông tin điện tử của xã, cổng Thông tin điện tử của cấp huyện. Tần suất 01 tin, bài/tháng.

*b) Kết quả thực hiện mô hình xã thông minh:*

**\* Tiêu chí Chính quyền xã thông minh.**

***+ Hạ tầng số:***

- Uỷ ban nhân dân xã có hệ thống mạng LAN và được kết nối Internet: Các phòng làm việc của Đảng uỷ, HĐND, UBND, MTTQ, các đoàn thể, bộ phận một cửa, nhà văn hoá xã, phòng họp, đài truyền thanh đều có mạng LAN và được kết nối Internet. UBND xã đã ban hành Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng nội bộ, xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống mạng LAN của xã được Sở Thông tin truyền thông tỉnh Hà Nam phê duyệt tại Quyết định số 130/QĐ-STTT ngày 17/10/2024.

- Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức là 100%: Cán bộ, công chức xã 20 người được trang bị 20 bộ máy máy vi tính và sử dụng các phần mềm ứng dụng cơ bản về hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ.

- Triển khai hệ thống hội nghị truyền hình đảm bảo kết nối liên thông 4 cấp:

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng theo yêu cầu của tỉnh: Năm 2022 xã triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng theo yêu cầu của tỉnh.

- Có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân: Bưu Điện xã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, có máy tính kết nối mạng Internet, máy in và trang bị bàn quầy phù hợp với mô hình điểm Bưu điện văn hóa đa dịch vụ.

- Triển khai hệ thống truyền thanh thông minh (tối thiểu có cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông). Đài truyền thanh có 21 cụm loa với 56 loa được lắp đặt đến 7/7 thôn, sử dụng truyền thanh dây, Năm 2023, lắp đặt bổ sung 02 cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại thôn 1 và thôn 2 đảm bảo theo quy định tại thông tư 39/2020/TT-BTTTT.

- Có mô hình nhà văn hóa thông minh: Có ít nhất 01 nhà văn hóa thôn được trang bị máy tính kết nối Internet; trang bị trạm phát Wifi kết nối Internet: Nhà văn hóa Thôn 1 – thôn thông minh được Đầu tư trang bị máy tính, trạm phát Wifi kết nối Internet đảm bảo yêu cầu.

- Triển khai hệ thống camera an ninh tại các điểm trọng yếu: Xã đã triển khai lắp đặt 19 camera an ninh tại các điểm trọng yếu và các ngã tư kết nối về công an xã để theo dõi.

***+ Ứng dụng chính quyền số:***

- Xây dựng, nâng cấp trang thông tin điện tử của xã: Xã có trang thông tin điện tử tên miền ***vuban.binhluc.hanam.gov.vn*** đáp ứng đầy đủ thông tin, yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Sử dụng hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành: 100% các văn bản được xử lý trên hệ thống, được ký số theo quy định (trừ văn bản mật) và 100% cán bộ, công chức xã sử dụng đầy đủ hệ thống theo đúng quy định (Trừ các đoàn thể chính trị - xã hội: MTTQ, Đoàn Thanh niên, hội cựu chiến binh, hội Nông dân, Hội LHPN xã không có tài khoản hệ thống quản lý văn bản và điều hành) .

- Sử dụng hệ thống Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh: Đến tháng 30/9/2024: Hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt 615/615 đạt 100%; 100% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính; 480/556 đạt 86,33% hồ sơ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thực hiện thanh toán trực tuyến.

- Sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh: 100% cán bộ, công chức xã được cấp tài khoản và 100% cán bộ, công chức xã thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc.

- Sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ: 100% cán bộ, công chức được cấp và sử dụng chữ ký số đầy đủ theo quy định (đối với tất cả các trường hợp phải thực hiện ký số theo quy định, kể cả ký nháy). 12/12 Cán bộ, công chức UBND xã được cấp và sử dụng chữ ký số đầy đủ theo quy định (Trừ khối Đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội không sử dụng chữ ký số).

***+ Giao tiếp thông minh***

- UBND xã thiết lập kênh giao tiếp giữa xã và người dân qua trang thông tin điện tử của xã: vuban.binluc.hanam.gov.vn; qua mạng xã hội zalo với nhóm như: Xây dựng NTM – xã Vũ Bản; Chuyển đổi số xã Vũ Bản; Tổ đề án 06 xã Vũ Bản, 7/7 thôn đều lập nhóm Zalo của thôn có đông đảo thành viên tham gia ... để tuyên truyền, trao đổi các vấn đề liên quan đến kinh tế, xã hội của xã và tiếp nhận phản ánh của nhân dân trên địa bàn xã.

- Lãnh đạo UBND xã đã thiết lập kinh giao tiếp giữa lãnh đạo UBND xã với các trưởng thôn qua mạng xã hội zalo: Tên nhóm Bí thư các chi bộ; *Lãnh đạo UB - Trưởng thôn xã Vũ Bản*.

***+ Đào tạo, phổ biến kỹ năng số:***

- 20/20 cán bộ, công chức xã (100%) được đào tạo, nâng cao trình độ công nghệ thông tin; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số; sử dụng thành thạo các ứng dụng, thiết bị công nghệ số phục vụ công việc.

- 70% người dân được bồi dưỡng, tập huấn phổ biến kiến thức nâng cao kỹ năng số và tham gia sử dụng các nền tảng số, ứng dụng di động và dịch vụ công trực tuyến. UBND xã Phối hợp với Phòng VHTT huyện, các đơn vị viễn thông như Viettel, Vinaphone tổ chức các hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng số, công tác chuyển đổi số cho cán bộ công chức, các ban, ngành đoàn thể, Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã, Bí thư chi bộ, trưởng thôn, Thành viên tổ công nghệ số cộng đồng và nhân dân trong xã; Trực tiếp xuống tận địa bàn, khu dân cư để tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện.

- Thường xuyên đưa các thông tin về chuyển đổi số phát qua đài truyền thanh cấp xã, để bà con kịp thời nắm bắt thông tin và tình hình. Tần suất 1 lần/tuần (tính cả trường hợp tiếp sóng từ đài cấp trên).

**\* Tiêu chí phát triển kinh tế số:**

***+ Thương mại điện tử:*** Các hộ sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn xã có đăng ký tham gia một trong các sàn thương mại điện tử: <https://buudien.vn>, <https://santhuongmaihanam.com.vn> …để kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thêm các kênh phân phối mới, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Hộ kinh doanh Nguyễn Hải Phòng tại thôn 1 đăng ký tham gia trên sàn thương mại điện tử Hà Nam với 04 sản phẩm: Bún khô Cô Tấm, Phở khô Cô Tấm, Bún gạo lứt Cô Tấm, Phở gạo lứt Cô Tấm và nhiều hộ SXKD đã tìm hiểu, chuyển đổi cách thức bán hàng trên các trang mạng xã hội như zalo, facebook, Tiktok ….*Đã đạt.*

***+ Nông nghiệp thông minh:*** Các hộ sản xuất, kinh doanh ứng dụng giải pháp truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm nông sản, các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp đặc thù của xã.

Xã đã xây dựng vùng cấy lúa theo tiêu chuẩn VietGap với quy mô 5ha, được cấp mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; Có 04 sản phẩm tiểu thủ công nghiệp đặc thù của xã là sản phẩm Rượu được công nhận OCOP và truy xuất nguồn gốc là: sản phẩm HTX Rượu Đức Toàn; Cơ sở sản xuất Rượu Hải Luân, và HTX đầu tư Sen Vàng và sản phẩm phở khô Cô Tấm.

***\* Quảng bá thương hiệu:*** Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu chung của xã trên môi trường mạng.

UBND xã Vũ Bản đã lập hồ sơ xây dựng bộ nhận diện thương hiệu chung của xã trình Sở thông tin và truyền thông tỉnh phê duyệt.

- Thiết lập các kênh quảng bá về mô hình xã thông minh (trên Trang thông tin điện tử của xã, Cổng Thông tin điện tử cấp huyện). Trang thông tin điện tử của xã: vuban.binhluc.hanam.gov.vn có chuyên mục về xã thông minh.

- Phối hợp với các kênh truyền thông, truyền hình để đưa tin, bài viết, phóng sự về mô hình thôn, xã thông minh; quảng bá các thương hiệu của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của xã trên các kênh truyền thông trực tuyến Trang thông tin điện tử của xã, Cổng Thông tin điện tử cấp huyện. Tần xuất 04 tin, bài/tháng.

**\* Tiêu chí phát triển xã hội số:**

***+ Dịch vụ Y tế thông minh:***

- Trạm y tế xã được đầu tư trang thiết bị cần thiết để kết nối trạm y tế của xã với hệ thống khám chữa bệnh từ xa.

Trạm y tế xã Vũ Bản đã bố trí phòng làm việc, có bàn ghế, trang bị máy tính để bàn kết nối mạng internet, đã cài đặt ứng dụng phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử, nhân viên y tế được đào tạo sử dụng thành thạo phần mềm, song đến nay Sở y tế chưa triển khai được kết nối do chưa được cấp phép áp dụng phần mềm từ trung tâm y tế thông tin quốc gia.

- 70% người dân được hướng dẫn cài đặt và sử dụng các ứng dụng và nền tảng tư vấn, hỗ trợ chăm sóc tư vấn sức khỏe trên thiết bị thông minh.

Chính phủ đã triển khai sổ sức khỏe điện tử thông qua ứng dụng Vneid trên toàn quốc. Xã Vũ Bản tỷ lệ người dân được đăng ký tài khoản Vneid đạt trên 93,5%.

***+ Dịch vụ giáo dục thông minh:***

- Triển khai các nền tảng số phục vụ quản lý, dạy và học trực tuyến cho các trường trên địa bàn xã. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS xã đã triển khai nền tảng số phục vụ quản lý, dạy và học trực tuyến như: phần mềm quản lý phổ cập giáo dục xoá mù chữ, phần mềm quản lý học sinh sổ điểm điện tử, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, quản lý thư viện, thiết bị thí nghiệm, nền tảng dạy học trực tuyến google meet, Zalo, room.

- Tối thiểu 50% các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Trường Mầm Non và THCS xã đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu của học sinh theo quy định trong năm học 2024-2025 thông qua Hợp đồng hợp tác thu hộ học phí với ngân hàng.

***+ Dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:***

- Tối thiểu 80% hộ gia đình có kết nối Internet cáp quang và 90% hộ gia đình có điện thoại thông minh.

Hiện nay số hộ gia đình đã đã có kết nối Internet cáp quang 2548/2879 hộ = 88,5%; 2602/2879 hộ = 90,3.% hộ có điện thoại thông minh. *Đã đạt.*

*c) Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn Tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### *7.9. Tiêu chí 09 - An ninh trật tự - hành chính công*

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

*- Chỉ tiêu 9.1: An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao.*

*- Chỉ tiêu 9.2: Có dịch vụ công trực tuyến một phần*

*b. Kết quả thực hiện:*

*Chỉ tiêu số 9.1 - An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao.9*

- Hàng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, ủy ban Nhân dân huyện có kế hoạch, chỉ thị về công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- 100% số xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chí 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có 16/16 xã (100%) đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021 - 2025.

- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội trên địa bàn huyện giảm ít nhất 5% so với năm trước (Năm 2024 phát hiện, bắt giữ 6 vụ, 36 đối tượng, giảm 04 vụ so với năm 2023); tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông (*Xảy ra 30 vụ TNGT làm 12 người chết, 19 người bị thương, giảm 04 vụ, tăng 02 người chết và giảm 13 người bị thương so cùng kỳ năm 2023)*, cháy, nổ được kiềm chế so với năm trước.

- Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật trên địa bàn huyện

+ Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

+ Không để xảy ra những hoạt động như: kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân đề đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật đê gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

*\* Chỉ tiêu 9.2: Có dịch vụ công trực tuyến một phần*

UBND huyện Bình Lục đã thường xuyên thực hiện rà soát và cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh tại dichvucong.hanam.gov.vn theo đúng quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP.

Trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, huyện Bình Lục đã triển khai 236/242 dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện (có 06 thủ tục thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp do huyện không có rừng nên không triển khai trên địa bàn), 122/122 dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, thị trấn, trong đó:

- Cấp huyện có 180 Dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình; 56 Dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần.

- Cấp xã, thị trấn có 84 Dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình, 38 Dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần.

Từ 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, kết quả giải quyết TTHC trực tuyến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, cụ thể như sau:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện đã tiếp nhận và giải quyết 2.220 thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến đạt 97,93%.

- Bộ phận Một cửa của 17/17 xã, thị trấn đã tổ chức tiếp nhận và giải quyết 34.650 thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến đạt 99,69%.

*(Có phụ lục kèm theo)*

*c) Tự đánh giá:* Huyện Bình Lục đạt chuẩn tiêu chí số 9 - An ninh, trật tự-hành chính công, theo quy định Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

# **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

## 1. Kết quả đạt được

Qua 03 năm triển khai thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, huyện Bình Lục đã huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong toàn huyện, người dân thực sự là chủ thể của Chương trình xây dựng nông thôn mới với những kết quả nổi bật: Diện mạo nông thôn được đổi mới, ngày càng khang trang, sạch, đẹp, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên; hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư đồng bộ theo quy hoạch, có sự phân công, phân cấp quản lý, đầu tư cụ thể với phương châm *“Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”*; sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, bền vững; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân địa phương...; văn hóa, xã hội phát triển, môi trường được bảo vệ; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường và giữ vững. Sau 03 năm triển khai xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao. Đến nay đã có 13/16 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, đạt 81,2%; 02/16 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, đạt 12,5%; huyện Bình Lục đạt chuẩn 9/9 tiêu chí theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn nâng cao giai đoạn 2021-2025; Chương trình OCOP được triển khai mạnh mẽ, đạt hiệu tốt và có sức lan tỏa mạnh, đời sống Nhân dân được cải thiện nâng cao, thu nhập bình quân của người dân khu vực nông thôn tăng mạnh so với thời kỳ đầu thực hiện nông thôn mới năm 2010 và so với thời điểm được công nhận huyện đạt chuẩn NTM năm 2019 ( Năm 2010 bình quân thu nhập đầu người toàn huyện mới đạt 11,5 triệu đồng/người/năm, năm 2019 đạt 46,21 triệu đồng/người/năm, năm 2024 thu nhập đạt trên 72,41 triệu đồng/người/năm). Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 3,56% vào năm 2019 xuống còn 2,65% vào năm 2024. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2024 tăng 7,5% so thời điểm huyện đạt chuẩn NTM năm 2019.

Hệ thống đường giao thông liên xã, trục xã, đường ngõ, xóm, đường trục chính nội đồng được mở rộng, làm mới và cứng hóa tăng từ 19% - 22% so với năm 2019; Hệ thống điện chiếu sáng bằng cột đúc, cộc tuýp riêng biệt, đèn led, dây điện ngầm được trên các tuyến đường đạt 95% tăng trên 80% so với năm 2019; Nhà văn hoá xã tăng 8 nhà văn hoá so với năm 2019 (xã An Lão, Ngọc Lũ, Trung Lương, Bình Nghĩa, La Sơn, Bồ Đề, Đồn Xá, An Nội). Trên địa bàn huyện có 105/111 thôn, đội đạt tỷ lệ 94,5% xóm được công nhận xóm văn hoá, gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá đạt tỷ lệ 94%; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt 95,96%; Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đến năm 2024 tăng 2,34 m2/người (tăng 38% so với năm 2019); Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định tăng 5% so với năm 2019; Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn năm 2024 tăng 42,6% so với năm 2019; Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường tăng 26% so với năm 2019; Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt đạt 135,58 triệu đồng, tăng 35,89 triệu đồng 2019. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2024 đạt 95%, tăng 8,28% so với năm 2019; Hệ thống cơ sở vật chất văn hóa từ cấp thôn, cấp xã, cấp huyện và phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn các xã phát triển với nhiều thành tích nổi trội. Khu thể thao/khu vui chơi công cộng được bố trí lắp đặt các trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời phục vụ nhu cầu sinh hoạt, tập luyện thể thao, vui chơi, giải trí cho nhân dân.

Những điểm nhấn trong triển khai Chương trình nông thôn mới của huyện Bình Lục những năm qua:

***(1) Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới được triển khai sâu rộng, tạo không khí thi đua sôi nổi khắp làng quê:***

Với phương pháp, cách làm sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn xây dựng nông thôn mới và công khai, minh bạch đã tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trong xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới, xây dựng vườn mẫu, hộ gia đình kiểu mẫu, người dân thực sự vào cuộc và là chủ thể của chương trình. Ý thức của người dân về bảo vệ môi trường đã hình thành thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường xanh - sạch - đẹp, đặc biệt là Chương trình “*Đường hoa, đường cây - Cảnh quan môi trường Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp*”. Nếp sống được thay đổi, hạn chế những hủ tục lạc hậu và tiếp cận với những tiến bộ khoa học kỹ thuật. Phong trào cứng hóa đường giao thông đã huy động được người dân tham gia hàng trăm nghìn ngày công lao động xây dựng nông thôn mới và vận động hiến hàng trăm nghìn m2 đất, tài sản trên đất để mở rộng lề đường trồng cây bóng mát, hàng rào xanh, vườn hoa, vỉa hè tại các công trình nông thôn mới trên địa bàn huyện Bình Lục.

***- Thay đổi tư duy trong nông nghiệp, từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; tăng cường tích tụ, tập trung ruộng đất, liên kết sản xuất:***

Kinh tế nông nghiệp, nông thôn có sự chuyển biến rõ nét, có bước phát triển mới, chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, áp dụng cơ giơi hoá trong sản xuất với quy mô, trình độ, hiệu quả cao hơn. Mức sống của người dân nông thôn được cải thiện đáng kể, khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn được thu hẹp.

*Tích tụ, tập trung đất đai, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*

Từ kết quả dồn điền đổi thửa, việc tập trung, tích tụ ruộng đất hình thành các vùng sản xuất lớn để chỉnh trang đồng ruộng, đắp bờ vùng bờ thửa, đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu thuê mượn sản xuất nông nghiệp hàng hóa ngày càng được quan tâm, việc đầu tư, đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới các khâu sản xuất nhằm giảm chi phí đầu tư, tăng hiệu quả sản xuất ngày càng được áp dụng. Kết quả đến nay, trên địa bàn huyện có trên 100 tổ chức, cá nhân tập trung, tích tụ được 770 ha, chiếm khoảng 10,1% tổng diện tích gieo cấy với quy mô sản xuất từ 1ha trở lên sản xuất giống lúa chất lượng cao, lúa giống và rau màu các loại, trong đó có một số doanh nghiệp nổi bật như HTX nông nghiệp Thanh Hà, HTX công nghệ cao Đồng Du và nhiều hộ cá nhân tiêu biểu có hộ đã tích tụ trên 20ha như hộ ông Hoàng Văn Thường xã Tiêu Động,… Toàn huyện hiện có 379 máy làm đất các loại, 104 máy gặt đập liên hoàn, 113 máy cấy, 3 hệ thống sấy; tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất, thu hoạch đạt ≈100% diện tích; diện tích cấy máy 16,1%; phòng trừ sâu bệnh bằng thiết bị bay không người lái chiếm khoảng 10% diện tích. Việc áp dụng cơ giới các khâu từ làm đất, gieo cấy, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch làm giảm khoảng 10% chi phí đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Huyện đã thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tiêu biểu như HTX công nghệ cao Đồng Du, HTX công nghệ cao Thanh Hà đê phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

*Phát triển công nghiệp - TTCN:*

Trên địa bàn huyện đã phê duyệt 3 cụm công nghiệp, hiện nay có 2 cụm đang hoạt động là cụm công nghiệp An Mỹ - Đồn Xá, Thị trấn Bình Mỹ, 1 cụm công nghiệp Trung Lương . Số doanh nghiệp hiện đang hoạt động hiện nay trên địa bàn huyện 374 doanh nghiệp, trong đó 175 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp chủ yếu là may công nghiệp, sản xuất đồ chơi xuất khẩu, đồ thủ công mỹ nghệ, sản xuất đồ gia dụng xuất khẩu, sản xuất thức ăn chăn nuôi ...đã thu hút được 15.600 lao động. Giá trị xuất khẩu năm 2024 đạt 60,4 triệu USD (*giá SS 2010*). Có 7.531 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động giải quyết việc làm cho 21.000 lao động, thu nhập bình quân lao động tại các doanh nghiệp 5-7 triệu đồng/người/tháng.

Giá trị sản xuất Công nghiệp - TTCN tăng trưởng bình quân 15%/năm, năm 2024 ước đạt 7.528,6 tỷ đồng *(giá so sánh năm 2010)*. Tỷ trọng công nghiệp - TTCN và ngành nghề nông thôn chiếm gần 50% cơ cấu kinh tế của huyện. Tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân nông thôn, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31,5%.

*Phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo trong xây dựng NTM:*

Bình Lục là huyện có đồng bào Công giáo chiếm khoảng 17,6% dân số toàn huyện, Huyện đã khơi dậy và tranh thủ phát huy tốt vai trò của các vị Linh mục, nam nữ tu sĩ, các chức sắc tôn giáo trong tuyên truyền, vận động lương, giáo đoàn kết chung sức xây dựng NTM, tích cực thực hiện các cuộc vận động: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*, *“Bảy tốt đời, ba đẹp đạo”* đặc biệt, các giáo xứ họ trong huyện đã phát động và thực hiện khá tốt 02 cuộc vận động *“Xây dựng xứ, họ đạo tiên tiến, gia đình Công giáo gương mẫu”* và *“Xứ đạo bình yên”*. Các chức sắc tôn giáo luôn gương mẫu đi đầu phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận động nhân dân hiến đất, góp ngày công lao động, huy động nguồn lực chỉnh trang đồng ruộng, làm đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa thôn, xóm, đường điện chiếu sáng, đường hoa cây xanh... được nhân dân đồng tình hưởng ứng, tiêu biểu như giáo xứ thôn Tiêu Hạ- xã Tiêu Động, giáo xứ thôn Bến xã Trung Lương, giáo xứ Cát Lại - xã Bình Nghĩa...

Đồng thời các chức sắc tôn giáo luôn chăm lo đến đời sống nhân dân, quan tâm đào tạo nghề, hướng dẫn các hộ dân tham gia phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, khuyến học, khuyến tài, phòng chống tệ nạn xã hội, bài trừ hủ tục lạc hậu, bảo vệ môi trường, tiêu biểu như giáo xứ thôn An Phong xã An Ninh. Vai trò của các chức sắc tôn giáo đã góp phần rất lớn cho phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng an ninh địa phương, thực hiện hoàn thành các mục tiêu Chương trình xây dựng NTM.

***(2) Xây dựng, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội:***

Hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng lưới điện nông thôn, hạ tầng thương mại nông thôn, hạ tầng y tế cấp xã, hạ tầng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và cơ sở vật chất trường học, văn hoá - thông tin được quan tâm đầu tư đồng bộ, làm thay đổi diện mạo của địa phương, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống và phúc lợi cho Nhân dân. Trong giai đoạn, có nhiều dự án trọng điểm của Huyện đã được đưa vào sử dụng, từng bước hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên địa bàn huyện; hạ tầng đô thị đảm bảo đáp ứng các tiêu chí đô thị loại IV, hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác ngày càng đồng bộ. Đặc biệt, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn, đến nay có 16/16 xã có cơ sở hạ tầng đáp ứng đạt chuẩn nông thôn mới; 10/16 xã có cơ sở hạ tầng đáp ứng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với nâng cấp đô thị. Nhiều công trình thiết yếu đã được đầu tư, đảm bảo cho phát triển kinh tế và xã hội trên địa bàn huyện, đặc biệt sự thay đổi mạnh mẽ về kết nối các tuyến giao thông liên vùng, liên xã như các tuyến đường:đường quốc lộ 21A, đường 495, đường 499 về thuỷ lợi đầu tư kiên cố hoá kênh tiêu chính như kêng CG5, kênh Chính Tây, kênh Tân Hoà.

***(3) Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường***

- Giáo dục và Đào tạo được chú trọng phát triển toàn diện cả quy mô và chất lượng đào tạo, liên tục nhiều năm trong nhóm các huyện đứng đầu của tỉnh và cả nước. Cơ sở vất chất trường học của các cấp học tiếp tục được quan tâm đầu tư, hoàn thiện; chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và chất lượng chăm sóc, giáo dục toàn diện ở các cấp học tiếp tục được nâng cao. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh; phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập phát triển rộng khắp và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Đến nay 100% các trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, huyện Bình Lục đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi, Tiểu học, THCS duy trì phổ cập giáo dục mức độ 3, xoá mù chữ mức 2, huyện duy trì phổ cập giáo dục mức độ 3, xoá mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, trung cấp đến năm 2024 đạt 97% .

- Trung tâm y tế huyện, các trạm y tế xã được đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị khám chữa bệnh, nhiều trạm đạt yêu cầu xanh - sạch - đẹp; đội ngũ y bác sỹ tiếp tục được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ, vệ sinh môi trường và thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh được triển khai thường xuyên.Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng 8,28% so với năm 2019.

- Từ khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, huyện Bình Lục đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các Sở, Ban, Ngành của tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, sự ủng hộ của các doanh nghiệp và nhất là sự đồng thuận, tích cực hưởng ứng của các tầng lớp Nhân dân. Đến nay, hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thông tin, thể thao từ huyện đến cơ sở được quan tâm đầu tư, cơ bản hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện.

- Công tác tu bổ, tôn tạo di tích đã được tiến hành thường xuyên, liên tục. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng hiệu quả. Công tác xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Xóm (thôn) văn hoá”, “Tổ dân phố văn hóa”, “Cơ quan (đơn vị) đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” đã chú ý nâng cao chất lượng và mang lại hiệu quả thiết thực. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, mừng thọ và lễ hội được nhân dân đồng tình ủng hộ ngày càng đi vào nền nếp.

Nhận thức rõ tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác bảo vệ môi trường và xác định Tiêu chí Môi trường là tiêu chí khó, cần nhiều nguồn lực và biện pháp chỉ đạo, tổ chức thực hiện. UBND huyện hàng năm xây dựng kế hoạch về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn, phát động cuộc vận động “Xây dựng môi trường nông thôn xanh- sạch - đẹp”, phong trào “Nhà sạch, vườn xanh, đường, sông không rác”, đề án “Thu gom và xử lý rác thải, làm đẹp cảnh quan môi trường kênh sông gắn với hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và lề đường giao thông trên địa bàn huyện”, Phong trào “Ngày thứ 7 với dân”,… Các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở tập trung cao triển khai thực hiện kế hoạch; tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia giữu gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan xanh – sạch – đẹp. Hoạt động thu gom rác thải, làm vệ sinh môi trường nông thôn với sự tham gia của cộng đồng được các xã tổ chức tốt. Môi trường, cảnh quan nông thôn được cải thiện đáng kể. Các địa phương phát động và tổ chức phong trào trồng cây bóng mát và trồng hoa bên lề đường trục xã, thôn, xóm. Đến nay toàn huyện có trên 750 km tuyến đường cây, hoa. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đến năm 2024 đạt 95,96%; có 96,9% số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; 100% số hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; 100% số xã, thị trấn tổ chức hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt với sự tham gia của cộng đồng; Công tác xây dựng, chỉnh trang bảo vệ môi trường nông thôn của huyện được nhiều địa phương trong cả nước đến tham quan, học tập và đánh giá cao.

***(4) Hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả***

Hệ thống chính trị các cấp được củng cố, kiện toàn và hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Công tác xây dựng bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được quan tâm. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số được chỉ đạo quyết liệt và đạt được kết quả tích cực. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

## 2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

***2.1. Tồn tại và hạn chế***

Bên cạnh kết quả đã đạt được, chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Bình Lục còn một số tồn tại, hạn chế:

***-*** Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn tuy đã được đầu tư, nâng cấp song một số lĩnh vực chưa theo kịp với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu. Ở một số địa phương chưa phát huy tốt vai trò của nhà văn hoá thôn, xóm để phục người dân.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế nông nghiệp chưa xứng với tiềm năng, sản xuất nông nghiệp nhìn chung quy mô nhỏ, chủ yếu là kinh tế hộ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất chưa mạnh. Sản xuất hàng hóa nông nghiệp các sản phẩm chủ lực của địa phương phát triển mạnh về số lượng, tuy nhiên chưa phát huy được mạnh mẽ liên kết sản xuất. Chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông sản chưa cao; công nghiệp chế biến, dịch vụ ở nông thôn phát triển chưa đồng đều, chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến nông nghiệp trên địa bàn; giá trị xuất khẩu thấp*.*Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp có chuyển biến tích cực nhưng kết quả chưa cao. Kinh tế nông nghiệp chưa thực sự phát triển bền vững.

- Việc quy hoạch diện tích đất cho các thiết chế văn hóa- thể thao cơ sở đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu ở một số xã còn khó khăn; hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng chưa thường xuyên. Việc khai thác và sử dụng các thiết chế văn hóa - thể thao còn hạn chế, nhất là ở các thôn, xóm, tổ dân phố.

- Trong công tác môi trường ở nông thôn việc phân loại rác thải (*rác hữu cơ, rác vô cơ*) tại các hộ gia đình chưa thực hiện quyết liệt, nên khối lượng rác thải sinh hoạt lớn, khó khăn cho việc vận chuyển, xử lý, chi phí đầu tư xử lý rác thải tăng cao.

***2.2. Nguyên nhân***

*\* Nguyên nhân khách quan:*

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, bất thường, khó lường cùng với biến động của thị trường làm cho sản xuất và đời sống của người dân nông thôn gặp không ít khó khăn.

- Sản xuất nông nghiệp thường gặp rủi ro về thiên tai, dịch bệnh và thị trường, cùng với năng suất lao động thấp so với công nghiệp, dịch vụ nên chưa hấp dẫn với các nhà đầu tư.

*\* Nguyên nhân chủ quan:*

- Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa được đa dạng. Một số ít người dân chưa nhận thức đúng vai trò chủ thể của mình trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, do vậy chưa tích cực, chủ động và tự nguyện trong đóng góp xây dựng nông thôn mới

- Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu một số cấp ủy và năng lực quản lý, điều hành của người đứng đầu ở một số phòng, ban chuyên môn và cấp xã còn hạn chế.

- Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp chậm được đổi mới; việc thu hút đầu tư các doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều khó khăn nhất là các doanh nghiệp sản xuất công nghệ cao và doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo quản chế biến.

- Đất đai phân tán, manh mún, khó hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh; chưa thu hút đầu tư đồng bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Một bộ phận lực lượng lao động trẻ có xu hướng không thiết tha với sản xuất nông nghiệp.

## 3. Bài học kinh nghiệm

***Một là,*** Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở là rất quan trọng trong xây dựng NTM. Muốn thực hiện có kết quả tốt phải có quyết tâm chính trị cao, có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát, nhất là vai trò, trách nhiệm tổ chức chỉ đạo cách làm NTM của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp và của Ban chỉ đạo để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, phát huy cao nhất vai trò của Mặt trận tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội, cùng với sự quan tâm của toàn xã hội đối với chương trình MTQG xây dựng NTM.

Công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền phải đồng bộ, nhất quán, liên tục, *quyết liệt và quyết làm* theo tinh thần *“Chỉ bàn làm, không bàn lùi”*, phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn với từng tiêu chí một cách cụ thể, theo đó tiêu chí nào khó, cần thời gian dài phải xác định thời gian, lộ trình cụ thể; tiêu chí nào dễ thì triển khai ngay. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp phải xây dựng chương trình, quy chế làm việc, phân công và giao trách nhiệm cho từng tập thể, cá nhân, đặc biệt phải phát huy được vai trò người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị.

***Hai là,*** Cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phát huy tính chủ động và sáng tạo của người dân. Trong tuyên truyền luôn nhất quán quan điểm đề cao vai trò chủ thể của người dân, xây dựng NTM với phương châm *“Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ; người dân làm chủ thể, nhà nước định hướng, hướng dẫn tổ chức và hỗ trợ thực hiện; lấy thôn xóm làm địa bàn chỉ đạo thực hiện NTM”*. Có như vậy thì cán bộ và nhân dân mới có nhận thức rõ hơn, đúng đắn hơn về bản chất, nội dung, phương châm, bước đi, cách làm NTM.

***Ba là,*** Trong quá trình thực hiện phải tuân thủ các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, thực sự quan tâm tới vai trò thiết thực của người dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát việc thực hiện, với phương châm *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân hưởng thụ”; "Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước là cần thiết".*

***Bốn là,*** Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có kế hoạch, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đề ra để có sự điều chỉnh và có giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; làm tốt công tác tổng kết, sơ kết, thi đua, khen thưởng để động viên kịp thời các địa phương, cơ sở làm tốt, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho Chương trình; phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình mới, cách làm sáng tạo.

***Năm là,*** Công tác lập quy hoạch, Đề án xây dựng NTM phải đặc biệt chú trọng. Đây chính là tiền đề quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp, lâu dài đến quá trình xây dựng NTM. Việc đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội theo qui hoạch phải có sự phân công, phân cấp quản lý, đầu tư cụ thể để phát huy hiệu quả cao nhất nguồn vốn huy động, đặc biệt là các hạng mục công trình do thôn, xóm quản lý.

***Sáu là,*** Đa dạng hóa việc huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở sở sở, theo phương châm *"Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết".*

***Bảy là,*** Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp trong xây dựng nông thôn mới. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành, các địa phương. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí và xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

## 4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

Năm 2019, huyện đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Trong không khí vui tươi phấn khởi đó, Đảng bộ và Nhân dân trong huyện tiếp tục với phong trào xây dựng nông thôn mới nâng cao, các mô hình tiêu biểu được hình thành và có sức lan tỏa mạnh mẽ, góp phần thay đổi lớn diện mạo nông thôn, thể hiện vai trò gần dân, sát dân của các tổ chức, là cầu nối trực tiếp giữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, các mô hình mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân, được Nhân dân đồng tình hưởng ứng, thể hiện rõ nét chủ trương “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.* Nhiều mô hình phát triển kinh tế đã được người dân, doanh nghiệp triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống kinh tế của hộ gia đình cũng như của địa phương và các mô hình hay, sáng tạo góp phần bảo vệ cảnh quan, môi trường trên địa bàn huyện. Cụ thể:

* Mô hình HTX nông nghiệp công nghệ cao Thanh Hà tại xã Đồng Du đã tập tích tụ vơi diện tích 19,5ha kết hợp với với du dịch trải nghiệm sản xuất rau công nghệ cao trong nhà kính và các loại rau an toàn HTX đã giải quyết lao động tại nông thôn tăng thu nhập cho 15-20 người dân trong vùng từ 5-7 triệu đồng/tháng góp phần tích cực phát triển kinh tế xã hội địa phương.
* Mô hình trồng nho công nghệ cao tại HTX Đồng Du với diện tích trên 4ha đã trồng nho trong nhà vòm áp dụng công nghệ cao. HIện nay đã có 2 sản phẩm đã được công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao cấp huyện đó là nho mẫu đơn, nho hạ đen, đã thu hút giải quyết việc làm từ 5-6 người dân trên địa bàn xã Đồng Du thu nhập từ 6-7 triệu đồng/người/tháng.

-Mô hình chăn nuôi gà đẻ theo tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh san toàn thực phẩm: Trang trại nuôi gà đẻ của gia đình ông Trần Văn Anh (*thôn Ông Cân, xã La Sơn huyện Bình Lục*) được xây dựng từ năm 2014 với diện tích 2,26 ha, có 07 khu chuồng nuôi gà đẻ trứng. Tất cả các khâu chăn nuôi đều thực hiện theo quy trình đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: khép kín nghiêm ngặt từ khâu cho ăn, xử lý không khí, vệ sinh đến bảo quản trứng… Các khu chăn nuôi có hệ thống làm mát, hệ thống lọc gió, hệ thống khử mùi được đầu tư khá công phu nhằm hạn chế tối đa mùi phân gà, giữ gìn vệ sinh môi trường. Phân gà được xử lý bằng phương pháp vi sinh hữu cơ, tạo ra nguồn phân chất lượng cao bón cho cây trồng được các nhà vườn liên hệ tiêu thụ. Hiện nay, trang trại có hơn 100.000 con gà  *đẻ trứng, sản lượng trứng trên 70.000 quả/ngày, giá bán 2.000 đồng/quả, doanh thu đạt 4 tỷ đồng/tháng, lợi nhuận đạt 500 triệu/tháng*), mô hình đã tạo việc làm ổn định cho 15 lao động với thu nhập bình quân đạt 7 triệu đồng/tháng.

- Công ty TNHH Giày Ngọc Hồng là doanh nghiệp của Đài Loan, đi vào hoạt động từ tháng 3/2021 tại xã An Nội nay là xã Bình An . Công ty hiện có gần 1.000 lao động, thu nhập bình quân từ 7-10 triệu đồng/người/tháng. Công ty luôn chấp hành đầy đủ chính sách, nghĩa vụ của nhà nước và địa phương theo quy định, ngoài ra tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội của huyện và xã phát động. Năm 2024 Công ty đã tổ chức Hội chợ công nhân lao động với chủ đề: Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của chúng ta. Đây là một trong những hoạt động hưởng ứng ngày: Người tiêu dùng xanh của công ty. Năm 2023 được Chủ tịch UBND nhân dân tỉnh Hà Nam tặng cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua, năm 2024 được UBND tỉnh tặng Bằng khen.

# - Mô hình hộ sản xuất của đoàn viên thanh niên Khổng Quang Toản thôn 2 xã Vũ Bản là điển hình thanh niên làm giàu trên mảnh đất quê hương. Sau 5 phát triển nghề trồng hoa, cây cảnh, hiện quy mô nhà vườn của gia đình anh rộng hơn 3.500m2 tập trung sản xuất, kinh doanh các loại cây bóng mát, cây hoa các loại… cho thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm, tạo việc làm cho 4-5 lao động thời vụ. Bên cạnh phát triển kinh tế gia đình anh cùng thanh niên trong xã còn tích cực tham gia đóng góp các phong trào, hoạt động tại địa phương, tích cực tham gia quảng bá các sản phẩm hoa thông qua các hội chợ, lễ hội trong và ngoài tỉnh.Được tỉnh đoàn và UBND tỉnh tặng bằng khen thanh niên tiên tiến phát triển kinh tế.

**VI. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, HOÀN THIỆN CÁC NỘI DUNG CAM KẾT THỜI ĐIỂM ĐƯỢC CÔNG NHẬN HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019**

**Các giải pháp nâng cao thu nhập cho người dân.**

**1. Phát triển nông nghiệp:**

1.1. Thực hiện chủ trương tích tụ ruộng đất để khuyến khích các hộ dân, doanh nghiệp, HTX ít thành viên đầu tư vốn áp dụng quy trình kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào các khâu trong sản xuất, sản phẩm an toàn. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 69 mô hình tích tụ ruộng đất liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với diện tích 790 ha tại 17 xã, thị trấn sản xuất lúa hàng hoá, rau củ quả, liên kết với 7 doanh nghiệp như Công ty An Đình, Công ty Long Vũ, , Công ty giống cây trồng Trung Ương, Công ty giống cây trồng Thái Bình, Công ty An Phú Hưng, tăng 23 mô hình với diện tích 362,2 ha so với cùng kỳ năm 2019

1.2. Tập trung chuyển đổi các vùng trồng lúa kém hiệu quả nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích giai đoạn 2021 – 2025, hiệu quả tăng 2- 3 lần so với sản xuất lúa đến nay đã chuyển đổi được như sau*:*

- Chuyển đổi đất lúa sang trồng cây ăn quả: các xã, thị trấn đã chuyển đổi được 88,26 ha tại 9 xã: Bình Nghĩa, Tràng An, Đồng Du, La Sơn, Trung lương, Hưng Công, Ngọc Lũ, An Ninh, Vũ Bản.

- Chuyển đổi đất lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản được 126,28ha tại các xã Tràng An, Đồng Du, Đồn Xá, Bình Mỹ, An Đổ, An Lão, Trung Lương, An Nội, Bối Cầu, Bồ Đề, Vũ Bản, Tiêu Động.

1.3. Xây dựng các vùng sản xuất tập trung ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình Vietgrap, hữu cơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Đồng Du và thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tại Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Hà với tổng diện tích: 121,73 ha. Trong đó: Thị trấn Bình Mỹ là 25,5ha, xã Đồng Du là 96,2ha. Năm 2022, đã triển khai 01 dự án của HTX sản xuất, dịch vụ nông nghiệp Thanh Hà trồng Rau củ quả an toàn kết hợp với du lịch trải nghiệm, diện tích: 19,5 ha tại xã Đồng Du. Hiện nay dự án đang đi vào hoạt động chuyên sản xuất các loại rau mầm, rau an toàn theo tiêu chuẩn Vietgap trong nhà kính và ngoài trời với diện tích gieo trồng 10 ha.Cùng với đó quy hoạch 300 ha đất bãi màu ven sông Châu Giang tại các xã Bình Nghĩa, Đồng Du, Bình An, Ngọc Lũ, Bồ Đề, An Ninh để từng bước áp dụng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất rau củ quả an toàn.Hiện nay, các hộ đang trồng cây hàng năm và đã xây dựng được 8 nhà kính, 13 nhà màn với diện tích 47.400 m2 để trồng dưa vân lưới, rau củ quả an toàn, trồng hoa và 01 mô hình trồng nho, thanh long tại xã Đồng Du diện tích 3 ha. Hiệu quả kinh tế: Giá trị sản xuất trong nhà kính công nghệ cao đem lại từ 60 – 80 triệu đồng/mô hình/năm; mô hình trồng hoa công nghệ cao trong mô hình nhà kính rộng 1.000 m2 tại xã Vũ Bản đạt giá trị 500 – 600 triệu đồng/năm. Bên cạnh đó đã cấp mã vùng sản xuất lúa, rau củ quảtheo tiêu chuẩn VietGAP được hình thành với diện tích 97,4 ha tại 14 xã.

1.4. Về chăn nuôi: Quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm. tổng đàn gia cầm, thủy cầm đạt 1,5 triệu con trở lên, đàn bò thịt, bò sinh sản trên 7.000 con, đàn lợn 133.000 con, mở rộng diện tích chăn nuôi thủy sản trên 900 ha. Hiện nay đang có 4 khu chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản chất lượng cao tập trung đang triển khai thực hiện tại các xã An Đổ, La Sơn, Đồn Xá, Vũ Bản với quy mô hiện có trên 1000 con bò thịt, bò sinh sản chất lượng cao chủ yếu là sử dụng giống bò 3B.

1.5. Phát triển sản phẩm OCOP: Tiếp tục thực hiện quả Chương trình *“Mỗi xã một sản phẩm”.* Tập trung một số sản phẩm chủ lực đẻ xây dựng nhãn mác, truy suất nguồn gốc mang tích đặc trưng lợi thế địa phương như: lúa gạo, rau, củ quả, gia cầm, thủy sản; hình thành các cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, HTX ít thành viên có sản phẩm mang thương hiệu OCOP đặc trưng cho từng địa phương. Đến hết năm 2024 có 13 sản phẩm đạt từ 3 sao .

1.6. Nâng cao năng lực hoạt động của HTX dịch vụ nông nghiệp, phát triển các HTX ít thành viên: thực hiện tái cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp; phát triển kinh tế hộ gia đình, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để tăng thu nhập cho HTX và thành viên. Đến nay toàn huyện đã thành lập mới được 31 HTX kiểu mới tăng 19 HTX so với năm 2019.

1.7. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật; nhất là các công trình thủy lợi tưới tiêu phục vụ các khu quy hoạch vùng tập trung, các vùng ứng dụng công nghệ cao.

Xây dựng cơ chế hỗ trợ đặc thù cho các mô hình sản xuất nông nghiệp: Ngoài các chính sách hỗ trợ của Tỉnh trong triển khai các mô hình đề án, UBND huyện có các cơ chế hỗ trợ đặc thù để khuyến khích các hộ, cơ sở, HTX ít thành viên mạnh dạn đầu tư xây dựng các mô hình mới gắn với tích tụ ruộng đất, áp dụng kỹ thuật cao, có liên kết tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp như mô hình sản xuất rau, củ quả trong nhà kính, nhà màn, đưa giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao, hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

**2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề**: Triển khai xây dựng khu công nghiệp Trung Lương với diện tích giai đoạn 1 là 200 ha và đẩy mạnh các giải pháp xúc tiến đầu tư, thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất tại 03 cụm công nghiệp trên địa bàn huyện (*cụm công nghiệp An Mỹ - Đồn Xá, Thị trấn Bình Mỹ, Trung Lương*); xây dựng kế hoạch phát triển các làng nghề và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp khác có thế mạnh nhằm thu hút, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn. Hiện nay trên địa bàn huyện có 374 doanh nghiệp giải quyết việc làm cho 21000 lao động thu nhập tại các doanh nghiệp từ 5-7triệu đồng/người/tháng, tăng 146 doanh nghiệp so với năm 2019.

**3. Phát triển dịch vụ thương mại**: Phát huy có hiệu quả các chợ trọng điểm trên địa bàn huyện đáp ứng yêu cầu giao thương hàng hóa trong và ngoài tỉnh tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc tiêu thụ nông sản. Xây dựng các trung tâm thương mại tại các thị tứ và các đô thị mới thành lập theo hướng cung cấp và tiêu thụ các sản phẩm nông sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp; thực hiện tốt quản lý thị trường chống buôn bán hàng giả, hàng hóa kém chất lượng bảo vệ quyền lợi tiêu dùng.

Tăng cường xúc tiến thương mại tại các hội chợ, triển lãm để giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các sản phẩm OCOP của địa phương.

\* Thu nhập bình quân đầu người:

+ Năm 2019 là 46,21 đồng/người/năm.

+ Năm 2020 là 50,9 đồng/người/năm.

+ Năm 2021 là 55,61 đồng/người/năm.

+ Năm 2022 là 60,76 đồng/người/năm.

+ Năm 2023 là 66,36 đồng/người/năm.

+ Năm 2024: 72,41 triệu đồng/người/năm./.

# **VII. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

## 1. Quan điểm

- Xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể, là cuộc vận động lớn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực với sự tham gia tích cực của người dân. Xây dựng nông thôn mới là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, chỉ có điểm khởi đầu không có điểm kết thúc. Xây dựng nông thôn mới đảm bảo “Thiết thực, Hiệu quả, Toàn diện và Bền vững”.

- Xây dựng NTM phải gắn với quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp, đô thị hoá nông thôn; đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị; phát triển hài hoà kinh tế, xã hội và môi trường; khơi dậy và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của quê hương Hà Nam nói chung và Bình Lục nói riêng.

- Phát huy nền tảng, sức mạnh toàn dân, tinh thần đoàn kết và vai trò làm chủ của người dân theo phương châm *“Dân cần - dân biết - dân bàn - dân làm - dân giám sát - dân thụ hưởng”, “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”.*

## 2. Mục tiêu

### *2.1. Mục tiêu chung*

Xây dựng nông thôn mới để đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn giàu có và thịnh vượng, tiệm cận với khu vực đô thị; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, hiện đại và kết nối chặt chẽ với quá trình đô thị hóa; kinh tế nông thôn phát triển mạnh mẽ, trình độ sản xuất tiên tiến, nông dân chuyên nghiệp, chú trọng sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ, du lịch và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; môi trường, cảnh quan, không gian nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; xã hội nông thôn dân chủ, đoàn kết, văn minh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thực sự là miền quê thanh bình; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững.

### *2.2. Mục tiêu cụ thể*

- Mục tiêu đến hết 2025:

+ Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với các xã đã được công nhận. Nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

+ Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân khu vực nông thôn; Nâng cao thu nhập bình quân đầu người; Tiếp tục giảm nghèo đa chiều xuống dưới 0,1%; Duy trì tỷ lệ dân số khu vực nông thôn tham gia BHYT đạt trên 95,2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%; dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch từ nguồn cấp nước tập trung 98%. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác theo giá hiện hành đạt trên 130 triệu đồng.

- Mục tiêu từ năm 2025 - 2030:

**+** Đến năm 2030, có 100% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, trên 40% số xã trở lên đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu, Huyện Bình Lục đạt chuẩn huyện Nông thôn mới kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

+ Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành hạ tầng khu công nghiệp Bình Lục; hoàn thành hạ tầng cụm công nghiệp Trung Lương, Trung Lương 2, kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

+ Đến năm 2030, hoàn thành việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2025-2030.

+ Thu nhập bình quân đầu người của người đạt 103,3 triệu đồng/người/năm.

+ Không còn Tỷ lệ nghèo đa chiều trên địa bàn huyện.

+ Tỷ lệ người dân nông thôn tham gia BHYT đạt trên 96,5%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

+ Giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác năm 2025 đạt trên 130 triệu đồng, đến năm 2030 đạt trên 200 triệu đồng.

+ Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, tạo việc làm mới đạt 75- 90%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thug om, xử lý đạt trên 98%, các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100% .

## 3. Nhiệm vụ, giải pháp

Tập trung mọi nguồn lực để nâng chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, định hướng xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; đến hết năm 2030 có 15/15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 5/15 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2021-2025. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để nâng chất lượng các tiêu chí:

**(1).** Về quy hoạch:

Tiếp tục triển khai công tác xây dựng quy hoạch, bổ sung, điều chỉnh và quản lý quy hoạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư vào địa bàn và hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực phù hợp với Quy hoạch vùng huyện Bình Lục đã được phê duyệt. Chỉ đạo các xã bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới giai đoạn 2025-2030; chủ động phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi, kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện quy hoạch tại các cụm công nghiệp, các khu, điểm phát triển du lịch, thương mại... đảm bảo đúng quy định pháp luật, phù hợp với tình hình địa phương.

**(2).** Về hạ tầng kinh tế - xã hội:

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng cơ bản theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu,...và các văn bản quy phạm pháp luật quy định về đầu tư xây dựng. Tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng các công trình, dự án của Trung ương, của Tỉnh đầu tư; quản lý, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025; đầu tư hoàn thiện các công trình thủy lợi trọng điểm phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai, đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương theo kế hoạch, quy hoạch, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng, nâng cấp các công trình phúc lợi như trường học, trạm y tế,.... Đẩy mạnh thực hiện chủ đề công tác nhiệm kỳ của huyện, phấn đấu chỉnh trang hạ tầng đô thị - nông thôn đảm bảo xanh, sạch, đẹp, đường thông hè thoáng, không lấn chiếm. Cụ thể hoá các giải pháp về Quy hoạch vùng huyện, chú trọng phân vùng theo quy hoạch để lồng ghép các dự án đầu tư công tạo kết cấu hạ tầng (giao thông, thuỷ lợi, khu dân cư, điện…) đồng bộ.

- Về giao thông: Phấn đấu đến hết năm 2025, 100% đường giao thông xã, thị trấn được nhựa hoá, bê tông hóa, trên 27 % kênh mương được kiên cố hóa, đáp ứng tốt nhu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất và giao thông của Nhân dân. Rà soát, tiếp tục triển khai đầu tư các tuyến đường huyết mạch trên địa bàn huyện để mở thêm không gian phát triển, kết nối vùng, trọng điểm. Thường xuyên nâng cấp, duy tu, sửa chữa kịp thời các tuyến đường giao thông, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Tiếp tục trồng mới và trồng bổ sung các tuyến đường cây, đường hoa, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

- Về điện nông thôn: Tiếp tục cải tạo và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện, bảo đảm đủ điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp; nâng cao chất lượng điện phục vụ sinh hoạt của dân cư nông thôn, đảm bảo duy trì tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

- Về cơ sở vật chất giáo dục: Tiếp tục hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho cơ sở giáo dục các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, THPT, trung tâm GDTX-GDNN) đảm bảo duy trì, tăng số trường đạt chuẩn mức độ 2 theo quy định.

- Về cơ sở vật chất văn hóa: Hoàn thiện các công trình văn hóa cấp huyện; chỉnh trang cơ sở vật chất văn hóa và bổ sung trang thiết bị tại các xã, thôn, xóm để phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân; nhân rộng các hoạt động văn hóa thể thao gắn với bảo tồn phát huy di sản văn hóa trên địa bàn; kiểm kê, tu bổ, quản lý tốt các di sản, công trình văn hóa lịch sử trên địa bàn.

-Về cơ sở hạ tầng thương mại: Khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng thương mại (trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích) và duy trì, quản lý tốt hệ thống chợ truyền thống đảm bảo vệ sinh môi trường, ATTP; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại và đổi mới phương thức kinh doanh.

- Về hạ tầng thông tin truyền thông: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quá trình chuyển đổi số; duy trì tốt hệ thống thông tin liên lạc viễn thông (truyền thanh cấp xã, thôn); tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến tại các điểm công cộng, có wifi miễn phí.

**(3).** Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch gắn với xây dựng NTM, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân, giảm nghèo bền vững.

- Triển khai xây dựng các cụm, khu công nghiệp đã được quy hoạch, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư vào khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh, tăng cường phát triển công nghiệp , dịch vụ thương mại phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Chú trọng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, thân thiện với môi trường; thu hút lao động có tay nghề cao và sử dụng nguồn lao động tại địa phương, đảm bảo phương châm “ly nông bất ly hương”.

- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao, thu hút các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư sản xuất vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Đồng Du và Thị trấn Bình Mỹ để nâng cao chất lượng giá trị trên 01 ha đất canh tác. Tiếp tục thực hiện tốt việc tích tụ ruộng đất để tổ chức liên kết sản xuất thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung ở quy mô nhóm hộ tổ hợp tác hoặc cho doanh nghiệp thuê có thời hạn từ 5-10 năm; khắc phục sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, từng bước hình thành vùng sản xuất chuyên canh nông nghiệp hàng hóa từ 1.500 ha - 2.500 ha với quy mô phù hợp (khoảng 10 ha trở lên/một điểm sản xuất). Tập trung đầu tư và phát triển các công nghệ sơ chế, chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa nông sản, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ cho vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng thương hiệu, tập trung vào các vùng chuyên canh theo nhóm cây, con chủ lực của huyện, nhằm khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ. Khuyến khích, hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng mô hình sản xuất liên kết chuỗi giá trị theo hướng hữu cơ, sinh thái, thân thiện với môi trường, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp hàng hoá có số lượng lớn, chất lượng cao và mang lại hiệu quả cho người người sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình môi xã một sản phẩm - OCOP, coi đây là Chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Phát triển thêm các sản phẩm OCOP mới, đồng thời lựa chọn, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP đã có, phấn đấu đến hết năm 2025 toàn huyện có trên 20 sản phẩm OCOP. Áp dụng chuyển đổi số vào sản xuất, đồng thời đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu và bán các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện trên các sàn thương mại điện tử.

- Chủ động bố trí từ nguồn sự nghiệp để hỗ trợ, khuyến khích các mô hình sản xuất. Phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền để quảng bá, giới thiệu sản phẩm; có giải pháp ưu tiên thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là lĩnh vực chế biến nông sản và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm tiêu thụ ổn định sản phẩm nông nghiệp cho nông dân. Chú trọng công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh. Khuyến khích phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi tập trung. Củng cố, phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp sau chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã, từng bước mở rộng các dịch vụ thoả thuận phục vụ cho thành viên hợp tác xã. Khuyến khích, tạo điều kiện thành lập các hợp tác xã chuyên ngành, tổ hợp tác liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính với phương châm rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục, nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là tại bộ phận một cửa ở huyện và cấp xã; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh với công nghệ cao, công nghệ sạch, sử dụng nhiều lao động của địa phương. Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong những năm tới chủ yếu tập trung vào các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường,... nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu trong lao động, tăng nguồn thu nhập cho Nhân dân, phấn đấu giá trị sản xuất hằng năm lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xây dựng tăng trưởng theo chiều hướng tích cực.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, người hưởng chính sách bảo trợ xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh công tác dạy nghề, giải quyết việc làm. Tạo cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng và thụ hưởng các dịch vụ và phúc lợi xã hội; thực hiện tốt các chế độ chính sách về lao động, việc làm và thu nhập đối với người lao động, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho các đối tượng thụ hưởng; xử lý nghiêm vi phạm pháp luật về lao động.

**(4).** Về Văn hoá - Xã hội - Môi trường:

- Về văn hoá:

Đẩy mạnh phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*,*“Gia đình văn hóa”, “Thôn, xóm, phố văn hóa”*, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa,….Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, đề án *“Thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, mừng thọ và lễ hội”* trên địa bàn huyện, thực hiện tốt các chính sách dân số, đấu tranh phòng chống văn hóa độc hại và các tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp;

Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ tới mọi tầng lớp Nhân dân. Duy trì hoạt động hiệu quả, thiết thực của các Câu lạc bộ nghệ thuật, thể thao.

Duy trì, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa gắn với việc tổ chức các lễ hội, các trò chơi dân gian, các nghệ thuật truyền thống đã giữ gìn bản sắc truyền thống của người dân Bình Lục . Tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng của huyện gắn phát triển du lịch với xây dựng nông thôn mới.

- Về giáo dục: Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển giáo dục - đào tạo; quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp. Giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có đủ trình độ năng lực, tâm huyết với nghề, có cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính trong quản lý và dạy học. Huy động các nguồn lực ưu tiên đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Tăng cường, nâng cao chất lượng công tác khuyến học, khuyến tài, các phong trào học tập cộng đồng.

- Về y tế: Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng các cơ sở y tế, đầu tư bổ sung trang thiết bị y tế theo hướng hiện đại. Tích cực vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện và thực hiện tốt chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng khó khăn không thuộc diện chính sách hỗ trợ.

- Về nước sinh hoạt: Tập trung đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp chất lượng hệ thống các nhà máy cấp nước sạch trên địa bàn huyện. Phấn đấu có 100% người dân được sử dụng nước nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung.

- Về bảo vệ môi trường: Thực hiện các giải pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ về môi trường cụ thể; bảo vệ môi trường nước ngầm; môi trường đất; nước mặt; môi trường không khí và giảm tiếng ồn; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp. Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án cụ thể; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường. Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng vùng nông thôn. Tăng cường truyền truyền, phổ biến các biện pháp thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. Mỗi điểm dân cư nông thôn, trung tâm xã có dựng 01 trạm trung chuyển chất thải rắn đảm bảo vệ sinh môi trường. Chất thải rắn được thu gom đưa về khu xử lý theo quy hoạch quản lý chất thải rắn của tỉnh và các đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng thêm các công viên, vườn hoa và triển khai trồng cây xanh trên tất cả các tuyến đường, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Xây dựng thêm các tuyến đường cây xanh, đường hoa kiểu mẫu trên các trục đường chính; bổ sung xây dựng bể thu gom vỏ thuốc bảo vệ thực vật tại các xứ đồng trên địa bàn đảm bảo tỷ lệ 3ha/bể, tạo điểm nhấn rõ nét về cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp các khu vực công cộng, khu vực đông dân cư.

- Về hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung: Triển khai thực hiện theo quy hoạch vùng huyện đảm bảo quy mô công suất theo nhu cầu phát triển đô thị và sản xuất công nghiệp. Đối với các điểm dân cư nông thôn, làng xóm và các khu dân cư phân tán bố trí các trạm xử lý cục bộ; khuyến khích quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung cho các xã nông thôn khi đảm bảo điều kiện thuận lợi.

**(5).** Về xây dựng hệ thống chính trị và đảm bảo an ninh nông thôn:

- Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ chính trị, chất lượng chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức của đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ theo quy định. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ, tài năng về công tác ở địa phương theo quy định của Trung ương, của tỉnh. Xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện tốt Luật Dân chủ ở cơ sở, tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng ở cộng đồng dân cư về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm và bài trừ các tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt quy định bảo vệ trật tự, an ninh nông thôn, đồng thời tăng cường các biện pháp phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan; xây dựng nếp sống văn hóa nông thôn mới.

**(6).** Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa, nông thôn văn minh, hiện đại. Tiếp tục có cơ chế tạo thuận lợi huy động các nguồn lực xã hội và vai trò chủ thể của người dân; khuyến khích các mô hình người dân tự chủ, tự làm, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, quản lý, khai thác các cơ sở hạ tầng, các thiết chế văn hóa cơ sở. Đồng thời tiếp tục có kế hoạch củng cố nâng cấp, phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng hiện đại, đồng bộ, kết nối để đáp ứng tốt hơn yêu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội.

**(7).** Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý nông nghiệp có trình độ chuyên môn sâu, có kỹ năng, kỹ thuật trong xây dựng và phát triển nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Triển khai mạnh mẽ chương trình đào tạo nghề, thực hiện các mô hình liên kết giữa các trường đào tạo nghề với doanh nghiệp và các kênh thông tin đại chúng để đào tạo, đào tạo lại lực lượng lao động ở nông thôn; gắn đào tạo nghề với yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp lý, kiến thức thị trường, tác phong công nghiệp và kỹ năng tham gia các chuỗi liên kết sản xuất của người dân... Từng bước xây dựng lực lượng lao động nông nghiệp, nông thôn chuyên nghiệp, lành nghề để tạo ra các sản phẩm có giá trị hàng hóa cao và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu và hiệu quả hoạt động của cơ quan giúp việc Ban chỉ đạo các cấp về xây dựng NTM.

**(8).** Nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp

Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương về công tác cán bộ, nhất là Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 23/9/2016 của tỉnh uỷ Hà Nam về đẩy mạnh cải cách hàng chính, trọng tâm là thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan, đoen vị giai đoạn 2016-2030, Chương trình hành động số 54-Ctr/TU ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả ... Trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan hành chính. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu, sắp xếp lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp xã từng bước trẻ hóa, chuẩn hóa, đủ số lượng, có chất lượng, cơ cấu hợp lý và đủ khả năng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao góp phần lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp trong tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội và xây dựng NTM. Tăng cường sự phối hợp, tham gia của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội trong xây dựng NTM. Thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở và tăng cường sự giám sát của cộng đồng dân cư trong xây dựng NTM. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đảm bảo tốt công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Uỷ ban nhân dân huyện Bình Lục báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2024 huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam .

Uỷ ban nhân dân huyện Bình Lục kính trình UBND tỉnh Hà Nam thẩm tra, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Các bộ, ngành có liên quan;  - Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;  - UBND tỉnh Hà Nam;  - Ban Chỉ đạo các CTMTQG tỉnh;  - Văn phòng ĐPNTM tỉnh;  - TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;  - Lãnh đạo UBND huyện;  - Thành viên BCĐ XD NTM huyện;  - Các cơ quan, đơn vị liên quan;  - UBND các xã, thị trấn;  - Lưu: VT, VPĐPNTM. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Hoàng Văn Long** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *Bình Lục, ngày tháng năm 2025* |

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI****(thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên xã đã đạt chuẩn nông thôn mới** | **Năm được công nhận** | **Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Quyết định công nhận** | **Cấp ban hành Quyết định** | **Trích yếu nội dung Quyết định** | **Năm công bố xã đạt chuẩn NTM** | **Ghi chú** |
| 1 | Vũ Bản | 2013 | Số: 82/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Nam” | 2014 |  |
| 2 | An Đổ | 2014 | Số: 154/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2014 | 2015 |  |
| 3 | Tiêu Động | 2014 | Số: 154/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2014 | 2015 |  |
| 4 | Đồng Du | 2015 | Số: 1550/QĐ-UBND ngày 8/12/2015 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2015 | 2015 |  |
| 5 | Tràng An | 2015 | Số: 1550/QĐ-UBND ngày 8/12/2015 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2015 | 2015 |  |
| 6 | Bối Cầu | 2015 | Số: 1550/QĐ-UBND ngày 8/12/2015 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2015 | 2015 |  |
| 7 | Trung Lương | 2016 | Số: 2150/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2016 | 2016 |  |
| 8 | Bồ Đề | 2016 | Số: 2150/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2016 | 2016 |  |
| 9 | An Ninh | 2016 | Số: 2150/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2016 | 2016 |  |
| 10 | Bình Nghĩa | 2017 | Số: 2341/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 | UBND tỉnh Hà Nam | /v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2017 | 2017 |  |
| 11 | Đồn Xá | 2017 | Số: 2341/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 | UBND tỉnh Hà Nam | /v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2017 | 2017 |  |
| 12 | An Lão | 2017 | Số: 2341/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 | UBND tỉnh Hà Nam | /v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2017 | 2017 |  |
| 13 | La Sơn | 2018 | Số: 2470/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2018 | 2018 |  |
| 14 | An Nội | 2018 | Số: 2470/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2018 | 2018 |  |
| 15 | Hưng Công | 2019 | Số: 1465/QĐ-UBND ngày 21/7/2019 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2019 | 2019 |  |
| 16 | Ngọc Lũ | 2019 | Số: 1465/QĐ-UBND ngày 21/7/2019 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” tỉnh Hà Nam năm 2019 | 2019 |  |
| **Tổng số**: 16 xã đạt chuẩn/tổng số 16 xã thuộc huyện, đạt 100% | |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP DANH SÁCH** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **TM. UBND HUYỆN BÌNH LỤC CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *Bình Lục, ngày tháng năm 2025* |

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**  
**(thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao** | **Năm được công nhận** | **Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Quyết định công nhận** | **Cấp ban hành Quyết định** | **Trích yếu nội dung Quyết định** | **Năm công bố xã đạt chuẩn** **NTM nâng cao** | **Ghi chú** |
| 1 | An Ninh | 2022 | Số: 763/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ” tỉnh Hà Nam năm 2022 | 2023 |  |
| 2 | Tiêu Động | 2022 | Số: 763/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ” tỉnh Hà Nam năm 2022 | 2023 |  |
| 3 | Bình Nghĩa | 2023 | Số: 259/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ” tỉnh Hà Nam năm 2023 | 2024 |  |
| 4 | Đồng Du | 2023 | Số: 259/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ” tỉnh Hà Nam năm 2023 | 2024 |  |
| 5 | Tràng An | 2023 | Số: 259/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ” tỉnh Hà Nam năm 2023 | 2024 |  |
| 6 | La Sơn | 2023 | Số: 259/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ” tỉnh Hà Nam năm 2023 | 2024 |  |
| 7 | Bồ Đề | 2023 | Số: 259/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ” tỉnh Hà Nam năm 2023 | 2024 |  |
| 8 | Đồn Xá | 2023 | Số: 259/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ” tỉnh Hà Nam năm 2023 | 2024 |  |
| 9 | Trung Lương | 2024 | Số 221/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 | UBND tỉnh Hà Nam | Công nhận xã đạt chuẩn NTM Nâng cao năm 2024 | 2025 |  |
| 10 | An Lão | 2024 | Số 221/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 | UBND tỉnh Hà Nam | Công nhận xã đạt chuẩn NTM Nâng cao năm 2024 | 2025 |  |
|  | **Tổng số**: 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao/tổng số 16 xã thuộc huyện/thị xã/thành phố, đạt 62,5% |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP DANH SÁCH** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **TM. UBND HUYỆN BÌNH LỤC CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

Mẫu số 30

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *Bình Lục, ngày tháng năm 2025* |

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**  
**(thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao** | **Năm được công nhận** | **Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Quyết định công nhận** | **Cấp ban hành Quyết định** | **Trích yếu nội dung Quyết định** | **Năm công bố xã đạt chuẩn** **NTM nâng cao** | **Ghi chú** |
| 1 | An Đổ | 2020 | Số: 2660/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu” tỉnh Hà Nam năm 2020 | 2020 |  |
| 2 | Vũ Bản | 2021 | Số: 29/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 | UBND tỉnh Hà Nam | V/v Công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu” tỉnh Hà Nam năm 2021 | 2021 |  |
|  | **Tổng số**: 2 xã đạt chuẩn NTM nâng cao/tổng số 16 xã thuộc huyện, đạt 12,5% |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP DANH SÁCH** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **TM. UBND HUYỆN BÌNH LỤC CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ VĂN MINH****(thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thị trấn đã đạt chuẩn đô thị văn minh** | **Năm được công nhận** | **Số, ký hiệu, ngày tháng năm của** **Quyết định công nhận** | **Cấp ban hành Quyết định** | **Trích yếu nội dung Quyết định** | **Ghi chú** |
| 1 | Thị trấn Bình Mỹ | 2024 | ……………/QĐ-UBND ngày ……………. | UBND huyện Bình Lục | Quyết định công nhận thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024 |  |
|  | **Tổng số:**01 thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh/01 thị trấn thuộc huyện, đạt 100% |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP DANH SÁCH** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **TM. UBND HUYỆN BÌNH LỤC CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

1. Nghị quyết số 1288/NQ-UBTVQH15 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hà Nam giai đoạn 2023 – 2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. 15 xã và 01 thị trấn: xã Bình Nghĩa, Tràng An, Đồng Du, Đồn Xá, Bình An, Ngọc Lũ, Bồ Đề, An Ninh, Vũ Bản, Trung Lương, An Đổ, Tiêu Động, La Sơn, An Lão và thị trấn Bình Mỹ. [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 584/QĐ-TTg ngày 28/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. [↑](#footnote-ref-3)
4. Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, NTM kiểu mẫu, huyện NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND; Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND; Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND. [↑](#footnote-ref-4)
5. () Nghị quyết số 07- NQ/HU ngày 26/8/2022 của BCH Đảng bộ Bình Lục về xây dựng huyện Bình Lục đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2025; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện về thực hiện Nghị Quyết số 07-NQ/HU ngày 26/8/2022 của BCH Đảng bộ Bình Lục về xây dựng huyện Bình Lục đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2025. [↑](#footnote-ref-5)
6. () Công văn số 118/UBND-NN ngày 08/11/2024 của UBND huyện về đề nghị tập trung hoàn thiện, CUNG CẤP số liệu và hồ sơ minhchứng các chỉ tiêu, tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao đến hết năm 2024; [↑](#footnote-ref-6)
7. Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ........ của UBND huyện công nhận thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024. [↑](#footnote-ref-7)
8. Xã Bình Nghĩa (Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 31/12/2021); (2) Xã Tràng An (Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 15/9/2016); (3) Xã Đồng Du (Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 15/9/2023); (4) Xã Đồn Xá (Quyết định số 638/QĐ-UBND 10/4/2023); (5) Xã La Sơn (Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 19/8/2022); (6) Xã Tiêu Động (Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 8/11/2017); (7) Xã An Lão (Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 31/10/2016); (8) Xã An Đổ (Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 29/12/2023); (9) Xã Trung Lương Quyết định số 6997/QĐ-UBND ngày 31/12/2021); (10) Vũ Bản (Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 29/12/2023); (11) Xã An Ninh (Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 21/6/2023); (12) xã Hưng Công: Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; xã Bối Cầu: Quyết định số 4333/QĐ-UBND ngày19/8/2022; xã An Nội: Quyết định số 6998/QĐ-UBND ngày 31/12/2021); (13) Xã Bồ Đề (Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày15/9/2023; (14) Xã Ngọc Lũ (Quyết định số 4334/QĐ-UBND ngày19/8/2022. [↑](#footnote-ref-8)
9. ()Trong đó: xã An Đổ 483,4/483,4 ha đạt 100%; xã An Lão 758,3/758,3 ha đạt 100%; xã An Ninh 324,4/324,4 ha đạt 100%; xã Bình nghĩa 482,0/482,0 ha đạt 100%; xã Bồ Đề 498,6/498,6 ha đạt 100%; xã Bối Cầu 457,1/457,1 ha đạt 100%; xã Hưng Công 395,3/395,3ha đạt 100%; xã An Nội 610,3/610,3 ha đạt 100%; xã Đồn Xá 460,2/460,2 ha đạt 100%; xã Đồng Du 394,8/394,8 ha đạt 100%; xã La Sơn 505,0/505,0 ha đạt 100%; xã Ngọc Lũ 239,2/239,2 ha đạt 100%; Xã Tiêu Động 497,4/497,4ha đạt 100%; xã Tràng An 477,1/477,1ha đạt 100%; xã Trung Lương 463,7/463,7 ha đạt 100%; xã Vũ Bản 587,4/587,4ha đạt 100%; [↑](#footnote-ref-9)
10. Bồ Đề (01 nhà văn hoá), xã Vũ Bản (01 nhà văn hoá), Tiêu Động (02 nhà văn hoá), Bình Nghĩa (2 nhà văn hóa). [↑](#footnote-ref-10)
11. Xã Bình nghĩa: 72,3 triệu đồng, Xã Tràng An: 72,4 triệu đồng, Xã An Ninh: 72,1 triệu, xã Tiêu Động: 72,2 triệu, xã Đồn Xá: 72,1 triệu đồng, xã Đồng Du: 72,1 triệu đồng, xã La Sơn: 72,2 triệu đồng, xã Bồ Đề: 72,4 triệu đồng, xã Trung Lương: 72,41 triệu đồng, xã An Lão: 72,22 triệu đồng, xã Ngọc Lũ: 72,39 triệu đồng, xã An Đổ: 80,4 triệu đồng, xã Vũ Bản: 80,1 triệu đồng, xã An Nội: 64,5 triệu đồng, xã Bối Cầu: 64,8 triệu đồng, xã Hưng Công: 65,7 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-11)
12. ()Xã Bình nghĩa: 0,73%, Xã Tràng An: 0,18%, Xã An Ninh: 0,93%, xã Tiêu Động: 0,95%, xã Đồn Xá: 0,84%, xã Đồng Du: 0,23%, xã La Sơn: 0,66%, xã Bồ Đề: 0,71%, xã Trung Lương: 0,94%, xã An Lão: 0,86%, xã Ngọc Lũ: 0,88%, xã An Đổ: 0,93%, xã Vũ Bản: 0,87%, xã An Nội: 0,89%, xã Bối Cầu: 0,86%, xã Hưng Công: 1,16%. [↑](#footnote-ref-12)
13. ()Xã Bình nghĩa: 45,8%, Xã Tràng An: 41,1%, Xã An Ninh: 39,9%, xã Tiêu Động: 39,2%, xã Đồn Xá: 39,6%, xã Đồng Du: 51,0%, xã La Sơn: 39,5%, xã Bồ Đề: 39,2%, xã Trung Lương: 50,0%, xã An Lão: 42,1%, xã Ngọc Lũ: 49,7%, xã An Đổ: 42,1%, xã Vũ Bản: 48,4%, xã An Nội: 48,9%, xã Bối Cầu: 42,6%, xã Hưng Công: 38,6%. [↑](#footnote-ref-13)
14. ()An Ninh 93,7%; Tiêu Động 97,4%; Bình Nghĩa 97,0%; Tràng An 97,6%; Đồn Xá 96,7%; Đồng Du 96,3%; La Sơn 92,9%; Bồ Đề 96,7%; Trung Lương 98%; Ngọc Lũ 96,4%; An lão 96,5%; An Đổ 90,9%; Vũ Bản 90,4%; An nội 93,2%, Bối Cầu 97,2%, Hưng Công 97,9%. [↑](#footnote-ref-14)
15. ()xã An Ninh 1811/1870 đạt 96,84%; xã Tiêu Động 1949/1980 đạt 98,43%; xã Bình Nghĩa 3623/3893 đạt 93,06%; xã Tràng An 2784/3034 đạt 91,76%; xã Đồn Xá 1853/1860 đạt 99,62%; xã Đồng Du 2124/2254 đạt 94,23%; xã Bồ Đề 1735/2014 đạt 86,15%; xã La Sơn 1873/2033 đạt 92,13%; xã An Lão 3198/3422 đạt 93,45%; xã Trung Lương 2031/2063 đạt 98,45%, xã An Đổ 2.289/ 2.349 đạt 97,45%; xã Bối Cầu 1.423/1.441 đạt 98,75%; xã An Nội 2.572/2.603 đạt 98,10%; xã Hưng Công 1.885/1.921 đạt 98,13%; xã Vũ Bản 2.822/2876 đạt 98,12%; xã Ngọc Lũ 2.188/2.196 đạt 99,64%. [↑](#footnote-ref-15)
16. ()Xã Bình Nghĩa 4,7m2/người; Xã Tràng An: 5,2 m2/người; Xã Đồng Du: 4,08 m2/người; Xã Đồn Xá: 4,8 m2/người; Xã La Sơn:4,0 m2/người; Xã Tiêu Động: 4,6m2/người; Xã An Lão: 4,8 m2/người, Xã An Đổ: 4,32 m2/người; Xã Trung Lương: 4,41 m2/người; Xã Vũ Bản 4,45m2/người; Xã Ngọc Lũ: 4,76m2/người, Bồ Đề 4,03m2/người, An Ninh 4,8m2/người. [↑](#footnote-ref-16)
17. () xã Bình Nghĩa 130/135 đạt 96,3%, Tràng An 145/149 đạt 97,3%, Đồng Du 109/110 đạt 99,1%, Đồn Xá 85/86 đạt 98,8%, La Sơn 109/110 đạt 99,1%, Tiêu Động 66/69 đạt 95,6%, An Lão 149/153 đạt 97,38%, An Đổ 40/40 đạt 100%, Trung Lương 84/86 đạt 97,67%, Bối Cầu 52/55 đạt 94,5, Hưng Công 140/148 đạt 94,6%, An Nội 156/168 đạt 92,9%, Vũ Bản 118/120 đạt 98,33%. Ngọc Lũ 132/138 đạt 95,65%, Bồ Đề 107/109 đạt 98,2%, An Ninh 145/149 đạt 97,3%, . [↑](#footnote-ref-17)
18. (1) Xã An Ninh (Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 21/06/2023); (2) Xã Tiêu Động (Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 08/01/2017); (3) Xã Bình Nghĩa (Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; (4) Xã Tràng An (Quyết định số số 1389/QĐ-UBND ngày 15/09/2016; (5) Xã Đồn Xá (Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 10/04/2023; (6) Xã Đồng Du (Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 15/9/2023; (7) Xã Bồ Đề (Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 15/9/2023); (8) Xã La Sơn (Quyết định số 4332/QĐ-UBND ngày 19/8/2022); (9) Xã An Lão (Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 31/10/2016) và (10) Xã Trung Lương (Quyết định số 6997/QĐ-UBND ngày 31/12/2021). [↑](#footnote-ref-18)
19. ()An Ninh: 3215/3748 người, đạt 85,77%; xã Tiêu Động: 3320/3800 người, đạt 87,3%; xã Bình Nghĩa 4924/6057 người, đạt 81,29%; xã Tràng An 4520/5056 người, đạt 89,3%; xã Đồn Xá 3079/3848 người, đạt 80%; xã Đồng Du 3978/4851, đạt 82%; xã Bồ Đề 2540/3063,đạt 82,9%; xã La Sơn 3691/3892 người, đạt 94,8%; xã An Lão 5356/5850 người đạt 91,5%, xã Trung Lương 4834/5046 đạt 95,8%. [↑](#footnote-ref-19)
20. Xã An Ninh: 72,1 triệu đồng, Xã Tiêu Động: 72,2 triệu đồng, Xã Bình Nghĩa: 72,3 triệu đồng, Xã Tràng An: 72,4 triệu đồng, Xã Đồn Xá: 72,1 triệu đồng, Xã Đồng Du: 72,1 triệu đồng, Xã La Sơn: 72,2 triệu đồng, Bồ Đề: 72,4 triệu đồng, Xã An Lão: 72,22 triệu đồng, Xã Trung Lương: 72,41 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-20)
21. ()Xã An Ninh 0,93%; xã Tiêu Động 0,95%; xã Bình Nghĩa 0,73%; xã Tràng An 0,18%; xã Đồn Xá 0,84% ; xã Đồng Du 0,23%; xã Bồ Đề 0,71%; xã La Sơn 0,66%; xã An Lão 0,86%; Trung Lương 0,94%. [↑](#footnote-ref-21)
22. ()Xã An Ninh 3.203/3.748 lao động, đạt 85,5%; Tiêu Động 4.249/3.800 lao động, đạt 85,5%; Bình Nghĩa 5.170/6.057 lao động, đạt 85,4%; Tràng An 4.490/5.056 lao động, đạt 88,8%; Đồn Xá 3.302/3.848 lao động, đạt 85,8%; Đồng Du 4.192/4.851 lao động, đạt 86,4%; Bồ Đề 2.618/3.063 lao động, đạt 85,5%; La Sơn 3.387/3.892 lao động, đạt 87%; An Lão 4.975/5.850 lao động, đạt 85%; Trung Lương 4.291/5.046 lao động, đạt 85,04%. [↑](#footnote-ref-22)
23. ()Xã An Ninh 1.495/3.748 lao động, đạt 39,9%; Tiêu Động 1.490/3.800 lao động, đạt 39,2%; Bình Nghĩa 2.777/6.057 lao động, đạt 45,8%; Tràng An 2.080/5.056 lao động, đạt 41,1%; Đồn Xá 1.5252/3.848 lao động, đạt 39,6%; Đồng Du 2473/4.851 lao động, đạt 51%; Bồ Đề 1.200/3.063 lao động, đạt 39,2%; La Sơn 1.539/3.892 lao động, đạt 39,5%; An Lão 2.460/5.850 lao động, đạt 42,05%; Trung Lương 2.522/5.046 lao động, đạt 50%. [↑](#footnote-ref-23)
24. ()Xã An Ninh 01 HTX; xã Tiêu Động 02 HTX; xã Bình Nghĩa 02 HTX; xã Tràng An 02 HTX; xã Đồn Xá 01 HTX; xã Đồng Du 04 HTX; xã Bồ Đề 01 HTX; xã La Sơn 01 HTX, xã An Lão 02 HTX, xã Trung Lương 02 HTX. [↑](#footnote-ref-24)
25. () Quyết định số 5195/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND huyện Bình Lục về việc khen thưởng Mô hình Tổ hòa giải ở cơ sở kiểu mẫu năm 2023. [↑](#footnote-ref-25)
26. ()An Ninh 145/149 đạt 97,3%; Tiêu Động 66/69 đạt 95,6%; Bình Nghĩa 130/135 đạt 96,3%; Tràng An 145/149 đạt 97,3%; Đồn Xá 85/86 đạt 98,8%; Đồng Du 109/110 đạt 99,1%; Bồ Đề 107/109 đạt 98,2%; La Sơn 109/110 đạt 99,1%; An Lão 149/153/183 đạt 97,38%; Trung Lương 84/86 đạt 97,67%. [↑](#footnote-ref-26)
27. () Xã An Ninh: 4,8 m2/người; Xã Tiêu Động: 4,6 m2/người; Xã Bình Nghĩa: 4,7 m2/người; Xã Tràng An 5,2 m2/người; Xã Đồn Xá: 4,8 m2/người, Đồng Du 4,08 m2/người, Bồ Đề 4,03 m2/người, La Sơn 4,0m2/người; An lão 4,8 m2/người; Trung Lương 4,41 m2/người. [↑](#footnote-ref-27)
28. () xã An Ninh 1811/1870 đạt 96,84%; xã Tiêu Động 1949/1980 đạt 98,43%; xã Bình Nghĩa 3623/3893 đạt 93,06%; xã Tràng An 2784/3034 đạt 91,76%; xã Đồn Xá 1853/1860 đạt 99,62%; xã Đồng Du 2124/2254 đạt 94,23%; xã Bồ Đề 1735/2014 đạt 86,15%; xã La Sơn 1873/2033 đạt 92,13%; xã An Lão 3198/3422 đạt 93,45%; xã Trung Lương 2031/2063 đạt 98,45%. [↑](#footnote-ref-28)
29. [↑](#footnote-ref-29)
30. [↑](#footnote-ref-30)